**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 12/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 121 2](#_Toc420908507)

[Tập 122 19](#_Toc420908508)

[Tập 123 36](#_Toc420908509)

[Tập 124 53](#_Toc420908510)

[Tập 125 68](#_Toc420908511)

[Tập 126 85](#_Toc420908512)

[Tập 127 104](#_Toc420908513)

[Tập 128 121](#_Toc420908514)

[Tập 129 138](#_Toc420908515)

[Tập 130 155](#_Toc420908516)

# Tập 121

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi mốt, dòng thứ sáu. Chúng ta đọc một đoạn kinh văn:

***(Kinh) Đắc vô sanh vô diệt chư Tam Ma Địa, cập đắc nhất thiết đà-la-ni môn, tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội. Trụ thâm Thiền Định, tất đổ vô lượng chư Phật, ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ.***

**(經) 得 無 生 無 滅 諸 三 摩 地。及 得 一 切 陀 羅 尼 門。隨 時 悟 入 華 嚴 三 昧。具 足 總 持 百 千 三 昧。住 深 禪 定。悉 睹 無 量 諸 佛。於 一 念 頃，遍 遊 一 切 佛 土。**

*(****Chánh kinh****: Đắc các Tam Ma Địa vô sanh vô diệt và đắc hết thảy đà-la-ni môn. Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, đầy đủ tổng trì trăm ngàn tam-muội, trụ Thiền Định sâu, ắt thấy vô lượng chư Phật. Trong khoảng một niệm, dạo khắp hết thảy các cõi Phật).*

Đây là một đoạn kinh văn, đoạn kinh văn này nói đến đức tự lợi của các vị Bồ Tát tham dự pháp hội. Chúng ta vừa xem kinh văn liền hiểu: Đây chẳng phải là những vị Bồ Tát bình phàm, mà vị nào cũng đều là Pháp Thân đại sĩ minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Các Ngài có trọn đủ các đức tướng, chẳng khác gì những vị đã chứng rốt ráo Phật quả. Chúng ta đọc đoạn kinh văn này, cảm thấy vô hạn ngưỡng mộ, mà đồng thời cũng là vô hạn an ủi, vì sao? Sở chứng của hết thảy chư Phật chính là Tánh Đức của chúng ta. Kinh Đại Thừa thường nói: *“Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm”*. Những pháp này đều là pháp môn đạt đến quả địa rốt ráo, hết thảy các pháp!

Trước hết, chúng ta xem chú giải. Đầu tiên, cụ Hoàng Niệm Tổ chỉ ra Tam Ma Địa là gì? Tam Ma Địa (Samādhi)là một thuật ngữ, *“Phạn ngữ, cựu xưng Tam Muội, Tam Ma Đề, Tam Ma Đế đẳng”* (là tiếng Phạn, xưa kia gọi là Tam Muội, Tam Ma Đề, Tam Ma Đế v.v…) Trong kinh văn, hoặc trong các bộ luận, hoặc trước thuật của tổ sư đại đức, chúng ta thường thấy những danh từ ấy, phải có lý giải chánh xác danh từ này! Đây là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Định. *“Phiên vi Định, Chánh Định, Chánh Thọ, Điều Trực Định, Chánh Tâm Hành Xứ, Đẳng Trì”* (dịch là Định, Chánh Định, Chánh Thọ, Điều Trực Định, Chánh Tâm Hành Xứ, Đẳng Trì), những danh từ ấy đều dịch từ danh tướng Tam Ma Địa, những danh tướng ấy đều có ý nghĩa giống nhau. Kế đó, cũng có giải thích: *“Trí Độ Luận viết: Thiện tâm nhất xứ trụ bất động, thị danh tam-muội”* (Trí Độ Luận giảng: “Thiện tâm nhất xứ, trụ bất động, thì gọi là tam-muội”). Giải thích theo ý nghĩa này rất hay. Trong những người hiện diện chúng ta, các đồng học chẳng học Phật thì thôi, chứ các đồng học học Phật đều chẳng ra ngoài lệ này: Hễ biểu lộ tính tình bộp chộp, hời hợt, tức là chẳng có Tam Ma Địa; nói theo kiểu người Hoa là *“thiếu định lực, không có công năng Thiền Định”.* Nếu không có thì có liên quan gì đến sự tu hành của chúng ta hay không? Quan hệ khá lớn! Không có định lực, bất luận dùng công phu gì, bất luận dùng pháp môn gì, Phật pháp nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, cho đến pháp môn Niệm Phật phương tiện thù thắng khôn sánh đều chẳng thể thành tựu! Nguyên nhân chẳng thể thành tựu là gì? Tâm quý vị tán loạn, vấn đề này nghiêm trọng. Tâm tán loạn không chỉ là tu đạo chẳng thể thành tựu, mà tu bất cứ điều gì trong thế gian cũng chẳng thể thành tựu, nên mới biết [không có định lực] có quan hệ to lớn. Vì thế, xếp câu này lên phía trước, nhằm nói lên đức thành tựu thứ nhất của hết thảy các vị Pháp Thân đại sĩ tham dự pháp hội. Chúng ta phải học, không học chẳng được! Có tam-muội thì mới có thể khai trí huệ. Quý vị xem câu tiếp theo là: *“Đắc nhất thiết Đà-la-ni môn, tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội”*.

Nếu chúng ta truy cứu nguyên nhân vì sao tâm chúng ta chẳng thể định? Tôi nghĩ các vị đồng học tu tập đã lâu, nhất định thấu hiểu: Những người tu học Đại Thừa nhất định chẳng thể rời khỏi Lục Ba La Mật của Bồ Tát; Định được tu thành bằng cách nào? Tinh tấn! Quý vị thấy tâm quý vị tán loạn, tức là quý vị chẳng tinh tấn. Vì sao chẳng thể tinh tấn? Quý vị chẳng có kiên nhẫn, chẳng có Nhẫn Nhục Ba La Mật! Chẳng thể nhẫn, chứng tỏ quý vị chẳng trì giới. Trì giới chẳng tốt đẹp, chứng tỏ quý vị chẳng buông xuống. Bố thí là buông xuống. Quý vị xem nhé: Trụ Tam Ma Địa là tầng thứ năm trong Lục Ba La Mật. Không có bốn tầng công phu phía trước, làm sao quý vị có thể đắc tam-muội cho được? Đồng học niệm Phật đạt được môn Định có tên là Niệm Phật tam-muội. Chỉ cần đắc Niệm Phật tam-muội, vãng sanh bèn nắm chắc. Tuy công phu không sâu, tu các pháp môn khác chưa chắc có thể thành tựu, nhưng do một chút công phu này, có thể thọ dụng khá lớn trong pháp môn Tịnh Tông, sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, há còn có vấn đề gì hay chăng? Điều này có quan hệ to lớn với chúng ta. Chúng ta hiểu: Nếu muốn đắc Niệm Phật tam-muội, đầu tiên là phải biết tinh tấn. Chân tinh tấn nhất định phải do Nhẫn Nhục Ba La Mật mà có. Quý vị chẳng thể nhẫn nại chịu đựng thì không được, chẳng thể định! Do vậy, trước đó là trì giới và bố thí, bố thí là buông xuống. Thứ gì vẫn mong tham đắm, vẫn muốn khống chế, vẫn muốn chiếm hữu, người như vậy tu hành trong Phật môn, nói dễ nghe một chút là “tu một chút phước báo nhân thiên”. Nói như vậy là tán thán kẻ ấy, nói lời giả, chẳng nói thật. Nói lời thật sẽ rất khó nghe, nói lời thật thì là gì? Cổ đại đức có nói một câu rất hay: *“Trước cửa địa ngục, tăng, đạo đông!”*, đó là nói lời thật! Vì sao? Vì quý vị không hiểu Phật pháp mà cứ tự cho là đã hiểu, chẳng chân tu mà ngỡ mình là chân tu! Nếu quý vị hộ trì đạo tràng, nhưng tri kiến bất chánh, sẽ chẳng thật sự làm chuyện hoằng dương, hộ trì, mà ngược lại trở thành gây chướng ngại. Chướng ngại người khác tu hành, nhân quả ấy quý vị chẳng có cách nào tránh né, vấn đề bèn nghiêm trọng! Người ta tu hành chẳng thể thành tựu. Đoạn dứt Pháp Thân huệ mạng của người khác, tội còn nặng hơn giết hại thân mạng của người ta! Thân mạng bị mất đi, họ lại đầu thai chuyển thế rất nhanh, lại có được [thân mạng mới]! Nhưng huệ mạng chẳng vậy, dẫu lại đầu thai chuyển thế trong loài người, có cơ hội gặp gỡ Phật pháp hay không? Kinh giáo có nói: *“Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”*, đúng vậy, chẳng giả!

Nhiều năm qua, các đồng học chúng ta thường cùng nhau học tập, cùng nhau niệm Phật, cùng nhau chia sẻ, có mấy người thật sự thành tựu? Có mấy người thật sự được thọ dụng? Đừng nói ai khác, trước hết hãy quay về xét lại chính mình, chính mình có thật sự thọ dụng hay không? Trong cảnh giới, bất luận là hoàn cảnh vật chất hay trong hoàn cảnh nhân sự, quý vị có thể chẳng bị ngoại cảnh ảnh hưởng, tâm được tự tại hay không? Tự tại gì vậy? Chẳng sanh phiền não, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó là đắc tự tại. Nếu thấy chuyện chẳng vừa ý, trong tâm rất khó chịu, còn có oán hận; gặp chuyện vừa lòng, vẫn sanh tâm hoan hỷ, vẫn sanh tham ái, quý vị là phàm phu, phàm phu chính cống, chưa được thọ dụng do tu hành Phật pháp. Hằng ngày chúng ta phải biết phản tỉnh, phải kiểm điểm chuyện này! Pháp thế gian có thể gạt gẫm người khác, dối gạt chính mình, nhưng học Phật thì chẳng thể! Mục đích học Phật là gì? Thành Phật! Trong pháp môn Tịnh Tông, vãng sanh là thành Phật, phải nhận biết rõ ràng điều này: Người [vãng sanh] ấy thật sự thành Phật, lại còn quyết định thành tựu trong một đời! Pháp môn này thù thắng khôn sánh, đời này gặp gỡ, chẳng dễ gì có được! Giống như trong bài kệ Khai Kinh đã nói: *“Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”*, [thế mà] chúng ta đã được gặp gỡ! Gặp gỡ mà ở ngay trước mặt lại bỏ lỡ, tổn thất quá to. Gặp được thì phải nắm lấy, đời này quyết định được sanh về Tịnh Độ, quý vị đã thành tựu, công đức từ vô lượng kiếp tới nay đã viên mãn. Có thể vãng sanh hay không? [Điều ấy tùy thuộc] quý vị có còn tham luyến thế giới này hay không? Quý vị có thật sự buông xuống hay không?

Phần kinh văn phía trước nói đức Thế Tôn thị hiện tám tướng thành đạo, trong đó, tướng Chuyển Pháp Luân được nói nhiều nhất, cặn kẽ nhất. Đức Như Lai thị hiện trên thế gian, đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa, nêu gương cho chúng ta thấy, chúng ta phải học như thế nào thì mới có thể thật sự thoát ly tam giới lục đạo, thật sự vượt thoát mười pháp giới, điều này trọng yếu, nên phải thật sự hành. Thật sự hành thì chư vị nhất định phải nhớ kỹ: *“Siêng tu Giới, Định, Huệ; dứt diệt tham, sân, si”.* Trong Phật môn, câu này là lời nói thông thường quá quen thuộc, nhưng nó có đạo lý rất sâu, lợi ích rất to. Tu hành có thể thành tựu hay không là do hai câu nói như vậy. Nay chúng ta chẳng dám nói *“dứt diệt”*, dứt diệt là ai? Mức độ thấp nhất là A La Hán, hoặc địa vị Thất Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, dứt diệt tham, sân, si. Trong tam giới lục đạo có Kiến Tư phiền não, thành tựu Tam Học Giới, Định, Huệ là bậc tiểu thánh, tiểu thành tựu. Chúng ta là người trong lục đạo có thể chứng đắc cảnh giới này, lên cao hơn thì căn cơ của chúng ta chưa chắc đã tốt đẹp như vậy, không nhất định có thể chứng đắc, nhưng địa vị tiểu thánh thì có thể chứng đắc. Chưa chứng Tứ Quả, nhưng chứng Sơ Quả thì cũng khá lắm! Có thể chứng Sơ Quả, sanh về thế giới Cực Lạc, chẳng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, mà sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Tiểu Thừa Sơ Quả là thánh nhân, chẳng phải là phàm phu, chúng ta tối thiểu phải đặt mục tiêu ở chỗ này. Đời này chưa làm được, chưa làm được thì hạ thấp hơn một bậc, vẫn có thể sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, phải dùng mục tiêu trên đây! Cổ nhân nói rất có lý, nếu định mục tiêu ở mức độ thấp nhất, chưa chắc quý vị đã có thể đạt được, phải đặt tiêu chuẩn cao hơn một chút, đó là chánh xác!

Do vậy, chúng ta thật sự mong tu tập, những năm qua, chúng tôi cũng rất nghiêm túc suy xét: Vì sao Tam Học Giới, Định, Huệ và giới luật cơ bản là Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng làm được? Sa Di Luật Nghi của giới xuất gia chẳng làm được? Vấn đề này nghiêm trọng lắm! Nếu chúng ta xem xét tình trạng của khá nhiều người tại gia và xuất gia, sẽ có sự cảnh giác rất lớn, mấy người vãng sanh? Lúc mất, đầu óc tỉnh táo, tướng lành hy hữu, người ta thật sự ra đi, thật sự đến thế giới Cực Lạc. Nếu lúc mất, chẳng sáng suốt, vẫn mê hoặc, điên đảo, nếu ra đi như vậy bèn sẽ có phần trong tam đồ, chúng ta có nên cảnh giác hay chăng? Đời người rất ngắn ngủi, nhất là từ lứa tuổi trung niên trở đi, ngạn ngữ thường nói: *“Trên đường hoàng tuyền, chẳng phân biệt già trẻ”*. Người đến độ tuổi trung niên nhất định phải nâng cao tánh cảnh giác, đang dần dần tiến đến tuổi già, cũng có nghĩa là có thể ra đi bất cứ lúc nào! Thuở Ấn Quang đại sư lão nhân gia tại thế, mỗi ngày đều nhìn một chữ, tức là chữ Chết, lão nhân gia tự viết, dán sau lưng tượng Phật. Mỗi ngày lạy Phật, niệm Phật, đều trông thấy, răn nhắc chính mình: Chẳng còn chấp trước “hãy còn nhiều thời gian”, chẳng có ý niệm ấy; mỗi ngày đều coi ngày ấy như là ngày cuối cùng trong đời mình! Cảnh giác cao như thế thì mới có thể nghiêm túc đối với Tam Học Giới, Định, Huệ. Chẳng có sự cảnh giác cao như thế, quá nửa sẽ sơ sót, cuộc sống mỗi ngày sẽ tùy thuận tập khí phiền não của chính mình; đó là chẳng dối gạt ai khác, mà là lừa gạt chính mình.

Chúng ta thấy những người tu hành trong quá khứ, thuộc thế hệ trước, thế hệ chúng tôi đã không được rồi, chúng ta nhìn lên thế hệ trước đó nữa, lại nhìn lên một thế hệ cao hơn nữa, họ thật sự nêu gương tu hành. Thế hệ chúng tôi chẳng đáng làm thầy người khác, mà cũng chẳng thể nêu gương tu hành tốt đẹp cho người khác. Kể ra tôi vẫn còn rất may mắn, gặp gỡ ba vị thầy tốt đẹp là giáo sư Phương Đông Mỹ, Chương Gia đại sư, và lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, kể cả lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng có thể là tấm gương cho chúng ta. Người ta tu thành công ra sao? Đặt vững vàng nền tảng! Nền tảng là giới luật, là cội rễ của tam-muội. Chư vị phải ghi nhớ, *“do Giới đắc Định, do Định khai Huệ”*. Trí huệ tuyệt đối chẳng là quý vị học bao nhiêu thứ, nhớ bao nhiêu kinh sách, những điều ấy chẳng khai trí huệ! Không có Giới và Định, những điều quý vị học được là Phật học, là tri thức, chẳng phải là trí huệ. Phải hiểu rõ tri thức và trí huệ là hai chuyện, trí huệ là thành tựu do Giới và Định, tri thức chẳng cần đến Giới và Định, cũng có nghĩa là trong tri thức chẳng có Giới và Định. Có Giới và Định, tri thức liền biến thành trí huệ.

Chúng tôi suy nghĩ sâu xa, rốt cuộc do nguyên nhân nào, vì sao người hiện thời chẳng bằng cổ nhân? Người hiện thời coi nhẹ vun bồi giáo dục. Chuyện này chẳng thể trách quý vị, mà cũng chẳng thể trách cha mẹ quý vị, cũng chẳng thể trách ông bà quý vị, đúng như đức Thế Tôn đã nói trong bộ kinh này: *“Tổ tiên vô tri, chẳng biết đạo đức, chẳng có ai nói, thật chẳng đáng trách”.* Chẳng thể trách quý vị vì có nhân tố lịch sử. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, đến nay là chín mươi chín năm, sang năm vừa đúng một trăm năm, tức là một thế kỷ. Trong thế kỷ này, cả nước Trung Hoa là cục diện động loạn, chẳng được an định. Thuở đầu, quân phiệt cát cứ, tiếp đó là kháng chiến chống Nhật suốt tám năm. Trong tám năm Kháng Chiến, tổn thất lớn nhất là sự giáo dục trong nền văn hóa truyền thống bị bỏ sót. Lớp tuổi tôi, sanh trưởng tại nông thôn, còn dính líu đôi chút văn hóa truyền thống, ở đô thị chẳng có. Ở nông thôn còn có trường tư thục, chúng tôi được dính líu đôi chút, chứ ở thành thị chẳng có, đã đổi thành học hiệu, chẳng học những thứ xưa cũ trong truyền thống Trung Quốc, mà những thứ truyền thống vun bồi giáo dục chính là những thứ cũ kỹ! Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, và Thập Thiện Nghiệp là ba căn cội của Nho, Thích, Đạo. Vào thời cổ, trẻ nhỏ vừa lọt lòng đã được cha mẹ dạy. Không phải là dạy trẻ học, mà là làm cho chúng nó thấy. Trẻ thơ từ thuở lọt lòng cho đến ba tuổi là một ngàn ngày, những gì chúng nó thấy, nghe, tiếp xúc, chúng nó đều học toàn bộ, trở thành thâm căn cố đế. Trong quá khứ, không chỉ là cha mẹ, mà trước mặt trẻ con, người lớn luôn nêu gương tốt, vì sợ dạy hư trẻ nhỏ. Phàm là những thứ phản diện, sẽ trọn chẳng cho trẻ thơ tiếp xúc, đó là yêu thương thế hệ kế tiếp. Sau thời Kháng Chiến, rốt cuộc cũng chẳng thấy chuyện ấy nữa. Không chỉ là chẳng nhìn thấy, mà cũng không có ai nói tới, chẳng nghe thấy nữa, làm sao quý vị biết được? Đó là căn cơ để thành thánh, thành hiền thế gian và xuất thế gian, thành Phật, thành Bồ Tát.

Hiện thời, chúng ta biết những thứ ấy trọng yếu, căn cơ ở chỗ này. Do vậy, muốn có thành tựu, chẳng thể không học bổ sung những môn công khóa

ấy, tức là ba căn cội của Nho, Thích, Đạo. Ba căn cội ấy, nói theo Phật pháp là “căn bản đại giới”. Đệ Tử Quy là căn bản đại giới của chúng ta, Cảm Ứng Thiên là căn bản đại giới, Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản đại giới của Phật. Vun bồi ổn thỏa ba căn bản ấy, người xuất gia học Sa Di Luật Nghi rất thoải mái, nhẹ nhàng, vì sao? Căn cơ đã được đặt vững rồi! Tôi tin tưởng: Nếu đã vun bồi tốt đẹp ba căn bản ấy thì công khóa Sa Di Luật Nghi tối đa hai tháng đã tốt nghiệp! Sau đấy, phải tuân thủ giáo huấn của tổ sư đại đức: *“Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*, không ai chẳng thành tựu. Đối với kinh luận, trong thời đại này, tốt nhất là chúng ta chọn lựa kinh điển Tịnh Tông. Điển tịch Tịnh Tông chẳng nhiều lắm, chỉ có năm kinh, một luận. Chọn lựa một môn, khiến cho tâm định, định vững nơi một môn thì là Tam-muội, hay là Tam Ma Địa. Tối thiểu là mười năm chẳng thay đổi, tâm phải định lâu dài như thế, mười năm không thay đổi, thâm nhập một môn. Cách học như thế nào? Thí dụ như đối với bộ kinh Vô Lượng Thọ này, quý vị bèn chuyên môn niệm kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi ngày tối thiểu niệm hai lần, coi như là công khóa sáng tối, sáng sớm niệm một lần, buổi tối niệm một lần. Phải tận hết sức tìm thời gian để nghe giảng. Hiện thời đĩa CD giảng kinh rất nhiều, hãy nghe nhiều, nghe mỗi ngày. Mỗi ngày tối thiểu chẳng thể ít hơn bốn giờ! Nghe kinh mỗi ngày, suốt mười năm chẳng gián đoạn một bộ kinh này, xin chúc mừng quý vị. Nếu quý vị thật sự có thể làm như vậy, đại khái là từ ba năm đến năm năm, quý vị đắc Tam Ma Địa, liền chứng đắc, đó là Niệm Phật tam-muội, đã đắc Niệm Phật tam-muội! Lại còn hai, ba năm sau, quý vị liền khai ngộ. Khai ngộ thì quý vị tự nhiên quán thông ý nghĩa trong kinh này, quý vị giảng bộ kinh này, chỗ nào cũng hợp đạo! Đã vun quén vững vàng căn bản, một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông. Quý vị chưa từng học, nhưng chỉ cần cầm đến, vừa thấy liền hiểu rõ, nghe người khác niệm, vừa nghe liền hiểu rõ, quả thật là giống như năng lực của Lục Tổ Huệ Năng đại sư. Ngài chẳng biết chữ, quý vị thấy Ngài nghe người khác niệm kinh. Nghe xong, bèn giảng giải cho người khác, khiến kẻ ấy khai ngộ. Đó là gì? Trí huệ đã khai, trí huệ khai như thế. Do vậy, học Phật chẳng khó! Khó ở chỗ có tín tâm, có tâm thường hằng, có lòng kiên nhẫn, khó ở chỗ này. Vì thế, vun bồi tốt đẹp ba căn, tâm quý vị liền định, chẳng bộp chộp, xáo động, ngôn ngữ, cử chỉ sẽ rất ổn trọng, có thể nhìn ra được, giống như Trí Độ Luận đã nói: *“Thiện tâm nhất xứ, trụ bất động”*. Tâm quý vị là Đệ Tử Quy, là Cảm Ứng Thiên, là Thập Thiện Nghiệp, khởi tâm động niệm đều chẳng tách rời mà luôn tương ứng với những căn bản ấy, đó là *“thiện tâm nhất xứ”*, *“xứ”* là căn bản giới. Phải ghi nhớ, phải khẳng định ba thứ ấy là giới luật căn bản. Chẳng có những căn bản ấy, chẳng sanh ra giới luật. Năm giới, mười giới đều lấy những điều này làm cơ sở. Không có những cơ sở ấy, năm giới hay mười giới đều thất bại!

Tiếp đó, [sách Chú Giải] lại nói: *“Hựu, nhất thiết Thiền Định diệc danh Định, diệc danh tam-muội”* (Lại nữa, hết thảy Thiền Định còn gọi là Định, còn gọi là tam-muội). Chữ Tam trong tiếng Phạn dịch là Chánh, Muội dịch là Định, nên nó có nghĩa là Chánh Định, chẳng phải là tà định, mà là chánh định. Bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiển Giáo hay Mật Giáo, trên thực tế, tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều là tu Tam Ma Địa. Nếu tu hành Phật pháp mà tách rời Tam Ma Địa, chẳng tương ứng với Tam Ma Địa, đó chẳng phải là Phật pháp. Hễ là Phật pháp, nhất định tương ứng với Tam Ma Địa. Niệm Phật đắc Niệm Phật tam-muội, đó là Chánh Định. Kinh Di Đà có nói: “*Nhất tâm bất loạn”.* Kinh Vô Lượng Thọ nói: *“Nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật”.* Những điều ấy đều là *“thiện tâm nhất xứ, trụ bất động”.* Chúng ta thấy rất nhiều ông già bà cả niệm Phật vãng sanh, niệm bao lâu? Ba năm! Thời gian trọn chẳng dài, lúc mất, người ta chẳng ngã bệnh, đứng mất, ngồi mất, biết trước lúc mất, ra đi rất tiêu sái. Hơn bốn mươi năm trước, tôi dạy học tại Phật Quang Sơn Đông Phương Phật Giáo Học Viện, khi ấy, trên núi có một vị công nhân dài hạn, cũng là người nông thôn, kể với tôi: Nhà ông ta ở làng Tướng Quân, cách Phật Quang Sơn không xa lắm, đại khái chỉ có hai mươi, hoặc ba mươi dặm đường. Ông ta kể một năm trước đó, nói đến chuyện một năm trước đó, ông ta có một người hàng xóm, là một bà cụ. Bà cụ ấy hết sức thiện lương, lạy thần, bái Phật, thần Phật chẳng phân biệt, lạy rất siêng năng, hăng hái. Ba năm trước, bà cưới dâu. Con dâu học Phật, hiểu đạo lý nhà Phật đôi chút, khuyên mẹ chồng đừng đi khắp nơi lễ bái, hãy thờ Tây Phương Tam Thánh trong nhà, khuyên mẹ ở nhà niệm Phật, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bà cụ ấy thiện căn sâu dầy, nghe con dâu khuyến cáo, không tới đền miếu nữa, ở nhà niệm A Di Đà Phật, niệm ba năm. Ngày cụ vãng sanh, lúc dùng cơm chiều, bảo con trai và con dâu: “Các con cứ ăn cơm trước, đừng đợi mẹ”. Cụ bảo cụ muốn tắm rửa. Thật sự đi tắm, nhưng con trai và con dâu thật sự hiếu thuận, vẫn đợi cụ. Đợi thật lâu, chẳng thấy cụ ra, bèn đi tìm, thấy cụ thật sự đã tắm xong, thay quần áo, nhưng gọi thì cụ chẳng trả lời. Kết quả là sau đó thấy cụ đứng trong Phật đường, đứng ở đó, mặc áo hải thanh, tay cầm tràng hạt, gọi cụ, cụ chẳng trả lời. Xem kỹ, cụ đã vãng sanh. Quý vị thấy cụ tiêu sái lắm, biết trước lúc mất, nhưng không cho người nhà biết, sợ người nhà dấy động cảm tình, chướng ngại cụ. Quý vị thấy cụ tắm gội sạch sẽ, thay quần áo mới, đã sớm chuẩn bị kỹ càng để ra đi như thế đó! Vị công nhân dài hạn ấy bảo tôi: Thật đấy! Chính mắt ông ta thấy, bà cụ niệm Phật chẳng giả, ba năm thôi! Chúng tôi nghe nói hoặc chính mình thấy, tối thiểu cũng có mười mấy người, chẳng giả chút nào. Đó là *“thiện tâm nhất xứ, trụ bất động”* liền thành công.

Do vậy, tâm không định, suy tưởng Lục Ba La Mật của Bồ Tát, vì sao chẳng định được? Không buông xuống được! Bố thí nhằm bảo quý vị buông xuống, bố thí là xả. Xả những gì là trọng yếu nhất? Không phải là bỏ tiền tài, những thứ ấy là “lông gà, vỏ tỏi”. Bỏ vọng tưởng, bỏ vướng mắc, bỏ ưu lự, bỏ phiền não, bỏ sạch những thứ ấy, tâm thanh tịnh của quý vị mới có thể hiện tiền. Tâm thanh tịnh trì giới, sanh ra công đức, chẳng phải là phước đức. Do vậy, chúng ta phải học kỹ Đệ Tử Quy, dùng gì để học? Dùng tâm thanh tịnh để học. Học kỹ Cảm Ứng Thiên, Cảm Ứng Thiên là nhân quả, trong ấy giảng *“thiện nhân, thiện quả; ác nhân, ác báo”*, giảng tổng cộng một trăm chín mươi lăm điều, phải học thuộc. Mỗi ngày nên phản tỉnh một lượt, đối với một trăm chín mươi lăm điều ấy, điều thiện ta có làm hay không? Điều bất thiện ta có sửa đổi hay không? Mỗi ngày thật sự đổ công sức phản tỉnh, sửa đổi, đó là gì? Là thật sự sám hối, sám trừ nghiệp chướng. Sau đấy, đối chiếu với Thập Thiện Nghiệp, chúng ta làm được bao nhiêu điều trong Thập Thiện Nghiệp Đạo? Thập Thiện Nghiệp chỉ là mười cương lãnh; nếu triển khai thì Tiểu Thừa triển khai thành ba ngàn oai nghi, Đại Thừa Bồ Tát triển khai thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Triển khai thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, mỗi điều quý vị đều làm được, chẳng thiếu một điều nào, đó là người nào? Thành Phật! Thập Thiện Nghiệp Đạo viên mãn bèn thành Phật.

Chúng ta thấy tượng Phật, đặc biệt là tượng Phật bằng hình vẽ, thông thường vẽ viên quang của tượng Phật, trên đỉnh viên quang có ba chữ là Án, A, Hồng, đó là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Án (Aum) là thân nghiệp, A (Ah) là khẩu nghiệp, Hồng (Hūṃ) là ý nghiệp. Ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, ba nghiệp viên mãn, tức là Thập Thiện Nghiệp Đạo viên mãn. Do đó, nếu có người hỏi quý vị: “Phật pháp là gì?” Cổ đại đức đã nêu khuôn mẫu, Phật pháp là gì? *“Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tự tịnh ý mình, đó là pháp của chư Phật”.* Không chỉ là một vị Phật, mà tất cả hết thảy chư Phật Như Lai đều dùng những điều này để giáo hóa chúng sanh, thành tựu chính mình. Quý vị thấy *“đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện”* là Thập Thiện Nghiệp Đạo viên mãn. *“Tự tịnh ý mình”* là Tam Ma Địa và hết thảy đà-la-ni môn, có ý nghĩa này. Do vậy, chúng ta muốn học Phật thì học ở chỗ nào, điều này rất trọng yếu! Nếu không, công phu đời này đều uổng phí, rất đáng tiếc! Vun bồi căn bản tốt đẹp, một bộ kinh Vô Lượng Thọ đảm bảo quý vị thành Bồ Tát, thành Phật đạo.

*“Hựu, chư hạnh hòa hợp, giai danh vi tam-muội”* (Lại nữa, các hạnh hòa hợp, đều gọi là tam-muội). Hòa và hợp vô cùng trọng yếu, nên đức Phật dạy chúng ta tu Lục Hòa Kính, phải đối xử hòa thuận, phải hỗ trợ hợp tác, đó cũng là tam-muội. Tam-muội là gì? Tâm chúng ta an định nơi hòa thuận và hợp tác. Vì sao phải hòa? Vì sao phải hợp tác? Vì hết thảy chúng sanh và chính mình là một Thể. Mắt và tai có cần hòa thuận, có cần hợp tác hay không? Đặc biệt là chúng ta trong khóa học này, mắt phải chú ý nhìn, tai phải lắng nghe, quý vị mới thật sự nghe hiểu, xem hiểu, [mắt và tai] chẳng thể không hợp tác. Hiểu đạo lý này, chúng ta và bất luận kẻ nào, cùng hết thảy chúng sanh đều phải biết đối xử hòa thuận, hỗ trợ hợp tác, tâm phải định ở chỗ này. Thật sự làm được, điều kiện đầu tiên là phải vong ngã, phải vô ngã thì mới được. Có ta, có người, liền đối lập; đối lập sẽ bất hòa, sẽ chẳng hợp. Phải tiêu trừ đối lập, Phật pháp gọi đối lập là Biên Kiến, Nhị Biên, phải biết [vạn pháp vạn sự] là một Thể. Kinh Hoa Nghiêm giảng đạo lý ấy rõ ràng nhất; đặc biệt là trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, đó chính là tổng cương lãnh tu học kinh Hoa Nghiêm. Bài luận văn ấy của Ngài có tựa đề là Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, giảng thấu triệt, minh bạch về mối quan hệ giữa vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình. Từ chỗ này, chúng tôi mới thật sự thấu hiểu *“vô duyên Đại Từ, đồng thể Đại Bi”* trong Đại Thừa giáo, chúng tôi mới thật sự thông hiểu. Trước kia, tôi luôn nghĩ đó là một hình dung từ, chẳng phải là thật sự, nay mới biết nó hoàn toàn là chân thật, chẳng phải là hình dung từ. Hết thảy chúng sanh và chúng ta có quan hệ giống như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, cùng một đạo lý. Phàm phu chúng ta mê mất tự tánh, chẳng biết chân tướng sự thật, chư Phật, Bồ Tát đã giác ngộ, các Ngài thấu hiểu. *“Chư hạnh hòa hợp”*, xác thực là Pháp Thân Bồ Tát mới có thể làm được. Tiểu Thừa, A La Hán, Bích Chi Phật mạnh hơn chúng ta một chút, nhưng vẫn kém Bồ Tát rất xa!

*“Nhất thiết Thiền Định nhiếp tâm, giai danh vi Tam Ma Đề, Tần ngôn Chánh Tâm Hành Xứ”* (Hết thảy Thiền Định nhiếp tâm, đều gọi là Tam Ma Đề, tiếng Hán dịch là Chánh Tâm Hành Xứ). Thiền Định là một, vì sao nói *“hết thảy?” “Hết thảy”* là [nói tới] phương pháp, gọi là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp (法) là phương pháp, Môn là “môn kính” (門徑: cửa nẻo), tu gì? Toàn là tu Thiền Định. Nay chúng ta chọn phương pháp trì danh niệm Phật, chúng ta dùng phương pháp này để tu Thiền Định, lấy pháp này làm chủ, mỗi ngày dùng thời gian dài nhất. Ngoài cách ấy ra, chúng ta dùng phương pháp đọc kinh cũng là tu Thiền Định, cũng là nhiếp tâm, vì quý vị không đọc kinh, sẽ suy nghĩ loạn xạ. Khi đọc kinh, tâm đặt nơi kinh, dùng phương pháp này cũng là tu Định, cũng là tu tam-muội. Đọc kinh Hoa Nghiêm bèn là Hoa Nghiêm tam-muội. Đọc kinh Pháp Hoa bèn là Pháp Hoa tam-muội. Đọc kinh Vô Lượng Thọ bèn là Niệm Phật tam-muội. Nếu chúng ta đọc kinh chẳng chuyên tâm, đọc kinh còn có tạp niệm xen tạp trong ấy thì toàn bộ Tam Ma Địa bị phá hoại, tức là chẳng có Tam Ma Địa. Đọc kinh từ *“như thị ngã văn”* cho đến *“tín thọ phụng hành”*, đọc trọn một bộ kinh này, chẳng có một vọng niệm nào, đó là Tam Ma Địa chân chánh. Nếu có mấy vọng niệm, chỉ cần chưa nhiều hơn năm vọng niệm thì vẫn kể như còn khá lắm, công phu khá lắm. Nếu nhiều hơn năm vọng niệm, tức là chẳng có công phu. Vì thế, khi đọc kinh, tốt nhất là nên đóng cửa lại, phải rút điện thoại ra để khỏi bị bên ngoài quấy nhiễu. Niệm một giờ là ta tu Định một giờ, ta tu Niệm Phật tam-muội. Niệm hai giờ là ta tu Niệm Phật tam-muội hai giờ, phải hiểu điều này. Bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu, tức là bị phá hoại, công phu bị phá hoại, chẳng tính! Chân tu là gì, giả tu là gì, từ chỗ này quý vị biết ngay!

*“Nhất thiết Thiền Định nhiếp tâm, giai danh vi Tam Ma Đề, Tần ngôn”*, Tần (秦) là Trung Quốc. Phải biết kinh văn này thuộc thời nào? Khi đại sư Cưu Ma La Thập dịch kinh, lúc ấy, quốc chúa là Diêu Hưng, nên chúng ta thấy La Thập đại sư dịch kinh ghi là *“Diêu Tần Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch”.* Vì các triều đại tại Trung Quốc dùng chữ Tần quá nhiều. Sớm nhất là Tần Thủy Hoàng, sau đó có Phù Tần, cuối cùng có Diêu Tần. Có tới mấy vị đế vương dùng chữ này làm quốc hiệu, nên phải ghi thêm họ [của nhà vua] vào trước [chữ Tần] thì mới biết là thời đại nào. *“Tần ngôn Chánh Tâm Hành Xứ”* (tiếng Hán dịch là Chánh Tâm Hành Xứ), hãy chú trọng *“chánh tâm”.* Nếu tâm có vọng tưởng thì bất chánh, có phân biệt thì cũng bất chánh, có chấp trước thì cũng bất chánh. Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bèn gọi là *“chánh tâm hành xứ”*,đó là *“Thiền Định nhiếp tâm”.* Tâm là chúa tể của vạn sự, vạn pháp. Kinh Hoa Nghiêm nói khắp pháp giới hư không giới do đâu mà có? Tâm hiện, thức biến. Tâm hiện, chánh tâm hành xứ, nhưng thức biến bèn trật, vì sao? Thức là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Vì sao không phải là chân tâm? Thức có khởi tâm động niệm, có phân biệt, chấp trước, nên thức có thể biến. Tâm có thể hiện, nó không thay đổi; do không thay đổi, nên chúng ta gọi nó là Nhất Chân pháp giới, cũng chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, người trong cõi ấy là *“chánh tâm hành xứ”*, vì họ đều có thể chuyển thức thành trí.

Pháp Tướng Tông nói chuyển thức thứ sáu, tức Ý Thức thành Diệu Quán Sát Trí. Thức thứ sáu, tức ý thức, là phân biệt. Chẳng phân biệt là Diệu Quán Sát. Chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí. Thức thứ bảy là chấp trước, chấp trước bèn chẳng bình đẳng. Vì thế, chuyển thức thức bảy, Bình Đẳng Tánh liền hiện tiền; chuyển thức thứ sáu tức phân biệt, Diệu Quan Sát liền hiện tiền. Chỉ cần chuyển hai thứ ấy, vì hai điều này là chuyển nơi nhân, những thứ khác sẽ liên đới chuyển theo, A Lại Da tự nhiên liền chuyển thành Đại Viên Kính Trí; năm thức trước, tức [các thức nơi] mắt, tai, mũi, lưỡi, thân cũng tự nhiên chuyển biến thành Thành Sở Tác Trí. Trong cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai, chuyển tám thức thành bốn trí, là cảnh giới như thế. Vì thế, chúng ta gọi nó là Nhất Chân pháp giới. Trong ấy bất biến, con người vĩnh viễn trường sanh bất lão, giống như đức Thế Tôn đã giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới: Cây cối, hoa, quả vĩnh viễn thường xanh tươi, chẳng có héo tàn, rơi rụng. Vì sao? Bất biến! Chẳng giống như cõi này của chúng ta, Xuân sanh thành, Hạ tăng trưởng, Thu thâu hoạch, Đông ẩn tàng. Có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, hoa, cỏ, cây cối biến hóa theo thời tiết từng mùa, vô thường! Thế giới Tây Phương chẳng có Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đó là nói đến tâm hiện, chẳng có thức biến. Trong mười pháp giới, đều có tâm hiện, thức biến, đều có hiện tượng ấy. Chỉ trong cõi Thật Báo mới không có hiện tượng ấy. Chúng ta biết *“chánh tâm hành xứ”* là cõi Thật Báo, cõi Phương Tiện là tương tự, chẳng phải là thật sự.

*“Hựu, Pháp Hoa Huyền Tán viết: Phạn vân Tam Ma Địa, thử vân Đẳng Trì, bình đẳng trì tâm nhi chí ư cảnh, tức thị Định dã”* (Lại nữa, sách Pháp Hoa Huyền Tán giảng: “Tiếng Phạn là Tam Ma Địa, cõi này dịch là Đẳng Trì. Giữ tâm bình đẳng nơi cảnh, tức là Định”). Đẳng Trì là Định, Đẳng (等) là bình đẳng, Trì (持) là bảo trì (保持: gìn giữ). Nói cách khác, vĩnh viễn gìn giữ sự bình đẳng. Đối với gì để nói? Đối với cảnh giới mà nói, [đó là ý nghĩa của câu] *“chí ư cảnh”*. Trong cảnh giới, có hai thứ: Một là hoàn cảnh nhân sự, hai là hoàn cảnh vật chất. Bất luận đối với người hay đối với sự, tức là đối với hết thảy vạn vật, vĩnh viễn gìn giữ sự bình đẳng, điều ấy được gọi là Tam Ma Địa, hoặc Tam-muội. Ở đây, dùng danh từ Đẳng Trì, *“bình đẳng trì tâm nhi chí ư cảnh”* (giữ tâm bình đẳng đối với cảnh). Chúng ta phải học, học chẳng được ư? Dẫu học chẳng được, vẫn phải học! Kẻ khác có phân biệt, ta chẳng phân biệt. Người khác có chấp trước, ta chẳng chấp trước. Người khác có thiện, ác, ta chẳng có thiện, ác, dùng tâm bình đẳng. Quý vị tu Tam Ma Địa, phải vận dụng trong cuộc sống hằng ngày thì mới được. Nếu chẳng thể sử dụng, Tam Ma Địa của quý vị là giả, chẳng thật. Thật sự thì mới biến thành cuộc sống, sẽ là một thứ hưởng thụ. Đối với Niệm Phật tam-muội, chúng ta thấy có những ông già bà cả tu pháp môn Niệm Phật, khi nào công phu của họ sẽ chín muồi, đại khái là bao lâu? Sau khi niệm Phật một năm; do đó, người ta ba năm liền vãng sanh. Có phải là thọ mạng của họ đã hết hay không? Chẳng phải! Công phu của họ thành tựu, chẳng muốn ở trong thế gian này nữa! Dẫu còn thọ mạng, nhưng chẳng cần nữa, ra đi trước. Họ có thể ra đi, thật sự có bản lãnh! Quý vị thấy họ xử sự, đãi người, tiếp vật, tâm và miệng như một, bất luận gặp ai, bất luận gặp chuyện gì, quý vị thấy họ, họ đều chắp tay, cười hì hì, “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”. A Di Đà Phật là Đẳng Trì, trong tâm người ấy trừ A Di Đà Phật ra, chẳng có gì khác, thật sự hữu dụng! Đối với hết thảy mọi người đều “A Di Đà Phật”, thật sự là A Di Đà Phật, đối với hết thảy sự cũng đều là A Di Đà Phật, người ấy niệm Phật thành công, vì sao? Vạn vật trong trời đất chẳng có gì không phải là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật có nghĩa là gì? A Di Đà Phật cũng là một câu tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Lượng Giác. Vô Lượng Giác là gì? Tự tánh. Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, người ấy thấy Phật tánh của hết thảy chúng sanh, há chẳng phải là A Di Đà Phật? Hết thảy vạn vật đều có Pháp Tánh, Pháp Tánh là A Di Đà Phật. Do đó, bất luận đối với người, đối với sự, đối với vật, người ấy luôn một câu A Di Đà Phật, đó là Niệm Phật tam-muội, người ấy đã trụ trong Niệm Phật tam-muội. Chúng ta thấy quý vị quan sát cẩn thận, thông thường là một năm người ấy đạt đến cảnh giới này, hai năm thuần thục, ba năm ra đi. Chúng ta phải học tập điều này, chớ nên nghĩ chính mình thông minh, chúng ta thua kém những bà cụ ấy quá xa, người ta ba năm bèn đến thế giới Cực Lạc làm Phật, chúng ta vẫn tiếp tục luân hồi trong lục đạo, vẫn tạo nghiệp, làm sao có thể sánh bằng người ta cho được? Người ta buông xuống vạn duyên.

*“Thiên Thai viết”* (ngài Thiên Thai nói), tông Thiên Thai thường nói, *“nhược dĩ Không Huệ, chiếu chư Thiền Định chủng chủng pháp môn, xuất sanh nãi chí vô lượng tam-muội. Kim kinh ư ‘nhi hiện diệt độ’ hạ, kế ngôn ‘đắc vô sanh vô diệt chư Tam Ma Địa’, biểu chư đại sĩ tuy thị Niết Bàn chi tướng, nhi thật thị bất sanh, bất diệt, bình đẳng thường trụ chi Như Như Pháp Thân. Thị chư đại sĩ hàm thị đức tuân Phổ Hiền, tùng quả hướng nhân giả dã”* (“Nếu dùng Không Huệ để chiếu các Thiền Định, các thứ pháp môn, xuất sanh cho đến vô lượng tam-muội”. Nay kinh này từ câu “mà hiện diệt độ” trở đi, kế đó nói “các Tam Ma Địa vô sanh vô diệt”, biểu thị các đại sĩ tuy thị hiện tướng Niết Bàn, nhưng các Ngài thật sự là Pháp Thân Như Như bất sanh bất diệt, bình đẳng thường trụ. Các vị đại sĩ này đều là đức tuân Phổ Hiền, từ quả hướng đến nhân vậy). Cụ Hoàng Niệm Tổ dùng câu nói của tông Thiên Thai để tổng kết đoạn nói về Tam Ma Địa, ý nghĩa rất viên mãn. *“Thiên Thai gia”*, cũng chính là “tông Thiên Thai” như chúng ta thường gọi, họ tu hành lấy Không Huệ làm Tông, tự tánh vốn trọn đủ trí huệ Bát Nhã, chiếu các thứ Thiền Định và các thứ pháp môn. Vì tám vạn bốn ngàn pháp môn, không pháp môn nào chẳng phải là tu Thiền Định; nếu chẳng tu Thiền Định, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Mấu chốt tu hành trong Phật pháp là Thiền Định, do Giới đắc Định. Giới là tiền phương tiện, là công phu dự bị để tu Định. Giới khiến cho chúng ta buông xuống vạn duyên, hai bên thiện và ác đều không trụ, nhưng về mặt hiện tướng, nhất định là “đoạn ác, tu thiện”. Đoạn ác tu thiện cũng chẳng chấp tướng thì Định Huệ mới có thể hiện tiền. Nếu đoạn ác mà chấp tướng đoạn ác, tu thiện bèn chấp tướng tu thiện, sẽ biến thành phước báo nhân thiên; đó chẳng phải là Phật pháp, mà là pháp thế gian. Hai bên đều chẳng trụ thì mới là Phật pháp, mới tương ứng với Giới, Định, Huệ. Dùng Không Huệ để chiếu các pháp môn Thiền Định, quý vị thấy Không Huệ là Huệ, Thiền Định là Định, *“chủng chủng pháp môn”* là Giới, Tam Học Giới, Định, Huệ trọn vẹn, xuất sanh cho đến vô lượng tam-muội. Cổ đại đức thường bảo: *“Một môn đã thông, hết thảy các pháp môn đều thông”*. Đạt được một môn tam-muội, chúng ta dùng pháp môn Niệm Phật, đạt được Niệm Phật tam-muội thì vô lượng tam-muội đều hiện tiền.

Nếu chúng ta gặp một bà cụ niệm Phật, nếu cụ chẳng biết chữ, suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật hiệu, tay chẳng rời tràng hạt, Phật hiệu chẳng rời miệng, cụ thật sự đắc Niệm Phật tam-muội. Nếu quý vị hỏi cụ về Hoa Nghiêm tam-muội hay Pháp Hoa tam-muội, quý vị thấy cụ có hiểu hay không? Có lẽ bà cụ chẳng nói với quý vị, bà cụ chỉ là “A Di Đà Phật”, bảo quý vị niệm A Di Đà Phật, nhưng cụ thật sự hiểu. Vì sao chẳng nói với quý vị? Nói với quý vị thì quý vị chẳng hiểu, thật vậy, chẳng giả tí nào! Vì sao quý vị không hiểu? Quý vị tập khí phiền não quá nặng! Không nói với quý vị, mà khuyên quý vị niệm Phật, đó là thật sự từ bi, là trí huệ chân thật. Lời ấy là thật ư? Thật đấy! Tôi có lý do để tin tưởng, vì sao? Dưới tòa Ngũ Tổ, Lục Tổ Huệ Năng đại sư nghe Ngũ Tổ giảng đại ý kinh Kim Cang, giảng đến câu *“ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”* bèn hoát nhiên khai ngộ, ngộ ấy là gì? Tam Học Giới, Định, Huệ viên mãn. Trên đường lánh nạn, Ngài gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, vị tỳ-kheo-ni này rất dụng công, suốt đời thọ trì kinh Đại Niết Bàn. Kinh Đại Niết Bàn có hai bản dịch, đều rất dài, một bản gồm bốn mươi cuốn, loại kia gồm ba mươi sáu cuốn. Huệ Năng đại sư nghe bà ta niệm kinh, sau khi bà ta niệm xong, Huệ Năng đại sư giảng ý nghĩa cho ni sư nghe, ni sư nghe xong, vô cùng hoan hỷ. Do vậy, chúng ta quyết định chớ nên xem thường những bà cụ chỉ biết niệm A Di Đà Phật, dường như chuyện gì cũng không biết, [thật ra], họ không muốn nói cho quý vị biết, vì sao? Đúng là quý vị nghe không hiểu. Nếu quý vị đạt tới trình độ như tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, họ sẽ thật sự nói với quý vị, vì sao nói? Nói với quý vị sẽ hữu dụng, quý vị khai ngộ! Nếu quý vị chẳng khai ngộ, người ta chẳng nói với quý vị, chẳng giảng cho quý vị, giảng để làm gì? Lời lẽ thừa thãi! Phật, Bồ Tát giảng kinh khế cơ, khế lý, Lý là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh, họ đã chứng đắc Lý ấy. Khế cơ là phù hợp với trình độ của bản thân quý vị. Đến khi nào sẽ giảng cho quý vị? Khi quý vị mấp mé khai ngộ, khi quý vị sắp ngộ mà chưa ngộ được, bèn chỉ điểm một chút, quý vị liền hoát nhiên đại ngộ. Chẳng phải là lúc quý vị sắp ngộ mà chưa ngộ được, bèn chẳng dùng phương pháp này, dùng phương pháp này sẽ phí công, chẳng có hiệu quả, nên bảo là “nói lời thừa”, nói lời chẳng nên nói. Vì thế, các Ngài quán sát căn cơ. Do pháp môn Tịnh Tông thù thắng khôn sánh, khi người ta thành tựu bèn đạt tới cảnh giới ấy, pháp sư giảng kinh, thuyết pháp hướng về người ấy thỉnh giáo, họ sẽ khách sáo “A Di Đà Phật”, chẳng nói với quý vị, vì sao? Quý vị vẫn chưa đạt đến cảnh giới ấy! Nếu quý vị thật sự đạt đến cảnh giới ấy, quý vị thấy người ấy có giảng hay không?

Chúng ta liễu giải chân tướng sự thật này, hiểu đạo lý này, có dám khinh mạn chúng sanh hay không? Không dám! Đối với hết thảy chúng sanh, phải có tâm tôn kính, tâm cung kính, đó là chánh xác. Khinh mạn người khác chính là khinh mạn chính mình. Quý vị thấy chư Phật Như Lai, quý vị thấy thánh hiền thế gian như Khổng Tử, Mạnh Tử, theo kinh sách ghi chép, họ khiêm hư đối với người khác dường ấy, chư Phật, Bồ Tát lại càng chẳng cần phải nói nữa! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, khi khất thực, có lúc gặp kẻ ăn mày, kẻ ăn mày đáng thương lắm, biết chính mình chẳng tu phước, do trong đời quá khứ chẳng tu phước, đời này mới bần cùng, biến thành kẻ ăn mày. Kẻ ấy thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, vô cùng hoan hỷ, vì sao? Phật là đấng có đại phước đức. Kẻ ấy ở bên ngoài xin được một chút cơm, bèn cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật món cơm ấy để tu phước! Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật rất cung kính họ, chẳng xem thường họ, đúng là tâm bình đẳng, tâm từ bi đối đãi hết thảy chúng sanh, tiếp nhận cúng dường, khai thị cho họ, chỉ dạy, giúp đỡ họ. Phật, Bồ Tát là như vậy đó. Đó là những điều chúng ta phải học trong cuộc sống hằng ngày, phải dùng tâm bình đẳng để đối đãi hết thảy chúng sanh. Chúng sanh có phân biệt, chúng ta phải học theo Phật, Bồ Tát chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không có cao, thấp, thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát, đó là đúng. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất nhiều lần: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”.*

Ở đây, cụ Niệm Tổ dùng câu này của ngài Thiên Thai, *“kim kinh ư nhi hiện diệt độ hạ”* (kể từ câu “mà hiện diệt độ” trong kinh này trở đi), tức là sau phần tám tướng thành đạo, chúng ta thấy câu kinh văn đầu tiên là *“đắc vô sanh vô diệt chư Tam Ma Địa”*, chẳng phải là đắc một môn Niệm Phật tam-muội, mà là đắc *“chư Niệm Phật tam-muội”.* Ở đây là biểu thị pháp, biểu thị các đại sĩ đại đức tham dự pháp hội thuyết pháp thuở ấy của đức Thế Tôn đều là Pháp Thân Bồ Tát. Tuy thị hiện tướng Niết Bàn, trong thập phương thế giới, nên dùng thân Phật để đắc độ thì họ đều có năng lực hiện thân Phật để thuyết pháp. Hiện thân Phật chắc chắn đều là hiện tám tướng thành đạo. Do vậy, tuy thị hiện tướng Niết Bàn, nhưng thật ra bất sanh, bất diệt, bình đẳng thường trụ Như Như Pháp Thân. Giống như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng lãnh hội của họ”.* Các Ngài thị hiện trên thế gian vì muốn giúp đỡ chúng sanh, chẳng phải vì chính mình, chính mình đã thành tựu viên mãn. Trong phần trước, chúng ta đã học rất nhiều, các Ngài xác thực đã minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là bất sanh, bất diệt, bình đẳng thường trụ Như Như Pháp Thân. Pháp Thân là gì? Chẳng còn coi nhục thân này là thân của chính mình, mà lấy vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới làm thân của chính mình. Bởi lẽ, Pháp Thân thường trụ, thân này chẳng thường trụ, có sanh, có diệt. Vũ trụ chẳng có sanh diệt, khắp pháp giới hư không giới bất sanh, bất diệt, Pháp Tánh bất sanh, bất diệt, pháp tướng cũng bất sanh, bất diệt. Nhưng phải hiểu: Pháp Tánh là thật, pháp tướng là giả. Pháp Tánh là có thể sanh, có thể hiện; pháp tướng là cái được sanh, cái được hiện. Năng và Sở là một, không hai. Trong phần trước, chúng ta đã học rất nhiều. Trong kinh Hoa Nghiêm còn học càng nhiều hơn nữa. Tánh và tướng như nhau, tánh và tướng chẳng hai, cớ sao chúng có sanh diệt? Đạo lý bất sanh, bất diệt rất ư là sâu!

Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học, đây là một ngành khoa học tiên phong, họ đã phát hiện bản chất của vật chất, vật chất rốt cuộc là gì, đó là phát hiện gần đây nhất. Thưa cùng quý vị, phát hiện gần đây nhất của họ đã được đức Phật nói rất rõ ràng trong kinh điển từ ba ngàn năm trước, nhưng các nhà khoa học đến nay mới phát hiện, nói giống như đức Phật, chứng tỏ Phật là một đại khoa học gia, đi trước họ ba ngàn năm. Phát hiện mới mẻ của họ vẫn chẳng thể trình bày rõ ràng như đức Phật! Họ phát hiện bản chất của vật chất chẳng tồn tại, điều này giống như trong kinh Phật đã nói. Kinh có nói Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, hai vị đối đáp để cho chúng ta nghe, chúng ta phải hiểu điều này! Đức Phật hỏi *“tâm hữu sở niệm”*, chúng ta khởi lên một niệm tâm, [đó là] *“hữu sở niệm”*, dấy lên một ý niệm. Chúng ta biết ý niệm ấy, chúng ta dấy lên thiện niệm, hoặc là dấy lên ý niệm A Di Đà Phật, *“Nam-mô A Di Đà Phật”*, trong ý niệm ấy có bao nhiêu tế niệm, tức là ý niệm vi tế? Có bao nhiêu tướng? Tướng là hiện tướng, là vật chất; có bao nhiêu thức? Nay chúng ta gọi thức là hiện tượng tinh thần, tướng là hiện tượng vật chất. Đức Phật nêu câu hỏi như thế, Di Lặc Bồ Tát trả lời *“một cái khảy ngón tay”*. Thời gian của một cái khảy ngón tay rất ngắn, trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu tế niệm? *“Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”*. Trăm ngàn là mười vạn, đó là đơn vị; ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba trăm hai mươi triệu, một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu. Các vị khảy thử xem, trong một giây có thể khảy bao nhiêu lần? Tôi khảy khá chậm, tôi tin tưởng đại khái là nhất định có người khảy nhanh hơn tôi, khảy được năm lần, tôi có thể khảy bốn lần, một giây khảy được bốn lần. Khảy năm lần thì hiện thời dùng giây làm đơn vị, trong một giây khảy năm lần thì trong một giây ấy có bao nhiêu niệm? Một ngàn sáu trăm triệu, tức là một ngàn sáu trăm triệu niệm. Bồ Tát nói: *“Niệm niệm thành hình”*, *“hình”* là hiện tượng vật chất; *“hình đều có thức”*, *“thức”* là hiện tượng tinh thần. Nói cách khác, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời, do đâu mà có? Từ ý niệm mà có!

Hiện thời, chuyện này đã được các nhà khoa học phát hiện. Các nhà Lượng Tử Lực Học nói trong vũ trụ chẳng có vật chất tồn tại, vật chất là chuyện như thế nào? Là ý niệm của con người, tức là “niệm đầu”; ý niệm tích lũy liên tục sanh ra huyễn tướng. Nó là tích lũy, quý vị thấy trong một giây là bao nhiêu? Theo lời giảng của Di Lặc Bồ Tát, trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu, tích lũy mà! Trong một giây, chúng ta có thể thấy rõ ràng, có thể trông thấy [huyễn tướng tích lũy của] một ngàn sáu trăm triệu niệm. Đối với mỗi tế niệm trong một ngàn sáu trăm triệu ấy, chúng ta không có cách nào trông thấy, vì nó quá nhanh, ắt phải là hiện tượng liên tục thì chúng ta mới có thể thấy. Nếu chẳng phải là hiện tượng liên tục, về căn bản, chúng ta sẽ chẳng cảm thấy nó tồn tại. Đấy mới là thật sự hiểu rõ vật chất rốt ráo là gì, hiểu rõ vật chất do đâu mà có. Họ nói vật chất là từ trong Không sanh ra Có. Tốc độ lại còn hết sức nhanh, nhanh hơn tốc độ của ánh sáng và dòng điện, tốc độ của ánh sáng hay tốc độ của dòng điện đều chẳng thể sánh bằng. Ánh sáng và điện cũng đều là hiện tượng vật chất. Họ tổng kết, những thứ khác nhau muôn hình muôn vẻ nhiều ngần ấy trong vũ trụ hoàn toàn do tần số [dao động] khác nhau. Họ nêu thí dụ: Tần số dao động chậm nhất biến thành đá, biến thành các kim loại nặng, đó là tần số dao động chậm. Đối với cái được họ gọi là *“chậm”* ấy, chúng ta không có cách nào nhận biết, vì cái được họ gọi là *“chậm”* ấy vẫn nhanh hơn điện và ánh sáng, chúng ta phải biết *“chậm”* là như thế đó. Nhanh hơn một chút liền biến thành hoa, cỏ, cây cối, biến thành da thịt của động vật chúng ta, tương đối mau hơn một chút, chẳng giống như đá hoặc kim loại nặng. Nhanh hơn thì giống như cái gọi là “sóng điện” trong hiện thời, tức là sóng vô tuyến điện, sóng ánh sáng càng nhanh hơn. Đều là tần số dao động khác nhau mà tạo thành các hiện tượng [khác nhau]. Các hiện tượng ấy toàn là huyễn tướng, có cùng một ý nghĩa như kinh Phật đã nói: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*. Các khoa học gia hiện thời đã hiểu phần nào ý nghĩa kinh văn kinh Kim Cang, thật sự liễu giải ý nghĩa lời Phật dạy, liễu giải chân tướng sự thật, toàn là do ý niệm biến hiện.

Vì thế, đối với những câu nói ấy trong kinh Phật, chúng ta vĩnh viễn ghi nhớ, thời thời khắc khắc ghi nhớ: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, *“tâm tưởng”* là ý niệm. Ý niệm của chúng ta là thiện, hết thảy cảnh giới chẳng có thứ gì bất thiện, đều là thiện. Ý niệm của chúng ta bất thiện, chẳng có thứ gì là thiện. Chúng ta phải nghĩ, đầu tiên là nghĩ thân mình đúng như đức Phật đã nói: *“Tướng do tâm sanh”*, tướng của chúng ta giống như Bồ Tát, Kim Cang bất hoại thân. Vĩnh viễn chẳng có phiền não, chẳng có vọng niệm là tướng Bồ Tát. Chỉ cần dứt diệt niệm ấy là được rồi, vọng niệm và ý niệm bất thiện đều dứt hết, hoàn toàn giữ thiện niệm, thân tâm khỏe mạnh, trăm bệnh chẳng sanh. Có đồng học đã hạ tải (download) một bản tin từ Internet đưa cho tôi xem: Ở Ấn Độ, gần đây đã phát hiện một loại virus gây bệnh truyền nhiễm, đã truyền tới Úc. Nghe nói tại Hương Cảng đã có một trường hợp, tức một ca bệnh. Dự đoán căn bệnh truyền nhiễm ấy có thể lan truyền khắp thế giới, không có chất kháng sinh nào hữu hiệu để ngăn ngừa. Nói cách khác, không có thuốc trị. Mắc phải bệnh ấy, ước chừng ba, bốn giờ sẽ chết, nhanh như thế đó, rất đáng sợ! Năm ngoái, tổ chức Y Tế Thế Giới đã loan tin này, chúng tôi đã thấy bài báo ấy. Nhưng cũng có tin tức cho biết có thể là chúng ta sẽ không bị lây nhiễm, người như thế nào? Người tâm thái tốt đẹp, người niệm Phật, ăn chay, người tâm địa thiện lương sẽ không bị lây nhiễm. Chúng ta có thể tin tưởng hay không? Có thể! Kinh Phật có nói đạo lý sau đây: *“Tà chẳng thắng chánh”*. Loại virus đó là tà, là tà ác, tâm quý vị chánh, nó sẽ chẳng thể xâm phạm quý vị. Hiện thời, y học nói tới *“khả năng miễn dịch”* thì khả năng miễn dịch là gì? Tâm địa thanh tịnh, thiện lương, ăn chay, không sát sanh, không kết oán cừu với các chúng sanh. Loại virus ấy đến báo cừu! Hiện thời, niệm Phật thì phải thật sự niệm Phật, thật sự học Phật thì mới được. Nếu giả dối sẽ không xong. Khi giả dối, quý vị vẫn có thể bị virus lây nhiễm. Nếu quý vị thật sự là người học Phật, tâm địa thiện lương, giống như người niệm Phật chúng ta niệm niệm đều là A Di Đà Phật, Ngoài A Di Đà Phật ra, chẳng có ý niệm thứ hai, virus sẽ chẳng thể quấy nhiễu người như vậy được!

Vì thế, khoa học đã chứng minh, Phật, Bồ Tát đã chứng minh, điều trọng yếu là chúng ta cũng phải học theo các vị đại sĩ *“đức tuân Phổ Hiền”.* Từ quả hướng đến nhân chúng ta chưa làm được, chúng ta vẫn chưa chứng quả, nhưng chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực học tập *“đức tuân Phổ Hiền”.* Học tập Phổ Hiền Bồ Tát thì điều đầu tiên là *“lễ kính chư Phật”*, đối đãi hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật phải có tâm cung kính, đó là chánh xác. Vì sao? Pháp Tánh của vạn sự vạn vật là chân Phật, nơi hữu tình gọi là Phật Tánh, nơi vô tình như thực vật và khoáng vật thì gọi là Pháp Tánh. Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh, chẳng có chút sai biệt nào. Chúng ta lễ kính là đối với Pháp Tánh. Ngay trong pháp thế gian cũng nhấn mạnh [lễ kính]. Quý vị thấy Lễ Ký, mở ra xem, câu đầu tiên là *“Khúc Lễ viết, vô bất kính”* (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”), không có thứ gì chẳng phải là lễ kính. Bất luận đối với người, đối với sự, đối với vật, tâm cung kính quan trọng hơn bất cứ gì khác! Trong Đệ Tử Quy, câu đầu tiên là *“phụ mẫu hô, ứng vật hoãn”* (cha mẹ gọi, liền thưa ngay, đừng trì hoãn). Có rất nhiều đồng tu nói thẳng với tôi: Cha mẹ đều mất cả rồi, cha mẹ cũng chẳng gọi họ, vậy là có thể không cần phải đáp lời. Tôi nói quý vị đã hiểu ý nghĩa này một cách cứng ngắc mất rồi, cha mẹ [nói trong câu ấy] là một thí dụ, tức là người thân thiết nhất của ta, họ gọi quý vị, lẽ nào quý vị chẳng đáp ứng? Mở rộng ra, bất luận ai gọi quý vị, quý vị đều phải trả lời, đó là gì? Lễ phép, là “lễ kính chư Phật” của Phổ Hiền Bồ Tát. Khi có ai đó gọi, dẫu nghe mà giả vờ chẳng nghe thấy, chẳng quan tâm đến, đó là thiếu lễ phép, sai mất rồi! Học sống động, vận dụng sống động, chớ nên học chết cứng. Không chỉ là đối với cha mẹ, mà anh em của quý vị gọi cũng chớ nên không đáp ứng, bằng hữu càng lại chẳng nên không đáp ứng, há có đạo lý ấy? Quý vị học ở chỗ nào? Sống động, hoạt bát, học sống động, vận dụng sống động. Đệ Tử Quy chỉ nêu lên tổng cộng một trăm mười ba chuyện làm gương. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chỉ nói mười điều, quý vị thấy người ta biết vận dụng, người Tiểu Thừa biết dùng, biến mười điều thành ba ngàn điều. Đại Thừa Bồ Tát càng linh hoạt hơn, biến mười điều thành tám vạn bốn ngàn điều, há có khô khan dường ấy! Giáo huấn của thầy là nêu ra cương lãnh, nêu lên những hướng dẫn tổng quát, để vận dụng trong cuộc sống, chính mình phải có trí huệ mở rộng, triển khai nó, triển khai thành vô lượng vô biên. Đều do chính mình sau khi học xong phải thật sự lý giải, dung hội, quán thông, có thể ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, ứng dụng trong công việc, ứng dụng trong xử sự, đãi người, tiếp vật, vận dụng toàn bộ.

Do vậy, phải học sự lễ kính của Phổ Hiền Bồ Tát, đối đãi với bất cứ ai đều cung kính, không dám giải đãi, khinh mạn, [mà phải đối đãi] giống như thấy Phật. Thậm chí trông thấy các tiểu động vật đều phải cung kính, đối với muỗi, trùng, kiến, chúng ta đều chắp tay, gọi chúng nó là Bồ Tát, “Bồ Tát kiến, Bồ Tát muỗi”, đối xử hòa thuận với chúng, đối đãi bình đẳng, quyết định chớ nên giết hại chúng. Chúng cũng là Phật, vốn là Phật, biến thành hình dạng ấy là do lúc làm người đã tạo nghiệp quá nặng, nên mới biến thành hình dạng ấy. Chúng ta đã biết, lẽ nào chẳng tôn trọng chúng nó? Chúng nó có linh tánh, chúng ta tôn trọng chúng, chúng sẽ tôn trọng chúng ta. Chúng ta chẳng tổn hại chúng, chúng cũng chẳng tổn hại chúng ta, đối đãi hòa thuận, hỗ trợ hợp tác. *“Xưng tán Như Lai”*, quý vị thấy không dùng *“chư Phật”*, mà dùng *“Như Lai”.* *“Lễ kính”* dùng chữ *“chư Phật”*, *“xưng tán”* dùng chữ *“Như Lai”*, đó là vì trong xưng tán có sai biệt, tức là: Xưng tán tương ứng với Tánh Đức. Chẳng tương ứng với Tánh Đức bèn chẳng xưng tán; do lấy Tánh Đức làm tiêu chuẩn. Lễ kính thì bình đẳng, lễ kính đối với thiện nhân, đối với ác nhân cũng lễ kính, chẳng có phân biệt, nhưng xưng tán thiện nhân, chẳng xưng tán ác nhân, mà cũng chẳng hủy báng kẻ ấy, phải bao dung, chớ nên phê bình, chớ nên hủy báng. Nhất định phải liễu giải vì sao kẻ ấy tạo những nghiệp bất thiện ấy? Do kẻ ấy nghiệp chướng rất nặng, tập khí rất sâu, chẳng gặp thiện hữu đến dạy họ. Phải có tâm đồng tình, chớ nên có tâm chỉ trích, như vậy là tốt. *“Quảng tu cúng dường”*, cúng dường là bình đẳng, cúng dường thiện nhân, đối với ác nhân cũng cúng dường. Chớ nên nói thấy kẻ ác không có cơm ăn, chúng ta có cơm, nhưng chẳng cho kẻ ấy ăn! Thấy họ rét mướt, chúng ta có quần áo, nhưng chẳng cho hắn mặc, chẳng thể được! Vì thế, cúng dường là bình đẳng, lễ kính là bình đẳng, chỉ có xưng tán là sai biệt. Những điều này đều phải học, học rồi phải hữu dụng thì mới được! Do lẽ đó, các vị Bồ Tát dự hội đều đã sớm thành Phật, lúc Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ ở đây, các Ngài đến làm thính chúng, làm ảnh hưởng chúng, có ý nghĩa như vậy đó. Do vậy, [các vị Bồ Tát ấy] là từ quả hướng tới nhân. Tam Ma Địa học tới đây, đoạn tiếp theo sẽ học về Đà-la-ni. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

# Tập 122

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi hai, dòng thứ ba.

*“Hựu Đà-la-ni, Phạn ngữ, thử phiên vi Trì, Tổng Trì, Năng Trì, Năng Giá”* (Lại nữa, Đà-la-ni (Dhāraṇī) là tiếng Phạn dịch là Trì, Tổng Trì, Năng Trì, Năng Giá), có nhiều ý nghĩa như vậy. Từ chỗ này trở đi là giải thích câu kinh văn thứ hai, tức câu *“cập đắc nhất thiết đà-la-ni môn”* (và đắc hết thảy các môn đà-la-ni), giải thích câu kinh văn này. Câu trước là *“đắc vô sanh vô diệt chư Tam Ma Địa”*,chúng ta đã học xong. Tam Ma Địa hết sức trọng yếu, chúng ta thường gọi nó là Tam-muội, cũng gọi là Định. Khiến cho tâm trụ một chỗ thì gọi là Tam-muội. Không chỉ đắc Tam Ma Địa, mà các Ngài đồng thời còn đắc đà-la-ni. Những danh từ này đều là tiếng Phạn, *“đắc nhất thiết đà-la-ni môn”*. Trì là bảo trì (gìn giữ). Đối với chữ Tổng Trì, thông thường để giải thích chữ đà-la-ni, quá nửa chúng ta dùng cách nói theo ý nghĩa Tổng Trì này. Tổng Trì (總持) có nghĩa là gì? Bao gồm hết thảy pháp, nắm giữ hết thảy nghĩa. Ý nghĩa này hết sức hay, mà cũng là nói: Đã nắm vững tổng cương lãnh, tổng nguyên tắc của hết thảy các pháp thì gọi là *“đắc đà-la-ni”*. Chữ Đà-la-ni trong tiếng Phạn có ý nghĩa là *“năng trì”* (có thể gìn giữ). *“Năng giá”* (có thể ngăn che), tức là ngưng dứt, nay chúng ta nói là “khống chế”, có ý nghĩa ấy.

Tiếp đó, [sách Chú Giải] dẫn kinh luận, đó là những lời giải thích của Phật và các vị tổ sư đại đức. *“Trí Độ Luận viết: Đà-la-ni giả, Tần ngôn Năng Trì, hoặc Năng Giá”* (Trí Độ Luận giảng: “Đà-la-ni, tiếng Hán là Năng Trì hoặc Năng Giá”). Trí Độ Luận được dịch vào thời Diêu Tần, nên nói là *“Tần ngôn”*, *“Tần ngôn”* nghĩa là tiếng Hán. Dịch sang nghĩa tiếng Hán, [Đà-la-ni] là Năng Trì, hoặc Năng Giá. Năng Trì là gì? Tiếp đó có giải thích: *“Năng trì giả, tập chủng chủng thiện pháp, năng trì linh bất tán, bất thất. Thí như hoàn khí thịnh thủy, thủy bất lậu tán”* (Năng Trì là nhóm họp các pháp lành, có thể giữ cho chúng chẳng tản mát, chẳng mất mát. Ví như đồ đựng hoàn thiện có thể chứa nước, nước chẳng bị rỉ mất). Tiếp đó là tỷ dụ, *“khí”* (器) là dụng cụ, giống như chén trà [chẳng hạn]. Chén trà hoàn hảo, chẳng bị hư vỡ, có thể đựng nước, nước chẳng bị chảy mất. Đà-la-ni cũng có ý nghĩa ấy, nó có thể gom góp, nắm giữ các thứ thiện pháp. Những thiện pháp ấy sau khi đạt được sẽ chẳng bị mất đi. Những thứ nào? Trong Phật pháp, chẳng hạn như Thập Thiện Nghiệp Đạo. Sau khi đạt được Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ chẳng mất đi, quý vị có thể trong một thời gian dài thậm chí đời đời kiếp kiếp đều có thể gìn giữ. Vì vậy, Đà-la-ni có ý nghĩa Trì.

Tiếp đó, nói: *“Năng Giá giả”*, Giá (遮) là gì? Giá là đối với pháp bất thiện. *“Ác bất thiện căn tâm sanh, năng giá linh bất sanh”* (đối với những tâm ác, bất thiện căn sanh khởi, có thể ngăn che, khiến cho chúng chẳng sanh). Vì quý vị có thiện pháp, pháp bất thiện sẽ chẳng thể sanh. Thí dụ như trong Thập Thiện, quý vị biết chẳng sát sanh là tốt đẹp, [vì] chẳng kết oán cừu với hết thảy chúng sanh. Không ăn trộm là tốt. Chẳng sát sanh là không nợ mạng kẻ khác, chẳng trộm cắp là không nợ tài vật của người ta. Những điều ấy tốt lắm, cho nên chúng có thể ngăn che hết thảy các điều bất thiện. Thật sự có thể nắm giữ Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ chẳng có ý niệm hại người, mà cũng chẳng có ý niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác. Vì ý niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác, tuy không trộm cắp, nhưng kẻ ấy có tâm trộm cắp, ý niệm ấy chẳng tốt, vẫn muốn chiếm một chút tiện nghi, đó là tâm trộm cắp chưa dứt! Hễ có ý niệm ấy, rất có thể sẽ có hành vi bất thiện. Chúng ta phải hiểu: Đối với người trong thế gian này, cổ nhân có nói: *“Suốt đời đều là mạng, chẳng nửa điểm do người”*. Mạng do đâu mà có? Chẳng phải do ông trời ban cho quý vị! Có rất nhiều người hiểu lầm vận mạng do Thượng Đế ban cho chúng ta. Vì sao có người thăng quan phát tài, có người bần cùng hạ tiện? Chẳng phải là ông trời rất thiếu công bằng ư? Há có loại ông trời như vậy! Vì thế, phải hiểu: Chẳng dính líu gì đến trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát, vận mạng của mỗi cá nhân chúng ta do chính mình chịu trách nhiệm. Có vận mạng hay không? Có! Vận mạng do đâu mà có? [Chủng tử] của những điều thiện và bất thiện do quý vị đã tạo trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, chúng ở trong A Lại Da Thức, được gọi là vận mạng của quý vị. Trong quá khứ, quý vị làm việc thiện, đời này phú quý, hưởng thụ, hưởng lạc. Trong đời quá khứ tạo nghiệp bất thiện, quý vị sẽ sống cuộc đời nghèo khổ. Đạo lý là như thế đó. Do vậy, sau khi đã hiểu, chúng ta chẳng oán trời, hờn người; sau khi đã hiểu rõ, bèn an phận giữ mình, xã hội liền hòa hài, an định. Chúng ta muốn phú quý, muốn phát tài, có được hay không? Được chứ! *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*, quý vị cầu trong cửa nhà Phật, đức Phật giúp đỡ quý vị như thế nào? Đức Phật giảng đạo lý và phương pháp phát tài cho quý vị nghe, quý vị đã hiểu rõ, nương theo đạo lý và phương pháp ấy để tu học, sẽ có tiền của đưa đến, chẳng giả tí nào. Cổ thánh tiên hiền bảo là *“sanh tài hữu đại đạo”* (có đạo lý to lớn để sanh sôi tiền của).

Thuở chúng tôi còn trẻ, thầy rất cao minh, thầy xem tướng của tôi, nghe giọng tôi nói, nhìn tư thái hành động của tôi, liền biết sự phú quý, cùng quẫn hay hanh thông suốt một đời, thầy nhìn ra được! Thấy đứa học trò này mạng vận chẳng ra gì, suốt đời vất vả, nghèo hèn, có lúc thầy còn giúp đỡ trò, vì sao? Nó còn có thiện căn, nói cách khác, còn có cách cứu vớt, giúp đỡ nó! Thầy dạy chúng tôi đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, bộ sách ấy hay lắm, đọc xong mới hiểu điều gì? Nguyên lai mạng do chính mình tạo, chính mình có thể sửa đổi số mạng. Sửa như thế nào? Đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, có thể sửa đổi vận mạng. Tiên sinh Viên Liễu Phàm được Khổng tiên sinh đoán mạng. Khổng tiên sinh là đạo gia, là thầy tướng số, là cao thủ xem tướng và xem Phong Thủy, thật sự là cao thủ. Khổng tiên sinh tính lưu niên bát tự [[1]](#footnote-2)[1] cho ông Viên, tiên đoán vận mạng cả một đời. Tiên sinh Liễu Phàm mỗi năm so sánh [vận mạng trong năm ấy] với lời đoán Bát Tự, chẳng sai lệch tí nào. Ông Viên là một người đọc sách, hàng năm đi thi, đậu hạng thứ mấy, mạng đã được tính sẵn. Thời quá khứ, sau khi đỗ Tú Tài, quốc gia liền ban cho quý vị một phần tiền lương, nhằm khuyến khích quý vị học hành. Quý vị chẳng cần phải đi làm, quốc gia nuôi quý vị, hàng năm cấp cho bao nhiêu thạch gạo, quý vị đủ sống, mà cũng có thể nuôi người nhà. Tuy chẳng rất giàu có, nhưng có thể sống được. Quốc gia bồi dưỡng nhân tài, thi đậu Tú Tài được hưởng bổng lộc của quốc gia. Mỗi năm ông Viên được quốc gia cấp gạo, [ông Khổng] đều tính sẵn là bao nhiêu thạch, bao nhiêu đấu, chẳng sai tí nào! Suốt hai mươi năm như vậy, chẳng năm nào sai! Ông Viên bèn nguội lạnh cõi lòng, chẳng còn dấy vọng tưởng nữa. Vì sao? Vọng tưởng vô dụng, đúng là trong mạng đã định sẵn rồi!

Có một lần, ông ta đến thăm một người xuất gia là thiền sư Vân Cốc, vị này cũng là một cao tăng, Sư học Thiền. Tiên sinh Liễu Phàm cùng ngồi với Sư trong Thiền đường suốt ba ngày ba đêm, chẳng dấy lên một vọng niệm. Thiền sư Vân Cốc thấy người này đúng là rất khó có, kẻ bình phàm chẳng có khả năng ấy, vì sao mà suốt ba ngày ba đêm chẳng dấy một vọng niệm? Do vậy, Sư liền hỏi ông ta: “Ông công phu khá lắm, ba ngày ba đêm chẳng khởi một vọng niệm, chuyện này kẻ bình phàm chẳng thể làm được!” Hỏi ông ta tu như thế nào? Tiên sinh Liễu Phàm rất thật thà, thưa cùng Sư: “Mạng của con đã được người ta tính sẵn rồi. Suốt hai mươi năm, nghiễm nhiên chẳng sai chạy tí nào, nên con ý niệm gì cũng chẳng có”. Sau khi ông Phàm thưa lời ấy, thiền sư Vân Cốc bèn ha hả cười to: “Tôi ngỡ ông là thánh nhân, nguyên lai ông vẫn là phàm phu”. Ông Viên hỏi: “Vì sao thầy bảo con là phàm phu?” Sư bèn giải thích: “Phàm phu lẽ đâu chẳng có vọng niệm?” Sư giảng đạo lý vận mạng: “Mạng do chính ông tạo, đương nhiên bản thân ông có thể sửa. Vận mạng trong hai mươi năm của ông đã được người ta đoán sẵn, chẳng đoán trật tí nào, ông chẳng phải là phàm phu thì ai là phàm phu?” Ngay đó, Sư nhắc nhở ông Viên: “Vận mạng có thể sửa”. Cách sửa như thế nào? Dạy ông ta đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức, dạy cho ông Viên [thực hành] Công Quá Cách. Nội dung của Công Quá Cách là gì? Là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Chiếu theo những điều đã nói trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, thiện nhân thiện quả nhất định phải hành; ác nhân ác báo quyết định phải tránh, dùng điều này làm tiêu chuẩn để đoạn ác tu thiện.

Ông Viên thật sự phát tâm. Vừa phát tâm bèn sửa lỗi, thật sự hành, phát tâm làm ba ngàn việc thiện. Tâm vừa phát, đến năm thứ hai, đi thi thứ tự đỗ đạt đã khác. Trong mạng, nhất định là đậu hạng ba, nhưng ông ta đỗ đầu, nên tin tưởng, nghe theo giáo huấn của thiền sư Vân Cốc. Do trong mạng chẳng có công danh, ông ta đạt được công danh, nay chúng ta gọi công danh là “học vị”. Học vị Thạc Sĩ, học vị Tiến Sĩ, ông ta không có, trong mạng chỉ có Tú Tài, kết quả là về sau ông ta đỗ Cử Nhân, đậu Tiến Sĩ, nhưng trong mạng không có. Trong mạng chẳng có con cái, ông ta phát thiện nguyện để cầu con, quả nhiên sanh được một con, trong mạng chẳng có! Không có mà đạt được, đó là thật sự cầu được, có cầu ắt ứng. Thọ mạng chỉ có năm mươi ba tuổi, ông ta cũng chẳng cầu trường thọ, nhưng sống đến bảy mươi bốn tuổi mới qua đời, tăng thọ hai mươi mốt năm. Người Hoa nói là *“thất”*, [tăng thọ] ba thất thì ba thất là hai mươi mốt năm. Chẳng giả tí nào! Vì vậy, quý vị phải hiểu đạo lý, cầu giàu có được giàu có, cầu công danh được công danh, cầu con cái được con cái, cầu trường thọ được trường thọ, há có chuyện cầu chẳng được! Cầu không được là vì quý vị không hiểu đạo lý, không hiểu phương pháp, đó là chánh pháp. Vì thế, trong Phật pháp có rất nhiều thứ, nếu quý vị khéo học, thọ dụng cả đời chẳng hết. *“Giá”* là có thể ngăn che khiến cho các căn ác, bất thiện chẳng nẩy sanh. *“Nhược dục tác ác tội, trì linh bất tác, thị danh Đà-la-ni”* (nếu muốn làm tội ác bèn giữ cho chẳng làm được, nên gọi là Đà-la-ni). Đó là Năng Giá. Chẳng để cho quý vị nẩy sanh ý niệm bất thiện, chẳng để cho quý vị phạm tội ác, những điều ấy đều thuộc về pháp môn Tổng Trì.

Tiếp đó lại nói: *“Hựu vân”* (lại nói), [nghĩa là] vẫn là những điều được nói trong Trí Độ Luận: *“Bồ Tát đắc thị nhất thiết tam thế vô ngại minh đẳng chư tam-muội, ư nhất nhất tam-muội trung, đắc vô lượng A-tăng-kỳ đà-la-ni, như thị đẳng hòa hợp, danh vi ngũ bách đà-la-ni môn. Thị vi Bồ Tát thiện pháp công đức tạng”* (Bồ Tát đắc hết thảy các tam-muội: Tam thế vô ngại minh v.v… ấy thì với mỗi một tam-muội sẽ đắc vô lượng A-tăng-kỳ đà-la-ni. Các thứ ấy hòa hợp, [thành ra] danh xưng năm trăm đà-la-ni môn. Ðấy là thiện pháp công đức tạng của Bồ Tát). Trước hết, chúng tôi giải thích đại lược đoạn văn này một chút. Trong câu *“Bồ Tát đắc”*, chữ Thị là *“như thị”* (như thế), *“nhất thiết vô ngại minh đẳng chư tam-muội”*, chẳng phải là phàm nhân, chúng ta xem câu này liền biết các Ngài là Pháp Thân Bồ Tát. Bồ Tát trong mười pháp giới, thậm chí Phật [trong mười pháp giới] đều chưa đạt đến cảnh giới này. Trong giáo pháp Đại Thừa, cảnh giới này thường nói là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” thì mới có thể đắc tam-muội như vậy. Nó khởi tác dụng, *“ư nhất nhất tam-muội trung”* (trong mỗi tam-muội), đây là từ Định khai Huệ, tam-muội là Định, Định khởi tác dụng khai trí huệ. Trong trí huệ là pháp môn Tổng Trì, là Đà-la-ni, vì Huệ chẳng bị mất đi, *“đắc vô lượng A-tăng-kỳ đà-la-ni”.* Vô lượng tam-muội khởi tác dụng là vô lượng đà-la-ni. A-tăng-kỳ (Asańkhya) cũng có nghĩa là *“vô lượng”. “Như thị đẳng hòa hợp”* (hòa hợp như thế), sự *“hòa hợp”* ấy chính là Định và Huệ, được gọi là *“Định Huệ đẳng trì”* (giữ cho Định và Huệ bình đẳng), Định có thể trì Huệ, Huệ cũng có thể giúp Định, khiến cho Định chẳng bị mất đi. Pháp Thân Bồ Tát đạt được tam-muội sẽ vĩnh viễn chẳng bị mất đi. Trong đoạn trước, chúng ta đã thấy nói là *“bất sanh, bất diệt Tam Ma Địa”.*

Định trong mười pháp giới đều có xuất, nhập. Từ kinh Địa Tạng, chúng ta thấy bậc A La Hán, A La Hán là pháp giới Thanh Văn trong mười pháp giới. Mẹ của cô Bà La Môn qua đời, ở đây đã ban cho chúng ta một khải thị rất lớn: Cô Bà La Môn tin theo Bà La Môn giáo, là một người có niềm tin tôn giáo, nhưng cô cũng học Phật. Học Phật có mâu thuẫn với tôn giáo của cô ta hay không? Chẳng mâu thuẫn. Vì sao? Phật giáo chẳng phải là tôn giáo, Phật giáo là giáo dục, bất luận quý vị tín ngưỡng tôn giáo nào, quý vị đến trường học để học hành đều chẳng có trở ngại gì! Quý vị thấy các sinh viên đại học hiện thời, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, cùng học một lớp. Phật giáo là sư đạo, chẳng phải là tôn giáo, nên cô Bà La Môn cũng là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật. Đức Phật trọn chẳng dạy cô ta phải từ bỏ tôn giáo của chính mình thì mới có thể học Phật, đức Phật chẳng có ý nghĩ này. Vì thế, trong Phật môn có nhiều người tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, theo Thích Ca Mâu Ni Phật học Định Huệ. Cô ta gặp một vị A La Hán, thỉnh giáo A La Hán, mẹ cô ta lúc sống tạo rất nhiều nghiệp bất thiện, cô ta nghĩ: “Chỉ sợ sau khi [mẹ cô ta] đã chết, bị đọa trong ác đạo”, thỉnh A La Hán giúp đỡ, giúp cô tìm kiếm. A La Hán nhập Định, trong Định có thể đột phá các chiều không gian, có thể thấy mẹ cô ta ở chỗ nào. Sau khi Ngài xuất Định, cho biết: Mẹ cô ta sanh vào chỗ bất thiện. Ngài nhập Định bèn có thể thấy, chẳng nhập Định bèn không thấy. Sau khi nhập Định đã thấy, mới có thể kể chân tướng sự thật với cô Bà La Môn. Lại còn dạy cô ta giúp mẹ như thế nào, bà ta đang chịu khổ trong địa ngục, khuyên cô hãy niệm Phật. Thuở ấy, vị thành Phật trong thế gian là Giác Hoa Định Như Lai, vận dụng Niệm Phật tam-muội. Cô ta là hiếu nữ, vì muốn cứu mẹ, bèn toàn tâm toàn lực cầu Phật, Bồ Tát giúp đỡ. Quý vị thấy cô ta ở trong Định suốt một ngày một đêm, nhập Định, từ trong Định cũng thấy địa ngục. Định ấy là Niệm Phật tam-muội, giúp cô ta trông thấy cảnh giới địa ngục. Quỷ Vương đến đón tiếp, gọi cô ta là Bồ Tát, hỏi cô có chuyện gì mà đến nơi đây? Cô bảo cô đi tìm mẹ. Mẹ cô tên là gì? Duyệt Đế Lợi. Quỷ Vương liền cho biết, ông ta nói bà Duyệt Đế Lợi nhờ hiếu nữ tu tập, tích lũy công đức, nên đã sanh lên trời Đao Lợi từ ba ngày trước, chẳng ở chỗ này.

Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này, liền liễu giải, liền hiểu rõ, cô ta dùng pháp gì để siêu độ? Dùng công đức niệm Phật của chính mình, cô niệm Phật công phu đạt tới tam-muội. Nói theo pháp môn Niệm Phật, tam-muội ấy tối thiểu là Sự nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn rất khó, cô ta là Sự nhất tâm, nên có thể đến thăm viếng địa ngục. Vì sao trong một ngày một đêm cô ta có thể đắc nhất tâm bất loạn? Vì sao? Vì cứu mẹ. Nếu cô ta không liều mạng, không dụng công, mẹ cô chẳng thoát khỏi địa ngục. Cô ta niệm Phật đạt được nhất tâm bất loạn là do mẹ cô giúp đỡ. Nếu mẹ cô chẳng đọa địa ngục, cô ta sẽ không thể tu hành nghiêm túc như vậy. Vì thế, mẹ cô ta có công đức, có lợi ích. Luận định từng điểm cá biệt, quý vị mới hiểu rõ vì sao mẹ cô ta có thể sanh lên trời? Do mẹ cô ta tạo duyên, nên cô ta mới niệm Phật tới mức nhất tâm bất loạn, họ làm nhân duyên cho nhau, thành tựu của con gái giúp cho mẹ sanh lên trời, làm nhân duyên lẫn nhau, có đạo lý như thế trong đó, phải hiểu rõ ràng, chẳng mê tín tí nào! Trong câu chuyện của cô Quang Mục thì [Quang Mục] còn kém công phu của cô Bà La Môn ấy một bậc, vì Quang Mục là cảnh giới trong mộng, còn người ta (cô Bà La Môn) là trong Định, Định cao hơn cảnh giới trong mộng rất nhiều. Vì vậy, trong mộng, nhờ vào mộng [để thấy cảnh giới] thì như chúng ta thường nói “công phu thành phiến” đã có thể làm được, nhưng nếu tự mình đến thăm địa ngục, nếu chẳng phải là Sự nhất tâm, chắc chắn chẳng làm được. Sự nhất tâm là cảnh giới của A La Hán. Vì thế, chúng ta phải hiểu Lý, phải biết tu học như thế nào!

Hiện thời chúng ta cũng gặp phải khó khăn, khó khăn là tai nạn quá nhiều. Tôi không tiếp xúc các phương tiện thông tin, ngay cả báo chí cũng chẳng xem, đã đoạn tuyệt mấy chục năm. Quý vị hằng ngày xem TV, đọc báo, nên quý vị thông hiểu tin tức rõ hơn chúng tôi nhiều. Một số đồng học ở đây, nghe các tin tức từ các phương tiện truyền thông, đến nói với tôi: Chỗ nào đó lại có tai nạn, nơi đó lại có tai nạn! Tôi nghe xong, hiểu rõ, tôi biết tai nạn phát sanh ra sao, tôi cũng biết hóa giải tai nạn như thế nào, nhưng con người phải tin tưởng thì mới được. Quý vị thật sự tin tưởng Phật, thật sự có phương pháp giải quyết, nhưng quý vị không tin, chẳng có cách nào cả! Lúc tôi hai mươi mấy tuổi cũng chẳng tin tưởng, gặp tiên sinh Phương Đông Mỹ dẫn dắt tôi vào Phật môn, nhập Phật môn để làm gì? Học triết học. Thuở ấy, đối với chuyện cảm ứng như trong Phật giáo đã nói, tôi không tin. Lúc đó, tôi học Phật, cho rằng trong Phật giáo có một phần là triết học cao cấp, phần khác là mê tín, chúng ta phải gạt bỏ phần mê tín ấy, phải nghiêm túc học kỹ lưỡng phần triết học. Tôi chia nó thành hai phần. Sau khi đã học mười mấy năm, cảm thấy [cách nghĩ trước kia của chính mình] chẳng đúng. Đối với phần trước kia chúng tôi cảm thấy là mê tín, phát hiện trong đó có đạo lý, đạo lý có thể còn cao sâu hơn triết học; do vậy, sau đó, chẳng có tâm phân biệt nữa. Không có tâm phân biệt thì là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh mới có thể học những thứ ấy. Sự hiểu lầm này phổ biến nơi những kẻ trẻ tuổi. Kẻ trẻ tuổi noi theo khoa học, bài xích tôn giáo, tôi là kẻ đã trải qua [tình cảnh ấy], hiểu rất rõ. Phật pháp nói chuyện vãng sanh, lúc tôi hai mươi sáu tuổi, tôi [bắt đầu] học Phật, đại khái khi ngoài bốn mươi tuổi mới thật sự nhận biết, tin tưởng, quý vị mới biết chẳng dễ dàng, đúng như cổ nhân đã nói là *“pháp khó tin”.* Nếu không dùi mài chẳng bỏ nơi kinh giáo, học tập hằng ngày, chẳng dễ gì đột phá cửa ải này!

Tôi học Phật đến năm nay là năm mươi chín năm, sang năm là đúng một giáp tý (sáu mươi năm), giảng kinh, giáo học năm mươi hai năm. Bản thân tôi cũng chẳng có thọ mạng dài như vậy. Thầy có dạy tôi, nhưng tôi cũng chẳng cầu kéo dài tuổi thọ, thế mà thọ mạng thật sự kéo dài, thọ hơn ông Viên Liễu Phàm. Ông Viên Liễu Phàm mới tăng thọ hai mươi mốt năm, tôi tăng thọ hơn bốn mươi năm. Thọ mạng của tôi [theo thầy tướng số nói] là bốn mươi lăm tuổi, rất khó có! Tăng tuổi thọ rất có ích cho tôi, tôi có thời gian dài như vậy, dần dần hiểu rõ ràng, minh bạch những thứ trong Phật pháp. Nếu không có thời gian dài như vậy, sẽ chẳng thể nào [hiểu được]. Do đó, thọ mạng dài cũng có lợi. Thật sự hiểu rõ, minh bạch thì vãng sanh thế giới Cực Lạc mới nắm chắc. Niệm Phật mà chẳng nắm chắc vãng sanh là do chẳng hiểu rõ, chẳng minh bạch. Muốn hiểu rõ ràng minh bạch chuyện này, kinh giáo vô cùng quan trọng! Đối với kinh giáo, lại càng phải coi trọng *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*, vì sao? Nhất định là Tam Học Giới, Định, Huệ mới có thể thành tựu. Giữ quy củ là trì giới, thâm nhập một môn là giữ quy củ, huân tu lâu dài sẽ đắc tam-muội, khai trí huệ. Do vậy, thời gian [tu tập một môn] ngắn ngủi sẽ rất khó, [muốn thành tựu] phải mất một thời gian dài, lại còn phải chuyên tâm.

Bí quyết trong Phật pháp là buông xuống, đầu tiên là buông xuống tự ngã. Người thế gian hoàn toàn hiểu lầm Ngã, thân này chẳng phải là ta, mà cứ coi nó là ta, cả một đời này vì ai? Vì ta! Vì ta mà tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp, đời đời kiếp kiếp trôi giạt luân hồi, thật đáng thương! Sau khi học Phật, bèn biết có Chân Ngã, [thân này] là Giả Ngã. Phải vứt bỏ Giả Ngã, tìm được Chân Ngã thì sẽ thành Phật. Chân Ngã là thân như thế nào? Pháp Thân! Buông bỏ Giả Ngã thì mới có thể chứng đắc Chân Ngã, tìm lại Chân Ngã. Chân Ngã bất sanh, bất diệt, Chân Ngã tương ứng với tự tánh, trọn đủ viên mãn trí huệ và đức tướng như đức Phật đã dạy trong kinh Hoa Nghiêm và trong các kinh Đại Thừa. *“Định Huệ đẳng trì”* cũng là *“như thị đẳng hòa hợp, Định Huệ hòa hợp”* đang nói ở đây. *“Danh vi ngũ bách Đà-la-ni môn”* (gọi là năm trăm môn đà-la-ni), *“năm trăm”* cũng là biểu thị pháp, chẳng phải là một con số cố định, [hàm nghĩa] vô lượng môn Đà-la-ni. Đó là công đức thiện pháp tạng của Bồ Tát, chữ Tạng (藏) hàm nghĩa “chẳng mất”. Thiện pháp chẳng bị mất đi, công đức chẳng bị mất đi. Đà-la-ni là công đức thiện pháp tạng của Bồ Tát.

Câu kế tiếp là lời chú giải của Hoàng lão cư sĩ: *“Cái tam-muội Định dã. Định lực phát huệ sở đắc, thuyết vi Đà-la-ni”* (Bởi lẽ, tam-muội là Định. Cái đạt được do trí huệ khai phát bởi định lực thì gọi là Đà-la-ni). Ý nói: Đạt được Tổng Trì do trí huệ khai phát bởi định lực thì gọi là Đà-la-ni. Bao gồm hết thảy các pháp, nắm giữ hết thảy các nghĩa, *“nghĩa”* là đạo lý, nghĩa lý, hết thảy pháp đạo lý quý vị đều hiểu rõ ràng toàn bộ. *“Như Trí Độ Luận viết: Thị tam-muội tu hành, tập cửu hậu, năng thành Đà-la-ni”* (Như Trí Độ Luận đã nói: “Tu hành tam-muội ấy, sau khi tu tập đã lâu, bèn có thể thành Đà-la-ni”). Tam-muội là Định, là Đẳng Trì, tức là bình đẳng gìn giữ một thời gian dài thì sẽ có thể đắc Định. Hôm nay tôi còn được một đồng tu cho biết: Ở Tứ Xuyên, có một vị cư sĩ học Phật, năm nay đã ngoài bảy mươi tuổi, công phu tu hành rất khá, cũng là *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”.* Hôm nay, tôi nói với vị đồng học ấy: “Có thể mời người ấy đến Hương Cảng cho chúng tôi gặp gỡ hay không”. Trước kia, chúng tôi đã phát hiện cư sĩ Lưu Tố Vân, năm mươi lăm tuổi [bà ta mới bắt đầu] học Phật, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu, suốt mười năm chẳng gián đoạn bèn thành tựu, thành tựu tam-muội, thành tựu Đà-la-ni. Vị đồng học này cũng giống như vậy, họ kể với chúng tôi: Người ấy cũng là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, cũng là mười mấy năm chẳng gián đoạn. Có người thứ hai nêu gương thật tốt cho người tu hành chúng ta. Chúng tôi giảng kinh mỗi ngày, khuyên kẻ khác mỗi ngày, nhưng chẳng có người nêu gương, rất khó tin tưởng! Chỉ cần đã đắc tam-muội, chuyện gì chúng ta cũng đều có thể lý giải. Nếu đúng là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, buông xuống vạn duyên, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, chỉ có kinh Vô Lượng Thọ, tu học như vậy, phải biết là ba hay bốn năm bèn đắc tam-muội. Người ấy có thể đạt được Tam Ma Địa như chúng tôi đã nói trong phần trước đã nói. Sau khi đắc tam-muội, lại chừng ba, bốn năm, khẳng định là khai trí huệ, ở đây gọi “khai trí huệ” là Đà-la-ni. Chúng ta nói thông thường thì Đà-la-ni nên giảng như thế nào? Một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông. Đà-la-ni là hết thảy các kinh đều thông. Một pháp môn đã đắc, hết thảy các pháp môn thảy đều đắc, đó là Đà-la-ni. Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ con người chẳng có tâm thường hằng, vọng niệm quá nhiều, hôm nay muốn học cái này, ngày mai muốn học cái khác, học rất nhiều, rất tạp. Đó là gì? Đó là tập khí phiền não. Kinh giảng những gì, Phật, Bồ Tát mỗi ngày khuyên quý vị, quý vị vẫn không tin, vẫn cứ tin vào tập khí phiền não của chính mình, sai mất rồi! Nếu thật sự chịu nghe lời Phật, ai nấy đều thành Phật, thật đấy, chẳng giả tí nào, nói theo Tịnh Độ Tông thì “không một ai chẳng thành tựu”. Thời gian mười năm chẳng dài, trôi qua rất nhanh, quý vị có thể nắm giữ [một pháp môn, một bộ kinh] trong mười năm, quý vị sẽ thành tựu. Chúng ta thấy hai người ấy đều là dùng thời gian [lâu dài] để nắm chắc, chẳng lãng phí một ngày nào!

Vì thế, đối với chuyện tu hành, có người hỏi tôi, người ấy nói tôi thường nói đến ba căn bản, nhưng họ (cư sĩ Lưu Tố Vân và một vị lão cư sĩ ở Tứ Xuyên) chẳng học ba căn bản ấy, cớ sao thành tựu? Họ thật sự có thể buông hết thảy xuống, nhất tâm nhất ý nơi một bộ kinh, một câu danh hiệu, ba căn bản liền viên mãn. Họ có thể làm được, quý vị có thể làm được hay không? Quý vị chẳng bằng họ. Xét theo hình thức, ba căn bản ấy là giới luật, họ chẳng học, nhưng người ta có Định Cộng Giới. Tam-muội là Định Cộng Giới, [tức là] trong Định có Giới. Không có Giới, làm sao có thể có Định cho được? Trong đà-la-ni có trí huệ, trí huệ đã khai thì gọi là gì? Gọi là Đạo Cộng Giới. Người bình phàm sơ sót những điều này, chỉ điểm họ, họ liền hiểu rõ. Họ có, mà còn rất cao minh, chúng ta nên học theo điểm này. Chúng ta thấy những tấm gương tốt đẹp ấy, tín tâm của chính mình phải nên kiên định. Quý vị thấy Lưu cư sĩ năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu học, sáu mươi sáu tuổi bèn thành công. Vị lão cư sĩ ở Tứ Xuyên, tôi còn chưa gặp mặt, tôi rất muốn gặp cụ, năm nay cụ đã ngoài bảy mươi tuổi, cũng là lúc tuổi già mới gặp gỡ, cụ đã thành công. Chúng ta là những kẻ còn chưa đến sáu mươi tuổi, hãy nên có tín tâm. Sáu mươi tuổi bắt đầu học tập, bảy mươi tuổi bèn thành công. Trước lúc bảy mươi tuổi, chẳng ai biết đến Ấn Quang đại sư, Ngài lặng lẽ, không ai biết đến, trụ trong lầu Tàng Kinh núi Phổ Đà, cũng là Tam Học Giới, Định, Huệ tăng thượng. Năm bảy mươi tuổi, Ngài bị người khác phát hiện, có những vị tại gia cư sĩ toàn là giáo sư đại học, đến thăm Phổ Đà Sơn, đến lễ Phật, gặp pháp sư Ấn Quang, hầu chuyện Ngài, những vị học giả ấy vô cùng kinh ngạc, gặp được vị thiện tri thức chân chánh, bèn viết bài tuyên dương Ngài trên các báo chí và tạp chí, Ấn Quang đại sư bèn nổi tiếng. Lão nhân gia hoằng pháp lợi sanh bằng văn tự, vì Ngài là người Thiểm Tây, nói giọng địa phương rất nặng, giảng kinh ở phía Nam mọi người nghe không hiểu, nên Ngài rất ít dùng ngôn ngữ để giảng kinh mà dùng văn tự. Bao nhiêu người nêu ra câu hỏi thỉnh giáo lão nhân gia, sau này, những thư trả lời của Ngài được tập hợp lại, trở thành bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, thuở ấy những lời Ngài phát biểu đăng trên báo chí và tạp chí, mọi người đều hiểu. Ngài viên tịch lúc tám mươi tuổi. Quý vị thấy thời gian Ngài hoằng pháp chỉ có mười năm, nhưng ảnh hưởng của mười năm hoằng pháp ấy, trong một trăm năm tại Trung Quốc, chẳng có ai có thể vượt qua Ngài, thù thắng khôn sánh! Cổ nhân Trung Quốc gọi điều này là *“hậu tích, bạc phát”* (tích lũy sâu dầy, phát lộ trong thời gian ngắn), Ngài đã tích lũy quá dầy. Trước khi học Phật, Ngài học Nho, lấy Nho làm cơ sở, dùng cơ sở Nho gia sâu dầy để nhập Phật môn, có công lực vài chục năm, nên khi phát, bèn đúng như cổ nhân đã nói: *“Không kêu thì thôi, hễ kêu sẽ khiến cho mọi người kinh hãi”*. Những vị ấy đã thị hiện nhằm nêu gương cho chúng ta, đều nhằm dạy chúng ta, phải dùng phương pháp gì và tâm thái gì để tu học thì quý vị mới có thể thành tựu.

Còn khó có hơn nữa, suốt đời tổ Ấn Quang coi trọng giáo dục nhân quả. Ngài đề cao ba bộ sách, yêu cầu thế hệ chúng ta và những kẻ học Phật trong mai sau, bất luận tại gia hay xuất gia đều phải đọc, phải nghiêm túc học tập để làm căn cơ. Ba thứ ấy chính là Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư, và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, đặc biệt coi trọng giáo dục nhân quả. Nay chúng tôi mới hiểu: Hiện thời, muốn cứu vớt xã hội này, muốn hóa giải tai nạn, muốn cứu vớt địa cầu, dùng gì? Dùng nhân quả. Mỗi người tin tưởng nhân quả, thiên hạ đại trị, các tai nạn trên địa cầu chẳng dấy lên, chẳng có tai nạn. Luân lý, đạo đức có lúc chẳng chống nổi danh cao, lợi nhiều, cảnh giới ấy hiện tiền, người ta biết rõ mà vẫn cố phạm. Nhưng thật sự hiểu nhân quả thì danh cao tới đâu, lợi to đến mấy, quý vị chẳng dám động tâm, vì sao? Hiện thời đạt được chỗ tốt đẹp và lợi ích, nhưng sau khi đã chết thì sao? Tâm hạnh bất thiện, chết đi, chắc chắn đọa địa ngục. Bất hiếu với cha mẹ, bất trung với quốc gia, không tôn trọng trưởng bối, không yêu thương thế hệ sau, những nghiệp ấy đều là nghiệp trong A Tỳ địa ngục. Đọa địa ngục rất dễ dàng, thoát khỏi địa ngục chẳng đơn giản như vậy, có dám làm hay không? Chẳng dám! Vì thế, ông Châu An Sĩ nói: *“Mỗi người tin tưởng nhân quả, đó là đạo để thiên hạ được bình trị to lớn”.* Chúng ta biết, không chỉ là thiên hạ đại trị, mà còn là trên địa cầu, tai nạn gì cũng chẳng có! *“Mỗi người không tin nhân quả là đạo khiến cho thiên hạ đại loạn”*, tai nạn gì trên địa cầu cũng đều phát sanh, đạo lý là như thế đó! Mỗi người chúng ta sống trên thế gian này, trên thực tế, hết sức đơn giản, mỗi ngày chỉ cần ăn no, mặc ấm, có nơi nho nhỏ để có thể tránh gió đụt mưa là đủ rồi, sung sướng hơn bất cứ gì khác. Cổ nhân dạy: *“Người đạt đến mức vô cầu, phẩm hạnh tự cao”.* Dục vọng càng nhiều càng khổ, con người buông dục vọng xuống sẽ đắc đại tự tại. Buông tham, sân, si xuống, Giới, Định, Huệ liền thành tựu. Vì thế, *“tu hành tam-muội, tu tập lâu ngày có thể thành Đà-la-ni”*, lời ấy là thật, chúng ta có thể tin tưởng. Chữ Tập (習) này có nghĩa là quý vị thực hiện những điều đã học trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử sự, đãi người, tiếp vật, học xong bèn thật sự có tác dụng, không phải là học rồi chẳng có tác dụng, mà là học đến mức hữu dụng.

*“Thị chư tam muội, cộng chư pháp Thật Tướng trí huệ, năng sanh Đà-la-ni”* (Các tam-muội ấy cùng với Thật Tướng của các pháp và trí huệ, có thể sanh ra Đà-la-ni); đây là nói do đâu mà có Tổng Trì? Do tam-muội mà có. Các tam-muội, tám vạn bốn ngàn pháp môn thảy đều là tu tam-muội, tam-muội là mấu chốt tu hành trong Phật pháp. Giới, Định, Huệ, hễ đạt được một điều thì hết thảy đều đạt được. Nay chúng ta tu tam-muội, dùng phương pháp nào? Dùng phương pháp niệm Phật, trì danh niệm Phật. Dùng phương pháp này để đắc tam-muội, nhưng trong Tịnh Độ Tông không gọi là tam-muội, mà gọi là “nhất tâm”. Nhất tâm là tam-muội, tam-muội là nhất tâm; danh từ khác nhau, ý nghĩa như nhau. Chúng ta dùng trì danh niệm Phật đắc nhất tâm, thật sự đạt đến nhất tâm, ứng dụng nhất tâm vào cuộc sống, tự tại! Vận dụng lâu ngày, càng dùng càng có trí huệ, toàn bộ trí huệ hiện tiền, trí huệ ấy chính là đà-la-ni. Trí Độ Luận giảng ý nghĩa này hay lắm, giảng thật hay, *“cộng chư pháp Thật Tướng trí huệ”*, đó là gì? Trong tự tánh vốn sẵn có trí huệ Bát Nhã. Vì thế, có thể sanh ra Đà-la-ni, Đà-la-ni là trong hết thảy các pháp, quý vị đều có thể dễ dàng nắm vững tổng cương lãnh và tổng nguyên tắc.

*“Hựu tam-muội đản thị tâm tương ứng pháp dã. Đà-la-ni diệc thị tâm tương ứng, diệc thị tâm bất tương ứng”* (Lại nữa, tam-muội chỉ là pháp tương ứng với tâm. Đà-la-ni vừa tương ứng với tâm, mà cũng chẳng tương ứng với tâm). Đà-la-ni và tam-muội có một chỗ khác nhau. Đà-la-ni vừa là tương ứng với tâm, mà cũng chẳng tương ứng với tâm, chẳng giống như tam-muội, tam-muội chỉ là tương ứng, chẳng có ý nghĩa không tương ứng. Tiếp đó, có giải thích: *“Đà-la-ni thị tâm bất tương ứng giả, như nhân đắc Văn Trì đà-la-ni, tuy tâm sân khuể diệc bất thất, thường tùy nhân hành, như ảnh tùy hình. Cái Trí Độ Luận chi nghĩa tam-muội giả, chỉ tại tâm tương ứng thời hiện tiền. Như bình phôi vị thiêu, tuy hữu bình tướng, bất năng thịnh thủy. Đà-la-ni như kinh hỏa thiêu thành hậu chi bình khí, cố năng trì Bồ Tát vô lượng công đức. Tuy tâm bất tương ứng thời (lệ như tâm sanh phiền não), diệc thường tùy nhân hành, như ảnh tùy thân”* (“Đà-la-ni lại chẳng tương ứng với tâm là nếu như có người đắc Văn Trì Đà-la-ni, tuy tâm nóng giận, Đà-la-ni cũng chẳng tan mất, thường theo hành nhân như bóng theo hình”. Như vậy thì theo ý nghĩa trong Trí Ðộ Luận, tam-muội phải do tâm tương ứng thì mới hiện hữu; như bình gốm chưa nung, tuy có hình dạng bình, nhưng chẳng thể đựng nước. Ðà-la-ni như bình, chén đã qua lửa nung, nên có thể gìn giữ vô lượng công đức của Bồ Tát. Tuy có lúc tâm chẳng tương ứng (chẳng hạn như khi tâm sanh phiền não), đà-la-ni vẫn thường theo hành nhân như bóng theo thân). Tỷ dụ này rất hay, nói rõ tương ứng là gì, không tương ứng là gì? *“Tương ứng với tâm”*, chúng ta phải nhớ, tổ tiên có nói một câu rất hay: *“Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”* (con người thoạt đầu tánh vốn lành), tâm là tánh, tâm tánh vốn lành, đó là tương ứng; bất thiện thì sao? Bất thiện bèn không tương ứng. Nói cách khác, *“tương ứng”* là tương ứng với thiện pháp, *“không tương ứng”* là chẳng tương ứng với thiện pháp, nó tương ứng với ác pháp, tức là chẳng tương ứng với thiện pháp. Vì thế, ở đây nêu lên một thí dụ. Quý vị nói tam-muội, tâm là định, nhưng khi người ta nổi giận, liền chẳng có Định. Đây là như kinh thường nói: *“Hỏa thiêu công đức lâm”* (lửa thiêu rừng công đức), nổi nóng là lửa thiêu. Hễ nổi giận liền chẳng có Định, Định liền mất đi, nhưng Đà-la-ni chẳng mất, Đà-la-ni là trí huệ. Tuy nổi nóng, trí huệ chẳng mất, đó là trí huệ. Tâm tương ứng với thiện pháp, nó khởi tác dụng; tâm tương ứng với bất thiện pháp, nó vẫn khởi tác dụng, chẳng do phiền não mà bị mất đi! Nó chẳng như vậy. Đó là chỗ khác nhau giữa Đà-la-ni và tam-muội. Tam-muội là Định, Đà-la-ni là Huệ. Nêu lên tỷ dụ này cũng rất dễ hiểu, chẳng khó hiểu.

*“Hựu Trí Độ Luận viết: Đà-la-ni thế thế thường tùy Bồ Tát, chư tam muội bất nhĩ, hoặc thời dịch thân tắc thất”* (Trí Độ Luận lại nói: “Ðà-la-ni đời đời thường theo Bồ Tát, còn các tam-muội chẳng được như vậy, hễ khi nào đổi thân liền bị mất đi”). Quả thật, đà-la-ni đời đời thường theo Bồ Tát, tức là trí huệ có thể mang theo được, nhưng công phu định lực thì không được. Công phu định lực có thể bị mất đi, [chẳng hạn như] sanh phiền não, Định bị mất đi, hoặc là khi đổi thân liền bị mất. Đổi thân bèn sanh phiền não, tham, sân, si dấy lên, tam-muội bèn mất đi. Thế nhưng, tuy Đà-la-ni không mất, khi nó tương ứng thì trí huệ giúp quý vị làm chuyện tốt, khi tham, sân, si, mạn hiện tiền thì trí huệ giúp quý vị làm chuyện xấu, quý vị có rất nhiều ý nghĩ xấu, chúng ta chớ nên không biết điều này. *“Cố tri Đà-la-ni nhất đắc vĩnh đắc, thắng ư tam-muội dã”* (Vì vậy, đà-la-ni một phen đã đạt được là vĩnh viễn đạt được, hơn hẳn tam-muội.). Thật vậy, tam-muội rất dễ mất đi, còn Đà-la-ni chẳng mất dễ dàng, không dễ dàng bỏ lỡ, các vị Bồ Tát đều chứng đắc.

***(Kinh) Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội. Cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội.***

**(經) 隨 時 悟 入 華 嚴 三 昧。具 足 總 持 百 千 三 昧。**

*(****Chánh kinh****: Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, trọn đủ tổng trì trăm ngàn tam-muội).*

Những câu này đều nhằm tán thán đại đức của các vị Bồ Tát dự hội. Tiếp đó, giải thích cho chúng ta biết Hoa Nghiêm tam-muội là gì. *“Hoa Nghiêm tam-muội, nãi Phật Hoa Nghiêm tam-muội chi dị xưng”* (Hoa Nghiêm tam-muội là tên gọi khác của Phật Hoa Nghiêm tam-muội), cũng là gọi giản lược, lược bớt chữ Phật, nên gọi là Hoa Nghiêm tam-muội. Tam-muội nghĩa là gì? Tiếp đó, [sách Chú Giải] giải thích, *“dĩ Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi vi lý thú”* (dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi làm lý thú). Nói theo cách hiện thời, nó chẳng dùng mười pháp giới, mà dùng Nhất Chân pháp giới, nói là cạn hay sâu là do chỗ này. Học thuật hiện thời, trong giới học thuật, bất luận là Trung Quốc hay ngoại quốc, đều nương theo mười pháp giới. Quý vị nhìn từ chỗ này, Phật pháp tự nhiên cao hơn người khác một bậc, vì sao? Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói: *“Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trên toàn thể thế giới”.* Giải thích câu ấy như thế nào? Phật pháp dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi làm lý thú. Học thuyết thế gian chưa hề dùng điều này, toàn là dùng mười pháp giới, dùng mười pháp giới vẫn được coi là rất cao. Hiện thời, Vật Lý Không Gian và Lượng Tử Lực Học đã nói đến A Lại Da, A Lại Da ở trong mười pháp giới, chẳng nói đến Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. [Khoa học] chưa nói đến tầng này, nhưng nói đến mười pháp giới thì cũng đúng là rất giỏi, chẳng phải là chuyện đơn giản. Một mới là chân, hai là vọng, một là chân. Một là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chúng ta đều có thể buông xuống, Nhất Chân pháp giới liền hiện tiền, ở ngay trước mắt, không cần tìm kiếm khắp nơi. Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, không gì chẳng phải là Nhất Chân pháp giới. Vì sao chúng ta chẳng thấy? Chúng ta khởi tâm động niệm thì Nhất Chân liền mất đi, lại có phân biệt, chấp trước, đối với Nhất Chân càng mê sâu hơn, sâu đến nỗi chẳng thể quay về, coi lục đạo luân hồi là thật! Trong kinh điển đã dạy: *“Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, chúng ta đều biết đọc [lời ấy], mà cũng nói rành rẽ hợp lý, nhưng đó chẳng phải là cảnh giới của chính mình, vẫn mê luyến lục đạo luân hồi y như cũ, làm sao quý vị có thể hiểu được? Đó đều là chân tướng sự thật. Hễ mê, liền biến Nhất Chân pháp giới thành mười pháp giới. Đức Phật chẳng dạy chúng ta điều gì khác, mục tiêu chung cực là giúp chúng ta trở về Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là quê nhà của chúng ta, chúng ta từ Nhất Chân đi ra, Phật giúp chúng ta trở về. Nhất Chân pháp giới mới thật sự đắc đại tự tại, trong ấy có trí huệ viên mãn, có đức năng viên mãn, có tướng hảo viên mãn, như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã dạy: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, đó là chuyện thuộc về Nhất Chân pháp giới.

*“Vô tận duyên khởi”*: Nói đến duyên khởi thì *“duyên”* (緣) là nhân duyên, tức là nói đến nhân quả, *“khởi”* (起) là sanh khởi. Sanh khởi gì vậy? Sanh khởi vô lượng vô biên các pháp, dùng từ ngữ này (duyên khởi) làm một đại danh từ chung. Nay chúng ta thấy trong toàn thể vũ trụ, vô lượng, vô biên, vô tận, vô số tinh hệ, tinh cầu ở trong không gian, nay chúng ta nói là Vật Lý Không Gian, tức là thế giới vĩ mô. Quay đầu nhìn lại, nhìn cái nhỏ nhất là vi trần. Trong kinh Phật nói đến vi trần, còn trong khoa học nói đến tế bào. Tế bào có thể chia nhỏ hơn, nó do những gì hợp thành? Các phân tử. Phân tử là do các nguyên tử hợp thành. Nguyên tử do các điện tử hợp thành. Điện tử do các tiểu lạp tử (hạt cơ bản) hợp thành. Các hạt do các khoa-khắc (quark) hợp thành. Hiện thời, [khoa học] nói khoa-khắc do các tiểu quang tử hợp thành, tìm đến vật chất nhỏ nhất. Tiểu quang tử còn có thể chia nhỏ nữa hay không? Hiện thời còn chưa biết. Tiểu quang tử được gọi là lượng tử, thế giới vi mô đấy! Khoa học hiện thời phát triển theo hai phương hướng, hai cực đoan ấy. Hai cực đoan ấy có thể thống nhất hay không? Thống nhất trong Phật pháp là *“lớn, nhỏ chẳng hai, tánh và tướng như nhau”*, liền phát hiện sự kỳ diệu. Trong một vi trần có thế giới vĩ mô, có vũ trụ, trong một tiểu quang tử có vũ trụ, vũ trụ viên mãn. Trong vũ trụ ấy lại có tiểu quang tử, trong tiểu quang tử đó lại có vũ trụ, trùng trùng vô tận. Kinh Phật nói như vậy, các nhà khoa học vẫn chưa phát hiện sự trùng trùng vô tận. Đó là vô tận duyên khởi, là chân lý.

*“Lý thú”* (理趣), Thú là hướng đến, quay về, [Lý Thú] là chỗ quy kết của chân lý, trong Phật pháp gọi điều này là “tự tánh”. Tự tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng không phải là tinh thần, bất cứ thứ gì cũng đều chẳng phải, chẳng có diện mạo bên ngoài, lục căn của chúng ta chẳng tiếp xúc được, mắt quý vị chẳng thấy, tai cũng chẳng nghe được, tâm cũng chẳng nghĩ được! Nó là thật, là bản thể của vạn vật trong vũ trụ, vạn hữu trong vũ trụ nương vào nó mà sanh, nên mới xuất hiện. Bất cứ gì cũng chẳng phải là nó, nhưng hết thảy các pháp đều chẳng thể rời khỏi nó. Chúng tôi giảng đến đây, thông thường có rất nhiều đồng tu đang cùng học tập với chúng ta qua màn hình TV hoặc computer, tôi bèn dùng màn hình để tỷ dụ tự tánh. Pháp giới vô tận duyên khởi có thể ví như những hình ảnh trên màn hình. Quý vị thu được rất nhiều băng tần, bình thường có thể thu tới hơn một trăm băng tần. Hơn một trăm băng tần ấy giống như vô tận duyên khởi đang nói ở đây. Quý vị bắt trúng băng tần, hình ảnh bèn hiện ra. Quý vị chẳng bắt trúng thì chẳng có hình ảnh. Như vậy là trong màn hình thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng thứ gì nó cũng đều có thể hiện; dùng màn hình tượng trưng cho Pháp Tánh, sánh ví những hình ảnh trong mỗi băng tần như pháp tướng. Pháp Tánh có thể sanh, có thể hiện, pháp tướng là cái được sanh, được hiện, năng - sở là một, chẳng hai. Còn đối với sự biến hóa thì biến hóa là thức, tánh chẳng có biến hóa. Do vậy, đức Phật nói: *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”.* Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, các thứ biến hóa là thức. Thức là gì? Là phân biệt, chấp trước. Chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, sẽ chẳng khởi biến hóa. Chúng ta biết: Nếu chúng ta phân biệt, chấp trước rất ít, biến hóa cũng rất nhỏ. Nếu phân biệt, chấp trước rất lớn, nó sẽ biến hóa to lớn, đạo lý là như vậy đó. Người ấy nhập Định, nhập Định là gì? Nhập Định là buông phân biệt, chấp trước xuống; người ấy chẳng phân biệt, không chấp trước, quý vị sẽ có thể thấy bản lai diện mục của rất nhiều hiện tượng, chúng tôi thường nói là “chân tướng sự thật”. Dùng tâm phân biệt, dùng tâm chấp trước, quý vị chỉ thấy pháp tướng dấy lên sự biến hóa, giống như sóng thiên biến vạn hóa, hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng. Sau khi đã hiểu đạo lý này, con người phải nên định tâm, tâm phải thiện lương, đó là chân tâm. Trở về tự tánh, trong tự tánh một niệm chẳng sanh, chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là trở về. Khởi tâm động niệm là đi ra bên ngoài, càng đi càng xa, chớ nên không biết đạo lý này.

*“Đạt thử lý thú”* (thông đạt lý thú ấy), *“đạt”* là thông đạt. Đối với đạo lý này, phải thật sự hiểu rõ, phải minh bạch. *“Niếp giải nhi khởi vạn hạnh”* (liền từ liễu giải khởi ra vạn hạnh). Thông đạt, hiểu rõ, Giải (解) là liễu giải. Sau khi thông đạt, hiểu rõ, sẽ biến thành hành vi của chính mình, biến những Lý ấy thành tư tưởng của chính mình, biến những Thú ấy thành những hành vi trong cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật. Đó là gì? Đó là sở hành của chư Phật Như Lai. Chúc mừng quý vị, quý vị sống cuộc đời gì? Sống cuộc đời của chư Phật Như Lai, trong nhân gian chẳng có, mà trên cõi trời cũng chẳng tìm được, cuộc sống ấy là [cuộc sống trong] thế giới Cực Lạc. Do vậy, người trong thế giới Cực Lạc, ai nấy đều đắc Hoa Nghiêm tam-muội. *“Trang nghiêm Phật quả vị chi Hoa Nghiêm”* (trang nghiêm Phật quả gọi là Hoa Nghiêm), quý vị thấy đó, dùng gì để trang nghiêm? Dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi để trang nghiêm Phật quả, đó là thế giới Cực Lạc, còn thù thắng hơn thế giới Hoa Tạng. *“Nhất tâm tu chi vị chi tam-muội”* (do nhất tâm tu tập nên gọi là tam muội). Nếu chúng ta chẳng biết thì là mê, là phàm phu; sau khi đã biết, bèn buông xuống vạn duyên, nhất tâm chuyên tu, đó là Hoa Nghiêm tam-muội. Người nào tu? Pháp Thân Bồ Tát tu, chẳng phải là kẻ bình phàm, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: Sau khi minh tâm kiến tánh, các Ngài tu Hoa Nghiêm tam-muội. Chưa kiến tánh thì sẽ không được. Chưa kiến tánh, làm sao quý vị có thể dùng Nhất Chân pháp giới vô tận duyên khởi? Quý vị chẳng dùng được.

*“Tịnh Ảnh Sớ viết: Như Hoa Nghiêm thuyết”* (Tịnh Ảnh Sớ nói: “Như Hoa Nghiêm nói”), như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, *“bỉ nhất tam-muội, thống nhiếp pháp giới nhất thiết Phật pháp, tất nhập kỳ trung”* (môn tam-muội ấy thống nhiếp hết thảy Phật pháp trong pháp giới, đều bao gồm trong đó). Tam-muội ấy là Hoa Nghiêm tam-muội, quý vị thấy Hoa Nghiêm tam-muội là gì? Trong Hoa Nghiêm tam-muội, thống nhiếp hết thảy Phật pháp trong pháp giới. Vào thời Tùy - Đường, các vị đại đức trong Phật môn thuở ấy cũng đã nghiên cứu vấn đề này: Suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật, hết thảy các pháp do Ngài đã nói trong bốn mươi chín năm, giảng hết thảy kinh, bộ kinh nào có thể làm đại biểu, thống nhiếp hết thảy các pháp do Ngài đã nói trong bốn mươi chín năm? Rất nhiều vị đại đức đồng ý, công nhận kinh Hoa Nghiêm; do vậy, kinh Hoa Nghiêm được gọi là *“căn bản pháp luân”.* Giống như một đại thụ, Hoa Nghiêm là cội rễ, hết thảy các kinh khác là cành, lá, hoa, quả trên cái cây ấy, giống như vậy đó. Hoa Nghiêm được coi là căn bản. Tiên sinh Phương Đông Mỹ cũng có cách nhìn ấy, cụ coi kinh Hoa Nghiêm là khái luận của hết thảy kinh giáo do đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong một đời. Thuở ấy, tôi theo cụ học triết học từ kinh Phật, cụ giới thiệu kinh Hoa Nghiêm, bảo đấy là khái luận triết học trong kinh Phật. Bất luận Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, Mật Giáo, Đại Thừa, Tiểu Thừa trong Phật môn đều được bao gồm trong bộ sách ấy, chẳng sót một pháp nào. Hoa Nghiêm là Đại Tổng Trì Môn, thật sự thống nhiếp hết thảy Phật pháp trong pháp giới. Chỗ quy túc cuối cùng trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta gọi là Lý Thú, tức là chỗ mà đạo lý đến cuối cùng sẽ quy hướng, chỗ quy hướng cuối cùng là kinh Vô Lượng Thọ. Vì sao nói vậy? Thành tựu cuối cùng trong kinh Hoa Nghiêm là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, đoạn khai thị này vô cùng quan trọng! Hoa Nghiêm cuối cùng quy về đâu? Quy về thế giới Cực Lạc. Do vậy, một phẩm này, vẫn là phần Chứng Tín Tự. Quý vị thấy tựa đề của phẩm này là Đức Tuân Phổ Hiền. Nói thật ra, thế giới Cực Lạc là thế giới của Phổ Hiền Bồ Tát, vô tận hạnh môn của Phổ Hiền Bồ Tát đều được thực hiện trong thế giới Cực Lạc. Nếu quý vị muốn thấy vô lượng, vô biên, vô tận công đức thù thắng của Phổ Hiền Bồ Tát, hãy đến thế giới Cực Lạc để xem. Chỗ ấy là mô hình kiểu mẫu của Phổ Hiền hạnh, quý vị tới đó, liền có thể trông thấy. Như vậy là [kinh Hoa Nghiêm] quy vào kinh Vô Lượng Thọ. Trong niên hiệu Càn Long đời nhà Thanh trước kia, cư sĩ Bành Nhị Lâm đã nói: *“Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bổn Hoa Nghiêm”*, nói rất hay! Nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm là Đại Bổn Vô Lượng Thọ Kinh, nội dung giảng giải như nhau, trong một đằng nói giản lược, một đằng nói tỉ mỉ. Nói cặn kẽ, kinh Vô Lượng Thọ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Nói đại lược thì Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là kinh Vô Lượng Thọ; do vậy [hai kinh] là một, không hai. Còn có một tiểu bổn, Phật Thuyết A Di Đà Kinh là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bổn Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm gọi là Đại Bổn, Đại Bổn A Di Đà Kinh hay Đại Bổn Vô Lượng Thọ Kinh đều được!

Từ cách nói này của các vị cổ đức, chúng ta lại nghiên cứu, nghiên cứu gì? *“Bỉ nhất tam-muội, thống nhiếp pháp giới nhất thiết Phật pháp, tất nhập kỳ trung”* (môn tam-muội ấy thống nhiếp hết thảy Phật pháp trong pháp giới đều bao gồm trong ấy). Tìm ra môn tam-muội này. Chúng ta lại tìm trong kinh Vô Lượng Thọ, bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư chia thành bốn mươi tám phẩm, phẩm nào có thể đại diện toàn bộ bản kinh, tức [phẩm nào] là trung tâm của cả bộ kinh? Chúng ta biết, cổ đại đức nói: Phẩm thứ sáu tức phần nói về bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện là cốt lõi của kinh Vô Lượng Thọ, mà phẩm kinh ấy do chính A Di Đà Phật tự nói, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ thuật lại. Bốn mươi tám nguyện gồm bốn mươi tám điều, điều nào là trung tâm? Cổ đại đức nói “nguyện thứ mười tám”. Nguyện thứ mười tám là *“mười niệm ắt vãng sanh”*, quy về chỗ nào? Quy về một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Chúng ta đã tìm ra: Bốn mươi tám nguyện là triển khai của nguyện thứ mười tám, nguyện thứ mười tám triển khai thành bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện lại triển khai thành kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ lại triển khai thành kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm triển khai thành hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Vì thế, chúng ta hiểu *“bỉ nhất tam-muội”* (môn tam-muội ấy) là gì? Là một câu danh hiệu, một câu Nam-mô A Di Đà Phật sáu chữ! Sáu chữ ấy thống nhiếp hết thảy Phật pháp trong pháp giới, chẳng phải là ý nghĩa này hay sao? Chúng tôi truyền một câu Phật hiệu tức là đã truyền hết thảy Phật pháp trong pháp giới cho quý vị.

Rất nhiều người biết niệm A Di Đà Phật, nhưng A Di Đà Phật nghĩa là gì, chẳng ai biết! Ở đây, chúng ta mới hiểu, một câu A Di Đà Phật là cốt lõi của Phật pháp do mười phương ba đời hết thảy chư Phật đã nói. Bất luận giảng pháp môn nào, đều chẳng có cách vượt thoát, nó là đỉnh cao nhất trong hết thảy Phật pháp, nó là chỗ rốt ráo trong hết thảy Phật pháp. Do vậy, thứ gì cũng đều chẳng hiểu, thứ gì cũng chưa từng học, nhưng niệm một câu A Di Đà Phật này, niệm mấy năm, người ấy biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh. Đó là gì? Người ấy thật sự buông xuống vạn duyên, nắm được tổng cương lãnh của hết thảy các Phật pháp, đã tìm được. Tổng cương lãnh là một câu A Di Đà Phật, tuyệt diệu thay! Chư Phật Như Lai, tổ sư đại đức từ bi đến cùng cực, đã đem bí mật này truyền cho quý vị, nhưng quý vị không biết. Quý vị thật sự đạt được một câu Nam-mô A Di Đà Phật này, quý vị bèn đạt được toàn bộ tất cả hết thảy Phật pháp. Ở đây nói là Niệm Phật tam-muội, thảy đều đạt được. Vì sao? Nó là tự tánh, tự tánh viên mãn. Do vậy, một câu danh hiệu này là đức hiệu của tự tánh. “Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” trong Tông Môn còn chưa phải là thấy A Di Đà Phật ư? A Di Đà Phật có nghĩa là gì, quý vị phải hiểu, quý vị sẽ không hoài nghi. Vô Lượng Giác, đó là tiếng Phạn dịch [chữ A Di Đà Phật] sang nghĩa tiếng Hán. A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Vô Lượng Giác là thống nhiếp Phật pháp trong hết thảy pháp giới.

*“Bát Thập Hoa Nghiêm viết: ‘Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ Tát nhập quảng đại tam-muội, danh Phật Hoa Nghiêm’. Hựu Lục Thập Hoa Nghiêm viết: ‘Phổ Hiền Bồ Tát Chánh Thọ tam-muội, kỳ tam-muội danh Phật Hoa Nghiêm’. Pháp Giới Ký vân: ‘Ngôn Hoa Nghiêm tam-muội giả, giải vân, Hoa giả, Bồ Tát vạn hạnh dã. Hà giả? Dĩ hoa hữu sanh thật (chỉ quả thật) chi dụng. Hành hữu cảm quả chi năng. Tuy phục nội ngoại lưỡng thù, sanh cảm lực dụng tương tự. Kim tức dĩ pháp thác sự, cố danh Hoa dã. Nghiêm giả,* *hạnh thành quả mãn, khế hợp tương ứng, cấu chướng vĩnh tiêu, chứng lý viên mãn, tùy dụng tán đức, cố xưng vi Nghiêm dã. Tam-muội giả, lý trí vô nhị, giao triệt dung dung, bỉ thử câu vong, năng sở tư tuyệt, cố vân tam-muội dã”* (Kinh Bát Thập Hoa Nghiêm nói: “Lúc ấy, Phổ Hiền Bồ Tát nhập tam-muội rộng lớn tên là Phật Hoa Nghiêm”. Kinh Lục Thập Hoa Nghiêm lại chép: “Phổ Hiền Bồ Tát chánh thọ tam-muội, tam-muội ấy tên là Phật Hoa Nghiêm”. Sách Pháp Giới Ký viết: “Hoa Nghiêm tam-muội được giải thích như sau: Hoa là vạn hạnh của Bồ Tát, vì sao? Do công dụng của hoa là có thể kết trái (chỉ quả, hạt), hạnh có khả năng cảm được quả. Tuy là pháp nội, ngoại khác nhau, nhưng lực dụng sanh và cảm tương tự. Dùng sự để tỏ bày pháp nên gọi là Hoa. Nghiêm là hạnh thành, quả mãn, khế hợp tương ứng, cấu chướng vĩnh viễn tiêu trừ, chứng lý viên mãn. Dựa trên Dụng để khen ngợi Đức, nên gọi là Nghiêm. Tam-muội là lý trí vô nhị, triệt để dung hội, đây, kia đều chẳng còn, năng, sở dứt bặt, nên nói là tam-muội”). Đoạn này trước hết trích dẫn kinh Bát Thập và Lục Thập Hoa Nghiêm, nói lên các ý nghĩa như nhau, đều là nói tới Phổ Hiền Bồ Tát. Ngài đạt được môn tam-muội tên là Phật Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm tam-muội nghĩa là gì? Trong sách Pháp Giới Ký [[2]](#footnote-3)[2] có giải thích: Hoa là vạn hạnh của Bồ Tát, biểu thị ý nghĩa này. Vì thế, chúng ta cúng hoa trước bàn Phật, phải hiểu hoa chẳng phải để cho Phật ngắm, mà nhằm biểu thị pháp, hoa tượng trưng cho hạnh môn. Ở đây giải thích, hoa có [tác dụng] *“sanh thật”* (kết quả), *“Thật”* (實) là quả hạt. Thực vật trước khai hoa, sau kết quả. Hoa nở đẹp đẽ, chúng ta biết quả nhất định trổ tốt đẹp. Lục độ vạn hạnh của Bồ Tát có thể cảm quả. Lục độ vạn hạnh là nhân, quý vị tu nhân, trong tương lai nhất định có quả báo. Lục độ vạn hạnh cảm quả là Phật Hoa Nghiêm. Tuy trong và ngoài khác nhau, nhưng lực dụng của sanh và cảm tương tự. Hoa là nói theo bề ngoài, dùng thực vật làm tỷ dụ. Bồ Tát tu hành là bên trong, tu Lục Độ vạn hạnh sử dụng công phu bên trong. Tuy trong và ngoài khác nhau, nhưng đạo lý tu nhân cảm quả tương thông, nên lực dụng của sanh và cảm là tương tự. Nay mượn sự để biểu thị pháp, nên gọi là Hoa; vì vậy, Hoa là tỷ dụ.

*“Nghiêm”*: Nghiêm là trang nghiêm. Nói theo quả, hạnh thành, quả mãn, [nghĩa là] tu hành thành tựu, quả báo liền hiện tiền. Bồ Tát thiện tâm thiện hạnh. Bồ Tát tâm là đại Bồ Đề tâm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, đó là Bồ Tát tâm. Chúng ta thường nói Bồ Tát hạnh là Tam Học (Giới, Định, Huệ), Lục Độ, Lục Hòa Kính, mười nguyện Phổ Hiền, đều là cương lãnh, triển khai ra bèn gọi là vạn hạnh. Hạnh thành, quả mãn, phù hợp tương ứng, phù hợp với Tánh Đức, tương ứng với vô tận duyên khởi. *“Cấu chướng”*, Cấu (垢) là phiền não, Chướng (障) là nghiệp chướng, *“vĩnh tiêu”* (永消) là vĩnh viễn tiêu trừ, chẳng còn nữa! *“Chứng lý viên mãn”*, lý ấy là tâm tánh, minh tâm kiến tánh. *“Tùy dụng tán đức”*, Dụng là khởi dụng, khởi lên tác dụng gì? Hóa độ hết thảy chúng sanh, triển hiện vô tận đức hạnh của Bồ Tát. Sách Hoàn Nguyên Quán nói đến bốn loại lớn: *“Tùy duyên diệu dụng, oai nghi có pháp tắc, nhu hòa chất trực, chịu khổ thay cho chúng sanh”*, triển hiện những điều ấy, nên gọi là Nghiêm. Lại giải thích tam-muội là *“Lý Trí bất nhị”*. Lý là Thể, Trí là Dụng. Lý là tự tánh, Trí là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh. *“Giao triệt dung dung, bỉ thử câu vong”* (triệt để dung hội, đây kia đều mất), khi Bồ Tát khởi dụng, không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đây - kia đều mất, năng - sở đều dứt thì gọi là tam-muội, đó chẳng phải là tam-muội bình phàm. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 61 hết**

Tập 123Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi ba, dòng thứ sáu từ dưới đếm lên.

*“Hoa Nghiêm kinh hựu vân”* (kinh Hoa Nghiêm lại nói), xem từ chỗ này, *“nhất thiết tự tại nan tư nghị, Hoa Nghiêm tam-muội thế lực cố”* (Hết thảy tự tại khó nghĩ bàn là do thế lực của Hoa Nghiêm tam-muội). *“Hựu Hợp Tán viết: - Pháp giới duy tâm, danh Phật Hoa Nghiêm. Dĩ nhân hạnh hoa, nghiêm quả đức tướng, linh hiển trước cố. Nhập thử tam-muội, hiện kiến thập phương Phật cập Phật độ”* (Sách Hợp Tán lại nói: “Pháp giới duy tâm gọi là Phật Hoa Nghiêm. Dùng hoa nhân hạnh trang nghiêm khiến cho tướng trạng của quả đức được hiển hiện. Nhập tam-muội này sẽ thấy mười phương Phật và các cõi Phật trong hiện tại”). Vẫn là dùng kinh luận để giải thích Hoa Nghiêm tam-muội. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải bộ đại kinh này, trích dẫn một trăm chín mươi ba bộ kinh luận, nên chúng ta đọc bản chú giải của cụ, cũng giống như xem hơn một trăm bộ kinh luận. Những văn tự có liên quan đến kinh Vô Lượng Thọ ở đây đều là tinh yếu, cốt lõi, ở chỗ này chúng ta có thể thấy được! Ở đây, cụ trích dẫn kinh Hoa Nghiêm để nói, hai câu sau đây là kinh văn: *“Nhất thiết tự tại nan tư nghị, Hoa Nghiêm tam-muội thế lực cố”*. Trong phần trước, chúng ta đã học Hoa Nghiêm tam-muội dùng Nhất Chân pháp giới làm duyên khởi vô tận, đó là lý luận và chỗ quy thú của nó. Thông đạt, hiểu rõ, nương theo đó để thực hiện, nương theo lý luận, phương hướng, và mục tiêu ấy để xử sự, chúng ta thường nói là “tu hành”. Đó là tam-muội, [tam-muội ấy] được gọi là Hoa Nghiêm tam-muội. Do đó, đắc Hoa Nghiêm tam-muội thì hết thảy tự tại, vì sao? Thể của Hoa Nghiêm tam-muội là Nhất Chân pháp giới, là vô tận duyên khởi, nói theo cách hiện thời là toàn thể vũ trụ. Bất luận tánh, tướng, lý, sự, nhân, quả, không gì chẳng thông đạt, chẳng có gì không hiểu rõ, nên người ấy mới đắc tự tại. Vì vậy, chúng ta có thể biết: Chẳng tự tại là vì đâu? Do mê mất tự tánh.

Lục đạo phàm phu chúng ta, cho đến các vị tiểu thánh trong tứ thánh pháp giới, đều chưa khai ngộ. Hoa Nghiêm tam-muội là cảnh giới đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Chưa khai ngộ là phàm phu, ở trong lục đạo; trong pháp Đại Thừa, những người ấy được gọi là *“nội phàm”*, do còn ở trong lục đạo. Tứ thánh pháp giới được gọi là *“ngoại phàm”*, ở ngoài lục đạo. Vì sao gọi họ là phàm phu? Chưa kiến tánh, vẫn dùng vọng tâm y như cũ. Vọng tâm là A Lại Da, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Bất quá, họ sử dụng [vọng tâm] thù thắng hơn chúng ta. Chúng ta mê mà bất giác, lại không tin lời Phật, Bồ Tát, hoàn toàn cậy vào phiền não tập khí của chính mình để xử sự; trên thực tế, xử sự kiểu đó bèn tạo nên oan nghiệt. Tứ thánh pháp giới tuy dùng vọng tâm, nhưng họ tin Phật. Tôi dùng chữ này, các đồng học phải lưu ý, tức là chúng ta không tin Phật, họ tin Phật. Vì sao? Họ nghe theo giáo huấn của đức Phật, thật sự hành. Còn chúng ta hằng ngày nghe Phật dạy, nghe cũng đã nhàm tai, chẳng thật sự hành. Dẫu có hành thì cũng bớt xén rất lớn! Ví dụ như điều cơ bản nhất là Thập Thiện Nghiệp Đạo, đây là giáo huấn cơ sở của đức Phật, học Phật là học từ chỗ nào? Học bắt đầu từ chỗ này, chúng ta có làm được hay không? Đức Phật dạy chúng ta đừng sát sanh, chúng ta có làm được hay không? [Quý vị khoe] “ta không sát sanh”, nhưng muỗi đến chích quý vị, chẳng phải là quý vị đập nó chết tươi ư? Nếu quý vị đánh chết nó thì chẳng phải là đã sát sanh rồi hay sao? Lại hỏi chúng ta có ăn thịt hay không? Ăn thịt cũng là sát sanh. Chúng ta có ý niệm tổn hại kẻ khác hay không? Có ý niệm tổn hại người khác chính là ý niệm sát sanh, tức là quý vị chẳng đoạn dứt sát tâm, còn có ý niệm làm tổn hoại người khác. Đối với trộm cắp, chúng ta không trộm cắp, nhưng có ý niệm chiếm tiện nghi hay không? Quốc dân đóng thuế cho quốc gia là nghĩa vụ, là chuyện đáng nên làm, chúng ta có hy vọng phải nộp thuế ít hơn một chút, tìm văn bản pháp luật xem có chỗ nào để có thể trốn thuế hay không để chúng ta đóng thuế ít hơn một chút, tâm niệm ấy là tâm trộm cắp. Tuy chẳng trộm cắp, nhưng quý vị có tâm trộm cắp, có ý niệm trộm cắp. Vì thế, mỗi điều đều rất vi tế, chúng ta dường như không làm, nhưng suy nghĩ kỹ, tất cả đều phạm, đó là gì? Đó là lục đạo phàm phu.

Những vị trong tứ thánh pháp giới thật sự làm được. Không chỉ làm được, mà còn làm vô cùng vi tế. Thánh nhân Tiểu Thừa, chúng ta thấy A La Hán và Bích Chi Phật, hai loại trước trong tứ thánh pháp giới là Tiểu Thừa, hai loại sau là Đại Thừa, tức Bồ Tát và Phật, Tiểu Thừa có thể triển khai Thập Thiện Nghiệp Đạo thành ba ngàn điều, chẳng phải là mười điều. Mười điều triển khai thành ba ngàn điều, tức ba ngàn oai nghi. Bồ Tát pháp giới và Phật pháp giới càng thù thắng hơn, các Ngài triển khai thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh [[3]](#footnote-4)[1]. Đó là trong mười pháp giới, chưa thoát khỏi mười pháp giới, là ngoại phàm, nhưng các Ngài làm được. Tứ thánh pháp giới thật sự là đệ tử của đức Phật. Do vậy, có thể biết: Trong Nhất Chân pháp giới, ở đây nói là “Nhất Chân pháp giới”, các vị Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới đều đắc Hoa Nghiêm tam-muội. Thập Thiện Nghiệp Đạo được triển khai không phải là tám vạn bốn ngàn, mà là vô lượng, vô biên, vô số, vô tận, đạt tới viên mãn rốt ráo. Vì thế, *“nhất thiết tự tại nan tư nghị”* (hết thảy tự tại khó nghĩ bàn), chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng. Đó là gì? *“Hoa Nghiêm tam-muội thế lực cố”* (do thế lực của Hoa Nghiêm tam-muội). Các Ngài chứng đắc Hoa Nghiêm tam-muội, nên mới có sự thù thắng như vậy. Tự tại là giải thoát, trong Phật quả nói đến ba đức là Bát Nhã, Pháp Thân, Giải Thoát, [các Ngài] đều chứng đắc ba thứ ấy viên mãn.

Trong sách Hợp Tán có nói khá cặn kẽ: *“Pháp giới duy tâm, danh Phật Hoa Nghiêm”* (pháp giới duy tâm gọi là Phật Hoa Nghiêm). Pháp giới là hết thảy các pháp, hết thảy các pháp do đâu mà có? Kinh Hoa Nghiêm đã dạy chúng ta: *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Tánh - Tướng nói theo cách hiện thời thì Tánh là hiện tượng tinh thần, Tướng là hiện tượng vật chất. Trong kinh Phật, thường dùng Ngũ Uẩn để hình dung và thuyết minh. Ngũ Uẩn gồm năm điều, tức năm pháp. Thứ nhất là Sắc, Sắc là nói tới vật chất. Bất luận trong tình huống nào, dù là chất rắn, chất lỏng, hay chất khí, nói chung, nó là vật chất, đều là Tướng Phần của A Lại Da. Hiện tượng tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nó cảm thụ, nó có cảm nhận. Cũng có thể nói là nó có các thứ cảm nhận khổ, lạc, ưu, hỷ. Vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng thể tách rời, chúng kết hợp cùng một chỗ, nên hiện tượng vật chất nào cũng đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Quý vị thấy tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, nước là khoáng vật, thật sự thí nghiệm thấy nước có thể nhìn, nghe, và hiểu ý nghĩ của con người. Chúng ta đối xử tốt đẹp với nó, nó có thể cảm nhận, nó rất vui sướng, rất hoan hỷ. Chúng ta đối xử với nó không tốt, nó rất khổ não, nó có thể hiện ra hình tướng cho chúng ta thấy. Chúng ta xử tốt với nó, nói: “Chúng tôi rất ưa thích ngươi, rất mến ngươi”, nó phản ứng vô cùng đẹp đẽ. Chúng ta nói “tao ghét mày, tao chẳng ưa mày”, nó phản ứng rất xấu xí. Điều này cho thấy nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nói theo kiểu của người hiện thời, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ, sống động, chẳng chết cứng! Trong bất cứ hiện tượng vật chất nào, cũng đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Pháp giới duy tâm, đó là *“Phật Hoa Nghiêm”.*

*“Dĩ nhân hạnh hoa”* (do coi hạnh trong lúc tu nhân là hoa), Hoa tượng trưng cho cái nhân, Nghiêm biểu thị cái quả. Đây là dùng thực vật để tỷ dụ, quý vị thấy thực vật nở hoa trước, kết quả sau. Trong sự cúng dường của chúng ta, tức là sự cúng dường trong Phật pháp, hương và hoa thường được dùng nhất. Kẻ bình phàm chỉ biết thắp hương, dùng hoa tươi cúng Phật; thật ra, phải hiểu ý nghĩa của nó. Chẳng hiểu ý nghĩa của nó, sẽ là chỉ có hình thức, chẳng có thực chất. Thực chất quan trọng hơn hình thức, chúng ta phải biết điều này! Phật pháp, trọng thực chất, chẳng trọng hình thức. Do vậy, cá nhân chúng ta tu hành, hãy nên trọng thực chất, đừng trọng hình thức, nhưng ở chung với đại chúng, hình thức rất quan trọng, vì sao? Biểu thị pháp. Chúng ta cùng đại chúng cộng tu trong Phật đường, trước hình tượng Phật, Bồ Tát, phải cúng hương, hoa, chứ riêng mình tu hành thì chẳng cần thiết. Một nén hương là đủ rồi, hương, đèn, nước, một chén nước, khi bản thân chúng ta tu học [chỉ cần như vậy] là được rồi. Hương tượng trưng cho Tín, tín hương, đại biểu Giới, Định. Quý vị thấy trong bài Hương Tán có câu *“Giới Định chân hương”*, biểu thị điều này. Do vậy có thể biết: Hương là hình tướng, thực chất là gì? Thực chất là Giới, Định. Nếu chúng ta chẳng có Giới, chẳng có Định, chỉ là một nén hương suông, tức là chỉ có hình thức, chẳng có thực chất. Hương nhắc nhở chính mình phải tu Giới - Định, và cũng nhắc nhở người khác, nó có ý nghĩa ấy. Cúng hoa, hoa biểu thị sự tu nhân, nhân gì vậy? Lục Độ là nhân, bố thí, trì giới. Trong trì giới, Thập Thiện là nhân. Do vậy, chúng ta chú trọng tu nhân. Chẳng cúng hoa không sao cả, chúng ta thật sự tu hành là tu nhân, tu Thập Thiện, tu Lục Độ, đó là ý nghĩa của việc cúng hoa. Không cúng hoa, nhưng chúng ta đã đạt được ý nghĩa ấy, tức là có thực chất, chẳng có hình thức; điều này rất trọng yếu, hình thức chẳng trọng yếu. Chúng ta cúng trái cây, trái cây biểu thị phương hướng và mục tiêu tu hành, trái cây tượng trưng điều gì? Tượng trưng Bồ Đề, tượng trưng Niết Bàn. Chúng ta tu Tịnh Độ, quả ấy biểu thị Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm niệm chẳng quên, mang ý nghĩa này. Do vậy, hương và hoa là nhân, hoa nhân hạnh cảm quả đức, *“trang nghiêm”* là quả đức. Đối với tự thân, quả đức là *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”* như trong kinh đã nói, đó là quả, nâng cao cảnh giới của chính mình, trang nghiêm quả đức. *“Linh hiển trước cố”* (khiến cho hiển hiện), cổ nhân Trung Quốc nói: *“Tồn ư nội, nhi hình ư ngoại”* (chất chứa bên trong, sẽ thể hiện ra bên ngoài). Trong tâm quý vị có thanh tịnh, bình đẳng, giác, liền hiện ra ngoài. Trong tâm người ta hoan hỷ, quý vị sẽ thấy vẻ mặt tươi cười. Người mang nỗi âu lo, quý vị thấy sắc mặt họ rất khó coi, đó là biểu hiện ra ngoài. Do vậy, nếu tâm địa quý vị thanh tịnh, tướng thanh tịnh liền hiện tiền; bình đẳng thì tướng bình đẳng cũng sẽ hiện ra, đó là *“quả đức hiển trước”* (quả đức hiển lộ).

*“Nhập thử tam-muội”* (nhập tam-muội này), *“nhập”* là khế nhập, quý vị chứng đắc, tu thành. Quả là *“hiện kiến thập phương Phật cập Phật độ”* (thấy thập phương Phật và cõi Phật trong hiện tại). *“Hiện”* (現) là hiện tiền (現前). Trong hiện tiền, quý vị thấy mười phương chư Phật, thấy Phật. Quý vị cũng thấy các cõi nước của mười phương chư Phật. Mười phương Phật là thầy của chúng ta. Mười phương cõi Phật là đạo tràng tu hành của chúng ta. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, lão nhân gia suốt đời chẳng kiến lập đạo tràng, vì sao chẳng dựng đạo tràng? Nơi nơi chốn chốn đều là các cõi nước của mười phương chư Phật, chính mình cần gì phải tự xây đạo tràng? Chính mình dựng đạo tràng, tam-muội rất khó hiện tiền, vì sao? Quý vị có phân biệt, có chấp trước, tâm quý vị không thanh tịnh, tâm quý vị bất bình đẳng, chẳng buông tập khí phiền não xuống được. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta một chiêu này vô cùng cao minh, bỏ sạch hết thảy, chẳng mảy may lưu luyến thế gian này. Tự hành, hóa tha, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, nơi nào có duyên bèn đến đó, kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh. Nghĩa lý trong kinh văn rộng lớn, chẳng có ngằn mé, đâu đâu cũng đều có thể thấy. Ở chỗ này, chúng tôi nói đến đây, phía sau còn bổ sung rất nhiều điều.

*“Hựu Gia Tường Sớ viết: Thử tam-muội giai sức Pháp Thân, cố vân Hoa Nghiêm”* (Gia Tường Sớ lại giảng: “Tam-muội này đều dùng để trang hoàng Pháp Thân, nên gọi là Hoa Nghiêm”). Trong chữ Hoa Nghiêm (華嚴), Hoa là hoa lệ (華麗: rực rỡ, lộng lẫy), Nghiêm là trang nghiêm. Quý vị thấy bọn chúng ta tham dự tiệc tùng, mặc lễ phục, đeo chuỗi châu ngọc. Đó là trang nghiêm, vậy thì Hoa Nghiêm là dùng tỷ dụ ấy. Dùng gì để trang nghiêm? Dùng tam-muội, dùng Hoa Nghiêm tam-muội để trang hoàng Pháp Thân, đó là Hoa Nghiêm. Chúng ta xem câu tiếp theo, câu này do cụ Niệm Tổ giảng: *“Nhân thử tam-muội, trang nghiêm Pháp Thân cố, dĩ thượng chư thuyết, giai minh Hoa Nghiêm tam-muội chi nghĩa”* (Do tam-muội này trang nghiêm Pháp Thân, nên các thuyết như trên đều giảng rõ ý nghĩa của Hoa Nghiêm tam-muội), đều là ý nghĩa của Hoa Nghiêm tam-muội, tam-muội này có thể trang nghiêm Pháp Thân. Pháp Thân là gì? *“Kỳ trung Hợp Tán sở vị ‘pháp giới duy tâm, danh Phật Hoa Nghiêm’; thử biểu Nhất Chân pháp giới duy thị tự tâm, vu thử liễu đạt, tức Hoa Nghiêm tam-muội”* (Trong ấy, thuyết “pháp giới duy tâm gọi là Phật Hoa Nghiêm” của sách Hợp Tán biểu thị: Nhất Chân pháp giới chỉ là tự tâm. Thấu đạt được điều này thì đó chính là Hoa Nghiêm tam-muội). Cách giảng này rất hay. Nhất Chân pháp giới, nói thật với quý vị, Chân là gì? Theo định nghĩa trong giáo pháp Đại Thừa, hễ nói tới Chân thì nó là tồn tại vĩnh hằng, bất sanh, bất diệt, vĩnh hằng bất biến, đó là Chân. Chúng ta hãy suy nghĩ, vạn sự vạn vật trong vũ trụ, thứ gì là bất biến? Con người chúng ta, người sống trong thế giới này có sanh, lão, bệnh, tử, biến đổi trong từng sát-na. Con người già đi, chẳng phải là mười năm sau già hơn mười năm trước, chẳng phải vậy, mà là mỗi năm một già hơn! Nếu quý vị xét kỹ, mỗi tháng một già hơn, mỗi ngày một già hơn. Nói thật với quý vị, mỗi giây một già hơn, giây trước còn trẻ trung, giây sau đã già khọm. Sát-na chẳng trụ, chẳng ngưng nghỉ, luôn biến hóa, đó là giả, chẳng thật. Đức Phật dạy chúng ta đạo lý này, [hễ thứ nào] có hiện tượng ấy (hiện tượng sanh diệt, biến hóa), quý vị liền biết nó là giả, chẳng thật!

Chúng ta thấy hoa cỏ, cây cối bên ngoài, hoa, cỏ, cây cối cũng là vô thường. Hoa nở, hoa tàn, Xuân sanh thành, Hạ tăng trưởng, mùa Thu lá cây úa vàng, mùa Đông trút lá. Vì thế, nó cũng là vô thường, chẳng thật, là giả. Lại nhìn đến khoáng vật, núi, sông, đại địa cũng là vô thường, cũng biến hóa trong từng sát-na; vì thế, biển xanh nương dâu! Quý vị chú tâm quan sát, [sẽ thấy] toàn thể vũ trụ đều biến hóa. Ban đêm chúng ta thấy, lúc trời quang đãng nhìn lên không trung, vô lượng, vô số tinh cầu, bằng mắt thường, chúng ta có thể thấy ước chừng hơn sáu ngàn ngôi sao. Nếu dùng loại viễn vọng kính thông thường, ước chừng có thể thấy khoảng mười mấy vạn. Viễn vọng kính thiên văn thấy càng nhiều hơn. Những tinh cầu ấy có thành, trụ, hoại, không. Quan sát từ viễn vọng kính của đài thiên văn, ta thường thấy có những ngôi sao bùng nổ. Sau khi bùng nổ, chẳng còn thấy chúng nữa, chẳng còn nữa, đã tiêu mất rồi. Ta cũng phát hiện những ngôi sao mới xuất hiện, ở chỗ này vốn chẳng có ngôi sao nào, đột nhiên sáng bừng, có ngôi sao mới xuất hiện. Đó là tinh cầu có sanh, có diệt. Thông thường, qua viễn vọng kính thiên văn, chẳng phải bằng dụng cụ tinh vi, chúng ta đã thấy tinh cầu sanh diệt. Vì thế, đức Phật nói thành, trụ, hoại, không, nói thế giới thành, trụ, hoại, không. Thứ gì bất biến? Dường như trọn chẳng tìm thấy!

Trên thân chúng ta, trên thân thể, thật sự có thứ bất diệt như vậy, nếu đức Phật không dạy rõ, chúng ta đều bỏ sót. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói với vua Ba Tư Nặc, vì vua Ba Tư Nặc hết sức đau đớn, tuổi mỗi năm một già hơn, già rồi sẽ chết, cảm nhận nỗi khổ vô thường. Đức Phật khai thị, hỏi nhà vua: “Bệ hạ mấy tuổi bèn thấy sông Hằng và thấy nước sông Hằng lần đầu?” Sông Hằng của Ấn Độ giống như Trường Giang (sông Dương Tử) hoặc Hoàng Hà của Trung Quốc, là một con sông rất lớn. Vua thưa: “Lúc ba tuổi”, mẹ dẫn nhà vua đi qua sông Hằng, biết đó là nước sông Hằng. Đức Phật liền hỏi nhà vua: “Khi bệ hạ mười ba tuổi, già hơn lúc ba tuổi phải không?” “Đúng thế!” “Lúc mười ba tuổi, cái thấy của bệ hạ so với cái thấy lúc ba tuổi có biến hóa hay không?” Vua thưa: “Chẳng biến hóa. Người già đi, nhưng theo trẫm thấy, dường như chẳng có hiện tượng lão hóa”. Sau đó, hỏi vua từng mười năm một, hai mươi ba tuổi so với mười ba tuổi, ba mươi ba tuổi so với hai mươi ba tuổi, cuối cùng hỏi đến sáu mươi hai tuổi; năm đó, nhà vua sáu mươi hai tuổi. Sáu mươi hai tuổi đã già rồi. “Tuy đã già, tánh Thấy của bệ hạ có già hay không?” Chẳng già! Nay chúng ta nói là tuổi tác đã cao, mắt đã kém rồi, mắt già, hoa mắt là gì? Đó là công cụ của quý vị có vấn đề, chẳng phải là tánh Thấy có vấn đề! Đeo cặp kính vào, lại thấy rõ ràng. Do vậy có thể biết: Cái Thấy và tánh Thấy chẳng liên quan với nhau! Đó là [vấn đề nơi] công cụ, công cụ bị lão hóa, đeo mắt kính vào liền giống như thuở tuổi trẻ, chữ rất nhỏ vẫn có thể nhìn thấy. Đức Phật liền nói: “Thân thể của bệ hạ có lão hóa, nhưng tánh Thấy chẳng bị lão hóa”. Mỗi năm một già hơn, nhưng tánh Thấy chẳng bị lão hóa. Cái chẳng già là thật, nơi mắt gọi là Thấy, tánh Thấy; nó chẳng có sanh diệt, chẳng có hiện tượng lão hóa. Nơi tai gọi là Nghe, tánh Nghe. Căn tánh của sáu căn là thật; căn tánh của sáu căn là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. Nó có sự liễu biệt, nhưng chẳng phân biệt. Liễu (了) là hiểu rõ, [liễu biệt là] thấy rất rõ ràng, nghe rất rõ ràng, chứng tỏ căn tánh của sáu căn là thật. Sau khi thấy, bèn phân biệt, chấp trước, đó là vọng tâm. Vọng tâm thuận theo chân tâm, đồng thời khởi tác dụng, nhưng vọng là vọng, chân là chân. Vọng có sanh diệt, chân chẳng có sanh diệt. Đoạn kinh văn ấy nói rất dài, vua Ba Tư Nặc nghe hiểu, hết sức hoan hỷ, biết trong cái thân sanh diệt này của chính mình vẫn có một thứ bất sanh bất diệt tồn tại. Cái chẳng sanh diệt ấy là cái ta thật sự, được gọi là Pháp Thân. Pháp Thân là căn tánh của sáu căn, Pháp Thân là chân tâm, bất sanh, bất diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng đến, chẳng đi.

Do vậy, ở đây nói là *“Nhất Chân pháp giới chỉ là tự tâm”*, tâm hiện mà! Các tướng được hiện bởi tâm, phải hiểu tướng là giả, và cái tâm có thể hiện (năng hiện) ấy là thật, tướng được hiện là giả. Chân và vọng tuy hòa hợp, nhưng chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân, nhất định phải hiểu rõ điều này. Kinh Đại Thừa lại nói chân và vọng chẳng hai, có nghĩa là gì? “Chân và vọng chẳng hai” là nói hai thứ đều chẳng tồn tại. Chân chẳng phải là hiện tượng vật chất, mà cũng không phải là hiện tượng tinh thần, lục căn chẳng tiếp xúc được! Có tánh Thấy hay không? Có, khẳng định là có! Nếu chẳng có, làm sao nó có thể thấy được? Nó ở chỗ nào? Chẳng thấy được! Chuyện này cũng rất khó hiểu, nhưng cũng chẳng phải là rất khó hiểu, chúng tôi dùng tỷ dụ thì chư vị có thể hiểu được. Chúng tôi sánh ví chân tâm với điện đang được dùng trong hiện tại, mọi người bèn dễ hiểu. Điện là một vật, mà cũng là một thứ hiện tượng vật chất, nhưng trong các vật dụng khác nhau, nó khởi tác dụng khác nhau. Nơi TV, nó có thể hiện ra hình ảnh, giống như ở mắt thì chúng ta có thể thấy, ở tai bèn có thể nghe. Nơi điện thoại, nó có thể nghe âm thanh, vẫn là một thứ điện. Điện chẳng có hai, nhưng ở mỗi loại máy [bèn khởi tác dụng] mỗi khác; vật dụng khác nhau, nó khởi tác dụng khác nhau. Khi nó ở chỗ máy lạnh, nó còn tỏa ra gió mát để hưởng thụ. Nơi lò nướng, nó có thể nấu nướng này nọ, hâm nóng thức ăn cho ta ăn. Công cụ khác nhau, nó sẽ khởi tác dụng không giống nhau. Chúng ta sánh ví điện như chân tâm, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là những công cụ khác nhau. Ở mắt, nó liền sanh ra tác dụng thấy, có thể thấy. Ở tai, nó có thể nghe, ở mũi, nó có thể ngửi, ở lưỡi, nó có thể nếm, nơi ý, nó có thể biết. Nơi các căn khác nhau, tức lục căn, nó khởi tác dụng khác nhau, thật ra, nó là một. Thứ này bất sanh, bất diệt, thứ này là thật. Cậy vào giả để tu chân, hễ tu thì phải tu chân tâm, chỉ là tự tâm. Liễu đạt điều này bèn gọi là Hoa Nghiêm tam-muội. Quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự thông đạt chân tướng sự thật này, liền định ở nơi ấy. Tam-muội là ở chỗ này, chúng ta đã học trong phần trước, *“nhất tâm chỉ trụ”* (an trụ nơi nhất tâm) là tam-muội.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy người ta “bỏ thức dùng căn bèn thành Phật”. Vì sao phàm phu chẳng thành Phật, mà thành phàm phu? Họ dùng thức, chẳng biết dụng tâm. *“Dụng tâm”* là gì? Dụng tâm là dùng căn tánh của lục căn, căn tánh là tâm. Tâm và thức sai khác ở chỗ nào? Tâm chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, bất sanh, bất diệt; thức có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, sanh diệt trong từng sát-na. Dùng căn, chẳng dùng thức, là ai? Pháp Thân Bồ Tát, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói là *“minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”*, các Ngài thành Phật như thế nào? Các Ngài dùng căn, chẳng dùng thức, bèn thành Phật. Các Ngài dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Do chúng sanh trong mười pháp giới đều dùng thức, tức là nói họ có phân biệt, có chấp trước, có khởi tâm động niệm, lục đạo phàm phu có trọn vẹn những thứ ấy, toàn bộ ba thứ phiền não đều có. A La Hán và Bích Chi Phật đã đoạn Kiến Tư phiền não, tức là chẳng chấp trước. Do không chấp trước, nên đắc thanh tịnh tâm, nhưng chưa đạt được bình đẳng, chưa đạt được giác. Tiến cao hơn, Bồ Tát, Phật đoạn Trần Sa phiền não, cao hơn A La Hán, nhưng các Ngài còn có khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm là Vô Minh phiền não. Lại có thể đoạn trừ Vô Minh phiền não, tức là chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước; khi ấy, các Ngài dùng gì? Các Ngài dùng căn tánh của sáu căn, chẳng dùng thức, đó là thành Phật, vượt thoát mười pháp giới. Các Ngài trụ nơi đâu? Các Ngài trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, cõi ấy gọi là Nhất Chân pháp giới. Chúng ta cúng trái cây trước Phật, trái cây tượng trưng Nhất Chân pháp giới, chúng ta hy vọng có thành tựu như vậy trong một đời. Vì vậy, nó biểu thị pháp, nhắc nhở chính mình, mà cũng nhắc nhở người khác, nhằm biểu thị pháp. Nói theo sách Hợp Tán, Hoa Nghiêm tam-muội là nhân quả trong tự tánh, chẳng phải là nói đến gì khác.

*“Như Gia Tường Sớ vân: Thử tam-muội giai sức Pháp Thân”* (Như Gia Tường Sớ nói: “Tam-muội này trang hoàng Pháp Thân”), Pháp Thân là tự tánh, *“cái vị thử tam-muội tất trang nghiêm Pháp Thân”* (có ý nói là tam-muội này ắt trang nghiêm Pháp Thân). Tiếp đó, nói rất hay, *“Pháp Thân tức bổn diệu minh tâm, tức thị tự tâm”* (Pháp Thân chính là tâm diệu minh vốn có, tức là tự tâm), đây là chân tâm của chính mình, chẳng phải là vọng tâm. Vọng tâm là A Lại Da. Trang nghiêm Pháp Tánh, ở đây là tự tâm, là Pháp Tánh, là tự tánh. Đức Phật nói ra mấy chục danh xưng, nhưng đều là một chuyện. Vì sao là một chuyện mà đức Phật nói nhiều danh xưng như vậy? Đây là sự khéo léo trong giáo học, đức Phật dạy chúng ta chớ nên chấp trước tướng danh tự, vì sao? Tướng danh tự là giả, chẳng thật. Quý vị chấp tướng danh tự thì sai mất rồi. Chớ nên chấp trước tướng danh tự. Chớ nên chấp trước tướng ngôn thuyết, ngôn thuyết cũng là giả, cũng chẳng thật. Trong những giả danh, giả tướng ấy, nếu quý vị có thể ngộ nhập nghĩa lý thật sự của chúng thì là đúng, đó mới là học Phật. Chấp trước giả danh, giả tướng là sai mất rồi, vĩnh viễn chẳng thấy tự tánh; ở đây, gọi tự tâm là tự tánh. *“Cố tri nhất thiết pháp, vô bất từng thử pháp giới lưu xuất”* (Vì vậy biết, hết thảy các pháp, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất), *“pháp giới”* là tự tánh, còn gọi là Pháp Tánh, cũng gọi là tự tâm, bổn diệu minh tâm, từ chỗ này lưu xuất, cuối cùng là như thế nào? *“Phục hựu hội quy thử pháp giới dã”* (rồi lại trở về pháp giới này), đến cuối cùng vẫn phải quy hoàn pháp giới này, trở về pháp giới ấy bèn thành Phật.

Trong Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, câu này đã được giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, vũ trụ do đâu mà có? Vạn sự vạn vật trong vũ trụ do đâu mà có? Buổi tối, chúng ta nhìn lên không gian, vô số các tinh hệ, tinh cầu do đâu mà có? Hiền Thủ quốc sư đã căn cứ trên những điều được dạy trong kinh Hoa Nghiêm, bảo chúng ta: Từ một Thể, Thể ấy là *“tự tánh thanh tịnh viên minh thể”.* Nói một danh từ dài như thế đó, đấy là gì? Là tự tâm như chúng ta vừa mới học. Tự tâm là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Nói nhiều như thế, ý nghĩa trong ấy cũng rất phong phú; chúng ta nói *“tự tâm”* thì cũng chẳng dễ hiểu cho lắm. Tự tánh là tự tâm, trong tự tánh có trí huệ viên mãn, có đức năng viên mãn, đức năng là gì? Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết) là Tánh Đức vốn sẵn có trong tự tánh. Khi giác ngộ, khi minh tâm kiến tánh giác ngộ, nó liền hiện tiền, kiến văn giác tri hiện tiền. Nói thực tại là như trong phần trước đã nói, trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã bảo *“bỏ thức dùng căn”*, kiến văn giác tri là căn tánh của sáu căn, là chân tánh. Trong tự tánh có tướng hảo viên mãn; tướng hảo viên mãn là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, thảy đều trọn đủ. Do vậy, thứ gì nó cũng đều chẳng có, nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Quý vị chẳng thể nói nó là Vô (không có gì), trong Phật pháp nói nó là Không, dùng Không để hình dung nó. Nó không hiển lộ, nhưng trọn đủ. Khi có duyên, nó có thể sanh ra vạn pháp, nó bèn hiện, bèn tỏ lộ. Vì vậy, khi nó chẳng hiện, không thể nói nó là Vô; [khi nó] hiện ra, chẳng thể nói nó là Hữu, vì sao? Cái hiện ra là huyễn tướng, chẳng thật. Tôi vừa mới nói, hiện tượng được hiện ra đều là tướng sanh diệt. Tướng sanh diệt chẳng phải là thật, bất sanh, bất diệt là thật. Quý vị thấy các tướng được hiện há có phải là bất sanh, bất diệt? Toàn là tướng sanh diệt. Do vậy, nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, chẳng sanh chấp trước đối với hết thảy các tướng cảnh giới, vì sao? Tướng là giả, nó không tồn tại, hễ quý vị chấp trước là trật rồi, không chấp trước là đúng. Có thể dùng nó, [nhưng phải là] diệu dụng, tức là tùy duyên diệu dụng. Diệu dụng là khi dùng bèn chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có khởi tâm động niệm, khởi tác dụng hoàn toàn giống như chư Phật Như Lai, đạo lý là như thế đó. Chúng ta chớ nên không biết điều này.

Quý vị thấy: Từ một Thể khởi hai tác dụng, một Thể là pháp giới này, từ pháp giới này mà lưu xuất. Vì sao có thể khởi hai tác dụng? Trong kinh giáo Đại Thừa thường nói *“nhất niệm bất giác”.* Nhất niệm bất giác thì trong tự tánh liền khởi tác dụng, biến thành A Lại Da, tức là vọng tâm. Thể của vọng tâm là chân tâm. Chẳng có chân tâm, vọng do đâu mà có? Giống như chúng ta đứng dưới mặt trời sẽ có bóng, bóng do đâu mà có? Bóng do người mà có, người là chân tâm, bóng là vọng tâm. Nhưng hình và bóng chẳng tách rời, vì sao? Chúng tách rời nhau, sẽ chẳng thể tồn tại. Chúng chẳng thể tách rời, nên nói *“chân và vọng như một”*; nhưng chúng là hai chuyện, chẳng phải là một chuyện, quý vị nhất định phải hiểu rõ ràng. Chúng ta mê là vì mê muội, không hiểu rõ, quên mất chân, ngỡ vọng là chân!

Sáu căn của mỗi người chúng ta đều có căn tánh, ai biết căn tánh của sáu căn? Đức Phật dạy, chúng ta mắt thấy, tai nghe, niệm thứ nhất là chân tâm, là kiến văn giác tri khởi tác dụng. Niệm thứ nhất quý vị còn chưa khởi niệm, ta nhìn, trừng mắt nhìn, vẫn chưa có phân biệt, còn chưa có chấp trước, tâm giống một tấm gương, soi bên ngoài rành rẽ, chẳng khởi phân biệt. Niệm thứ hai liền dấy lên phân biệt, dấy lên phân biệt là trật rồi, đó là vọng tâm. Vọng tâm sẽ phân biệt, chấp trước. Phân biệt là thức thứ sáu, tức ý thức. Chấp trước là thức thứ bảy, nó khởi tác dụng. Chủng tử in dấu trong A Lại Da, nay chúng ta nói là *“lưu ấn tượng”*, ghi ấn tượng nơi kiến văn giác tri của quý vị. Ấn tượng ấy giống như được chép vào kho dữ liệu. A Lại Da là kho dữ liệu, vọng tâm khởi tác dụng, kho dữ liệu ghi lại ấn tượng, bèn gọi là Nghiệp. Nghiệp gặp duyên, quả báo liền hiện tiền. Vì vậy, niệm thứ nhất, một niệm bất giác chẳng có nguyên nhân. Niệm ấy có thật hay không? Chẳng thật, nếu là thật, nó sẽ có nguyên nhân thật sự, nhưng nó chẳng có nguyên nhân, nên chẳng thật; [do đó] gọi là vọng niệm, hoặc vọng tưởng. Phải chú ý chữ Vọng. Vọng là về căn bản chẳng có, dấy lên một niệm như thế. Nếu niệm ấy dừng lại, đình chỉ, bèn trở về tự tánh, lập tức trở về tự tánh. Nếu là từng niệm tiếp nối nhau, bèn chẳng thể quay về, nó liền lưu xuất. Từ pháp giới này lưu xuất cõi Thật Báo. Từ cõi Thật Báo lại lưu xuất cõi Phương Tiện. Chư vị phải biết: Cõi Phương Tiện là tứ thánh pháp giới. Từ cõi Phương Tiện lại lưu xuất cõi Phàm Thánh, cõi Phàm Thánh là lục đạo luân hồi, mê hết sức nghiêm trọng. Phật, Bồ Tát từ bi chỉ dạy, giúp chúng ta quay đầu, chúng ta từ lục đạo trở lại tứ thánh pháp giới, từ tứ thánh pháp giới lại trở về cõi Thật Báo, từ cõi Thật Báo lại trở về tự tánh, lại trở về chỗ phát xuất. Có người hỏi: Sau khi trở về, có thể mê nữa hay không, lại lưu xuất hay không, lại biến thành luân hồi ư? Đức Phật dạy: Vĩnh viễn sẽ không! Sau khi đại triệt đại ngộ, vĩnh viễn chẳng mê lần nữa. Trong kinh Lăng Nghiêm đã giảng vấn đề này rất rõ ràng. Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa, kinh Lăng Nghiêm được gọi là *“khai huệ Lăng Nghiêm”*, nghĩa là kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ, *“thành Phật Pháp Hoa”.* Hai bộ kinh ấy cũng hết sức nổi tiếng trong Đại Thừa. Từ pháp giới lưu xuất, là từ tự tánh lưu xuất; cuối cùng, vẫn trở về tự tánh, trở về tự tánh liền viên mãn thành Phật.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo, tức là đoạn Tổng Trì. Tổng Trì là đà-la-ni, tiếng Phạn là Đà-la-ni, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tổng Trì, [hàm ý] bao gồm hết thảy các pháp, nắm giữ hết thảy các nghĩa. Nếu nói thông thường, quý vị nắm được tổng cương lãnh, tổng nguyên tắc, bèn gọi là Tổng Trì. *“Cụ túc giả, sở cụ mãn túc, cái vân nhất thiết đà-la-ni môn vô sở bất cụ dã”* (“cụ túc” là đầy đủ, trọn vẹn, ý nói: Hết thảy các đà-la-ni, không môn nào chẳng đầy đủ). Tôn giả A Nan đắc Văn Trì đà-la-ni, đắc pháp môn Tổng Trì này, đối với hết thảy các kinh do đức Phật đã nói, dẫu Ngài chưa nghe, nhưng vừa tiếp xúc đều hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ. Từ Lục Tổ Đàn Kinh, chúng ta cũng thấy, khi Huệ Năng đại sư khai ngộ cũng đạt được [Tổng Trì]. Chúng ta biết: Huệ Năng đại sư chưa từng đi học, không biết chữ, hai mươi bốn tuổi khai ngộ, hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn bèn truyền y bát cho Ngài. Vì sao chúng ta biết Ngài đắc đà-la-ni? Từ những ghi chép trong Đàn Kinh, chúng ta có thể thấy. Khi Ngài lánh nạn, trên đường qua thôn Tào Hầu, gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Đó là lúc Ngài vừa mới nhận được y bát, Ngài bèn trốn đi, giữa đường gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Vị tỳ-kheo-ni này thọ trì kinh Đại Niết Bàn, cũng là hằng ngày đọc tụng, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài! Cổ nhân khó có; vì thế, người hiện thời chẳng bằng cổ nhân, từ chỗ này, ta thấy được thiện căn của cổ nhân, ni sư thật sự hành! Kinh Đại Niết Bàn phân lượng rất lớn, hiện thời từ Đại Tạng Kinh, quý vị có thể thấy kinh ấy có hai bản dịch, một bản gồm ba mươi sáu cuốn, bản kia gồm bốn mươi cuốn. Do vậy, kinh rất dài, nhưng bà ta niệm hằng ngày. Thuở ấy, Huệ Năng đại sư mang thân phận cư sĩ, chưa xuất gia, người bên ngoài đều chẳng nhận biết Ngài. Ni sư niệm kinh ở đó, Ngài ở bên cạnh nghe. Sau khi niệm một đoạn, bà ta ngừng lại, Huệ Năng đại sư liền giảng cho tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng đại ý của đoạn kinh văn Ngài vừa nghe niệm. Bà ta nghe xong, hết sức kinh ngạc, Ngài giảng hay quá, bèn cầm kinh bổn hướng về Ngài thỉnh giáo. Huệ Năng đại sư nói: “Ta không biết chữ”. Bà ta hỏi: “Ngài không biết chữ, vì sao giảng hay dường ấy?” Ngài đáp: *“Chuyện này chẳng liên quan đến biết chữ hay không biết chữ”.* Đắc đà-la-ni, sẽ nắm được tổng cương lãnh thuyết pháp của hết thảy chư Phật, nên bất luận kinh giáo gì, Ngài vừa nghe liền hiểu toàn bộ. Không chỉ là hiểu Phật pháp, mà pháp thế gian thứ gì cũng đều hiểu rõ, chẳng có gì Ngài không hiểu. Vì đó là tự tánh của quý vị, trí huệ Bát Nhã trong tự tánh của quý vị khởi tác dụng, đạo lý là như vậy đó!

Pháp môn Đại Tổng Trì, hết thảy chúng sanh ai nấy đều có. Chỉ vì chúng ta đang mê, cũng có thể nói là lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, lập tức tiếp theo sẽ là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, cùng nhau dấy lên. Vì vậy, trí huệ và đức tướng trong tự tánh đều không thể hiện tiền. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, rất dễ hiểu, phàm phu thành Phật phải mất bao lâu? Trong một niệm! Một niệm giác, phàm phu bèn thành Phật. Một niệm mê, quý vị bèn thành phàm phu, chuyện là như vậy đấy! Giác là gì? Buông xuống liền giác. Buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống liền giác, quý vị và hết thảy chư Phật chẳng khác gì nhau! Vì sao không chịu buông xuống? Chúng ta thường nói là “nghiệp chướng”, phiền não tập khí quá nặng! Câu nói ấy đúng lắm, nghe hợp lý! Chúng ta mê đã lâu, mê quá sâu, đức Phật chỉ điểm rạch ròi, nhưng chúng ta chẳng có năng lực quay đầu. Muốn quay đầu, nhưng không quay về được! Nói thật ra, thuở ấy, Chương Gia đại sư đã từng nhắc nhở tôi về chuyện này. Tôi đã cùng lão nhân gia thảo luận vấn đề sau đây; đó là một vấn đề trọng yếu trong triết học: “Rốt cuộc là biết khó, hành dễ, hay là biết dễ, hành khó?” Thầy bảo tôi: *“Phật pháp là biết khó, hành dễ”.* Nói chung, chúng tôi cảm thấy: Biết chẳng khó, quý vị vừa nói, tôi hiểu ngay, nhưng hành quá khó, vì sao tôi không thể buông xuống? Vì sao chẳng chuyển được? Thầy nói: *“Anh chẳng hiểu biết thật sự! Nếu anh thật sự biết, sẽ buông xuống ngay!”* Câu ấy khiến tôi chới với, chúng ta biết gì? Hiểu biết nửa vời, biết chẳng thấu triệt, biết chẳng viên mãn. Thật sự biết thấu triệt, há lẽ nào chẳng buông xuống được? Thầy nêu tỷ dụ để giảng cho tôi dễ hiểu. Thí dụ như chúng tôi ngồi ở cái bàn này, thầy nói: “Ở trên cái bàn này đặt một đống vàng, bên kia đặt một đống đồng thau. Nay muốn tặng cho anh một trong hai thứ ấy, anh hãy tự chọn lựa, anh chọn vàng hay đồng thau? Đương nhiên muốn lấy vàng, vì sao? Anh biết nó có giá trị rất cao, nên chọn lấy. Làm như vậy tức là anh đã Thủ (giữ lấy), rất dễ dàng. Anh biết thứ ấy là quý báu, rất hiếm có”. Thầy bảo tôi: *“Phật pháp là biết khó, hành dễ”.*

Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm là *“biết khó”.* Thành Phật rất dễ dàng, như tôn giả Ca Diếp [chẳng hạn], Thích Ca Mâu Ni Phật cầm cành hoa mỉm cười. Khi tôn giả Ca Diếp thấy Thích Ca Mâu Ni Phật cầm cành hoa, bèn nhìn Phật cười, Thích Ca Mâu Ni Phật liền truyền pháp cho Ngài, Ngài đã khai ngộ rồi! Do vậy, chúng ta thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư ở trong phương trượng thất, nghe lão hòa thượng giảng đại ý kinh Kim Cang, Ngài chẳng biết chữ, chắc chắn chẳng có kinh bổn, giảng đến câu *“ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”*, Ngài liền đại triệt đại ngộ. Chẳng cần giảng nữa! Không chỉ kinh Kim Cang chẳng cần giảng, mà tất cả hết thảy các kinh Ngài đều hiểu toàn bộ, đó chẳng phải là *“một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông”* ư? Phật pháp đã thông đạt, pháp thế gian cũng thông đạt, quý vị nói có dễ dàng lắm hay không? Vì thế, một câu Khẩu Đầu Thiền trong Tông Môn là *“hiểu không?”* Chữ Hiểu ấy tuyệt diệu tột bậc! Hễ hiểu, quý vị liền khai ngộ. Chẳng hiểu thì vẫn mê hoặc. Do vậy, hễ buông xuống liền hiểu, khó ở chỗ chúng ta không buông xuống được. Không buông xuống được là gì? Những gì đức Phật đã giảng đều là giả, nhưng chúng ta vẫn coi là thật; do chẳng coi nó là giả, vẫn y như cũ coi là thật, nên chẳng buông xuống được!

Người có thể buông xuống những thứ ấy, thật sự thấy chân là giả, chẳng coi thân thể là thật, đó là cửa ải đầu tiên. Cửa ải đầu tiên là thân, tức Thân Kiến. Quý vị thấy [trong việc] đoạn phiền não, đức Phật xếp thứ này đầu tiên, Thân Kiến! Thứ hai là Biên Kiến, thứ ba là Kiến Thủ Kiến, [thứ tư là] Giới Thủ Kiến, và [thứ năm là] Tà Kiến; trước hết, buông những thứ ấy xuống. Buông năm thứ kiến giải sai lầm xuống, trong Phật pháp, quý vị được gọi là *“nhập môn”*, là đệ tử thật sự của Thích Ca Mâu Ni Phật. Hễ buông năm cách nhìn sai lầm ấy xuống, bèn là học trò lớp dự bị trong ngôi trường của Thích Ca Mâu Ni Phật, chưa phải là học trò chánh thức, buông xuống [toàn bộ Kiến Tư Hoặc] mới là chánh thức. Địa vị Sơ Tín trong Thập Tín Vị Bồ Tát của kinh Hoa Nghiêm đã buông xuống; tuy địa vị ấy rất nông cạn, giống như lớp Một Tiểu Học, nhưng chúng ta chớ nên xem thường họ. Họ là thánh nhân, chẳng phải là phàm phu. Tuy họ còn ở trong lục đạo, chưa thoát khỏi lục đạo, nhưng quyết định chẳng đọa trong ba ác đạo, người ta có bản lãnh ấy! Trong lục đạo, qua lại tối đa bảy lần trong cõi trời hay nhân gian, liền vượt thoát lục đạo luân hồi. Người ta đã học lớp Một, chẳng lui sụt, chỉ có tiến cao hơn. Bảy lần qua lại bèn học tới lớp Bảy, lớp Bảy là A La Hán, lớp Tám là Bích Chi Phật, lớp Chín là Bồ Tát, lớp Mười bèn thành Phật, họ là Phật [trong mười pháp giới], được bảo đảm. Bất quá, tốc độ tiến triển của mỗi người khác nhau. Có người lợi căn, tốc độ tiến triển nhanh chóng. Có người căn tánh chậm lụt hơn một chút, tốc độ tiến triển khá chậm, nhưng họ tuyệt đối chẳng thoái chuyển, chứng đắc Vị Bất Thoái. Nay chúng ta ngay cả địa vị thánh chúng nhỏ nhoi ấy vẫn chẳng đạt được, nguyên nhân là vẫn chưa thấy thấu suốt Thân Kiến, cửa ải đầu tiên khó nhất. Sau khi phá được cái ải này, những ải sau đó liền dễ dàng. Biên Kiến, nếu nói theo cách bây giờ, sẽ là chẳng còn có quan niệm đối lập nữa! Chúng ta đối lập với kẻ khác, đối lập với sự, đối lập với hết thảy vạn vật, đó là quan niệm sai lầm. Đối lập nếu nâng cao hơn, chúng ta nói là “có mâu thuẫn”. Mâu thuẫn nếu nâng cao hơn bèn có xung đột. Xung đột lại nâng cao hơn nữa, sẽ là đấu tranh. Đấu tranh nếu nâng cao hơn nữa thì là chiến tranh. Vì thế, rất nhiều phiền não, tai nạn có cội nguồn là do đối lập mà ra. Chẳng có đối lập sẽ hòa hài, thật sự hòa hài, bình đẳng đối đãi, cư xử hòa thuận. Do vì đối lập, họ biết đây là chuyện tốt đẹp, nhưng vẫn chẳng làm được, bị quan niệm sai lầm quấy phá, tạo thành chướng ngại.

Tiếp đó nói: *“Đà-la-ni hữu tứ chủng”* (Đà-la-ni có bốn thứ), kinh giáo thường nói như vậy. Thứ nhất, *“Pháp đà-la-ni, hựu danh Văn đà-la-ni, ư Phật chi giáo pháp văn trì nhi bất vong dã”* (Pháp đà-la-ni, còn gọi là Văn đà-la-ni, đối với giáo pháp của Phật, nghe rồi vâng giữ chẳng quên). Đây là loại thứ nhất. Tôn giả A Nan đắc Văn Trì chẳng quên, nên kết tập Kinh Tạng, mọi người đều tôn sùng A Nan, Ngài nhắc lại lần nữa các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng thuở tại thế. Năm trăm vị đồng học, các vị ấy đều là A La Hán, năm trăm vị A La Hán làm chứng cho Ngài, nghe Ngài nói. Nếu có chỗ nào nói sai, sẽ nêu ra, câu ấy của A Nan phải gạt bỏ, vì có người phản đối. A Nan phức giảng (trùng tuyên), năm trăm người đều chấp thuận, đều đồng ý, mới ghi chép lại, cách làm này khiến cho người đời sau sanh tín tâm đối với kinh điển. Vì thế, ngài A Nan mở đầu [bằng câu]: *“Như thị ngã văn”*, nói rõ những điều được nói sau đó hoàn toàn do Thích Ca Mâu Ni Phật nói, tôi đích thân nghe Thích Ca Mâu Ni Phật nói, giữ chữ Tín với đời sau. Đó cũng là như người Hoa nói “có trí nhớ mạnh mẽ”, học rộng, nhớ dai, trí nhớ tốt, sau khi Ngài nghe xong, có thể ghi nhớ. Ngài A Nan thật khó có, nghe xong, vĩnh viễn chẳng quên mất, phàm nhân chúng ta chẳng thể! Thuở tôi còn trẻ, cũng có năng lực nghe rộng, nhớ dai, đại khái là trước năm bốn mươi tuổi. Sau bốn mươi tuổi, dần dần thoái hóa, năng lực ấy dần dần kém hẳn. Khi tôi theo thầy Lý học Giáo, năng lực ấy rất mạnh, gần như tôi nghe lão nhân gia giảng kinh một giờ, tôi phức giảng, tức là giảng lặp lại một lần, tôi có thể giảng tối thiểu chín phần mười, có năng lực ấy. Hơn nữa, có thể ghi nhớ không quên, có thể nhớ suốt một tuần, trong vòng một tuần tôi có thể giảng tới chín phần mười. Do vậy, thuở ấy học kinh giáo cũng rất thuận tiện, tiến bộ hết sức mau, đúng là “pháp hỷ sung mãn”.

Thứ hai là *“Nghĩa đà-la-ni, ư chư pháp chi nghĩa tổng trì nhi bất vong dã”* (Nghĩa đà-la-ni, đối với ý nghĩa của các pháp bèn tổng trì chẳng quên). Loại trước là nhớ kỹ mỗi câu, là nói đến giáo, giáo pháp; ở đây là nói tới lý luận, nghĩa lý. Phía trước là trí nhớ mạnh mẽ, ở đây là sức lý giải mạnh mẽ. Thật sự nghe hiểu, thật sự minh bạch. Đối với nghĩa lý bèn hiểu rõ, tổng trì, chẳng quên. Trong một thời gian dài, có thể nói là suốt đời chẳng quên mất. Thời gian nhớ ngôn ngữ sẽ ngắn hơn.

Thứ ba, *“Chú đà-la-ni, ư chú tổng trì nhi bất vong dã”* (Chú đà-la-ni, tổng trì các chú chẳng quên mất). Chú tương đối khó nhớ hơn, vì sao? Rất nhiều chú không phải là ngôn ngữ trong nhân gian. Theo cách nói của chúng ta trong hiện thời, chú là ngôn ngữ ngoài không gian, thuộc về chiều không gian khác, chúng ta thường nói là “ngôn ngữ của thần linh”. Khi đức Phật giảng kinh, họ cũng đến nghe. *“Đức Phật dùng một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy theo từng loại đều hiểu”.* Do vậy, đức Phật thuyết pháp chẳng có chướng ngại, bất luận kẻ nào đến nghe, đều nghe thấy đức Phật nói bằng ngôn ngữ của chính mình, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật có năng lực ấy, nhưng đức Phật rất từ bi, thấy [trong thính chúng] có những chúng sanh chúng ta không nhìn ấy, đức Phật giảng nói xong, dùng ngôn ngữ của họ nói mấy câu. Tuy nói mấy câu, không nhiều lắm, nhưng đã nêu hết những cương lãnh và nguyên tắc trọng yếu mà đức Phật đã giảng trong bộ kinh này. Do những câu ấy chẳng phải là ngôn ngữ trong nhân gian, người Ấn Độ nghe cũng không hiểu. Đó là đối với mật chú [mà nói]. Chúng ta hiểu: Những vị đại đức tu Mật Tông cũng chẳng phải là có thể thành tựu ngay trong một đời. Sự thật này khiến cho chúng ta liễu giải: Bất cứ ai, bất luận quý vị học pháp môn nào, pháp thế gian hay Phật pháp, đều là nhiều đời nhiều kiếp tích lũy trí huệ, kỹ thuật, nên quý vị mới có thể thông thạo, mới có thể có thành tựu rất thù thắng, chẳng phải là một đời, mà đều là đời đời kiếp kiếp tích lũy. Cùng một đạo lý như vậy, trong đời này, sự phú quý bần tiện của mỗi người đều do quả báo. Quả ắt có nhân, nhân đều do đời trước tích lũy. Mỗi người có thành tựu đặc thù hoặc có cống hiến đặc thù trên một phương diện nào đó, nếu chẳng tích lũy từ năm đời trở lên, họ chẳng thể đạt tới thành tựu này. Qua Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, chúng ta thấy câu chuyện của Ngộ Đạt quốc sư, Ngài được coi là một vị xuất gia có thành tựu, làm thầy của đế vương, được phong làm Quốc Sư. Trong Từ Bi Thủy Sám, tôn giả Ca Nặc Ca nói nhân duyên của Sư. Sư tu hành mười đời, lại còn là mười đời liên tiếp, mười đời đều được làm người, đều xuất gia, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Do vậy, chúng ta hiểu: Người trong thế gian địa vị càng cao, thời gian tu hành càng lâu. Tu tốt đẹp mới có thể đạt được, chẳng phải là người bình phàm có thể đạt được, của cải cũng do nhiều đời nhiều kiếp tu được, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, chúng ta sẽ chẳng hâm mộ những người phú quý, vì sao? Người ta trong đời quá khứ tu hành tốt đẹp, ngày nay quả báo hiện tiền. Chúng ta nếu muốn giống như họ, hãy khéo hành, chúng ta có thể tích lũy, nói không chừng đời sau còn thù thắng hơn họ, đó là đạo lý nhất định. Nhưng học Phật phải giác, chớ nên mê, học Phật cầu vinh hoa phú quý trong lục đạo, đó là mê chứ chẳng giác. Quý vị địa vị cao, của cải to lớn, rất dễ tạo nghiệp. Nếu trong đời này, quý vị mê trong ngũ dục, lục trần, khẳng định đời sau quý vị bị đọa lạc. Sai mất rồi! Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện, quý vị thấy Ngài sanh trong nhà đế vương, vứt bỏ ngôi vua. Ngôi vua là thứ mọi người ắt tranh giành; người Trung Quốc nói: *“Thiên tử sang quý, giàu khắp bốn biển”*, phú quý tột đỉnh, đó là làm Hoàng Thượng. Đức Phật đã có ngôi vua trong tay, nhưng từ bỏ. Quý vị thấy Ngài lợi hại lắm, mười chín tuổi liền từ bỏ, bỏ ngôi vua, đi ra ngoài học đạo. Ba mươi tuổi thành đạo, đại triệt đại ngộ thành đạo; sau khi thành đạo, suốt đời giáo học giống như Khổng lão phu tử. Nhưng Khổng lão phu tử còn thu một chút học phí, đức Phật chẳng thu học phí. Mỗi ngày đi khất thực, giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, sống cuộc đời của một vị Tăng khổ hạnh. Đó là biểu diễn cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta suy nghĩ, vì sao Ngài chọn lựa [con đường] ấy? Nhất định còn cao minh hơn làm quốc vương! Làm quốc vương, rất ít kẻ không thoái đọa, rất ít, đó là gì? Các vị “cổ thánh tiên vương” như người Trung Quốc đã nói, tuy làm quốc vương nhưng chẳng thoái đọa, giống như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công trong lịch sử Trung Quốc, đó là quốc vương thánh hiền. Những vị ấy đời sau có thể sanh lên trời làm thiên vương, họ thăng lên cao, chẳng bị đọa lạc, họ làm quá nhiều chuyện tốt, đúng là vì nước, vì dân, chẳng vì chính mình, chẳng biết đến chính mình. Sau Văn Vương, Võ Vương, Châu Công, chưa từng nghe nói có những vị thánh vương như vậy. Vì thế, những điều này đều đáng cho chúng ta suy nghĩ sâu xa, đáng cho chúng ta học tập. Nay chúng tôi mới thật sự hiểu rõ, con đường tu học Phật pháp là đại đạo quang minh thù thắng khôn sánh. Đặc biệt là Tịnh Tông dạy chúng ta không chỉ có thể vượt thoát lục đạo trong một đời này, mà còn vượt thoát mười pháp giới. Nhất là bộ kinh này bảo đảm chúng ta trong một đời có thể sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng giống như là nói đảm bảo quý vị chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo ngay trong một đời, trong tất cả các pháp môn, chẳng tìm thấy pháp thứ hai! Chúng ta phải thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, đối với chính mình, [quả thật là] hết sức may mắn, đời này đúng là khó có, thật sự chẳng dễ dàng!

Chúng ta lại thấy phía dưới còn có giải thích, giải thích về chú ngữ. *“Chú giả, Phật, Bồ Tát tùng Thiền Định sở phát chi bí mật ngôn cú, hữu bất trắc chi thần nghiệm, danh vi Chú đà-la-ni”* (Chú là câu nói bí mật, có oai lực thần dị khôn lường do Phật, Bồ Tát từ trong Thiền Định phát ra, nên gọi là Chú đà-la-ni), đây là nói về thần chú. Trong đoạn trước, tôi đã nói thần chú là ngôn ngữ của quỷ thần, đó là một loại. Ở đây nói [tới một loại khác], không phải là ngôn ngữ của quỷ thần, mà là những câu nói bí mật của chư Phật, Bồ Tát từ Thiền Định rất sâu phát ra, chỉ có Phật, Bồ Tát biết, giống như là mật mã của các Ngài. Có thể giao tiếp với chư Phật, Bồ Tát, trong một thời gian rất ngắn có thể chuyển giao tin tức không ngằn hạn, nội dung bao hàm hết sức phong phú, phàm phu chúng ta chẳng thể tưởng tượng được! Do vậy, có oai lực thần dị không lường nổi, chẳng có cách nào tưởng tượng loại cảm ứng ấy. Đó là Chú đà-la-ni. *“Nghĩa phiên chi danh, hữu tứ”* (dịch theo ý nghĩa, thành ra bốn tên), tức là nói đến Chú thì Chú có bốn ý nghĩa. Thứ nhất là Minh (明), thứ hai là Chú (咒), thứ ba là Mật Ngữ (密語), thứ tư là Chân Ngôn (真言). Đây đều là những tên gọi khác của Chú, là tên riêng của Đà-la-ni*. “Bí Tạng Ký vân: Phàm phu Nhị Thừa bất năng tri, cố viết Mật Ngữ”* (Bí Tạng Ký [[4]](#footnote-5)[2] chép: “Phàm phu, Nhị Thừa đều chẳng thể biết, nên nói là Mật Ngữ”), cũng chẳng có giải thích. *“Như Lai ngôn chân thật vô hư vọng, cố viết Chân Ngôn”* (Chân ngôn của Như Lai chân thật, chẳng hư vọng, nên gọi là Chân Ngôn). Trên thực tế, Chú vẫn có ý nghĩa, nhưng Thượng Sư Mật Giáo không giảng cho quý vị, chỉ dạy quý vị niệm. Đây cũng là một pháp môn rất thù thắng trong Phật pháp. Vì sao? Nếu giảng cho quý vị, quý vị liền phân tâm. Chẳng giảng cho quý vị, do không biết ý nghĩa, quý vị một mực niệm là được rồi, dễ đắc tam-muội, dễ đắc Định. Định có thể khai trí huệ, đó cũng là pháp môn rất xảo diệu.

Nhưng gặp phải căn tánh giống như tôi thì không được! Nếu tôi không hiểu ý nghĩa, tôi không chịu học, có sự chấp trước như thế, đó là tật xấu của thành phần tri thức. Do vậy, thuở ấy, tôi theo Chương Gia đại sư học Phật pháp, Ngài cũng dạy một bài chú, bảo tôi niệm. Bài chú ấy rất thông dụng, rất phổ biến, người theo Mật Giáo đều biết niệm, tức là Lục Tự Đại Minh Chú của Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngài dùng tiếng Tây Tạng dạy tôi, niệm *“Án, ma-ni bát-mê hồng”*, tôi liền hỏi lão nhân gia [bài chú ấy] có nghĩa là gì? Ngài liền giảng cho tôi, thông thường Ngài chẳng giảng, Ngài dạy tôi ý nghĩa khiến cho tôi hết sức hoan hỷ. *“Án”* (Aum) là thân thể, Ngài giải thích từng chữ một. *“Ma-ni”* (Maṇi) là hoa sen, *“Bát-mê”* (Padme) là gìn giữ, *“Hồng”* (Hūṃ) là ý. Quý vị thấy *“thân, hoa sen, gìn giữ, ý”*, đó là ngữ pháp Ấn Độ. Nếu đọc theo người Trung Quốc sẽ là *“Gìn giữ thân tâm (ý là tâm) giống như hoa sen”*, Ngài giải thích cho tôi như vậy. Ý nghĩa này hay lắm, khiến cho quý vị thời thời khắc khắc nghĩ tưởng, gìn giữ thân tâm giống như hoa sen, sanh từ bùn lầy, nhưng chẳng nhơ bẩn, mang ý nghĩa này! Bùn lầy tượng trưng cho lục đạo, hoa sen và nước tượng trưng tứ thánh pháp giới, tức là tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới. Hoa nở trên mặt nước, cho thấy nhiễm và tịnh thảy đều chẳng nhiễm. Không chỉ lục đạo bất nhiễm, mà pháp giới thanh tịnh cũng chẳng nhiễm, đó là tịnh chân thật! Vì thế, trong chú ngữ có rất nhiều điều vẫn cần phải nói. Nói ra, sẽ giúp cho người ta tu hành. Tu hành trong Mật Tông nhấn mạnh Tam Mật Tương Ứng, [tức là] miệng niệm chú, tay kết ấn, trong tâm quán tưởng. Nếu quý vị không hiểu ý nghĩa, chẳng có cách nào quán tưởng. Khi không có cách nào quán tưởng, họ quán tưởng gì? Quán tưởng một câu chú ngữ ấy, họ nghĩ đến câu ấy, nhưng ý nghĩa của chú ngữ thì không biết. Giống như chúng ta hiện thời niệm A Di Đà Phật, trong tâm chúng ta nghĩ đến A Di Đà Phật, có ý nghĩa như vậy. Do vậy, sau khi thầy truyền dạy chú ngữ ấy, tôi mới hiểu: Trong chú ngữ có rất nhiều điều thật sự giống như cái mà chúng ta gọi là “cách ngôn”, quá hay! Thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình.

Ý nghĩa thứ tư là *“Nhẫn đà-la-ni, an trụ ư pháp chi Thật Tướng, vị chi Nhẫn. Trì Nhẫn danh vi Nhẫn đà-la-ni”* (Nhẫn đà-la-ni: An trụ trong Thật Tướng của pháp bèn gọi là Nhẫn. Giữ cái Nhẫn đó thì gọi là Nhẫn đà-la-ni). Trong giáo pháp Đại Thừa, Nhẫn có ý nghĩa khẳng định, thừa nhận, nên nói *“nhẫn khả”* (忍可), có nghĩa là “đồng ý”. Đối với kinh giáo và giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức, có thể hiểu rõ, có thể khẳng định, chẳng hoài nghi, hành theo lời dạy, đó là Nhẫn. Ở đây nói *“an trụ ư pháp chi Thật Tướng”*, câu này nói rất cao. Thật Tướng là gì? Thật Tướng là pháp tánh, tướng là giả, tánh là chân. Ví như trong phần trước, chúng ta dùng những lời đức Thế Tôn dạy vua Ba Tư Nặc trong kinh Lăng Nghiêm nhằm khiến cho vua đừng chấp trước nhục thân này. *“Căn thân”*: Mắt, tai, mũi, lưỡi và thân là Căn Thân; chớ nên chấp trước những thứ ấy, phải an trụ trong căn tánh của sáu căn, căn tánh là Thật Tướng. Thân thể của mỗi người chúng ta là giả tướng, căn tánh của sáu căn là Phật tánh, chẳng phải là linh hồn! Căn tánh và linh hồn có gì khác nhau? Đồng mà bất đồng, bất đồng mà đồng. Mê thì gọi là linh hồn, chẳng mê bèn gọi là tánh, là cùng một chuyện. Sau khi chúng ta đã giác, thường gọi nó là “linh tánh”, chẳng gọi là “linh hồn”, mà gọi là “linh tánh”. Linh hồn chẳng thoát khỏi lục đạo, vì nó mê, nó luôn đi tìm cái thân trong lục đạo, đi đầu thai, đó là lục đạo luân hồi. Nó giác ngộ, A La Hán giác ngộ, buông xuống chấp trước, mà cũng chẳng chấp trước thân thể này, biết thân thể chẳng phải là Ngã, căn tánh trong lục căn nơi thân thể là Ngã, sáu thức không phải là Ngã! Chấp trước sáu thức, đó là linh hồn, tưởng sáu thức là Ngã. Triết gia ngoại quốc đã nói: *“Tôi suy nghĩ, nên tôi tồn tại”.* Đó là chấp trước linh hồn, người ấy chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì sao? “Tôi nghĩ” thì Nghĩ là gì? Thức thứ sáu, tức ý thức. Người ấy biết thân chẳng phải là Ta, Ta có thể suy tưởng, đó là ta, cái có thể suy nghĩ chính là ta! Thân chẳng phải là ta, cao minh hơn những kẻ bình phàm một bậc, rất khó có, nhưng không thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Do vậy, an trụ trong Thật Tướng của pháp là đúng. Trong hết thảy vạn vật, an trụ trong Pháp Tánh; nơi thân thể chúng ta, bèn an trụ trong tự tánh của chúng ta, hoặc là [an trụ trong] căn tánh của sáu căn thì đúng. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: *“Lìa hết thảy tướng, tức là hết thảy tánh”.* Chỉ cần chẳng chấp tướng, chẳng chấp trước thân tướng của chính mình, đối với vạn vật cũng chẳng chấp trước hình tướng của chúng, biết chúng đều do một “tự tánh thanh tịnh viên minh thể” biến hiện. Ở đây, “tự tánh thanh tịnh viên minh thể” được gọi là “Thật Tướng của các pháp”. Chúng ta giữ cho tâm an trụ nơi đây thì gọi là Nhẫn. *“Trì nhẫn”*, *“trì”* là gìn giữ vĩnh viễn, đó cũng là tam-muội. Tâm quý vị định ở chỗ này, bèn gọi là Nhẫn đà-la-ni. Đà-la-ni hễ đắc liền vĩnh viễn đắc, chẳng giống như tam-muội! Tam muội có thể mất đi, chứ đà-la-ni chẳng bị mất. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

# Tập 124

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi bốn, xem từ dòng thứ tám, xem từ chỗ *“bách thiên tam-muội”* trong dòng thứ tám.

Trong đoạn kinh văn *“cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội”,* trong phần trước đã học về Tổng Trì, nay xem tới phần *“bách thiên tam-muội”*: *“Hội Sớ viết: Bách thiên tam-muội giả, chúng sanh vô lượng, tâm hạnh bất đồng, hữu lợi, hữu độn, ư chư kết sử, hữu hậu, hữu bạc, thị cố Bồ Tát hành bách* *thiên chủng tam-muội, đoạn kỳ trần lao”* (Sách Hội Sớ giảng: “Trăm ngàn tam-muội là vì chúng sanh vô lượng, tâm hạnh bất đồng, có kẻ lợi căn, có kẻ độn căn. Đối với các kết sử, có kẻ sâu dầy, có kẻ mỏng nhẹ. Vì vậy, Bồ Tát thực hành trăm ngàn loại tam-muội để đoạn trừ trần lao cho họ”). Trước hết, chúng ta xem chỗ này, đây là một đoạn ngắn. Tam-muội là Thiền Định, dịch sang nghĩa tiếng Hán thì thường dịch là Chánh Thọ, tức là sự hưởng thụ chánh đáng, đúng mực, bèn gọi là tam-muội. Tiêu chuẩn chánh đáng, đúng mực ở chỗ nào? Xa lìa tập khí phiền não thì sự hưởng thụ của chúng ta là chánh đáng, đúng mực. Nói cách khác, có tự tư tự lợi là chẳng chánh đáng, đúng mực, có đúng - sai, ta - người là không chánh đáng, đúng mực, có tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, đều là chẳng chánh đáng, đúng mực. Do điều này có thể biết, người thật sự tu hành có công phu sẽ đạt được sự hưởng thụ chánh đáng, đúng mực. Trong tựa đề kinh, chúng ta thấy nửa đoạn [trước] giảng về quả đức. Quý vị tu hành thành tựu, quả đức hiện tiền, đó là *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm”*. Chúng ta suy nghĩ cái quả ấy, quả đương nhiên có nhân. Quả ấy rất thù thắng, nhân đương nhiên thù thắng. Nhân là gì? Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, đó là tiêu chuẩn của tam-muội hiện tiền. Nếu chúng ta đắc thanh tịnh tâm, bèn gọi là đắc tam-muội; tâm không thanh tịnh, bèn chẳng có tam-muội. Nếu tâm là tâm bình đẳng, đó là tam-muội càng sâu hơn. Giác chứ không mê, đó là tam-muội nơi quả địa của chư Phật. Vì thế, năm chữ ấy là sở tu của A La Hán, Bồ Tát và Phật.

Vì sao có trăm ngàn tam-muội? Trên thực tế, không chỉ là trăm ngàn, mà là vô lượng, vô biên. Vì sao? Chúng sanh vô lượng. Chúng sanh có phạm vi bao quát vô cùng rộng, không chỉ là nhân loại. Đối với hai chữ *“chúng sanh”*, các hiện tượng do các duyên hòa hợp sanh khởi đều gọi là “chúng sanh”. Vì thế, chúng sanh được hiểu theo nghĩa rộng, trừ con người ra, tất cả thực vật và động vật đều là chúng sanh. Thực vật cũng là chúng sanh, khoáng vật cũng là chúng sanh. Hiện tượng tự nhiên cũng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi. Chúng ta thấy mây trên hư không, đó là do các duyên hòa hợp mà sanh, nên cũng gọi là chúng sanh. Vì thế, “chúng sanh” có phạm vi rất rộng. Trừ những thứ này ra, còn có những loài chúng ta không thấy, các chúng sanh thuộc những chiều không gian khác biệt, đều có y báo và chánh báo trang nghiêm, y báo và chánh báo quả thật vô lượng vô biên. Tâm hạnh của hết thảy chúng sanh bất đồng. *“Tâm”* là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là tâm. *“Hạnh”* là tạo tác, tạo tác cũng khác nhau. Phân chia đại lược, tức là như kinh Phật thường nói thì có hữu tình chúng sanh, căn tánh có lợi và độn. Lợi (利) là thông minh, độn (鈍) là ngu độn, do nguyên nhân nào? Hai câu kế tiếp đã nói rõ: *“Ư chư kết sử”*, Kết (結) là phiền não, Sử (使) cũng là phiền não. Thông thường, chữ Sử chỉ Thập Sử, tức là Kiến Tư phiền não. *“Hữu hậu, hữu bạc”* (có dầy, có mỏng) Nếu là kẻ phiền não dầy bèn ngu độn, nếu phiền não mỏng nhẹ liền tỏ lộ sự thông minh, mức độ dầy mỏng khác nhau. Trong nhà trường, cùng học một cấp lớp, chúng ta thường nói là cùng một cấp lớp thì trình độ không chênh lệch cho lắm, nhưng khi thi cử, thứ tự vẫn khác nhau, từ đứa đậu hạng nhất đến đứa đậu hạng bét, quý vị thấy đó, vẫn chẳng giống nhau. Nói cách khác, nói theo tâm hạnh, tuyệt đối chẳng tìm thấy hai người hoàn toàn giống nhau, chẳng thể được! Đến khi nào bèn giống nhau? Thành Phật sẽ giống nhau, hoàn toàn như nhau. Vì sao? Phiền não đều đoạn hết, đoạn sạch cả rồi! Do vậy có thể biết: Đẳng Giác Bồ Tát cũng bất đồng, mọi người đều là Đẳng Giác Bồ Tát, nhưng trong các vị Đẳng Giác Bồ Tát, phiền não tập khí vẫn dầy, mỏng khác nhau, chúng ta có thể lý giải điều này. Chỉ có đạt đến Phật quả rốt ráo mới là thật sự giống nhau, mảy may phiền não tập khí đều chẳng có. Chính vì tình hình này, nên *“Bồ Tát hành bách thiên chủng tam-muội”* (Bồ Tát hành trăm ngàn loại tam-muội).

Bồ Tát trong hết thảy cảnh duyên, hoàn cảnh bất đồng, *“cảnh”* là hoàn cảnh vật chất, hoàn cảnh khác nhau, *“duyên”* là hoàn cảnh nhân sự. Hoàn cảnh vật chất bất đồng, hoàn cảnh nhân sự bất đồng, tâm các Ngài định một chỗ. Tam-muội là tâm định một chỗ, tương ứng với Tánh Đức. Nói cách khác, trong hết thảy cảnh duyên, *“cảnh duyên”* là hai chữ thường dùng trong nhà Phật, tức là hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự, chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu, trong tâm có chủ ý, đó là tam-muội. Do vậy, tam-muội cũng được gọi là Vi (làm), trong phần trước chúng ta đã học, tâm chúng ta định ở một chỗ. Người học Phật định ở chỗ nào? Nhất định phải định trong Tam Học Giới, Định, Huệ, chúng ta sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, cũng chẳng còn mê trong cảnh giới, tạo các điều lành, bất thiện nghiệp là mê. Nếu giác chứ không mê, trong tâm sẽ có chủ tể. Nói nông cạn, tuy chúng ta là kẻ mới học Phật, nếu thiện căn của chúng ta sâu dầy, cảnh giới hiện tiền, chúng ta biết phải đối phó như thế nào, biết cư xử rất viên mãn trong cảnh giới, lại chẳng tạo nghiệp. Đó là *“hành Bồ Tát đạo”.* Còn có thể giúp đỡ người khác, lợi ích chúng sanh, đó là Bồ Tát hạnh, là trăm ngàn tam-muội của Bồ Tát khởi tác dụng. *“Đoạn kỳ trần lao”* (đoạn trần lao cho họ), trong tâm hạnh, đầu tiên là đoạn trần lao của chính mình, *“trần lao”* (塵勞) là phiền não; sau đấy, giúp đỡ người khác, giác ngộ chúng sanh.

Tiếp đó, nêu tỷ dụ để nói, *“thí như vị chư bần nhân dục linh đại phú, đương bị chủng chủng tài vật, nhất thiết bị cụ, nhiên hậu năng tế chư bần giả”* (ví như vì muốn giúp cho người khác được giàu to, hãy nên chuẩn bị đầy đủ các món tài vật. Đã chuẩn bị đầy đủ hết thảy rồi thì mới có thể giúp đỡ những người nghèo). Đây là nêu tỷ dụ để nói. Bồ Tát vì muốn giúp những kẻ nghèo ấy, nay gọi là *“thoát nghèo, xóa sổ đói nghèo”*, đạt được của cải to lớn, vị Bồ Tát ấy nhất định có năng lực, đã chuẩn bị khá nhiều tài vật, hết thảy đều chẳng thiếu khuyết; có như vậy thì mới có thể cứu giúp hết thảy chúng sanh bần khổ. Chữ *“bần khổ”* có ý nghĩa rất sâu, rất rộng. Những kẻ sơ học bình phàm chúng ta thấy nói *“bần khổ”*, bèn tưởng là bần trong bần phú (nghèo, giàu), đều nghĩ đến tài vật. Phật pháp có ý nghĩa sâu xa! Tài vật nghèo khổ chẳng tính là bần khổ, thật sự bần khổ là gì? Chẳng có đạo! Chẳng có đạo mới là nghèo thật sự. Cũng có thể nói, người chẳng có Giới, Định, Huệ là kẻ thật sự nghèo. Dẫu trong hiện tại, kẻ ấy có rất nhiều của cải, có địa vị rất cao, chúng ta thường nói kẻ ấy là người phú quý, phú quý là quả báo. Vì sao mà có? Trong đời quá khứ, tu tập, tích lũy phước đức; do tích phước nên kẻ ấy giàu có, do tích đức nên kẻ ấy sang quý, kẻ ấy vừa giàu, vừa sang. Nếu suốt đời này hưởng phú quý, chẳng hề tích đức tu phước nữa, kẻ ấy thật sự là bần khổ. Vì sao? Hưởng hết phước báo ấy, sau khi hưởng hết phước báo, khổ nạn liền đưa tới, phải biết thời gian trôi qua rất nhanh, chớp mắt đã thấy ngay! Trong kinh Phật, chúng ta thường thấy các trường hợp như vậy rất nhiều. Bậc đại phú trưởng giả tu tập, tích lũy cái nhân tối thiểu từ ba đời trở lên. Trong nhân gian, làm đế vương, nay gọi là người lãnh đạo quốc gia, phước báo to lớn, tối thiểu người ấy tích lũy công đức đã mười đời. Chẳng có mười đời [tích lũy công đức], sẽ không thể đạt đến địa vị ấy. Do vậy, đây là chuyện kẻ bình phàm chẳng thể làm được. Quý vị chẳng có phước báo ấy mà quý vị đạt được, tai họa liền xảy tới, hoặc là quý vị ngã bệnh, hoặc có thể quý vị mắc bệnh chết ngỏm. Quý vị thấy đạt được địa vị, nhưng chẳng hưởng phước, vì chẳng có phước báo to lớn ngần ấy. Ngoài ra là những tai họa ngang trái, tức là tai nạn ngoài ý muốn. Những nghiệp nhân quả báo đều ở trước mặt chúng ta, quý vị chú tâm quan sát rành mạch, [sẽ thấy] chẳng sai mảy may! Chúng ta hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, mới biết tu tập, tích lũy công đức trọng yếu dường ấy. Đức Phật dạy chúng ta tu công đức, không khuyên chúng ta tu phước đức, vì sao? Phước đức chỉ ở trong nhân thiên, quả báo ở trong cõi trời người, chẳng thể vượt thoát tam giới. Đức Phật dạy chúng ta tu công đức, Công là gì? Công là công phu. Công phu là gì? Công phu là tam-muội, Tam Học Giới, Định, Huệ. Giới là phương pháp, do Giới đắc Định, Định là tam-muội, do Định khai Huệ, Định - Huệ có thể vượt thoát tam giới lục đạo. Định - Huệ nếu gặp Tịnh Tông, quyết định được sanh về Tịnh Độ, phước báo ấy quá lớn. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phước báo bình đẳng với chư Phật Như Lai, thế giới ấy là một thế giới bình đẳng. Phước báo thứ nhất là thọ mạng vô lượng. Chư vị phải biết: Ở trong thế gian này, thọ mạng rất hữu hạn. Bao nhiêu người hâm mộ một trăm tuổi; thật ra, một trăm tuổi cũng chỉ là một cái khảy ngón tay mà thôi. Trên Đao Lợi Thiên là một ngày, một ngày trong Đao Lợi Thiên là một trăm năm trong nhân gian chúng ta, các đồng học học Phật chớ nên không biết điều này.

Do vậy, chúng ta bình thường phải đổ công dốc sức tu luyện, công tu như thế nào? Cổ thánh tiên hiền đã nêu ra rất nhiều hạng mục và đức mục. Trong những năm qua, chúng ta cùng nhau học tập Đệ Tử Quy, đó là giới luật. Không chỉ là giới luật, mà còn là căn bản giới. Nói cách khác, chẳng làm được Đệ Tử Quy, những thứ khác đều chẳng thể thành tựu, nó là căn bản của căn bản. Đệ Tử Quy học được thì [những thứ khác] đều có thể làm được. Nếu tiến cao hơn một bước, bèn học Cảm Ứng Thiên. Cảm Ứng Thiên là giáo dục nhân quả; Ấn Quang đại sư hết sức coi trọng, suốt đời toàn tâm toàn lực đề xướng. Vào đời Thanh trước kia, cư sĩ Châu An Sĩ có hai câu danh ngôn, ông nói: *“Ai nấy đều tin nhân quả, đó là đạo khiến cho thiên hạ đại trị”.* *“Đại trị”* là đời thái bình thịnh trị, cũng là nói nhân dân nơi ấy hạnh phúc mỹ mãn, mỗi người tin nhân quả đều có thể làm được. Ông ta nói: *“Ai nấy không tin nhân quả, đó là đạo khiến cho thiên hạ đại loạn”.* Hiện thời thiên hạ đại loạn, vì sao? Mọi người không tin nhân quả. Vì sao không tin nhân quả? Chẳng có Đệ Tử Quy, cũng có nghĩa là quy củ làm người chẳng có, tiêu chuẩn làm người chẳng có. Nếu con người rời khỏi tiêu chuẩn làm người, cổ nhân nói rất hay, con người và cầm thú có khác gì nhau? Sở dĩ, con người khác cầm thú ở chỗ con người biết lễ, con người hiểu lễ. Đệ Tử Quy thuộc loại lễ giáo, nên nó là căn bản. Nếu chúng ta muốn học giáo dục nhân quả, trước hết phải làm người cho tốt, điều này rất trọng yếu, sau đó mới có thể thực hiện giáo dục nhân quả. Vun bồi hai căn bản ấy, Thập Thiện Nghiệp Đạo của nhà Phật cũng rất dễ thực hiện, chẳng khó khăn tí nào. Đó là giáo dục truyền thống mấy ngàn năm của Trung Quốc, căn bản to lớn. Vì thế, chúng ta phải đặc biệt coi trọng.

Trăm ngàn tam-muội, vô lượng tam-muội, đều sanh từ căn bản này! Nếu chẳng có căn bản này, quyết định chẳng đạt được tam-muội, cũng tức là chúng ta không đạt được sự hưởng thụ chánh đáng, đúng mực. Học Nho thì sự hưởng thụ chánh đáng, đúng mực là *“bất diệc duyệt hồ”* (cũng chẳng vui sao), kẻ ấy sung sướng. Sự hưởng thụ chánh đáng, đúng mực trong Phật pháp là *“thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn”.* Sự hưởng thụ ấy chẳng liên can gì đến địa vị và của cải. Người học Phật dẫu nghèo hèn, chẳng được phú quý, cũng vẫn vui sướng, pháp hỷ sung mãn giống như Bồ Tát. Giống như thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, quý vị thấy trong Tăng đoàn, trong kinh chúng ta thường thấy Thường Tùy Chúng của đức Thế Tôn là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, mỗi ngày ra ngoài khất thực, nghỉ dưới gốc cây, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, nhìn vào bất cứ ai đều thấy vẻ mặt họ tươi cười, trên thân chẳng có thứ gì, nhưng họ sung sướng khôn sánh. Vì sao sung sướng, hạnh phúc như vậy? Họ đắc tam-muội, đạo lý ở chỗ này, người đắc tam-muội hưởng thụ chánh đáng. Người bình phàm chúng ta hưởng thụ chẳng chánh đáng, đúng mực, người bình phàm thì sao? Có năm loại Thọ, tức là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, những cảm thụ ấy đều chẳng bình thường. Thân có khổ, lạc, tâm có ưu, hỷ, nên không chánh đáng, đúng mực. Thân chẳng có khổ, lạc, tâm chẳng có ưu, hỷ, tâm thanh tịnh hiện tiền, đó là chân lạc. Do vậy, đức Phật nói lục đạo phàm phu có năm thứ Thọ, là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Xả Thọ khá lắm, Xả Thọ là khi nào? Trong một thời gian ngắn ngủi, thân chẳng có khổ hay lạc, tâm chẳng có ưu, hỷ, tốt lắm! Đó là Chánh Thọ. Vì sao nó chẳng thể được coi là Chánh Thọ? Vì thời gian quá ngắn; chẳng giống như người thật sự tu hành, vĩnh viễn giữ được Xả Thọ, chẳng bị mất đi. Xả Thọ là tam-muội.

Do vậy đối với sự tu hành, mấu chốt tu hành là gì? Nguyên lý và nguyên tắc trọng yếu nhất trong tu hành là gì? Là buông xuống. Bắt đầu từ chấp trước, buông chấp trước xuống, đối với hết thảy người, sự, vật, chẳng còn chấp trước, quý vị sẽ hết sức sung sướng, đắc thanh tịnh tâm. Lại buông phân biệt xuống, không chỉ chẳng chấp trước, mà ngay cả ý niệm phân biệt cũng chẳng dấy lên, đó là Bồ Tát, cao hơn A La Hán nhiều lắm. Vì buông xuống thuộc về Định, Định thì nhất định là đến một lúc nào đó sẽ hoát nhiên đại ngộ, trí huệ mở mang, đó là giác. Giác là khai trí huệ, bèn thành Phật. Trí huệ đã khai, chẳng thấy mười pháp giới nữa, quý vị vượt thoát mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Thật ra, cõi Thật Báo của Phật là cõi Thật Báo của chính mình; khi ấy, tự và tha bất nhị, chính mình và Phật là một, chẳng hai. *“Nhập pháp môn Bất Nhị”* như trong giáo pháp Đại Thừa thường chính là ý nghĩa này, quý vị chứng đắc pháp môn Bất Nhị. Pháp môn Bất Nhị là quý vị thấy Pháp Thân, khẳng định, thừa nhận nó, chẳng có tí hoài nghi nào. Vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, người ta thường gọi nó là *“sanh mạng cộng đồng Thể”*. Thể ấy là gì? Trong Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, Thể ấy được gọi là *“tự tánh thanh tịnh viên minh thể”.* Do vậy, học Phật hãy nên thường nghĩ tới Giới, Định, Huệ, phải ghi nhớ những điều này trong tâm, niệm niệm đều có thể tương ứng với Giới, Định, Huệ thì chúng ta đang hành Bồ Tát đạo.

*“Nhất thiết cụ bị”* (hết thảy chuẩn bị đầy đủ), vô lượng tam-muội đã đầy đủ, vô lượng pháp môn đã đầy đủ thì mới có thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh. *“Nhiên hậu năng tế chư bần giả”* (sau đấy mới có thể giúp các người nghèo), dạy hết thảy chúng sanh vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, thoát khỏi nỗi khổ trong lục đạo, vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Trong đại vũ trụ, nhà Phật nói khắp pháp giới hư không giới, nơi nào thù thắng nhất? Hết thảy chư Phật khác miệng cùng lời bảo: *“Thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật”.* Chẳng phải riêng một mình Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu, quý vị thấy bản kinh Di Đà chúng ta thường đọc là bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, [trong ấy] sáu phương Phật khuyên dạy chúng ta. Trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, mười phương chư Phật khuyên chúng ta vãng sanh. Phật quyết định chẳng nói dối, Phật mong mỏi chúng ta, Ngài chỉ có một mong mỏi là mong ước chúng sanh mau chóng thành Phật. Đó là bổn nguyện của chư Phật Như Lai. Vì sao? Vì hết thảy chúng sanh và các Ngài là một Thể, chúng sanh thành Phật là công đức của các Ngài viên mãn. Chúng sanh còn chưa thành Phật thì công đức của các Ngài còn có phần khiếm khuyết, đạo lý là như vậy đó. Chúng ta cũng hết sức khó có, đã hiểu rõ ràng, minh bạch, bèn hạ quyết tâm nhất định phải thành tựu trong một đời này. Thoát ly biển khổ tam giới lục đạo, đó là thật sự thoát khỏi nghèo khổ, sanh về thế giới Cực Lạc bèn đắc đại phú quý.

Tiếp đó, lại nói: *“Hựu như dục trị chư bệnh”* (Lại như muốn chữa các bệnh), chúng ta mong chữa trị rất nhiều thứ bệnh khổ trong thế gian, người bệnh rất đáng thương, *“đương bị chủng chủng chúng dược”*, [nghĩa là] chúng ta nên chuẩn bị đầy đủ các món dược phẩm. Trong Trung Y, sử dụng dược vật đại khái hơn một vạn thứ. Trong hơn một vạn thứ, tám mươi phần trăm là thảo dược, tức thực vật. Động vật và khoáng vật cũng đều có, nhưng số lượng ít hơn, dược thảo chiếm tuyệt đại đa số, có thể trị hết thảy bệnh. Nói tới chỗ này, hiện thời rất nhiều người tin tưởng Tây Y. Thuở còn trẻ, chúng tôi cũng vậy, đau ốm toàn là chữa trị theo Tây Y trong bệnh viện. Tôi theo thầy Phương học Triết Học, thầy nói tới văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Có một hôm nói đến y thuật, thầy bảo: “Trung Y có năm ngàn năm lịch sử”. Thật vậy, chẳng giả, từ lúc vua Thần Nông nếm trăm loại cỏ, đúng là năm ngàn năm, từ Hoàng Đế đến thời đại chúng ta là bốn ngàn năm trăm năm. Từ Thần Nông đến Hoàng Đế là năm trăm năm, đúng là năm ngàn năm lịch sử. Chúng tôi tin tưởng trước thời Hoàng Đế đã có Trung Y, con người biết dược thảo có thể chữa bệnh, chúng tôi có lý do để tin tưởng chuyện này. Trước thời Thần Nông là Phục Hy Thị, Phục Hy cách Thần Nông tối thiểu cũng hơn năm trăm năm, coi như là nguyên khởi của lịch sử Trung Quốc, ít nhất là từ năm ngàn năm trăm năm trở lên. Xa xưa hơn nữa là truyền thuyết, có lịch sử dài như thế, có trí huệ, phương pháp, kinh nghiệm và hiệu quả chữa trị. Thầy nói Tây Y chỉ có ba trăm năm, từ Đệ Nhị Thế Chiến phát minh nền Tây Y chữa trị bằng chất kháng sinh. Vì thế, thầy hỏi tôi: “Anh tin tưởng ba trăm năm, hay tin tưởng năm ngàn năm?” Đương nhiên chúng tôi tin tưởng năm ngàn năm, lịch sử quá phong phú. Hiện thời, quý vị đọc tin tức, thấy có báo cáo cho biết đã phát hiện loại virus mới, tên gọi của loại virus mới ấy tôi không nhớ, tất cả các chất kháng sinh đều vô hiệu đối với nó. Tổ chức Y Tế Thế Giới cảnh cáo, mong chúng ta phải đặc biệt cẩn thận đề phòng, vì sao? Chưa có thuốc để chữa trị. Nếu bị lây nhiễm, đại khái chỉ chừng ba, bốn giờ là chết, rất nhanh. Đối với loại virus như vậy, Trung Y có phương pháp trị liệu hay không? Nay chúng ta vẫn chưa nghe thấy, nhưng chúng tôi có lý do để tin tưởng là có thể! Vấn đề là hiện thời Trung Y dần dần thất truyền, người học quá ít. Hơn nữa, ở Trung Quốc vào thời xưa, Trung Y luôn là đời đời truyền thừa, thầy lang tối thiểu là ba đời, [hành nghề Y] từ ba đời trở lên. Họ bắt đầu học Y từ lúc nào? Ba, bốn tuổi liền bắt đầu học, người già chữa bệnh, họ ở bên cạnh xem, có thể nhận biết huyệt đạo. Trẻ ba tuổi đã có thể chỉ huyệt đạo rành mạch, họ hiểu biết; chẳng phải là học trong viện Y Học dăm bảy năm, chẳng phải vậy! Trung Y là của báu, có thể dưỡng sanh, có thể trị bệnh, chúng ta hãy nên coi trọng nó. Đó là quốc bảo của Trung Hoa, nội dung rộng lớn, tinh tường, sâu xa. Chữa bệnh thì phải chuẩn bị đầy đủ các món thuốc.

Chúng ta thấy Thái Thượng Lão Quân của Đạo Giáo đã nói tới một trăm thứ bệnh, và cũng nhắc tới một trăm món thuốc. Chúng ta hãy xem những căn bệnh ấy, chúng ta có vướng phải hay không? Trước hết, nói tới một trăm thứ bệnh.

Thứ nhất là *“hỷ nộ vô thường là một bệnh”*, chúng ta có phạm phải hay không? Hỷ nộ vô thường, nếu phạm phải thì phải có tánh cảnh giác, bệnh ấy là gì? Là nguyên do khiến chúng ta nhiễm bệnh. Phàm là người ngã bệnh thì là không bình thường, đúng mực, chẳng thể khống chế tâm tình. Bản thân chúng tôi đã chính mắt trông thấy một trường hợp: Trong quá khứ, Hàn Quán Trưởng hộ trì chúng tôi ba mươi năm, con gái bà ta hai mươi tám tuổi qua đời, để lại hai đứa con thơ. Nửa năm trước khi bà qua đời bèn hỷ nộ vô thường; trước kia, bà ta chẳng như vậy. Do vậy bèn nói đây là điềm báo bệnh tật nẩy sanh, tỏ lộ tâm tình đặc biệt nóng nảy, bộp chộp. Nếu chúng ta có tình hình ấy, cần phải đi khám sức khỏe. Người học Phật phải nên bình lặng, nên niệm Phật hiệu cho nhiều, lạy Phật cho nhiều hòng tiêu nghiệp chướng.

Thứ hai, *“quên nghĩa hám lợi là một bệnh”*, lợi là thứ con người hiện thời ắt phải tranh giành. Không chỉ chớ nên tranh, mà còn phải suy nghĩ ta có nên giữ lấy [món lợi đó] hay không? Nếu đáng nên được thì có thể lấy, chẳng đáng nên được thì đừng nên lấy! Vì sao? Nếu quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ biết. Trong Liễu Phàm Tứ Huấn có nói, trong cuộc đời của bất cứ một ai, *“một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định sẵn”.* Nói cách khác, trong mạng quý vị có, chắc chắn quý vị sẽ đạt được, chỉ là thời gian có sớm hay muộn khác nhau. Trong mạng chẳng có, quý vị nghĩ trọn mọi phương cách, vẫn chẳng cầu được. Nếu cầu được, quý vị chẳng ngã bệnh thì cũng có tai nạn xảy đến. Nói cách khác, quý vị chẳng có cách nào hưởng thụ, do chẳng có số mạng ấy! Những chuyện này đều bày ra trước mặt chúng ta, nếu chư vị chú tâm quan sát sẽ hoảng nhiên đại ngộ. Lúc tôi mới xuất gia, tôi vừa xuất gia bèn bắt đầu giảng kinh. Ở Đài Bắc có một người cũng có thể coi như là bậc đại phú trưởng giả, nay ta gọi là “xí nghiệp gia”, cất một tòa biệt thự lộng lẫy tại núi Dương Minh, dựng một căn biệt thự, tôi từng ở nơi đó một ngày, [vì] người thân thích của ông ta dẫn tôi đi chơi, nên ở đó một ngày. Sau này, tôi nghe nói, vị xí nghiệp gia ấy qua đời, qua đời khi tuổi đã rất cao, nghe nói suốt đời ông ta cũng chỉ ở trong tòa biệt thự ấy một tối. Bình thường cũng chẳng có ai đến, họ dùng ba người đầy tớ trông nom tòa biệt thự, quét dọn sạch sẽ, ba người ấy hưởng phước ở đó, sống nhiều năm ở đó. Quý vị thấy: Suốt đời ông ta chỉ ở một hôm, quyền sở hữu tài sản thuộc về ông ta, nhưng quý vị thấy ông ta chẳng có cách nào hưởng phước! Ba người hầu có quyền sử dụng, họ hưởng phước, đó là do mạng vận đã định. Chuyện như vậy có thể thấy khắp mọi nơi trên cả thế giới.

Cổ nhân nói rất hay: “*Cả đời đều là mạng, nửa điểm chẳng do người”.* Cần gì [phải khổ sở như vậy]? Quý vị là một cá nhân, toàn là do tham dục, dục vọng [chi phối], xây một tòa biệt thự to như vậy, nhưng chẳng có thời gian để hưởng thụ, suốt đời chỉ ở có một ngày! Tôi tin tưởng còn có những người suốt cả một đời cũng chưa ở một ngày, sao mà khổ thế? Sao không dùng món tiền đó để làm một ít chuyện tốt, giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn, họ chẳng nghĩ tới điều này. Công đức giúp chúng sanh khổ nạn có thể mang đi được, chứ tòa biệt thự ấy đâu thể mang theo! Đức Phật có trí huệ, thường xuyên cảnh tỉnh chúng ta, chuyện có thể mang theo được thì làm nhiều, chuyện chẳng mang theo được, chẳng cần làm! Do vậy, chúng ta hãy nghĩ, điều gì có thể mang theo, điều gì chẳng mang đi được. Trong thế giới hiện thời, chuyện tốt đẹp bậc nhất là gì? Chuyện tốt gì vậy? Dạy hết thảy chúng sanh làm người tốt, đấy mới là chuyện tốt lành to lớn nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật thực hiện suốt đời, kể từ sau khi Ngài khai ngộ liền giảng kinh, dạy học, khuyên người khác không chỉ làm người tốt, mà còn là người tốt nhất trong những người tốt, làm Phật, làm Bồ Tát. Đức Phật là người tốt đạt đến rốt ráo viên mãn, chẳng có khiếm khuyết. Bồ Tát là hữu tình chúng sanh giác ngộ, tuy phiền não tập khí còn chưa đoạn sạch, nhưng giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, Ngài làm được. Do vậy, chúng ta phải lấy Phật Thích Ca làm gương, đối với chuyện lấy - bỏ, nhất định phải chú tâm cẩn thận, [xét coi] có hợp với đạo nghĩa hay không? Nói thông thường, *“nghĩa”* là hợp tình, hợp lý, hợp pháp, điều ấy có thể giữ lấy. Nếu trái nghịch tình, lý, pháp, chớ nên giữ lấy. Bất cứ chuyện gì hễ có nhân ắt có quả, chúng ta hãy cẩn thận nơi nhân, quả báo liền thù thắng, tránh khỏi khổ quả!

*“Háo sắc, hoại đức là một bệnh”*, bệnh này hết sức phổ biến trong xã hội hiện thời. Con người không hiểu, Thái Thượng Lão Quân coi trọng nhân quả. Quý vị thấy trong ba căn bản của chúng ta, có Thái Thượng Lão Quân Cảm Ứng Thiên, câu đầu tiên đã nói rất hay: *“Họa phước không có cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy”*. Không ai cai quản quý vị, mà do chính quý vị tự mình cảm lấy quả báo, thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo, nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may, bất luận kẻ nào trong một đời đều chẳng thể tránh khỏi! Trong xã hội hiện thời, quan hệ nam nữ rất hỗn loạn, mỗi ngày có bao nhiêu kẻ phá thai? Phá thai là sát nhân. Luật nhân quả thường cảnh tỉnh chúng ta, đó là chuyện thật! Thiếu mạng phải đền mạng, thiếu nợ phải đền tiền. Đức Phật dạy cha con có bốn thứ duyên; chẳng có duyên, quý vị sẽ chẳng trở thành cha con, sẽ chẳng trở thành người một nhà. Trong bốn thứ duyên ấy, thứ nhất là báo ân. Đứa con này ngoan ngoãn, dễ dạy, hiếu tử hiền tôn là nó đến báo ân. Trong đời quá khứ, quý vị có ân đối với nó. Loại thứ hai là báo oán, kiếp trước có hiềm khích, có oán hận, kẻ ấy đến báo cừu, lớn lên sẽ khiến cho quý vị tan cửa, nát nhà. Loại thứ ba là đòi nợ, đòi xong bèn ra đi. Loại thứ tư là trả nợ. Chẳng có những duyên ấy, sẽ không trở thành người một nhà. Trong kinh, đức Phật đã dạy rõ chuyện này, người một nhà có quan hệ gì. Vì thế, gia đình phải có đạo, phải có quy củ. Nếu chẳng có đạo, chẳng có quy củ, gia đình ấy bèn rối loạn. Phá thai đáng sợ lắm! Tôi nghe một đồng tu kể, không phải là người ấy, mà là một người khác. Người ấy có một người bạn dường như đã phá thai hơn hai mươi lượt. Có người thông linh thấy theo sau cô ta là một bầy tiểu quỷ; vì thế, bản thân cô ta khổ chẳng thể nói nổi, thân thể hết sức tệ, bệnh tật rất nhiều. Bệnh tật là gì vậy? Bệnh tật là do oán thân trái chủ gây rối cô ta. Do vậy, người hiểu nhân quả quyết định chẳng dám làm chuyện này, vì sao? Tương lai phải đền mạng! Quý vị đời này giết một người, đời sau phải đền mạng cho kẻ ấy. Quý vị giết hại [hơn] hai mươi người, phải đền hơn hai mươi cái mạng! Chẳng phải là giỡn chơi đâu nhé! Vì thế, chuyện sát hại tánh mạng há có nên làm? Háo sắc, phá thai chính là sát nhân, tội ấy nặng lắm! Không chỉ là bại hoại đức hạnh, con người hiện thời chẳng nói đến đạo đức, nhưng hiểu theo lẽ nhân quả thì phải đền mạng, quý vị có dám làm hay không? Đó là bệnh. Chúng ta thấy chứng bệnh ấy, thân thể suy bại, đau khổ khôn kham, nhưng chính cô ta chẳng biết nguyên nhân, người mắt sáng thấy rõ ràng, rành rẽ.

*“Chuyên tâm yêu thương mê mệt là một bệnh”*, nay chúng ta gọi *“chuyên tâm yêu thương mê mệt”* là *“sủng ái”.* Quý vị sủng ái một ai thì người ta thường nói là “thiên vị”. Nếu trong một gia đình, quý vị yêu thương một ai đó quá lẽ, kẻ khác có phục hay không? Khiến cho người khác ganh tỵ, thậm chí khiến cho kẻ khác báo thù, phiền não liền xảy đến. Vì thế, chuyện này rất đáng sợ.

*“Thù ghét, mong cho kẻ khác chết đi là một bệnh”.* Oán hận kẻ ấy,không ưa, mong cho kẻ ấy chết ngay lập tức. Điều này thuộc loại oán hận, thuộc loại nguyền rủa, tự nhiên kết thù chuốc oán. Cổ thánh tiên hiền khuyên dạy chúng ta, người trong thế gian oan gia hãy nên cởi gỡ, đừng nên trói buộc. Oán thì phải nghĩ cách hóa giải, chớ nên kết oán. Vì sao? Sau khi oán đã kết, sẽ oan oan tương báo chẳng xong! Đời này là oan gia, đời sau có thể là oán cừu càng sâu, quý vị nói có phải là phiền phức lắm không? Đôi bên đều đau khổ. Do vậy, sau khi giác ngộ, hãy nên buông xuống, đôi bên chỉ cần một bên giác ngộ, mối oán cừu ấy liền hóa giải. Bên giác ngộ luôn nghĩ đủ mọi cách để hóa giải, hoặc là trên phương diện vật chất, hoặc trên phương diện tinh thần, bồi hoàn, bù đắp, chẳng còn kết oán nữa, điều này rất quan trọng. Chẳng hạn như kẻ khác hủy báng, lăng nhục, thậm chí hãm hại chúng ta, chúng ta gặp phải những chuyện ấy, trong tâm phải giác ngộ, vì sao họ chẳng đối xử với kẻ khác như vậy, mà làm như thế đối với ta? Người học Phật chúng ta hiểu rõ, nhất định là trong đời quá khứ, ta có lỗi với kẻ ấy. Nay kẻ ấy đối đãi ta như vậy, ta cam tâm tình nguyện nhận lãnh, chẳng có tâm báo thù, chẳng có tâm oán hận, vậy là tốt, tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình. Chúng ta chẳng có oán hận, chẳng báo thù, đối phương dần dần cũng nhạt bớt. Chúng ta thấy đối phương có những ưu điểm bèn tán thán họ; đối phương có khuyết điểm, chúng ta chẳng phê bình, một mực dùng thiện ý để đáp trả, thời gian lâu sau, mối oán kết ấy bị hóa giải. Quyết định đừng nên báo thù, quyết định chớ nên oán hận, phiền phức rất lớn, chẳng thể giải quyết vấn đề, mà còn tạo ra tranh chấp, gieo gốc họa đời đời kiếp kiếp, sai lầm quá đỗi! Chính mình bồi dưỡng những đức hạnh ấy bằng cách nào? Đọc sánh thánh hiền, đọc sách Phật, quý vị đọc nhiều sẽ có trí huệ, biết nên xử sự ra sao. Bồ Tát có trí huệ và đức hạnh như vậy thì mới có thể trong một đời hoàn toàn xóa tan, hóa giải [nỗi bất bình của] oán thân trái chủ từ trong vô lượng kiếp. Bồ Tát sanh tâm đại từ bi, giống như chư Phật Như Lai bỏ mình vì người, thành tựu hết thảy chúng sanh, nêu gương tốt cho hết thảy chúng sanh, giúp đỡ người khác phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đó là trí huệ hạnh.

*“Tham dục phóng túng, ẩn giấu lỗi lầm là một bệnh”*, tham dục đã là lầm lỗi, lại còn phóng túng thì còn gì để nói nữa? Tham lam không bờ bến, càng bị hãm sâu hơn. Có lỗi phải sám hối, phải sửa đổi, không thể che giấu. *“Tế”* (蔽) là che giấu. Che giấu lỗi lầm chẳng cho người khác biết, đó là bệnh. Quý vị càng tích lũy càng sâu hơn, đầu tiên là lỗi nhỏ, dần dần biến thành lỗi to, sai mất rồi! Ta có lầm lỗi, kẻ khác phê bình, đó là chuyện tốt, vì sao? Báo đền xong! Nay đã báo đền xong xuôi, chúng ta phải sanh tâm cảm tạ kẻ phê bình, đó là đúng. Nếu oán hận, sẽ có phiền phức to lớn, đến đời sau giải quyết chưa xong. Chỗ tốt đẹp lớn nhất trong học Phật là tánh cảnh giác cao, có tầm nhìn xa, chẳng phải chỉ nhìn một đời này, mà càng phải thấy đời sau và những đời sau đó nữa, biết nhân quả, biết họa phước vì sao mà có!

*“Chê người, khen mình là một bệnh”*, chuyện này cũng thường nẩy sanh. Quan trọng nhất là bản thân chúng ta có phạm hay không? Có hủy báng kẻ khác hay không? Có tán thán chính mình hay không? Chính mình có một chút tốt lành, cứ sợ kẻ khác chẳng biết đến. Trong Phật pháp, điều này được gọi là *“tự tán, hủy tha”* (khen mình, chê người), ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Trong Bồ Tát Giới, *“tự tán hủy tha”* là một trọng giới, đức Phật nghiêm khắc ngăn cấm, chẳng chấp thuận. Đối với người khác phải tán thán, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta *“lễ kính chư Phật, tán thán Như Lai”.* Người khác có ưu điểm, chúng ta phải tán thán. Người khác có khuyết điểm, có chỗ bất thiện, quyết định đừng nên phê bình. Hễ có trách nhiệm khuyên răn bạn thân thì phải làm khi nào? Khi chẳng có kẻ thứ ba trông thấy hoặc nghe thấy, bèn khuyên nhủ, chỉ dạy, khuyên lơn kẻ ấy sửa đổi, ăn năn hối lỗi. Lại còn khuyên dạy tối đa là hai lượt, chớ nên ba lượt; khuyên hai lần không nghe thì đừng nói nữa. Nói nữa sẽ biến thành oán cừu, điều này rất quan trọng. Hễ [kẻ ấy] hoan hỷ nghe người khác khuyến cáo, sau khi nghe, có thể thật sự sửa đổi, quý vị hãy nên khéo chiếu cố người ấy, phải thường xuyên khuyên răn kẻ ấy, ngõ hầu kẻ ấy có thể trở thành thánh, thành hiền. Kẻ bị người khác phê bình, trong tâm bực bội thì chớ nên nói nữa, chẳng cần kết oán cừu với kẻ ấy, đó là đạo nghĩa bạn bè. Giữa các bạn học [là như thế], mà giữa thầy trò cũng là như thế. Thuở trước, tôi theo thầy Lý học Giáo, các bạn học của chúng tôi trong lớp kinh giáo đều là học tập kinh giáo, hơn hai mươi người học giảng kinh. Có mấy bạn học dường như từ trước đến nay thầy chưa hề tươi cười với họ, có đánh, có chửi. Học trò giỏi có thể tiếp nhận đánh chửi mà vẫn cảm tạ thầy, cảm ơn thầy, thầy thật sự dạy bảo. Còn có hai ba vị đồng học, thầy đối xử với họ rất tốt, chẳng bao giờ nói này nói nọ, do nguyên nhân gì? Lần đầu tiên thầy phê bình họ, vẻ mặt họ rất khó coi, rất bực bội, từ đó về sau, thầy chẳng phê bình họ nữa, xem họ như học trò dự thính, hoan nghênh quý vị đến nghe, tuyệt đối chẳng phê bình quý vị. Thuở ấy, chúng tôi tuổi trẻ, trong tâm nghi hoặc thầy đối đãi đồng học chúng tôi chẳng công bằng, một thời gian lâu sau, thầy cũng nhìn ra. Có một hôm, thầy gọi tôi vào phòng, nói rõ vì sao có những người thầy giáo huấn nghiêm ngặt, khắt khe: “Những người ấy có thể tiếp nhận, nếu tôi không dạy họ như vậy, tức là có lỗi với họ. Vì sao có mấy đồng học chẳng thể nói, chưa bao giờ nói động tới họ? Họ chẳng thể tiếp nhận, cần gì phải kết oán cừu?” Tôi mới hiểu rõ. Trong khi giáo học, thầy cũng dạy tôi cách làm người như thế nào. Vì lẽ đó, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải có chừng mực.

Điều tiếp theo, *“tự tiện thay đổi là một bệnh”*, vấn đề này cũng hết sức nghiêm trọng! Cổ thánh tiên hiền đã lập ra quy củ, chính chúng ta sửa đổi, có phải gánh trách nhiệm nhân quả hay không? Khẳng định phải chịu. Cổ thánh tiên hiền đã lập ra những phép tắc ấy, thường được các tôn giáo hiện thời gọi là *“chân lý”*, không thể thay đổi! Tám câu đầu trong Tam Tự Kinh chính là nguyên lý và nguyên tắc giáo học của tổ tiên và cổ thánh tiên hiền đối với người sau trong suốt mấy ngàn năm qua, có thể sửa đổi hay không? Hễ sửa đổi, toàn bộ các vấn đề sẽ xuất hiện. Tự tiện thay đổi là một căn bệnh nặng của người hiện thời. Nguyên tắc chỉ đạo giáo học cao nhất của cổ nhân là *“quý dĩ chuyên”* (chú trọng chuyên nhất), người hiện tại chẳng làm theo nguyên tắc ấy, học quá nhiều, học quá tạp. Đặc biệt là những vị làm phụ mẫu tuổi trẻ, chẳng có kinh nghiệm dạy dỗ trẻ thơ, tâm mong con trở thành kẻ tài năng quá mạnh, hy vọng con mình có thể vượt trỗi kẻ khác, thứ gì cũng biết, thứ gì cũng học, đứa bé ấy rất đáng thương, chẳng thể chịu đựng nổi, học hành rất đau khổ. Hiện thời, chúng ta thường nghe nói học trò Tiểu Học tự sát, trong quá khứ, chưa hề có chuyện này. Vì sao chúng tự sát? Chúng quá đáng thương, quá khổ! Đó là gì? Lỗi lầm của cha mẹ, không biết dạy con! Thời cổ, trẻ nhỏ đi học chỉ học một môn, *“quý dĩ chuyên”* mà! Mấy ngàn năm qua đều là như vậy. Học một môn này chưa xong, chẳng thể học môn thứ hai. Nay thì có thể học đồng thời bảy, tám môn, thế thì sao? Chẳng được rồi! Cổ nhân Trung Quốc học gì cũng là học một môn, học chu đáo một môn xong rồi mới có thể học môn thứ hai.

Chúng tôi theo học kinh giáo trong lớp dạy kinh giáo của thầy Lý, thầy quy định cũng là một môn, bảo rõ ràng cùng quý vị: “Các vị chắc chắn không thể học cùng lúc hai môn!” Nếu nói rất khó nghe thì ý thầy là: “Quý vị chắc chắn chẳng có sức học hai môn”. Thầy nói hết sức khẳng định. Một môn học tốt đẹp rồi, tốt đẹp đến mức độ nào? Phải được thầy công nhận, thầy nói “có thể” thì mới được phép học môn thứ hai; nhưng tiêu chuẩn của thầy cũng trọn chẳng nghiêm ngặt lắm, mà cũng rất khoan dung. Tiêu chuẩn của thầy là thí dụ như học một bộ kinh, quý vị có thể lên bục giảng, thầy ngồi dưới nghe, gật đầu, được lắm, coi như thông qua bộ kinh ấy. Nhưng lúc tôi theo thầy, tôi đặt tiêu chuẩn cho chính mình nghiêm khắc hơn một chút. Tôi cảm thấy giảng một lần không đủ, tối thiểu phải giảng mười lần, tôi mới học bộ kinh thứ hai. Mười lần thì đến giảng ở đâu? Đến nhà đồng học hoặc đồng tu. Thứ Hai đến nhà Trương cư sĩ, thứ Ba đến nhà Vương cư sĩ, thứ Tư đến nhà Lý cư sĩ. Đều là giảng một thứ, tức là với mỗi bài học, mỗi tuần tôi tìm tối thiểu ba nhà hay bốn nhà [để tập giảng], cách giảng của tôi là như vậy. Thính chúng một, hai, ba người đều được, học giảng mà! Số lượt luyện giảng càng nhiều, càng thuần thục, quen tay hay việc! Không quen thì làm sao được? Do vậy tôi nói “một lần không được”, tôi đặt tiêu chuẩn cho chính mình, tôi nói “mười lượt”. Kinh Vô Lượng Thọ tôi đã giảng mười lần, lần này đặc biệt chọn giảng chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta cùng nhau học tập, cùng nhau chia sẻ.

Do vậy, quý vị tuân thủ quy củ của cổ thánh tiên hiền định, nhất định có lợi. Nếu quý vị sửa đổi, chắc chắn sẽ nẩy sanh phiền phức. Quý vị thấy tại Trung Quốc mấy ngàn năm qua, chẳng có ai dám sửa đổi. Tổ tiên định ra điều gì? Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, chẳng nhiều lắm. Giáo dục thời cổ nhằm dạy gì? Dạy bốn thứ ấy. Bốn thứ ấy nhằm dạy tiêu chuẩn giáo dục làm người. Đều có thể làm được thì quý vị mới giống như con người. Ngũ Luân là nói về quan hệ giữa con người với nhau, điều này rất trọng yếu, chớ nên không biết! Cha con có tình thân, vua tôi có nghĩa, vợ chồng sai khác ([có nghĩa là] nhiệm vụ khác nhau), lớn nhỏ có tôn ty trật tự, bạn bè giữ chữ tín. Cốt lõi của nền giáo dục Trung Quốc là cha con có tình thân, tức là thân ái. Vì thế, giáo dục Trung Quốc nhằm giáo dục tình thân ái. Những thứ sau đó như Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức đều là tình thân ái mở rộng, từ lòng thân ái khuếch trương, cốt lõi là tình thân ái. Ngũ Thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nhân là yêu thương con người. Nghĩa là tuân theo lý, tức hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Lễ là chừng mực, xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải có chừng mực, chớ nên quá lố, mà cũng chớ nên quá bãi buôi, nhất định phải là chừng mực. Cư xử giữa con người với nhau chớ nên vô lễ. Trí là lý trí, không thể xử sự theo cảm tình! Trong cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật phải dùng lý trí, đừng dùng cảm tình. Phải nói đến tín nhiệm. Con người thiếu chữ tín, sẽ chẳng thể tồn tại trong xã hội. Chữ Tín hết sức quan trọng. Tứ Duy là lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Bát Đức là hiếu, đễ, trung, tín, nhân, ái, hòa, bình. Cương lãnh là như vậy, do tổ tiên đặt ra, chẳng thể thay đổi. Hễ biến đổi, toàn thể trật tự xã hội rối loạn, nhà chẳng ra nhà, nước chẳng ra nước. Quy củ của tổ tiên được thi hành tại Trung Quốc suốt mấy ngàn năm. Thái Thượng Lão Quân nói tới một trăm chứng bệnh, chúng tôi chỉ nêu mấy điều này là đủ rồi!

Lại xem Ngài nói về thuốc chữa, đối với điều đầu tiên, Ngài nói: *“Thể nhược, tánh nhu là một loại thuốc”*, chẳng phải là Thái Thượng Lão Quân bảo thân thể chúng ta phải suy nhược, chẳng phải là ý nghĩa đó! *“Nhược”* là đối diện với cái gì mạnh mẽ, nếu chúng ta biểu hiện rất kiên cường sẽ không tốt, đấy cũng là như hiện thời chúng ta nói “hòa hài”, tánh tình phải mềm mỏng. Nói thật ra, trong Phật pháp, quý vị đọc phần Tứ Đức được giảng trong Hoàn Nguyên Quán, điều thứ ba là *“nhu hòa, chất trực”.* *“Thể nhược”* nghĩa là chất trực, đãi người, tiếp vật phải mềm mỏng. Chất trực là chân thành, phải có thành ý đối với người khác. Chớ nên dùng thái độ cường bạo để đối xử với người khác, phải dùng thái độ mềm mỏng khiến cho người khác hoan hỷ. Nói theo cách bây giờ, trong tư thế xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta phải biết hạ mình một chút, *“nhược”* có ý nghĩa như vậy. Chớ nên dùng ngôn ngữ cứng cỏi, đụng chạm, ra lệnh, khiến người ta nghe rất ngứa tai! Dẫu là thuộc hạ của chính mình, nếu quý vị có thể khiêm hư, người khác sẽ thực hiện công việc tốt đẹp hơn. Kỵ nhất là lớn tiếng la lối, chẳng tốt! Người khác ngoài mặt phục tùng quý vị, trong tâm không phục. Nếu quý vị có thể khiến cho trong tâm người ta cảm phục quý vị, đó gọi là *“tâm phục, khẩu phục”*, sẽ thành công!

*“Hành vi phải khoan dung, tâm hòa hoãn là một loại thuốc”.* Nói thật ra, loại thuốc này đối với chúng ta sẽ hữu ích trong việc tu thân. Tu thân, dưỡng tánh, thân tâm khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi. Loại thuốc này đều có thể giúp quý vị, xã hội hòa hài, thế giới hòa bình, nó rất tốt. *“Hành”* phải khoan, tức là khoan hậu, *“hành”* là hành vi, phải khoan hồng, độ lượng, tâm phải hòa hài, đó gọi là “hòa bình”. Bình đẳng thì mới hòa, bình là nhân, hòa là quả. Đối đãi với kẻ khác chẳng bình đẳng, chắc chắn chẳng thể đạt được hòa.

*“Động tĩnh hữu lễ là một loại thuốc”*. Lễ hết sức trọng yếu. Có lễ, người khác tôn kính, kính mến quý vị, thật sự đạt được lợi ích, người được lợi là chính mình.

*“Sống theo nề nếp là một loại thuốc”*: Cuộc sống có quy luật là một loại thuốc, đó là đường lối để sống lâu, khỏe mạnh.

*“Gần đức, xa rời sắc là một loại thuốc”*, thân cận người có đức hạnh, tránh xa sắc. Nam đối với nữ phải xa cách một chút, nữ đối với nam cũng phải xa cách một chút, đó là Thuốc.

*“Trừ khử dục tâm là một loại thuốc”.* Dục là dục vọng. Mọi người đều có dục vọng. Nếu chẳng có dục vọng, quý vị chẳng sanh trong nhân gian. Trong Phật pháp, gọi cõi nhân gian là Dục Giới; do vậy, kẻ chẳng có dục sẽ chẳng đến Dục Giới, họ tới Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Đối với dục thì nên như thế nào? Càng nhạt bớt càng tốt. Dục vọng trọng yếu của con người là cuộc sống. Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta mà biểu diễn, ngày ăn một bữa, tối nghỉ dưới cội cây, đúng là giảm dục vọng đến mức độ thấp nhất, vâng giữ bất động, suốt đời chẳng thay đổi. Giảng kinh, giáo học bốn mươi chín năm, bảy mươi chín tuổi viên tịch trong rừng, chẳng phải là trong nhà, quây quần, bầu bạn với thiên nhiên.

*“Lúc phân chia bèn nhường nhịn hòng tăng trưởng đạo nghĩa là một loại thuốc”*, hay lắm! Đặc biệt là đối với tài vật, khi phân chia tài vật, hãy nên lùi bước, nhượng bộ, chẳng cần phải tranh giành. Hiện thời, chúng ta thấy rất nhiều người già cả qua đời, con cái đông đảo, anh em, chị em chia chác gia tài thường lôi nhau ra tòa, đó là bất nghĩa, lẽ nào chẳng có lỗi đối với người già? Người già nếu trông thấy tình cảnh ấy, lẽ đâu chẳng đau lòng? Cổ nhân từ nhỏ đã hưởng sự giáo dục tốt đẹp, giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, khi chia gia tài ai nấy đều khiêm nhượng, đều mong người khác được nhiều hơn một chút, chính mình được ít hơn một chút. Tuy ở riêng, vẫn là thân tình, vĩnh viễn đoàn kết với nhau, tốt đẹp thay! Do vậy, cổ nhân khi phân chia tài sản chẳng tham tài, cốt sao cho anh chị em ruột thịt của mình đều được chăm sóc tốt đẹp. Ai có năng lực mạnh mẽ thì tài sản chia phần ít một chút, họ có năng lực làm việc mà! Kẻ năng lực kém cỏi thì mong chia cho họ nhiều hơn một chút. Họ có đạo nghĩa, có tâm yêu thương, chiếu cố lẫn nhau, đó là đúng.

*“Chẳng lấy thứ gì phi phận là một loại thuốc”*, *“phi phận”* là gì? Thứ gì chẳng nên lấy thì quyết định chớ nên lấy. Tiền tài phi phận cũng gọi là “tiền tài bất nghĩa”. Nếu quý vị tham lam những thứ ấy thì sẽ gặp tai nạn, trước mắt chẳng thấy tai nạn, nhưng đã gieo gốc họa. Nói theo luật nhân quả, hiện thời do quý vị có phước, nên tuy đã gieo những nhân ác ấy, nhưng chẳng có quả báo trong hiện tiền. Đợi đến khi quý vị hưởng hết phước, tai nạn liền hiện tiền. Nói thật ra, ai nấy đều có oán thân trái chủ, oán thân trái chủ do đâu mà có? Kết từ trong đời quá khứ, nay chúng ta chẳng nhớ, họ chẳng bỏ đi, cứ theo sau ta. Đối với những tạo tác trong một đời, Phật pháp đã cảnh cáo rất nhiều, rất nghiêm trọng! Quý vị ăn người khác tám lượng, trong tương lai phải đền trả nửa cân. Chúng ta ăn thịt, chẳng thể không gánh trách nhiệm nhân quả, nhất là chính mình giết chóc. Động vật bị giết cũng là một cái mạng, nó có cam tâm tình nguyện cúng dường thịt nó cho quý vị hay chăng? Chẳng có chuyện cam tâm tình nguyện! Nếu chẳng cam tâm, chẳng tình nguyện, nó có thể nào chẳng có tâm báo thù ư? Chúng tôi đã từng thấy, thuở bé, tôi sống ở nông thôn. Nhà nông nuôi dưỡng gia súc, nuôi gà, nuôi lợn là con vật thông thường nhất. Quý vị thấy tết đến giết gà, gà có tình nguyện hay không? Nó chạy lung tung, chạy trối chết! Khi giết lợn, quý vị nói xem có phải là tiếng lợn rú rất thảm thiết, rất đáng thương! Đó là gì? Chẳng hiểu nhân quả báo ứng, làm những chuyện xuẩn ngốc. Đức Phật biết chúng sanh chẳng bỏ ăn thịt được; vì thế, khuyên kẻ khác hãy ăn ba thứ tịnh nhục, đó là chuyện bất đắc dĩ! Tam tịnh nhục nghĩa là gì? Chẳng thấy giết, tức là khi con lợn ấy bị giết, ta chẳng trông thấy, cũng chẳng nghe tiếng nó kêu, thứ ba là chẳng phải vì ta mà giết. Đó là tam tịnh nhục. Chúng ta ra chợ mua về, đều thuộc loại tam tịnh nhục, trọn chẳng [do chính ta, hay ta sai người khác] giết mổ. Thời cổ, người đọc sách ở Trung Quốc thường nói: *“Văn kỳ thanh, bất nhẫn thực kỳ nhục”*,tức là khi nghe nó bị giết, nghe âm thanh kêu gào thê thảm của nó, nỡ lòng nào làm thịt nó? Vì thế, *“chẳng lấy thứ gì quá phận là một món thuốc”.* Đó là điều nên làm, đối với tài vật trái phận đều chớ nên tùy tiện chiếm hữu, cho đến khống chế, đều chớ nên!

Câu tiếp theo là *“tuy ghét nhưng vẫn thương yêu là một loại thuốc”.* Tuy ghét kẻ ấy, chán ngán họ, nhưng vẫn yêu thương kẻ ấy, đó là tâm từ bi, tâm thương xót. Một người chẳng được người khác ưa thích thì trong ấy có nhiều nhân tố, quan trọng nhất là nghiệp báo. Nghiệp báo đã tạo rồi thì người hiểu rõ, người có tu dưỡng phải biết tha thứ. Phàm những kẻ trong xã hội chẳng được người khác giúp đỡ là vì không khiến cho người khác ưa thích. Do vậy, người thật sự nhân từ, trông thấy không đành lòng, vẫn thương xót họ, giúp đỡ họ, chăm sóc họ, đó là đức hạnh. Người bình phàm chúng ta thường nói là tích đức rất trọng yếu, phải biết học tập. Thiên sách ấy (Thái Thượng Lão Quân Thuyết Bách Bệnh) có thể nói là bổ sung cho Cảm Ứng Thiên, khiến cho Cảm Ứng Thiên càng viên mãn, chúng ta tu học sẽ được lợi ích chân thật. Trong thiên văn tự ấy, đối với câu *“dục trị chư bệnh, đương bị chủng chủng chủng dược”* (muốn trị các bệnh, hãy nên chuẩn bị đầy đủ các món thuốc) [trong sách Hội Sớ đã được cụ Hoàng Niệm Tổ trích dẫn ở đây], chúng tôi đọc thiên văn chương này của Thái Thượng Lão Quân bèn cảm xúc sâu đậm. Đối với những lời dạy của Lão Quân, chúng ta có thể dùng bài văn ấy để phản tỉnh, chúng ta có bệnh hay không? Lại xem tới một trăm thứ bệnh do Ngài đã nói, chúng ta có hay không? Lại xem một trăm loại thuốc, chúng ta có những thuốc ấy hay không? Một trăm loại ấy đều giúp cho thân tâm chúng ta khỏe mạnh, giúp chúng ta gia đình hạnh phúc, công việc mỹ mãn, lợi ích quá nhiều, hãy nên học tập! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

# Tập 125

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang, Trịnh Lộc và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi bốn, hàng thứ tư đếm từ dưới lên, chúng ta xem từ câu thứ hai:

*“Hựu Trí Độ Luận viết: ‘Tùng Thủ Lăng Nghiêm tam-muội nãi chí Hư Không Tế Vô Sở Trước Giải Thoát tam-muội, hựu như Kiến Nhất Thiết Phật tam-muội, nãi chí Nhất Thiết Như Lai Giải Thoát Tu Quán Sư Tử Tần Thân đẳng, vô lượng A-tăng-kỳ Bồ Tát tam-muội’. Như thị đẳng chư tam-muội vô bất cụ túc, cố vân cụ túc thành tựu bách thiên tam-muội”* (Lại nữa, Trí Độ Luận chép: “Từ Thủ Lăng Nghiêm tam-muội cho đến Hư Không Tế Vô Sở Trước Giải Thoát tam-muội, lại như Kiến Nhất Thiết Phật tam-muội, cho đến Nhất Thiết Như Lai Giải Thoát Tu Quán Sư Tử Tần Thân v.v…, vô lượng A-tăng-kỳ tam-muội của hàng Bồ Tát”. Các tam-muội như thế không gì chẳng đầy đủ, nên nói là “thành tựu đầy đủ trăm ngàn tam-muội”). Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, tức là ngôn ngữ của Cổ Ấn Độ, thường được dịch là Định, hoặc dịch là Chánh Thọ, có nghĩa là Thiền Định. Trong kinh có dịch thành một câu dễ hiểu hơn: *“Thiện tâm nhất xứ trụ”*, cũng giống như trong kinh Di Giáo có nói: *“Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”* (chế ngự tâm trụ tại một chỗ, không gì chẳng hoàn thành). Đó là ý nghĩa của hai chữ Tam Muội. Vì thế, trong Phật pháp, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, chữ Định này được nói đến nhiều nhất. Phàm điều gì được nói đến nhiều nhất, nhất định là rất quan trọng. Chẳng phải là rất quan trọng, cần gì phải rườm lời? Thường xuyên nói, lúc nào cũng nói, chỗ nào cũng nói, điều ấy rất quan trọng. Quả thật, tam-muội là mấu chốt trong sự tu học Phật pháp. Trong Tam Học Giới, Định, Huệ, tam-muội là Định. Cớ sao có nhiều loại Định ngần ấy, trăm ngàn tam-muội? Đó là các phương pháp tu Định khác nhau, phương pháp vô lượng vô biên, nhưng mục đích đều nhằm tu Định, đều mong thu cái tâm về một chỗ.

Quý vị thấy Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta niệm Phật, chúng ta phải niệm như thế nào thì mới có thể vãng sanh Tịnh Độ? Lão nhân gia dạy chúng ta tám chữ *“đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”* (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Quý vị thấy đó có phải là tam-muội hay không? *“Nhiếp trọn sáu căn”* tức là thâu hồi vọng niệm. Mắt thấy sắc liền khởi phân biệt, chấp trước, tai nghe tiếng cũng vậy, cho đến ý duyên pháp, không gì chẳng như vậy! Tâm ấy là tâm phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, rong ruổi theo bên ngoài. Nay chúng ta muốn tu hành, ắt phải thâu hồi cái tâm lại, thâu hồi mắt từ Sắc Trần, thâu hồi tai từ Thanh Trần. Thật ra, Mạnh phu tử cũng đã từng nói, trong thời đại Mạnh Tử, Phật giáo chưa truyền đến Trung Quốc, nhưng Mạnh Tử đã từng nói: *“Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ”* (đạo học vấn chẳng có gì khác, chỉ cầu sao thâu hồi cái tâm buông lung mà thôi), cũng mang ý nghĩa này. [Ngài nói] đạo lý trong sự học vấn chẳng có gì khác, chỉ là thâu hồi cái tâm, do tâm quý vị buông lung theo bên ngoài. Nhà Phật nói “sáu thức nơi sáu căn rong ruổi bên ngoài, hãy thâu hồi chúng”, Mạnh Tử gọi chuyện đó là *“cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ”*. Đại Thế Chí Bồ Tát nói *“nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”*, tâm liền thanh tịnh, mắt không duyên sắc, tai không duyên thanh, lục căn chẳng phan duyên bên ngoài, tâm liền định, đó là tịnh niệm.

Phải giữ gìn cho tịnh niệm tiếp nối, chớ để cho nó đoạn dứt. Chúng ta biết ý niệm là niệm trước diệt, niệm sau liền sanh. Niệm niệm đều là tịnh niệm thì sẽ thành công. Chúng ta dùng phương pháp gì? Dùng trì danh niệm Phật, đó là một loại phương pháp trong vô lượng pháp môn. Trong Tịnh Độ Tông, tuy đức Phật cũng dạy rất nhiều phương pháp niệm Phật, nhưng phân chia tổng quát thì có bốn loại như Thập Lục Quán Kinh đã nói: Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật, có bốn loại ấy. Trong bốn loại lớn đó, mỗi loại còn có thể chia ra thành rất nhiều loại. Chúng ta dùng chấp trì danh hiệu [là phương pháp mà] kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà đều nói, trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói *“nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”* là nói đến Trì Danh Niệm Phật. Nói cách khác, giữ cho tâm chúng ta định trong câu Phật hiệu, khiến cho câu Phật hiệu niệm niệm tiếp nối, đó là Niệm Phật tam-muội. Kinh luận Tịnh Tông lại nói *“Niệm Phật tam-muội, tam-muội trung vương”* (Niệm Phật là vua trong các tam-muội), câu này rất quan trọng. Ở đây, cụ Niệm Tổ dùng Trí Độ Luận để nói, trong Trí Độ Luận nói *“bách bát tam-muội”*, tức là nói đến một trăm lẻ tám loại, đều là nói quy nạp. Một trăm lẻ tám loại triển khai sẽ thành trăm ngàn tam-muội, vô lượng tam-muội, có ý nghĩa này.

Cụ nhắc đến Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, [chúng ta] thấy chữ Thủ Lăng Nghiêm (Śūraṅgama) liền nghĩ tới Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh. Thủ Lăng Nghiêm là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Kiện Tướng (健相), Kiện là chữ Kiện trong Kiện Khang (健康), Tướng là chữ Tướng trong Pháp Tướng (法相), đó là nói Phật đức kiên cố. *“Phật đức”* là đức tướng vốn sẵn có trong tự tánh, vì sao nói là kiên cố? Hết thảy tà ma đều chẳng thể phá hoại. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: *“Tà chẳng thắng chánh”*, tự tánh vốn trọn đủ chánh pháp. Nhất Thiết Sự Thành Tựu (hết thảy các sự đều thành tựu) cũng là ý nghĩa được giảng trong kinh Lăng Nghiêm, hình dung Phật đức rốt ráo, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian không có gì chẳng thể thành tựu. Không chỉ là thành tựu, mà trước đó còn có ý nghĩa kiên cố, tức là *“kiên cố thành tựu”*, đó là những ý nghĩa được bao hàm trong danh từ Thủ Lăng Nghiêm. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có một đoạn như thế này: *“Bồ Tát đắc Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, năng dĩ tam thiên đại thiên thế giới nhập giới tử trung”* (Bồ Tát đắc Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, có thể bỏ tam thiên đại thiên thế giới vào trong hạt cải). Giới tử (芥子) là hạt cải; đại khái, hạt cải to chừng bằng hạt mè. Tam thiên đại thiên thế giới nhét vào hạt cải, hạt cải chẳng phình to, tam thiên đại thiên thế giới chẳng rút nhỏ. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú, núi, sông, đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới vẫn vận hành y như cũ, chẳng có mảy may trở ngại nào; đó là ý nghĩa *“tự tánh lớn - nhỏ bất nhị”*. Trong tự tánh chẳng có lớn hay nhỏ, cũng có thể nói là “trong tự tánh chưa hề có đối lập”. Nó chẳng có thời gian, chẳng có thời gian là chẳng có trước - sau. Nó chẳng có không gian, chẳng có không gian là chẳng có lớn, nhỏ, chẳng có xa, gần. Đó là Tánh Đức trong tự tánh, thành tựu hết thảy kiên cố chẳng thể nghĩ bàn! Bồ Tát biểu diễn điều ấy cho bọn chúng sanh chúng ta trông thấy, khiến cho chúng sanh hiểu tự tánh vốn định, có thần lực chẳng thể nghĩ bàn như thế.

Cho đến *“Hư Không Tế Vô Sở Trước Giải Thoát tam-muội”*, loại này dễ hiểu. Hư không là pháp giới, vô lượng, vô biên, vô số, vô tận. Cổ nhân Trung Quốc có hai câu để hình dung nó, tức là *“đại nhi vô ngoại”*, quý vị nói nó là lớn thì lớn như thế nào? Chẳng có gì ở ngoài nó. Cũng có nghĩa là nó chẳng có ngằn mé, thật sự lớn. Nhỏ thì nhỏ như thế nào? *“Tiểu nhi vô nội”* (nhỏ nhưng chẳng ở trong). Cổ thánh tiên hiền nói hai câu ấy chẳng phải là sau khi Phật giáo đã truyền đến Trung Quốc, có ý nghĩa hoàn toàn giống với cảnh giới trong tam-muội. Phật giáo chưa truyền đến Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền, tổ tiên đã nói ra cảnh giới chẳng khác chư Phật Như Lai; há quý vị có thể nói những người ấy chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai ư? Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, học Hoàn Nguyên Quán, những mối nghi hoặc ấy chẳng còn nữa, biết chư Phật, Bồ Tát hiện thân trong khắp pháp giới hư không giới, cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh, hiện thân thuyết pháp. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: *“Thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ”*. Chúng sanh mong Phật hiện thân gì, Phật liền hiện thân ấy. Phật tùy thuận chúng sanh, trước nay chưa hề có ý nghĩ của riêng mình. Xét theo hoàn cảnh của Trung Quốc, người Hoa hết sức tôn trọng thánh hiền, Ngài liền hiện thân thánh hiền. Người Ấn Độ ngưỡng mộ Phật Đà, Ngài liền hiện làm thân Phật, hay thân Bồ Tát. Cho đến ở phương Tây, họ sùng kính Thượng Đế, liền hiện thân Thượng Đế. Đối với kẻ ngưỡng mộ Ma Tây (Moses) hoặc Gia Tô (Jesus), liền hiện thân Ma Tây hoặc Gia Tô, không gì chẳng tự tại. Năm xưa, tôi sang thăm Nhật Bản, đến thăm một vị lão hòa thượng người Nhật là cụ Trung Thôn Khang Long (Nakamura Kōryū) [[5]](#footnote-6)[1]. Lúc tôi đến thăm, cụ đã một trăm tuổi. Cụ biết tôi [làm công tác] đoàn kết tôn giáo, thực hiện công tác “tôn giáo trên thế giới là một nhà”, nên rất hoan hỷ. Chúng tôi gặp mặt, cụ bảo tôi: *“Tất cả những vị sáng lập tôn giáo trên toàn thể thế giới đều là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát”*. Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ứng thân, nên dùng thân gì đắc độ bèn hiện thân ấy. Chúng tôi nghe nói hết sức hoan hỷ, vị lão hòa thượng này chẳng đơn giản! Khi tôi chia tay, đồ đệ của cụ tiễn tôi đến tận cổng chùa, bảo tôi: *“Lời hòa thượng nói hôm nay, dường như cả đời từ trước đến nay, chưa hề nghe Ngài nói như vậy”.* Tất cả những vị sáng lập tôn giáo đều là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, chưa hề nghe nói! Đúng vậy, chẳng giả! Người bình phàm cũng chẳng thể thốt ra câu ấy! Vì vậy, người thật sự buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, trở về “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, tâm đạt được thanh tịnh, tâm đạt được bình đẳng, tâm đạt được giác, giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là Giải Thoát tam-muội.

Kế đó là*“Kiến Nhất Thiết Phật tam-muội”.* Có thể nói người thật sự đắc tam-muội, tam-muội có sâu hay cạn khác nhau, thấy Phật, thấy hết thảy Phật, đây là loại tam-muội thuộc cấp bậc nào? Cao hơn Bồ Tát một bậc! Bồ Tát thấy Phật, nhưng chưa thấy hết thảy Phật. Chúng ta thấy danh từ Kiến Nhất Thiết Phật được kinh Vô Lượng Thọ gọi là A Duy Việt Trí Bồ Tát, các Ngài đắc Kiến Nhất Thiết Phật tam-muội. Tầng cấp này là Pháp Thân Bồ Tát, nói theo kinh Hoa Nghiêm, địa vị thấp nhất sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo thì mới đạt được. Trong pháp Đại Thừa, những vị ấy được gọi là *“đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”.* Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện đại giác kiến tánh dưới cội Bồ Đề thuộc về tầng cấp này. Ở Trung Quốc, vào đời Đường, Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư nghe hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn giảng kinh Kim Cang, nghe đến câu *“ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”* (hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm) cũng khế nhập cảnh giới này, Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài. Đó là Kiến Nhất Thiết Phật tam-muội, địa vị vượt ngoài mười pháp giới. Nói cách khác, người trong mười pháp giới chẳng đạt được. Trong mười pháp giới, cao nhất là Phật pháp giới, vị Phật ấy có thể thấy Phật hay không? Có thể thấy Phật, nhưng chẳng thấy hết thảy chư Phật, chúng ta phải biết điều này. A Duy Việt Trí Bồ Tát mới có thể thấy hết thảy chư Phật. Cũng có nghĩa là Pháp Thân Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, thuộc về địa vị này.

Chúng ta biết địa vị này vô cùng khó đạt được, nhưng nay chúng ta hết sức may mắn, gặp được pháp môn thù thắng khôn sánh trong các pháp của chư Phật, vượt trỗi tám vạn bốn ngàn pháp môn, tức là pháp môn Niệm Phật của Tịnh Tông, hy hữu khó gặp. Đã gặp gỡ mà có thể tín, có thể giải, có thể hành, có thể chứng, chứng là gì? Vãng sanh tức là chứng. Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng là chứng. Sự chứng ấy cũng chẳng đơn giản. Nguyện hai mươi trong bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ do chính A Di Đà Phật đã nói: *“Phàm người nào sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát”*, tuyệt diệu thay! Có phải thật sự là A Duy Việt Trí Bồ Tát? Nói theo Lý thì không thông, chẳng có lẽ ấy! Vì sao? Quý vị đới nghiệp vãng sanh, Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não đều chẳng phá, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Nếu A Duy Việt Trí Bồ Tát sanh về Tịnh Độ thì trụ nơi đâu? Các Ngài trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng ở trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. A Di Đà Phật nói lời này chẳng phải là nói hư giả, mà là nói thật. Vì sao có thể gọi quý vị là A Duy Việt Trí? Do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì quý vị, chẳng phải là trí huệ, thần thông, đạo lực của chính quý vị. Phật Di Đà tăng thêm trí huệ, thần thông, đạo lực cho quý vị, nên quý vị giống như A Duy Việt Trí Bồ Tát. Do đó, thế giới Cực Lạc là một thế giới bình đẳng, thật sự bình đẳng. Thế giới ấy cũng có bốn cõi, nhưng bốn cõi như nhau, bốn cõi bình đẳng! Điều này chẳng thể nghĩ bàn, không có cách nào tưởng tượng được! Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có bốn cõi, nhưng bốn cõi chẳng ở cùng một chỗ! Nay chúng ta đang sống trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật, thánh nhân trụ trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, chúng ta chẳng thấy bốn thánh pháp giới. Các Ngài có thể thấy chúng ta, nhưng chúng ta chẳng thấy các Ngài, cõi Thật Báo lại càng chẳng cần phải nói nữa! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta vãng sanh, chắc chắn sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng trong cõi Đồng Cư, nhưng chúng ta thấy cõi Phương Tiện, và cũng thấy cõi Thật Báo, chẳng tách biệt, chẳng có giới hạn!

Đây thật sự là một nhân duyên hiếm có, khó gặp, chúng ta chớ nên không biết. Đã biết thì phải chịu hướng về thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc chẳng khó đến, trong kinh Vãng Sanh, kinh Vãng Sanh chính là kinh luận Tịnh Độ, tức ba kinh, một luận, đều dạy: Nếu muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ cần đầy đủ ba điều kiện là Tín, Nguyện, Hạnh. Quý vị tin tưởng, quyết định chẳng hoài nghi, tín tâm kiên định. Thứ hai là phải có nguyện, thật sự muốn vãng sanh. Có thể vãng sanh hay không? Tùy thuộc quý vị có tín tâm hay không, có nguyện vọng ấy hay không. Có tín tâm, có nguyện vọng, chẳng có ai không thể đến đó! Hạnh là thật sự hành. Phương pháp để hành là nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật. Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh của bộ kinh này, kinh văn có nói *“nhất hướng chuyên niệm”*, một phương hướng là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong tâm phải thật sự buông xuống, buông xuống sạch sành sanh, trong tâm chỉ có một vị Phật là A Di Đà Phật. Phải niệm đến cái mức độ nào? A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật, cảnh giới ấy được gọi là *“nhất tâm bất loạn”*, không ai chẳng vãng sanh! Công phu niệm đến mức như vậy, vãng sanh thế giới Cực Lạc phẩm vị liền cao. Công phu chưa đến [mức đó], vẫn được! Vẫn có thể vãng sanh, vãng sanh như thế nào? Kinh luận đã nói rất rõ ràng: Vãng sanh thế giới Cực Lạc, mấu chốt là một niệm cuối cùng trong lúc lâm chung, niệm ấy là A Di Đà Phật bèn vãng sanh. Vì lẽ đó, người trong lục đạo, đầu thai trong một đường nào thì quý vị phải biết là do một niệm cuối cùng [quyết định], một niệm ấy là mấu chốt. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, cũng do một niệm cuối cùng. Vì thế, thật sự có người như thế này: Suốt đời chưa hề tiếp xúc Phật pháp, lúc lâm chung, gặp một người bạn niệm Phật, dạy kẻ ấy niệm A Di Đà Phật vãng sanh, kẻ ấy nghe xong hoan hỷ, chẳng cự tuyệt, thật sự tin tưởng, bèn niệm, thật sự vãng sanh. Có [trường hợp như vậy], thật sự có, nhưng chẳng nhiều lắm. Chúng ta cũng chớ nên coi thường người vãng sanh kiểu ấy, vì sao? Tối thiểu, người ấy hội đủ ba điều kiện, ba điều kiện ấy đều rất khó đạt được! Điều kiện thứ nhất là khi lâm chung, đầu óc sáng suốt, chẳng mê hoặc. Lâm chung mà đầu óc mê hoặc, sẽ chẳng có một tí biện pháp nào cả! Người ấy sáng suốt chính là phước báo, người Hoa thường nói Ngũ Phước, đây là phước cuối cùng, [tức là] khi lâm chung, ra đi trong sáng suốt, tỉnh táo. Người mất như vậy, dẫu chẳng học Phật, chẳng niệm Phật, chẳng cầu vãng sanh, khẳng định đều sanh lên trời. Vì sao? Người ấy lâm chung tỉnh táo, sẽ tự có thể chọn lựa đường nào [để sanh vào]. Trong lục đạo, thù thắng nhất là thiên đạo, nhất định chọn thiên đạo. Người đến lúc lâm chung hễ mê hoặc, sẽ chẳng thể làm chủ, chính mình không thể làm chủ bèn lưu chuyển theo nghiệp, đáng sợ lắm!

Trong một đời này, nghiệp do chúng ta tạo tác có thiện nghiệp, có ác nghiệp, nghiệp lực nào mạnh mẽ sẽ lôi kéo, dẫn quý vị đi đầu thai trước. Chúng ta biết trong một đời này là Thập Thiện, sức tu thiện rất mạnh mẽ bèn là thiên đạo. Sức Thập Thiện chẳng mạnh, nhưng vẫn có thể, đại khái thuộc bậc trung, bèn là nhân đạo. Trung Phẩm Thập Thiện là nhân đạo, Thượng Phẩm Thập Thiện là thiên đạo. Chúng ta đối chiếu khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác [của chính mình] với Thập Thiện một phen, làm được bao nhiêu? Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chỉ nói đại cương, chẳng nói cặn kẽ. Nói cặn kẽ là trong giới luật và kinh Tiểu Thừa. Cổ nhân Trung Quốc từ giữa đời Đường trở đi, trong Phật môn, hai chúng đệ tử bất luận xuất gia hay tại gia, Căn Bản Giới đều dùng Nho và Đạo làm cơ sở. Hơn một ngàn bảy trăm năm qua, các đồng tu tại gia và xuất gia học Phật có thành tựu hết sức khả quan, chứng minh cổ thánh tiên hiền đã chọn lựa chánh xác. Hiện thời, chúng tôi đề xướng dùng Đệ Tử Quy của Nho gia và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo gia làm cơ sở để y giáo tu hành, rồi học Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng khó. Đã đặt vững vàng ba căn bản, rễ sâu, cội chắc, chúng ta mới có thể thành tựu. Ba căn bản ấy là tất yếu, có ba căn bản ấy mới là thiện nhân. Ba căn bản ấy đều làm được, sẽ là *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”* như kinh đã nói. Chư vị phải biết Tây Phương Cực Lạc thế giới là chỗ các vị thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ. Nói cách khác, chẳng phải là bậc thượng thiện, sẽ chẳng thể đến thế giới Cực Lạc. A Di Đà Phật rất từ bi, mong tiếp độ quý vị, nhưng người trong thế giới Cực Lạc chẳng đồng ý, vì quý vị bất thiện! Phải hiểu rõ những đạo lý này, chẳng phải là niệm Phật không linh, mà là do chúng ta không hội đủ điều kiện!

Ta có Tín, Nguyện, Hạnh, vì sao vẫn chẳng thể vãng sanh? Còn có điều kiện kèm theo, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói rõ ràng: *“Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà sanh về cõi ấy”*. Chúng ta thiện căn ít ỏi, phước đức ít ỏi, chẳng đến đó được! Thiện căn và phước đức là gì? Thiện căn là có thể tin, có thể hiểu, đó là thiện căn. Phước đức là gì? Là có thể hành, có thể chứng. Nói cách khác, người thật sự khăng khăng một mực niệm A Di Đà Phật, người ấy có phước, đại phước báo! Kẻ bình phàm chúng ta không biết, tưởng phú quý trong thế gian này là phước báo, chẳng phải vậy! Quý vị có thể hưởng phú quý trong thế gian này bao nhiêu năm? Dẫu quý vị sống đến một trăm tuổi, cũng là một cái khảy ngón tay liền xong! Vì thế, chúng ta chớ nên không biết điều này. Phước đã hưởng hết, trong đời này quý vị có tiếp tục tu phước hay không? Nếu chẳng thật sự tu phước, đời sau phước báo kém đời này rất xa! Nếu trong khi hưởng phước lại tạo mầm tội, cũng rất dễ dàng đọa vào ba ác đạo, quý vị nói xem có đáng sợ lắm hay chăng? Người ấy niệm Phật vãng sanh, sanh về thế giới Cực Lạc bèn là vô lượng thọ, sanh về thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, thấy hết thảy Phật, quý vị nói xem: Ai có phước? Có thể niệm Phật sanh về thế giới Cực Lạc là những bà già, ông lão, cũng chẳng biết chữ, nghèo túng. Người nghèo hèn, có thể nói là trong xã hội chẳng có tài sản gì, mà cũng chẳng có địa vị, đến thế giới Cực Lạc để làm Phật, há có thể sánh bằng họ ư? Những điều này đều là sự thật chân chánh, Phật pháp chẳng nói những điều hư giả. Chẳng gặp được tức là chẳng có duyên phận, chẳng có cách nào hết!

Đối với ba điều kiện “thiện căn, phước đức, nhân duyên”, quý vị thấy chúng ta có nhân duyên, vì chúng ta gặp gỡ [pháp môn này], được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, gặp gỡ Đại Thừa, gặp Tịnh Độ, duyên đầy đủ. Có thể thành tựu hay không, tùy thuộc thiện căn và phước đức của chính mình. Ba điều kiện thảy đều đầy đủ, chẳng có ai không thành tựu. Thiện căn và phước đức tu trong đời quá khứ. Quá khứ đã có cái nhân, dẫu chúng ta thiện căn và phước đức chẳng đủ, nếu đời này duyên thù thắng, rất dễ dàng bổ túc, đó gọi là *“bổ tập”* (học tập bổ sung), đều có thể học tập bổ sung [thiện căn và phước đức], duyên là nghe kinh, nghe pháp. Duyên ấy thật ra chẳng nhiều. Hiện thời, người giảng kinh giáo học ngày càng ít! Ngày một ít đi chẳng phải là không có nguyên nhân, do hoàn cảnh sống hiện tại của chúng ta tạo ra, chớ nên không biết điều này. Giáo dục trong xã hội hiện thời do ai phụ trách, nắm giữ? Chúng ta phải biết giáo dục trong xã hội hiện đại do các phương tiện truyền thông, TV, và Internet thao túng. Quý vị thấy trong xã hội hiện thời, có ai không xem TV, người nào chẳng lướt Internet? Nội dung trong Internet là gì? Bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, dạy những chuyện ấy, dạy đến nỗi mỗi người đều mê hoặc, điên đảo, tâm bộp chộp, hời hợt. Do vậy, giáo dục của thánh hiền chẳng thể dính dáng, Phật, Bồ Tát đến dạy đều chẳng có cách nào dạy vì người ta chẳng thể tiếp nhận! Họ phiền não quá nặng, tham, sân, si, mạn, năm món phiền não, tham, sân, si, mạn, nghi, hoài nghi những thứ của cổ thánh tiên hiền, chẳng có tâm thành kính. Ấn Quang đại sư đã nói rất hay, đối với giáo huấn của thánh hiền khẳng định là *“một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Chẳng có tâm thành kính, Phật, Bồ Tát đến dạy quý vị cũng chẳng đạt được lợi ích.

Chúng ta biết: Điều phổ biến là [người hiện thời] chẳng có tâm tôn trọng sự giáo dục của thánh hiền, chẳng để vào mắt, nên thánh giáo suy vi, mà Phật giáo cũng suy vi! Đúng là rất ít người trong đời quá khứ có thiện căn sâu dầy, có nguyện lực, nương theo nguyện trở lại, phát nguyện đến thế gian này để truyền thừa thánh giáo. Quý vị thấy những người ít ỏi ấy gặp nhiều nỗi gian nan! Nếu chúng ta có thể nhìn thấu suốt chân tướng sự thật, liễu giải các thứ nhân duyên, chúng ta mới biết quý tiếc cơ duyên này, rất khó có! Chúng ta chẳng gặp một vị thầy tốt chỉ dạy, làm sao biết trong sách cổ có lắm thứ tốt đẹp ngần ấy? Nay mọi người coi sách cổ như giấy lộn đáng thiêu sạch, ngỡ những thứ ấy cũ kỹ, lỗi thời, chẳng cần đến nữa, chẳng biết bảo vật ở trong ấy. Phật pháp được gọi là Pháp Bảo trong Tam Bảo, dùng danh từ này, hy vọng thời thời khắc khắc nhắc nhở quý vị phải coi trọng, chớ nên khinh dễ, bỏ luống qua! Đó là cổ nhân dụng tâm khổ sở, người đời sau nếu có thể hiểu thấu, hãy nghiêm túc phát nguyện khéo học tập, thành tựu chính mình, mà cũng giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi lạc chúng sanh hữu tình, hữu duyên. Đã thật sự giác ngộ, phải toàn tâm toàn lực giúp đỡ thế hệ sau thành tựu, đạt được một hai điều đều là thứ quý báu, tức là Bảo trong Tam Bảo, đó cũng là chúng ta gieo phước, duyên phận vô lượng vô biên phước đức. Tích lũy đại đức, gieo đại phước, thật sự nhận thức, thật sự hiểu rõ, đã giác ngộ!

*“Nãi chí”* (cho đến) có nghĩa là tỉnh lược những điều ở giữa, vì Trí Độ Luận nói một trăm lẻ tám môn [tam-muội], ở đây chỉ nêu đại lược vài điều. *“Nhất Thiết Như Lai Giải Thoát Tu Quán Sư Tử Tần Thân”*, Sư Tử Tần Thân là tỷ dụ, Sư Tử là vua các loài thú, Tần Thân (頻呻) là sánh ví Ngài tự tại, hết thảy chư Phật Như Lai đạt được tam-muội này. Tu Quán là như trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ đại sư đã nói Ngũ Chỉ, Lục Quán, nhập Ngũ Chỉ, khởi Lục Quán. *“Vô lượng A-tăng-kỳ Bồ Tát tam-muội”*, ở đây, chúng ta thấy không chỉ là trăm ngàn, mà thật ra là vô lượng. Ngài [Long Thọ trong Trí Độ Luận] còn thêm vào chữ A-tăng-kỳ, tức là bao quát toàn bộ các phương pháp và đường lối tu học của hết thảy Bồ Tát trong tận hư không khắp pháp giới, chẳng bỏ sót điều nào, có ý nghĩa này! *“Như thị đẳng chư tam-muội vô bất cụ túc”* (các tam-muội giống như thế không gì chẳng trọn đủ). Chỉ cần kiến tánh liền trọn đủ, *“cố vân cụ túc thành tựu bách thiên tam-muội”* (nên nói thành tựu đầy đủ trăm ngàn tam-muội). Người niệm Phật chúng ta coi minh tâm kiến tánh là chuyện sau khi đã vãng sanh, đến thế giới Cực Lạc lại tu, vì trong thế gian này có rất nhiều chướng duyên, rất khó thành tựu. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đầu tiên là thọ mạng vô lượng; thứ hai là quý vị gặp thiện tri thức thật sự. A Di Đà Phật là thầy, gặp được đồng tham đạo hữu thật sự tốt đẹp, tức là các vị Đẳng Giác Bồ Tát. Kinh dạy: *“Các vị thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ”*, cổ đại đức chú giải chữ *“thượng thiện”* là nói đến hàng Đẳng Giác Bồ Tát. Cao nhất trong các vị thiện nhân là Đẳng Giác. Trong thế giới Cực Lạc, Đẳng Giác Bồ Tát đông lắm! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta nghe bộ kinh này, đặc biệt chỉ ra hàng tại gia cư sĩ chứng đắc địa vị Đẳng Giác. Quý vị thấy nêu tên mười sáu vị thì hàng xuất gia chỉ nêu tên ba vị, đối với hàng tại gia nêu tên mười sáu người. Điều này cũng nhằm nói lên ý nghĩa: Pháp môn này thích hợp cho hàng tại gia cư sĩ tu hành. Tại gia cư sĩ tu hành chứng quả chẳng kém hàng xuất gia, phải biết điều này! Phật pháp là pháp bình đẳng.

*“Luận trung phục vân: Ư nhất nhất tam-muội trung, đắc vô lượng đà-la-ni”* (Trong luận lại nói: “Trong mỗi một tam-muội, đắc vô lượng đà-la-ni”). Câu này hết sức quan trọng! Đà-la-ni dịch là Tổng Trì, [nghĩa là] bao gồm hết thảy các pháp, nắm giữ hết thảy các nghĩa. Nói theo cách hiện thời, đà-la-ni là nắm được cương lãnh. Người ấy đối với các kinh luận do mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đã nói, những chỗ quan trọng người ấy đều nắm được, nắm vững toàn thể nguyên lý, nguyên tắc, và cương lãnh. Do đó, cổ nhân thường nói: *“Một kinh thông”,* thật sự thông hiểu bộ kinh này, *“hết thảy các kinh đều thông”*, [những kinh luận] quý vị chưa từng học cũng thông suốt toàn bộ. Thông đạt một pháp môn thì môn nào cũng đều thông đạt, vì sao? Kiến tánh; không chỉ là quý vị thông đạt Phật pháp, mà tất cả hết thảy các pháp ngoài Phật pháp đều thông đạt toàn bộ, tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được! Trong tôn giáo có một câu ca ngợi Thượng Đế, ca ngợi Chúa là *“toàn trí toàn năng”.* Trong Phật pháp, hai câu *“không gì chẳng biết, không gì chẳng thể”* nhằm tán thán người minh tâm kiến tánh. Bất cứ ai cũng đều có ngày minh tâm kiến tánh, ngày ấy rốt cuộc là ngày nào, tùy thuộc chính mình quyết định! Quyền lực ấy chẳng thuộc vào người khác, mà do chính mình. Nếu chính mình dũng mãnh, tinh tấn, nếu nói theo pháp môn Niệm Phật thì có thể đạt được trong một đời, chẳng cần đến đời sau, một đời có thể đạt được, một đời có thể thành tựu. Nếu tu các pháp môn khác, sẽ khá khó khăn, vì sao? Các pháp môn khác nhất định phải đoạn phiền não thì mới có thể chứng Bồ Đề. Pháp môn Tịnh Tông chẳng cần đoạn phiền não, chỉ cần khuất phục, khống chế phiền não. Phiền não chưa đoạn, nhưng nó chẳng khởi tác dụng là được rồi, có thể vãng sanh. Tôi vừa mới nói, sau khi vãng sanh, được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị liền biến thành A Duy Việt Trí, tuyệt vời lắm! Đắc A Duy Việt Trí là đạt đến cấp bậc của những người minh tâm kiến tánh, trí huệ, thần thông, đạo lực đều bằng với họ. Nói cách khác, thật sự vượt thoát mười pháp giới.

Tiếp đó, sách viết: *“Đà-la-ni tức thị Tổng Trì. Thị cố kinh vân: Cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội”* (Đà-la-ni chính là Tổng Trì. Vì thế, kinh nói: “Đầy đủ tổng trì trăm ngàn tam-muội”). Hai hôm nay, đồng học báo tin cho tôi biết có những nơi đang lan truyền tin đồn pháp sư Tịnh Không có thần thông, biết trước lúc mất. Tôi nói cho quý vị biết: Những tin ấy là giả, chẳng thật! Có những lời tôi nói bị lan truyền sai lạc, càng truyền càng sai lạc! Nói đến *“cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội”* (đầy đủ tổng trì trăm ngàn tam-muội), chúng tôi nói rõ lời này một chút. Thế giới hiện thời có tai nạn, quý vị đều biết rõ hơn tôi, vì quý vị xem TV, đọc báo, mỗi ngày đều xem. Mọi người biết tôi không xem TV, mà cũng chẳng đọc báo, những tin tức tôi biết đều do một số đồng học, đại đa số là những bài báo quan trọng hạ tải (download) từ Internet đưa cho tôi xem, tôi mới biết chuyện gì phát sanh. Không ai kể cho tôi biết thì đối với tôi mỗi ngày đều sống thái bình. Quý vị hỏi tôi về thế giới này, rất tốt! Chẳng có chuyện gì! Mỗi ngày thiên hạ thái bình, vô ưu, vô não. Kể cho tôi nghe những chuyện ấy, đối với một người thật sự tu hành thì chẳng phải là chuyện xấu, mà là chuyện tốt. Trong Phật pháp, đầu tiên là phải phá Biên Kiến, cái được gọi là Biên Kiến chính là đối lập. Họa và phước là nhị biên (hai bên). Trong Phật pháp, nhị biên là bình đẳng, chẳng có đối lập. Chúng sanh và Phật bình đẳng, chúng sanh và Phật bất nhị. Nói cách khác, sanh - tử bất nhị, phàm - thánh bất nhị, cát - hung, họa - phước cũng là bất nhị. Thật vậy, chẳng giả! Vì thế, là họa hay phước do một niệm của chính mình, chẳng do cảnh giới bên ngoài, đều do một niệm của chính mình, một niệm giác là phước, một niệm mê bèn là hung. Cát, hung, họa, phước do giác hay mê quyết định.

Chúng ta học Phật, nhất định phải giác. Nghe nói có tai nạn, tâm chúng ta phải đề cao cảnh giác, nghiêm túc học Phật, buông xuống vạn duyên, chuyên tu Tịnh Độ. Tai nạn thuộc về cộng nghiệp, ta trốn chẳng khỏi cộng nghiệp ấy, nhưng ta cũng chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng hoảng loạn, hiểu rõ ràng, rành rẽ, chẳng phải là đến thế giới Cực Lạc sớm hơn ư? Chuyện tốt mà! Do đó, có người nói tới cuốn phim 2012, tôi cũng đi xem. Tôi cũng từng nói với các đồng học, chúng ta nhất định phải hoàn thành công phu niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ vào cuối năm 2012, đó là chuyện tốt. Nếu chúng ta thuộc trong số đó, bèn vãng sanh. Nếu chúng ta chẳng thuộc trong số đó, phải phát tâm cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn, phải giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui! Chúng ta dùng phương thức gì để làm? Dùng giáo học. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài đã dạy suốt một đời. Sau khi khai ngộ vào lúc ba mươi tuổi, Ngài dạy đến lúc bảy mươi chín tuổi bèn viên tịch. Kinh ghi chép đức Phật giảng kinh, dạy học bốn mươi chín năm, chẳng gián đoạn! Giúp chính mình bằng dạy học vì *“giáo học tương trưởng”* (dạy học khiến cho chính mình tốt đẹp hơn, tiến bộ hơn), giúp người khác cũng bằng dạy học, tự hành và hóa tha dùng cùng một phương pháp. Vì thế, thân phận vai trò của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vị thầy, chúng ta phải nhận thức rõ ràng! Ngoài dạy học ra, suốt đời Ngài chẳng làm chuyện gì khác, chúng ta phải nên học tập lão nhân gia điều này. Do vậy, trọn chẳng phải là biết trước lúc mất, mà là chúng ta có duyên phận như thế ấy. Hãy nên biết: Hạn định kỳ hạn cầu chứng thì thời hạn ấy do chính chúng ta ước định, trong khoảng thời gian ấy, chúng ta phải thực hiện công phu tốt đẹp, cũng là thật sự triệt để buông xuống, thật sự niệm Phật sao cho tương ứng với Phật. Nói đơn giản thì công phu ấy là trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, điều gì cũng chẳng có. Niệm đến công phu này, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong trạng huống bình thường có thể đi bất cứ lúc nào, muốn đi lúc nào bèn đi lúc ấy, muốn trụ mấy năm cũng chẳng trở ngại chút nào, vì sao chúng ta không làm? Chẳng có mảy may lưu luyến thế gian này! Ở trong thế gian này một ngày bèn giúp đỡ chúng sanh, phục vụ họ một ngày. Sự phục vụ ấy chính là dạy học. Dạy học có thể giữ cho chính mình chẳng đọa lạc, mà cũng là bảo vệ chính mình chẳng sanh vọng tưởng, chẳng sanh phiền não. Thật sự bảo vệ chính mình, mà cũng có thể lợi ích chúng sanh, quả là một phương pháp tốt đẹp trọn vẹn đôi bề.

Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới, *“trụ thâm Thiền Định, tất đổ vô lượng chư Phật”* (trụ trong Thiền Định sâu, ắt thấy vô lượng chư Phật), Thiền Định sâu là tam-muội, *“tất đổ vô lượng chư Phật”* là thấy hết thảy chư Phật. *“Trụ thâm Thiền Định giả, an trụ ư thâm diệu chi Thiền Định. Hội Sớ viết: - Thâm định giả, sở trụ tam-muội vi thâm u huyền, phi Nhị Thừa cập sơ tâm Bồ Tát sở năng vi”* (“trụ trong Thiền Định sâu” là an trụ trong Thiền Định sâu mầu. Sách Hội Sớ nói: “Thâm định là an trụ trong tam-muội vi diệu, sâu xa, u huyền, Nhị Thừa và Sơ Tâm Bồ Tát chẳng thể làm được”). Nhị Thừa là A La Hán và Bích Chi Phật, kinh Lăng Nghiêm nói họ trụ trong tam-muội có tên là Cửu Thứ Đệ Định, con số Chín do đâu mà có? Chín là từ Tứ Thiền Bát Định mà có. Trong phần sau, [người đắc] Tứ Thiền Bát Định được gọi là Sơ Tâm Bồ Tát. Sơ phát tâm vẫn là phàm phu, chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi. Công phu tu Định của họ nông cạn, gọi là Tứ Thiền Bát Định. Họ tu đến Sơ Thiền, còn có năng lực sanh lên Sơ Thiền Thiên. Tu đến Nhị Thiền, họ có thể sanh lên Nhị Thiền Thiên. Do đó, đắc Tam Thiền, Tứ Thiền [bèn sanh trong Tam Thiền Thiên, Tứ Thiền Thiên], lên cao hơn nữa là Tứ Không Định trong Vô Sắc Giới Thiên. Vì thế, Tứ Thiền hợp cùng Tứ Không Định gọi là Bát Định. Tứ Thiền Bát Định trên thực tế chỉ có Bát Định, trọn chẳng phải là ngoài Tứ Thiền còn có Bát Định, chẳng phải vậy, trong Bát Định đã bao gồm Tứ Thiền. Những môn này là Thiền Định thế gian, vì sao? Họ chưa thoát ly lục đạo luân hồi. Môn cao nhất trong Bát Định do Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên tu thành; đắc Định ấy, sức của Định ấy rất mạnh, thời gian cũng rất dài, thời gian họ nhập Định là tám vạn đại kiếp. Địa cầu, tinh hệ, và Thái Dương Hệ thành, trụ, hoại, không tám vạn bốn ngàn lần; một lần thành, trụ, hoại, không là một đại kiếp. Quý vị thấy thành, trụ, hoại, không, tám vạn lần thì công phu định lực của họ mới tiêu mất, rất phi phàm! Chúng ta gọi những người ấy là thánh nhân, tức là bậc đại thánh trong lục đạo.

Thế nhưng, tám vạn đại kiếp thì vẫn có thời hạn. Thời hạn đã tới, họ đánh mất công phu định lực, vẫn phải luân hồi, vẫn phải lưu chuyển trong lục đạo, chẳng rốt ráo! Vì thế, người thông minh lại vượt cao hơn, tu Thiền Định sâu hơn, đến Đệ Cửu Định. Đệ Cửu Định bèn vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng quả A La Hán, chứng quả Bích Chi Phật. Công phu định lực của Bích Chi Phật sâu hơn A La Hán một bậc, vượt thoát lục đạo, nhưng chẳng vượt thoát mười pháp giới, vẫn ở trong mười pháp giới. Trên Bích Chi Phật là Bồ Tát, trên Bồ Tát là Phật, đó là tứ thánh pháp giới, là cõi Phương Tiện Hữu Dư của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tuy đã thành Phật trong mười pháp giới, nhưng chưa kiến tánh, chư vị phải biết điều này! Nếu vị ấy kiến tánh, [tức là] minh tâm kiến tánh, sẽ chẳng trụ trong mười pháp giới, mười pháp giới chẳng còn, vị ấy liền trụ trong Nhất Chân pháp giới. Vì thế, Thiên Thai đại sư nói Phật trong mười pháp giới được gọi là Tương Tự Tức Phật trong Lục Tức Phật, rất giống Phật, nhưng chưa phải là chân Phật, cần phải đoạn sạch vô minh [thì mới là Chân Phật]. Phật trong mười pháp giới vẫn chưa đoạn vô minh; hễ vô minh đoạn sạch bèn là Chân Phật, chẳng phải là giả Phật. [Đối với Ngài], mười pháp giới chẳng còn nữa, Ngài trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình, duy tâm sở hiện, nhưng chẳng có duy thức sở biến! Mười pháp giới là duy thức sở biến; trong Nhất Chân pháp giới chỉ có tâm hiện, chẳng có thức biến, nên trong cảnh giới, hết thảy đều bảo trì vĩnh hằng, con người vô lượng thọ, hoa, cỏ, cây cối đều là vô lượng thọ. Con người chẳng có sanh, lão, bệnh, tử; hoa, cỏ, cây cối cũng giống như thế. Trong kinh, đức Phật thường nói mười pháp giới chẳng thật, biến hóa trong từng sát-na. Hữu tình động vật có sanh, lão, bệnh, tử, cây cối, hoa, cỏ có sanh, trụ, dị, diệt, núi, sông, đại địa có thành, trụ, hoại, không, đều chẳng chân thường, mà là vô thường. Nhưng Nhất Chân pháp giới là chân thường, vì người trụ trong ấy đã chuyển tám thức thành bốn trí, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có khởi tâm động niệm, nên hiện tướng là vĩnh hằng, bất biến. Cái gọi là *“sống đời đời”* được nói trong tôn giáo chính là nói về nơi này, đó là thiên đường thật sự, Phật pháp gọi nó là thế giới Cực Lạc, mang ý nghĩa này!

Tiếp đó, [sách Chú Giải] viết: *“Hựu Chân Giải viết: Đường dịch vân Nhất Thiết Chủng thậm thâm Thiền Định”* (Lại nữa, sách Chân Giải nói: “Bản Đường dịch ghi là ‘Thiền Định Nhất Thiết Chủng rất sâu”). Tiếp đó, có giải thích, *“Nhất Thiết Chủng giả, vị Nhất Thiết Chủng Trí, toàn Lý chi Sự, cố vân thậm thâm”* (Nhất Thiết Chủng là Nhất Thiết Chủng Trí, toàn thể Lý là Sự, nên nói là “rất sâu”). Giải thích chữ Nhất Thiết Chủng: Nhất Thiết Chủng là Nhất Thiết Chủng Trí. Đối với ý nghĩa của chữ Phật, chữ Phật dịch từ tiếng Phạn của Ấn Độ, tức Phật Đà Da (Buddhaya); trong từ ngữ này có hai ý nghĩa chủ yếu, thứ nhất là ý nghĩa Giác, ý nghĩa thứ hai là Trí. Trí là Thể, Giác là Dụng. Có Trí thì mới có Giác. Chẳng có Trí bèn mê, chẳng giác. Trí có ba loại. Loại thứ nhất là Nhất Thiết Trí, loại thứ hai là Đạo Chủng Trí, loại thứ ba là Nhất Thiết Chủng Trí. A La Hán và Bích Chi Phật chứng đắc Nhất Thiết Trí, biết tất cả hết thảy hiện tượng trong khắp pháp giới hư không giới đều là giả, chẳng thật. Kinh Bát Nhã nói *“phàm những gì có tướng đều là hư vọng”.* Nói *“vạn pháp đều là Không”*, đó là Nhất Thiết Trí, biết hết thảy vạn pháp đều là “tướng có, tánh không”. A La Hán biết chuyện này, nên A La Hán chẳng lưu luyến lục đạo, không còn phân biệt, chấp trước, vượt thoát lục đạo. Nhưng vì sao có hết thảy các pháp mà các Ngài không biết, A La Hán không biết, chỉ biết những thứ ấy là giả. Vì sao Giả lại có thể hiện? Các Ngài chẳng hiểu đạo lý này, Bồ Tát biết, Bồ Tát cao hơn A La Hán. Cái biết của Bồ Tát được gọi là Đạo Chủng Trí, Đạo (道) là đạo lý, Chủng (種) là hết thảy các pháp. Các pháp do đạo lý nào phát sanh? Vì sao có? Vì sao có lục đạo? Vì sao có mười pháp giới? Vì sao có nhân quả báo ứng? A La Hán chẳng biết những đạo lý ấy. Vì thế, trí huệ của Bồ Tát cao hơn A La Hán, Bồ Tát có Đạo Chủng Trí. Phật chứng Nhất Thiết Chủng Trí, Nhất Thiết là Nhất Thiết Trí, Chủng Trí là Đạo Chủng Trí. Nhất Thiết Trí và Đạo Chủng Trí là một, không hai, nhưng Bồ Tát vẫn tách nó thành hai, nên có Thể và có Dụng. Nhất Thiết Trí là Thể, Đạo Chủng Trí là khởi dụng. Bồ Tát còn có Thể và Dụng [tách rời], chẳng biết Thể và Dụng là một, không hai. Đạt đến địa vị Phật thì mới biết, thật sự hoàn toàn hiểu rõ: Tánh và tướng như một, Sự - Lý bất nhị, vạn sự vạn vật trong vũ trụ là một Thể, đó là Nhất Thiết Chủng Trí do Phật chứng đắc, cũng có nghĩa là người minh tâm kiến tánh chứng đắc [trí này], biết hết thảy các pháp là một Thể. Vì thế, tâm họ bình đẳng, lòng từ bi trọn khắp, chẳng đối xử nồng hậu với kẻ này, xử sự bạc bẽo với người khác, đấy mới là đạt đến viên mãn rốt ráo. Đó gọi là *“toàn Lý là Sự, toàn Sự là Lý”*, Lý và Sự là một, không hai, nên bảo là *“thậm thâm”*,Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều chẳng thể chứng đắc, chỉ có Phật mới có thể chứng đắc.

*“Cố tri thâm định, thật thị Lý Định, phi cẩn Sự Định dã”* (do vậy biết thâm định thật sự là Lý Định, chẳng phải chỉ là Sự Định). Nói đơn giản, đối với hết thảy mọi người, đối với hết thảy sự vật, Phật thật sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là “thành Phật”. Hết thảy chúng sanh đều cùng có chuyện này, chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng, nên trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói *“hết thảy chúng sanh vốn là Phật”*, chỉ cần quý vị buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị là Phật! Quý vị buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thảy người, sự, vật nữa, quý vị là A La Hán, liền chứng đắc A La Hán, vượt thoát lục đạo. Do nguyên nhân nào mà có lục đạo? Do chấp trước mà có! Chẳng có chấp trước nữa, bèn chẳng có lục đạo. Chẳng có phân biệt, không phân biệt nữa thì ba tầng cấp thấp trong bốn thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chẳng còn nữa, chẳng phân biệt bèn chẳng có. Không khởi tâm động niệm, Phật trong mười pháp giới cũng chẳng có, đó là minh tâm kiến tánh, trở về tự tánh. Do vậy, kiến tánh là thật sự trở về tự tánh, trở về tự tánh bèn gọi là Lý Định. Tự tánh là Lý Thể, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều từ Lý Thể biến hiện. Quý vị đã hoàn toàn hiểu rõ, bèn đối với hết thảy các hiện tượng, đối với y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới, chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. Khởi tâm động niệm đã chẳng có, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước.

Nếu chúng ta hỏi: Những vị ấy ứng hóa trong thế gian, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật ứng hóa, chúng sanh có cảm, Ngài bèn ứng, ứng hóa trong thế gian này, vì chúng ta thị hiện tám tướng thành đạo, Ngài có khởi tâm động niệm hay không? Thưa cùng quý vị, thật sự chẳng có. Thuở ấy, Ngài thị hiện trong nhân gian, sống cùng một chỗ với chúng ta, chẳng khác gì. Đức Phật có lúc rất hoan hỷ, có lúc cũng cau mày ưu tư, đó có phải là khởi tâm động niệm hay chăng? Chẳng phải. Đó là gì? Đó là cảm ứng, khi chúng sanh hoan hỷ, Phật liền hoan hỷ; khi chúng sanh ưu lự, Phật cũng ưu lự. Đối với chuyện này, từ thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bổn Thắng người Nhật, chúng ta có thể biết được tin tức. Ông ta làm chuyện này mười mấy năm, tôi đã đến thăm phòng thí nghiệm của ông ta hai lần. Đó là thật, chẳng giả tí nào! Nước là khoáng vật, quý vị thấy một chén nước, một chén nước như thế là khoáng vật, thông qua thí nghiệm khoa học, đã chứng tỏ nước có thể thấy, nghe, và hiểu ý nghĩ của con người. Nó có năng lực mạnh mẽ hơn chúng ta, vì sao? Nó có thể nhận biết các thứ văn tự khác nhau, chúng ta vẫn chẳng có cách nào! Bất luận văn tự nước nào, quý vị đưa cho nó xem, nó đều nhận biết. Bất luận ngôn ngữ của quốc gia nào, nó đều nghe hiểu, [khả năng nghe, đọc của nước] mạnh hơn chúng ta, chúng ta không bằng nó. Hết thảy khởi tâm động niệm của chúng sanh nó đều biết. Tôi khởi tâm động niệm nó biết, quý vị khởi tâm động niệm nó cũng biết. Lại nói cho quý vị biết, muỗi, trùng, kiến khởi tâm động niệm, nó đều biết. Chúng ta hoan hỷ, nó cũng hoan hỷ, hiển lộ sự kết tinh hết sức đẹp đẽ. Trong tâm chúng ta ưu sầu, lo nghĩ, nó cũng ưu lự, hiện ra hình dáng rất khó coi. Chúng ta nói đó là *“phản ứng tự nhiên”*, chúng sanh có cảm, nước có phản ứng. Lũ chúng sanh chúng ta có cảm, Phật, Bồ Tát cũng có phản ứng. Nhưng phản ứng của nước, nhất định là phải dùng phương pháp khoa học mới có thể thấy được, còn phản ứng của Phật, Bồ Tát trên thế gian khiến cho chúng ta trực tiếp cảm nhận. Các Ngài thật sự chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, hoàn toàn là cảm ứng đạo giao.

Hiện thời, chúng ta cuối cùng cũng hiểu rõ chân tướng sự thật là “vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng tách rời”. Vì trong vật chất có tinh thần, nên bất luận vật chất nào cũng đều có thấy, nghe, hay, biết. Thấy, nghe, hay, biết là Tánh Đức vốn sẵn có trong tự tánh, đức Phật dạy: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, đó là tự tánh. Do đó, mỗi cá nhân đều có trí huệ giống hệt như chư Phật Như Lai. Phật có [trí huệ ấy], mỗi cá nhân chúng ta cũng đều có. Phật có năng lực, vạn đức vạn năng, chúng ta cũng có. Chữ Vạn trong *“vạn đức”* là để hình dung, chẳng phải là con số, đó là vô lượng, vô biên, vô tận, vô số đức năng, chúng ta thảy đều có. Thứ ba là tướng hảo, chúng ta cũng là vô lượng, vô biên, vô tận, vô số tướng hảo. Nhưng hiện thời chúng ta thứ gì cũng đều chẳng có, trí huệ cũng chẳng có, đức tướng cũng chẳng có, do nguyên nhân nào? Phật đã nói toạc một lời, *“chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc”*. Nói cách khác, vì chúng ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, thôi rồi, ba thứ chướng ngại ấy ngăn trở trí huệ và đức tướng của chúng ta, khiến chúng chẳng thể hiện tiền. Ý nghĩa này nhằm nói với chúng ta, chỉ cần chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, vì sao? Chúng là giả, những thứ ấy vốn chẳng có. Quý vị chịu buông xuống, trí huệ và đức tướng của quý vị liền khôi phục, Nhất Thiết Chủng Trí bèn hiện tiền. Đối với vạn sự vạn vật, quý vị thật sự chẳng khởi tâm động niệm, đó là Lý Định, còn gọi là Tánh Định, tự tánh vốn là Định. Khi Huệ Năng đại sư minh tâm kiến tánh đã nói: *“Nào ngờ tự tánh vốn chẳng dao động”*, đó là Lý Định. Trong hết thảy các pháp, tự tánh chẳng hề dao động, nên tự tánh vốn Định. Học Phật chẳng có gì khác, trở về tự tánh mà thôi, trí huệ và đức tướng viên mãn trong tự tánh đều có thể hiện tiền.

Tiếp đó, lại dẫn nhận định trong Tịnh Ảnh Sớ: *“Trụ thâm Định môn, khởi hạnh sở y, vô tâm vãng lai, trực dĩ tam-muội pháp môn lực khởi, cố tu trụ Định”* (Trụ môn Định sâu, chỗ y cứ để khởi hạnh là xử sự bằng vô tâm, dùng ngay sức của pháp môn tam-muội để khởi hạnh, nên cần trụ nơi Định). Trước hết giảng vì sao phải trụ nơi Định? Điều kiện tiên quyết để trụ nơi Định là *“khởi hạnh sở y, vô tâm vãng lai”. “Khởi hạnh”* là gì? Hạnh là lục độ vạn hạnh, cũng như nay chúng ta nói là *“khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác”*, bao gồm tất cả các hành vi của chúng ta trong một đời suốt từ sáng đến tối, phải nương vào đâu? Phải nương vào vô tâm. *“Vô tâm”* là chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có khởi tâm, chẳng có động niệm, phải nương vào điều này. Ai có thể làm được? Pháp Thân Bồ Tát làm được. Nói cách khác, người trong mười pháp giới chẳng làm được. Hễ người minh tâm kiến tánh bèn vượt thoát mười pháp giới, toàn bộ những vị ấy đều làm được, đều là như vậy. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta thị hiện như vậy, Lục Tổ Huệ Năng đại sư cũng là như vậy. Theo Phật giáo sử Trung Quốc ghi chép, mấy ngàn người trong Tông Môn, Giáo Hạ, chẳng phải là một số ít, đều ở trong cảnh giới này. Chúng ta phải học tập điều này, phải học gì? Trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong xử sự, đãi người tiếp vật, học chẳng dùng vọng tâm. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước đều là vọng tâm. Nếu quý vị chẳng dùng vọng tâm thì dùng gì? Đừng dùng vọng tâm, hãy dùng chân tâm. Chân tâm là gì? Chân tâm là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. Chúng ta dùng vọng tâm, chân tâm chẳng hiển lộ, chẳng tỏ lộ ra được. Chẳng dùng vọng tâm, chân tâm sẽ hiển lộ. Vọng là giả, chẳng thật!

Có cần phải trừ khử vọng tâm hay không? Không cần! Quý vị trừ nó thì vẫn là vọng. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nêu tỷ dụ, chúng ta đứng dưới mặt trời, coi chúng ta như chân tâm, cái bóng do thân ta bị nắng chiếu là vọng tâm, quý vị có cần trừ bỏ cái bóng ấy hay không? Quyết định chẳng xóa được cái bóng. Quý vị trừ khử cái bóng chỉ mất công, càng làm càng hỏng bét, đã vọng lại càng thêm vọng! Đối với vọng tâm thì như thế nào? Mặc kệ nó! Không dùng đến nó thì thôi, hết chuyện, đừng ngó ngàng tới nó! Nó có gây trở ngại hay không? Chẳng trở ngại! Quý vị ngẫm xem, quý vị ở dưới ánh đèn hay dưới ánh mặt trời, bóng dáng có chướng ngại hay không, có trở ngại chuyện của quý vị hay không? Cần gì phải bận tâm tới nó? Vì thế, sử dụng chân tâm. Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta thị hiện dùng chân tâm, dùng ngay trong cuộc sống hằng ngày, dùng trong mặc áo, trì bát, khất thực, dùng trong tọa Thiền, dùng trong giảng kinh, dạy học, dùng trong ứng đối, Ngài dùng rất tự tại! Chúng ta phải học điều này, học Phật phải học từ chỗ này: Chẳng có vọng tâm, chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc. Vì sao? *“Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp”.* Đó là nói về căn bản thì mộng, huyễn, bọt, bóng chẳng tồn tại, quý vị bận tâm đến chúng để làm gì? Hơn nữa, chúng chẳng gây chẳng trở ngại. Chẳng trở ngại thì sao lại biến thành trở ngại? Hễ quý vị phân biệt, chấp trước trong ấy, liền bị trở ngại. Chẳng tăng thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chuyện gì cũng chẳng bị trở ngại, vì sao? Chúng là giả, đúng là giống như bóng dáng. Có thể thấy là trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta đã hoàn toàn sử dụng sai cái tâm, sử dụng vọng tâm, chẳng biết dùng chân tâm. Chư Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm là dùng chân tâm. Dùng vọng tâm bèn chẳng thấy chân tâm, phải chú tâm thì mới thấu hiểu đạo lý này. Vì thế, quý vị thấy đó, *“trực dĩ tam-muội pháp môn lực khởi”*, [nghĩa là] dạy [hành nhân] đừng dùng vọng tâm, hãy trực tiếp dùng sức của pháp môn tam-muội hòng khởi hạnh. Đó là chân tâm khởi tác dụng, trí huệ và đức năng vốn sẵn có trong tự tánh khởi tác dụng. Do vậy, phải trụ trong Định, quý vị không trụ nơi Định sẽ không được. Trụ Định, trí huệ hiện tiền. Do đó, nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Trí huệ đã khai thì giới hạnh ấy gọi là Huệ Hạnh, tâm ấy gọi là Huệ Tâm, hạnh là Huệ Hạnh.

*“Hạ minh khởi hạnh”* (tiếp đó, nói về sự khởi hạnh), quý vị thấy đây là hạnh của chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát, *“tất đổ hiện tại vô lượng chư Phật, nhiếp hạnh khoan quảng”* (đều thấy hiện tại vô lượng chư Phật, nhiếp hạnh rất rộng). Chúng ta hãy xem trang sau sẽ thấy ý của ngài Tịnh Ảnh [đã được cụ Niệm Tổ giảng giải như sau]: *“Tịnh Ảnh sư chi ý vi: ‘Tất đổ chư Phật’ thị hạnh môn, khởi thử hạnh môn, y thâm Thiền Định, bất đãi khởi tâm động niệm, trực tùng tam-muội pháp môn chi lực khởi hạnh, cố tu trụ ư thậm thâm Thiền Định”* (Ý của ngài Tịnh Ảnh là: “Ắt thấy chư Phật” là hạnh môn, khởi lên hạnh môn ấy, nương vào sức Thiền Định sâu. Chẳng đợi khởi tâm động niệm, mà thẳng thừng từ sức của tam-muội pháp môn để khởi hạnh, nên cần trụ trong Thiền Định sâu). Đối với ý nghĩa của câu này, tôi hé lộ cho các vị đồng học một ít tin tức, *“tất đổ hiện tại vô lượng chư Phật”* (ắt thấy vô lượng chư Phật trong hiện tại) là người ấy thấy những ai vậy? [Chính là] hết thảy chúng sanh trong hiện tại. Trong kinh, đức Phật thường nói: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”*, nay người ấy đã thấy. Vì sao người ấy thấy? Thấy bằng chân tâm! Dùng vọng tâm sẽ chẳng nhìn ra! Dùng vọng tâm, sẽ thấy mọi người toàn là phàm phu. Dùng chân tâm để nhìn, sẽ thấy mọi người toàn là chư Phật. Điều này đúng như đức Phật đã dạy trong kinh: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”.* Tâm của quý vị là chân, quý vị thấy Nhất Chân pháp giới. Tâm của quý vị là vọng, sẽ thấy mười pháp giới, thực tế là lục đạo. Cảnh giới chẳng biến đổi, nhưng tâm quý vị biến đổi. Do tâm quý vị đang biến đổi, nên cảnh giới liền biến đổi theo cái tâm ấy. Vì lẽ đó, đức Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, phàm phu thấy Phật cũng là chúng sanh, cũng là phàm phu, đạo lý là như thế đó. Có Phật hay chăng? Có chúng sanh hay chăng? Chẳng có! Không có Phật, không có chúng sanh, thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó mới là sự thọ dụng chân thật trong pháp Đại Thừa. Do đó, ngài Tịnh Ảnh cũng nói rất hay, Ngài chỉ ra rất rõ ràng, *“tất đổ chư Phật”* (ắt thấy chư Phật) là hạnh môn, thật sự trông thấy.

Khởi hạnh môn ấy, nương vào Thiền Định sâu. Thiền Định sâu là gì vậy? Không khởi tâm, không động niệm, không đợi khởi tâm động niệm. Chúng tôi diễn tả điều này là *“không khởi tâm, không động niệm”*, mọi người sẽ dễ hiểu hơn. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước. Phân biệt, chấp trước do khởi tâm động niệm mà có. Chẳng có khởi tâm động niệm, bèn chẳng có phân biệt, chấp trước, nên nó trực tiếp từ sức tam-muội pháp môn khởi hạnh. Tam-muội pháp môn là định lực, định gì vậy? Tự tánh vốn định, vì trước đó có chữ Trực. *“Trực tùng”* thì phải là tự tánh vốn định. Hoàn toàn là tự tánh khởi tác dụng, ở trong ấy chẳng có thức, thức là gì? A Lại Da, Mạt Na, và ý thức; ý thức là phân biệt, Mạt Na là chấp trước, A Lại Da là khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước là chuyển tám thức thành bốn trí, cảnh giới này chẳng thuộc trong mười pháp giới. Trong mười pháp giới chẳng có [cảnh giới này]. Cảnh giới này thuộc về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm có [cảnh giới ấy], đó là Nhất Chân pháp giới, chứ trong mười pháp giới chẳng có. Vì thế, phải trụ trong Thiền Định rất sâu. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta chỉ có thể học tới đây. Được rồi! Ngày mai chúng ta sẽ học tiếp.

# Tập 126

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang, Trịnh Lộc và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi lăm, dòng thứ năm, xem từ câu cuối cùng.

*“Tịnh Ảnh sư ý vi”* (ý của ngài Tịnh Ảnh), xem từ chỗ này, *“tất đổ chư Phật thị hạnh môn, khởi thử hạnh môn, y thâm Thiền Định.* *Bất đãi khởi tâm động niệm, trực tùng tam-muội pháp môn chi lực khởi hạnh, cố tu trụ ư thậm thâm Thiền Định”* (“ắt thấy chư Phật” là hạnh môn, khởi lên hạnh môn ấy, nương vào sức Thiền Định sâu. Chẳng đợi khởi tâm động niệm, mà thẳng thừng từ sức của tam-muội pháp môn để khởi hạnh, cho nên cần trụ trong Thiền Định rất sâu). Hôm trước chúng ta đã học tới đây. Câu này có ý nghĩa hết sức quan trọng, tuy nói là những vị Pháp Thân đại sĩ tham dự pháp hội Vô Lượng Thọ của đức Thế Tôn, nhưng các Ngài chẳng phải là phàm nhân. Nói thông thường, một vạn hai ngàn người ấy đều là Phật, Thiên Thai đại sư gọi họ là Phần Chứng Tức Phật, kinh Kim Cang gọi họ là *“chư Phật Như Lai”.* Chúng ta xem bộ [Kim Cang Kinh] Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông, ông ta đã giải thích chữ *“chư Phật”* trong kinh [Kim Cang] chỉ bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ. Do có bốn mươi mốt địa vị nên gọi là Chư, những vị ấy đều là Phật, thường gọi là Phần Chứng Tức Phật. Trong hội Hoa Nghiêm, chúng ta đã học chuyện này rất nhiều, những vị ấy không chỉ là Kiến Tư và Trần Sa phiền não đều đoạn, mà vô minh cũng đoạn, vô minh là khởi tâm động niệm. Nói cách khác, lục căn của họ tiếp xúc cảnh giới sáu trần, thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm, há chẳng phải là đã thành Phật ư? Đại Thừa tại Trung Quốc thường nói [những vị ấy] là *“minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”*, một vạn hai ngàn người ấy đều đã minh tâm kiến tánh.

*“Tịnh Ảnh”* là chùa Tịnh Ảnh, chẳng phải là tên pháp sư, mà là tên ngôi chùa Ngài trụ. Do tôn trọng Ngài, dùng tên chùa để thay thế, nên gọi là *“Tịnh Ảnh sư”*. Ngài có pháp danh là Huệ Viễn, có tên hoàn toàn giống với tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Tông là Huệ Viễn đại sư. Trong lịch sử [Phật giáo Trung Hoa], Ngài được gọi là Tiểu Huệ Viễn. Huệ Viễn đại sư ở Đông Lâm Niệm Phật Đường tại Lô Sơn vào thời Đông Tấn được gọi là Đại Huệ Viễn, còn vị này thuộc vào đời Tùy - Đường, được gọi là Tiểu Huệ Viễn. Ngài có chú giải kinh Vô Lượng Thọ, trong chú giải của Ngài có ý nghĩa được giảng theo cách như thế này *“tất đổ chư Phật”* (ắt thấy chư Phật) là hạnh môn. Trong cảnh giới ấy, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai người ấy đều trông thấy, đều nhìn thấy. Khởi lên hạnh môn này, nương vào Thiền Định sâu, nhưng chẳng được phép khởi tâm động niệm trong ấy, vì sao? Khởi tâm động niệm là vô minh. Người ta đã phá vô minh, chẳng còn nữa. Họ trụ nơi đâu? Trong Nhất Chân pháp giới. Nếu khởi tâm động niệm, trụ xứ của họ là tứ thánh pháp giới, chẳng phải là Nhất Chân pháp giới. Tứ thánh pháp giới còn gọi là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nhất Chân pháp giới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật, mà cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình. Giống như chúng ta trong hiện thời, nay chúng ta là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước một phẩm cũng chưa phá. Nói cách khác, trọn đủ vô lượng vô biên tập khí phiền não, nay chúng ta đang ở nơi đâu? Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lục đạo luân hồi là cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta sống ở nơi đây, cũng là cõi Phàm Thánh Đồng Cư của chính mình, nhất định phải hiểu điều này. Quý vị thấy *“sanh Phật bất nhị”*, nghĩa là chúng sanh và Phật chẳng khác nhau. Bản thân chúng ta ở trong giai đoạn nào, liền trụ trong Phật Báo Độ ấy, có nghĩa là thuộc loại Báo Độ nào của Phật, nhất định phải biết điều này!

Một vạn hai ngàn vị Bồ Tát ấy đã đoạn hết vô minh, chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là *“thậm thâm Thiền Định”.* Trong phần trước, tôi đã thưa trình cùng quý vị, Thiền Định này là tự tánh vốn định. Khi Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông kiến tánh, lão nhân gia đã nói: *“Nào ngờ tự tánh vốn chẳng dao động”*, đã nói câu ấy. Câu ấy nói về tự tánh vốn định, chẳng do tu được. Tự tánh vốn bất động; bất động là chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, phân biệt là đại phiền não, chấp trước là phiền não nghiêm trọng nhất. Quý vị thấy: Có chấp trước thì mới có lục đạo luân hồi. Chẳng có chấp trước, sẽ chẳng thấy luân hồi. Luân hồi là giả, chẳng thật. Phân biệt cũng chẳng thật. Nếu buông phân biệt xuống, chẳng có phân biệt, mười pháp giới đều chẳng có, cũng có nghĩa là cõi Phương Tiện Hữu Dư của chư Phật bèn chẳng có. Vĩnh Gia đại sư đã nói: *“Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang”*, đại thiên thế giới chẳng có. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ Lý và Sự. Tu hành là tu gì? Học sao cho trong cảnh giới chẳng động niệm, đó là cao minh nhất. Học chẳng khởi tâm, không động niệm, vĩnh viễn giữ cho tâm chính mình thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó là công phu, quý vị bèn thành Phật.

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật là thành gì? Tựa đề kinh đã nói *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”*, đó là công phu của chính mình. Đối ứng của công phu, tức là công phu [thành tựu sẽ] hiện ra tướng gì? Hiện thành Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, đó là thế giới Cực Lạc. Đại Thừa là trí huệ, trên thực tế câu này đúng như đức Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”.* Đại Thừa là trí huệ, Vô Lượng Thọ là đức, Trang Nghiêm là tướng. Quý vị thấy trong tựa đề của kinh này, câu này nói đến quả báo. *“Thanh tịnh, bình đẳng, giác”* là nhân hạnh, quý vị có nhân thì mới có quả; có quả, nhất định có nhân. Chúng ta bèn hiểu Tịnh Tông tu điều gì? Tu *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”.* Dùng phương pháp gì để tu? Nay chúng ta chọn lựa, trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta trì danh niệm Phật, *“phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm”*, mục tiêu là *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”.* Nói chung, phải niệm cho ra cái tâm thanh tịnh, tâm ở trong cảnh giới nào cũng chẳng bị quấy nhiễu: Trong thuận cảnh, chẳng khởi tham luyến; trong nghịch cảnh, chẳng sanh sân khuể, tâm quý vị nhập Định. Định ấy chính là Niệm Phật tam-muội, chẳng bị cảnh giới lay động. Vì sao? Về Lý, quý vị đã giác ngộ *“phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, *“hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, chúng là giả, chẳng thật!

Trong quá trình tu hành, tất cả các hiện tượng là gì? Nhằm biểu thị pháp cho chúng ta! Vì sao Thiện Tài đồng tử thành Phật viên mãn trong một đời? Thiện Tài đồng tử và chúng ta có mối quan hệ rất chặt chẽ, vì quý vị thấy phẩm này là Đức Tuân Phổ Hiền, học nhân Tịnh Tông tu pháp môn gì? Tu pháp môn Phổ Hiền. Pháp môn Phổ Hiền tu thanh tịnh, bình đẳng, giác. Năm mươi ba lần tham học là chuyện như thế nào? Học rồi phải biết dùng, học sống động, vận dụng sống động. Năm mươi ba lần tham học là chúng ta từ sáng đến tối, quý vị sáng sớm thức dậy, mở mắt ra, thấy cảnh giới bên ngoài, quý vị sống, làm việc từ sáng đến tối, xử sự, đãi người, tiếp vật, quý vị thấy đó chính là năm mươi ba lần tham học. Năm mươi ba vị Bồ Tát đại diện cho nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề đều biểu diễn trước mặt quý vị. Quý vị ở trong ấy tu gì? Tu như như bất động. Cách tu như thế nào? Giữ lấy một câu A Di Đà Phật, trong tâm ta chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều chẳng có, cảnh giới bên ngoài đều biến thành A Di Đà Phật, thiện nhân là A Di Đà Phật, ác nhân cũng là A Di Đà Phật, súc sanh cũng là A Di Đà Phật, ngạ quỷ cũng là A Di Đà Phật, địa ngục cũng là A Di Đà Phật, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa đều là A Di Đà Phật, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. Nội tâm là A Di Đà Phật, toàn bộ cảnh giới bên ngoài đều biến thành A Di Đà Phật, cảnh chuyển theo tâm mà! Vì sao chúng ta chẳng thể chuyển? Ta ưa thích cái này, chán ghét cái kia, chẳng chuyển được, quý vị vẫn là phàm phu! Thật sự biết học, ai nấy đều là Thiện Tài, mỗi người đều thành Phật viên mãn trong một đời, nhất là Tịnh Tông, tuyệt diệu lắm! Chớ nên không hiểu đạo lý này!

Thiện Tài đồng tử dạy chúng ta học sống động, vận dụng sống động. Kinh Hoa Nghiêm có lý luận viên mãn, có phương pháp chu đáo, chặt chẽ. Những lý luận và phương pháp ấy vận dụng trong cuộc sống như thế nào, dùng trong công việc như thế nào, dùng để đãi người tiếp vật như thế nào? *“Tiếp vật”* là đối đãi cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa, đối đãi các chúng sanh thuộc những chiều không gian khác nhau, vận dụng toàn bộ, người ấy đã thật sự hiểu. Giống như các vị thầy trong Tông Môn thường sát hạch học trò bằng câu hỏi *“hiểu không”*? Đã hiểu thì dùng được toàn bộ. Nếu không, học thì có học, nhưng chẳng dùng được! Cuộc sống hằng ngày vẫn là tập khí phiền não nắm quyền làm chủ, như vậy thì chẳng có cách nào hết! Chẳng có cách nào thì cứ từ từ, nói chung, sẽ có một ngày quý vị học hiểu. Người có thể học hiểu trong hiện tiền, nói thật ra, cũng chẳng phải là học Phật trong một đời. Học Phật chỉ một đời, há có thể mau chóng dường ấy? Há lẽ nào vừa học liền dùng được ngay? Tối thiểu là mười đời trở lên, mười đời là tối thiểu! Trong đời quá khứ, quý vị đã học Phật mười đời, nên mới có một chút thiện căn, có đôi chút phước đức như thế. Học rồi, hiểu rồi, thật sự hiểu, biết sử dụng, vận dụng vào cuộc sống, lẽ đâu chẳng sung sướng? Pháp hỷ sung mãn! Thường sanh tâm hoan hỷ, đạo lý là như vậy đó. Học Phật là như vậy, mà học pháp thế gian cũng là như vậy. Pháp thế gian của Trung Quốc lấy Khổng Mạnh làm đại biểu. Khổng Tử và Mạnh Tử cũng lỗi lạc: *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?”* (học rồi luyện tập, cũng chẳng vui ư). Họ biết vận dụng toàn bộ những điều đã học, *“tập”* (習) là làm được, cũng như chúng ta nói thực hiện trong công việc, thực hiện trong cuộc sống, thực hiện trong xử sự, đãi người, tiếp vật, họ làm được, nên họ vui sướng. *“Duyệt”* (悅) là hỷ duyệt. Hỷ duyệt chẳng phải từ bên ngoài mà có, mà do từ trong nội tâm sanh ra, tức là tự tánh hỷ duyệt, là thật, chẳng giả. Do đó, đoạn này có ý nghĩa rất sâu, họ chẳng cần phải khởi tâm động niệm.

Thẳng thừng từ sức tam-muội pháp môn để khởi hạnh, từ ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật đã ra đời trong thế gian này, biểu diễn cho chúng ta thấy. Tại Ấn Độ, khá nhiều vị tổ sư, Bồ Tát cũng biểu diễn cho chúng ta thấy. Tại Trung Quốc, hai ngàn năm qua, Phật pháp chánh thức truyền đến Trung Quốc là do đế vương Trung Quốc phái đặc sứ sang Tây Vực cung kính lễ thỉnh [các vị tỳ-kheo] đến Trung Quốc. Lịch sử ghi chép điều này rất rõ ràng: Năm Vĩnh Bình thứ mười đời Hán Minh Đế, tức năm 67 Công Nguyên. Năm nay là năm 2010 Công Nguyên, Phật pháp truyền đến Trung Quốc vào năm 67 Công Nguyên. Chúng ta thường tính tròn số, nói là hai ngàn năm. Thật ra, phải tới năm 2067 Công Nguyên mới thật sự là hai ngàn năm. Hai ngàn năm qua, trong lịch sử Trung Quốc, trải các đời, những vị tổ sư đại đức, kể cả các cư sĩ là những người đạt tới cảnh giới này. Quý vị đọc Cao Tăng Truyện, hoặc đọc Ngũ Đăng Hội Nguyên, trong các sách vở ấy chép khoảng chừng hai ba ngàn người. Hai, ba ngàn vị Phật xuất thế tại Trung Quốc, nơi này phước báo to lắm, có một không hai trên đời, ngay cả Ấn Độ còn kém Trung Quốc. Phật giáo Trung Quốc suy vi vào thời cận đại, sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, Dân Quốc thành lập, tuân hành chế độ dân chủ, coi rẻ giáo dục truyền thống, xem nhẹ tu học Phật pháp, đó là nguyên nhân khiến cho Phật giáo suy vi. Đương nhiên là có quan hệ đến phước báo của người trong thế hệ này. Thật sự có phước báo, Phật, Bồ Tát liền hiện ra, liền ngự đến, [chúng ta] chẳng có phước báo ấy! Quý vị thấy người hiện thời tận lực hưởng phước, làm sao mà chẳng có phước báo cho được? Đúng vậy! Chúng ta thấy họ hưởng phước, chẳng thấy họ tu phước, nên họ chẳng có phước báo. Hưởng phước mà lại tu phước, phước báo ấy mới có thể vĩnh viễn tiếp tục phát triển. Nếu chỉ hưởng phước không tu phước, phước ấy sẽ bị hưởng hết. Hưởng hết thì sao? Hưởng hết thì chẳng còn nữa! Chúng ta chẳng cần đợi đến khi hưởng hết phước mới thấy kẻ đó chẳng có phước, thấy kẻ ấy ngay đang trong lúc hưởng phước mà chẳng biết tu phước, đã biết kẻ ấy chẳng có phước. Họ có phước báo to như thế là do tu ở nơi đâu? Đều là do đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tu nơi Phật môn. Chẳng phải là [tu tập phước báo trong] Phật môn thì làm sao có thể tu phước báo lớn ngần ấy? Trong sách vở của cổ nhân, những đạo lý và chân tướng sự thật này đã được ghi chép rất nhiều, đâu đâu cũng đều có thể thấy. Người hiện thời chẳng đọc cổ thư, không có cách nào hết. Nếu quý vị đọc sách cổ thì điển tịch của ba nhà Nho, Thích, Đạo đều nói rất rõ ràng, lại còn giảng rất nhiều!

Những người hữu tâm hãy nên lưu ý điều này, phải phát tâm, phải nối tiếp huệ mạng của Phật, “phải vì [kế tục] cái học tuyệt diệu của các vị cổ thánh, phải vì mở ra nền thái bình cho muôn đời”, tâm ấy là Bồ Đề tâm. Những lời trên đây là cách nói của Nho gia, trong Phật pháp bèn gọi [tâm nguyện ấy] là *“thật sự phát Bồ Đề tâm”.* Chẳng vì chính mình, mà vì quốc gia, vì dân tộc, vì chúng sanh khổ nạn trong thế giới, chúng ta phải phát tâm nỗ lực thực hiện. Học Nho phải thành thánh, phải thành hiền, học Đạo phải thành thần tiên, học Phật phải giống như Phật, Bồ Tát. Được không? Được chứ! Chẳng có thầy tốt! Chẳng có thầy tốt vẫn được! Gần đây, chúng ta phát hiện hai người, tôi tin tưởng là không phải chỉ có hai người, nhất định còn có rất nhiều, nhưng chúng ta không biết. Họ học thành công, chúng ta đã biết, đã phát hiện hai người ấy. Tôi gặp mặt một người, còn một người chưa được gặp mặt. Họ học bao lâu? Mười năm mà thôi, mười năm bèn thành công. Học như thế nào? Nương theo giáo huấn của tổ tiên mà học thành. Tổ tiên dạy chúng ta: *“Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”* (đạo lý dạy học là chú trọng chuyên nhất). Đạo lý dạy học là phải chú trọng “chuyên”, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, họ bèn thành công. Hai người ấy, chưa từng gặp mặt nhau, một ở Đông Bắc, người kia ở Tứ Xuyên. Hai người ấy chưa hề gặp nhau, cũng chẳng quen biết nhau, nhưng đôi bên có cùng một cái tâm học tập, phương pháp giống nhau, tức là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Nam-mô A Di Đà Phật, họ chuyên! Mỗi ngày nghe giảng giải kinh Vô Lượng Thọ, nói chung đều là đĩa CD do tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ trong quá khứ, mỗi ngày nghe mười giờ, thời gian còn lại bèn niệm A Di Đà Phật. Mười năm mỗi ngày đều hệt như nhau, chẳng bỏ luống ngày nào, họ bèn thành công. Mỗi người chúng ta đều bỏ lỡ vài chục năm, chẳng nắm lấy thời gian. Người ta rất may mắn, nắm bắt thời gian, mỗi ngày tâm đặt nơi đạo mười mấy giờ. Ngoài thời gian ngủ mất bốn, năm giờ ra, những thời gian khác, nếu chẳng nghe kinh bèn niệm Phật. Người tại gia còn làm chuyện nhà, làm chuyện nhà chẳng ít, chẳng trở ngại. Khi nghe kinh phải chuyên tâm, chớ nên phân tâm. Khi làm chuyện nhà thì có thể niệm Phật hiệu, trong tâm có Phật, trong miệng có Phật, chẳng trở ngại công việc! Tôi tin tưởng không chỉ có hai người ấy, khẳng định còn nhiều hơn, nhưng nay chúng ta chưa biết. Những người ấy nêu gương tốt nhất cho đồng tu tu Tịnh Độ niệm Phật chúng ta, họ thật sự thành tựu. Chúng ta có lý do để tin tưởng họ sẽ vãng sanh tự tại. Nay họ vẫn chưa đi, nói cách khác, họ có nhiệm vụ, có nghĩa vụ giúp chúng sanh khổ nạn trong thế gian này. Nơi họ ở, tuy là nhà của chính họ, nhưng căn nhà ấy là đạo tràng thật sự, là đạo tràng của Phật. Đạo tràng của Phật ở nơi đâu, nơi ấy rất ít tai nạn, nhất định là nơi ấy có rất nhiều người học tập theo họ. Họ là tấm gương tốt cho đại chúng. Sách Hoàn Nguyên Quán nói đến Tứ Đức, chú tâm quan sát sẽ thấy họ trọn đủ [Tứ Đức], tùy duyên diệu dụng, oai nghi đúng chuẩn mực, biểu hiện thành tấm gương tốt, nhu hòa, chất trực, đó là “dạy người khác làm người”. Thái độ làm người phải nhu hòa, tâm địa phải chân thành, chịu khổ thay cho chúng sanh, đó là Tứ Đức của Bồ Tát. Quý vị hãy cẩn thận quan sát, [sẽ thấy] họ đều trọn đủ. Vì thế, tâm địa của họ an trụ trong Niệm Phật tam-muội rất sâu.

Chúng ta xem đoạn kế tiếp: *“Nhược y bổn kinh”* (nếu dựa trên kinh này), dùng kinh văn của kinh này để giải thích, *“tắc Định trung kiến Phật, chánh thị Di Đà đệ tứ thập ngũ Định trung cúng Phật đại nguyện”* (thì “trong Định cúng Phật” chính là đại nguyện thứ bốn mươi lăm “trong Định cúng Phật” của Phật Di Đà). *“Tứ thập ngũ”* chính là nguyện thứ bốn mươi lăm trong bốn mươi tám nguyện, tức là nguyện *“Định trung cúng Phật”*. Lời giải thích này cũng hết sức hay, vì sao? Có quan hệ rất chặt chẽ với chúng ta. Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật dùng bốn mươi tám nguyện gia trì chúng ta. Nếu chẳng vậy, quý vị làm sao có thể biến thành A Duy Việt Trí Bồ Tát? Quý vị được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Kế đó, lời nguyện được trích lục như sau: *“Nguyện văn viết: Thập phương Phật sát chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh dĩ, giai tất đãi đắc thanh tịnh, giải thoát, phổ đẳng tam-muội, chư thâm tổng trì, trụ tam-ma-địa. Chí ư thành Phật, Định trung thường cúng vô lượng vô biên nhất thiết chư Phật, bất thất định ý”* (Nguyện văn là: “Các vị Bồ Tát trong mười phương cõi Phật, nghe tên ta đều đạt đến thanh tịnh, giải thoát, phổ đẳng tam-muội, các môn tổng trì sâu, trụ trong tam-ma-địa, cho đến khi thành Phật, trong Định thường cúng vô lượng vô biên hết thảy chư Phật, chẳng đánh mất định ý”). Đến thế giới Cực Lạc bèn thực hiện, mười phương cõi Phật có phạm vi quá lớn, không chỉ là các đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới Sa Bà, hoặc người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chỉ đến từ một cõi, mà là mười phương ba đời vô lượng, vô biên, vô số, vô tận cõi Phật. Chúng ta đến Cực Lạc thế giới bèn hỏi, quý vị từ thế giới nào đến? Người kia từ thế giới nào đến? A Di Đà Phật chẳng cần hỏi, Ngài hoàn toàn biết, quý vị liền biết thế giới Cực Lạc rất náo nhiệt. Hơn nữa, người trong thế giới Cực Lạc đều là các vị thượng thiện nhân, những người ấy không chỉ chẳng có hành vi ác hèn, mà ý niệm hèn ác cũng chẳng có, thượng thiện mà! Không phải là thượng thiện, làm sao đến đó được? Đều là Bồ Tát, đều phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm thì mới có thể vãng sanh. Do vậy, các vị Bồ Tát *“văn ngã danh dĩ”* (đã nghe tên ta), tức là nghe danh hiệu A Di Đà Phật, đều đạt đến thanh tịnh, giải thoát, phổ đẳng tam-muội, thảy đều đạt được. Quý vị thấy chữ *“thanh tịnh”*, tựa đề kinh này có *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”*, ở đây, không nói bình đẳng, chẳng nói giác, chỉ nói thanh tịnh, dụng ý rất sâu. Đạt được thanh tịnh, chúng ta chia Niệm Phật tam-muội thành ba phẩm thượng, trung, hạ: Thanh tịnh là hạ phẩm, bình đẳng là trung phẩm, giác là thượng phẩm. Hạ phẩm đã là như thế, huống hồ trung phẩm và thượng phẩm? Chẳng cần phải nói nữa! Đây là sự khéo léo trong việc nêu thí dụ, họ đều đạt được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chính là Niệm Phật tam-muội, là công phu định lực do niệm Phật.

Chữ Giải trong Giải Thoát, đọc như chữ Tạ (Xiè) [trong tiếng Quan Thoại], hiểu theo nghĩa động từ, tức là giải khai, giải trừ. Giải trừ gì vậy? Giải trừ phiền não, Giải là giải trừ phiền não. Giải trừ Kiến Tư phiền não, giải trừ Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não cũng giải trừ. Thoát là thoát luân hồi, thoát mười pháp giới, thoát ly hai thứ sanh tử, Thoát là thoát ly. Giải là nói theo nhân, Thoát là nói theo quả. Quý vị có phiền não thì còn có luân hồi, tức là có chấp trước. Chấp trước là Kiến Tư phiền não, đó là cái nhân của luân hồi. Buông hết thảy chấp trước xuống, luân hồi chẳng còn nữa. Do vậy, lục đạo là giả, chẳng thật. Nay chúng ta thấy lục đạo tồn tại, do nguyên nhân gì? Chúng ta chưa buông chấp trước xuống. Hễ buông chấp trước xuống, lục đạo bèn chẳng có. Lục đạo chẳng có, tứ thánh pháp giới hiện tiền. Cảnh giới này là tứ thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cảnh giới này được gọi là cõi Phương Tiện Hữu Dư, cảnh giới này hiện tiền. Cảnh giới này do Vô Minh và Trần Sa phiền não biến hiện. Nếu chúng ta cũng thật sự có thể buông Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não xuống, tứ thánh pháp giới cũng chẳng có; khi ấy, quý vị mới biết mười pháp giới là giả, mười pháp giới chẳng thật. Mười pháp giới chẳng có, cảnh giới xuất hiện là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong phần trước, chúng tôi đã thưa trình cùng quý vị, cõi Thật Báo của A Di Đà Phật cũng là cõi Thật Báo của chính mình hiện tiền. Chính mình và A Di Đà Phật là một, không hai. Đúng như trong Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm, thiền sư Trung Phong đã nói: *“Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta. Phương này là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính phương này”*, có ý nghĩa ấy. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói: *“Cảnh chuyển theo tâm”.* Vốn chẳng có cảnh giới, cảnh giới sanh từ ý niệm. Niệm thanh tịnh, cảnh giới hiện ra là cõi nước thanh tịnh. Niệm nhơ bẩn, giống như hoàn cảnh ô nhiễm trên địa cầu hiện thời, là do ý niệm biến hiện. Phải biết cảnh giới tùy thuộc ý niệm của chính mình, chẳng tùy thuộc kẻ khác. Tùy thuộc người khác thì chúng ta làm sao có thể giải thoát cho được? Chúng ta làm sao thành tựu cho được? Nhất định phải biết: Chính mình làm chủ tể!

Trong khi chúng ta học tập Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, tôi đã đặc biệt nhấn mạnh, đặc biệt nhắc nhở các đồng học, y báo và chánh báo phải hiểu như thế nào? Chánh báo là chính mình, trừ chính mình ra đều là y báo. Y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta, ta là chánh báo. Thích Ca Như Lai, Di Đà Như Lai là y báo của ta, là hoàn cảnh của ta, nhất định phải hiểu rõ điều này. Đứng về phía Thích Ca Như Lai, bản thân Ngài là chánh báo, chúng ta trở thành y báo của Ngài, phải hiểu điều này. Quý vị hiểu đạo lý này, mới biết cách chuyển ra sao, chuyển từ chính mình, chẳng phải là chuyển hoàn cảnh bên ngoài. Ta đã chuyển, toàn bộ hoàn cảnh bên ngoài đều chuyển theo ta. Nếu ta chẳng chuyển, sẽ bị hoàn cảnh bên ngoài chuyển, tức là nói hoàn cảnh ảnh hưởng quý vị. Nếu chính mình có thể chuyển, hoàn cảnh chẳng thể ảnh hưởng ta, ta có thể ảnh hưởng hoàn cảnh. Kinh dạy: *“Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai”*. Nếu quý vị có thể chuyển cảnh giới, quý vị là Như Lai; nói cách khác, quý vị thành Phật. Do vậy, chúng ta phải học tập chuyển hoàn cảnh, trọn chớ nên vẫn bị hoàn cảnh ảnh hưởng, nói rõ điều gì? Nói rõ chúng ta học tập công phu chưa đắc lực. Công phu đắc lực chẳng sợ hoàn cảnh; hoàn cảnh gì đưa đến, ta cũng chuyển được. Ta dùng năng lực gì để chuyển? Ta không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, liền chuyển được. Vì thế, chư vị hãy suy ngẫm, chúng ta vẫn bị hoàn cảnh ảnh hưởng, vẫn bị nó chuyển, ta vẫn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, có đáng tin cậy hay không? Học Phật là phải học bản lãnh này thì mới có thể thật sự giải thoát, đắc tự tại.

Tiếp đó nói đến *“phổ đẳng tam-muội”*, tức là Niệm Phật tam-muội. Phổ (普) là phổ biến, Đẳng (等) là bình đẳng. Nói cách khác, lục căn của quý vị tiếp xúc vạn sự vạn vật toàn là bình đẳng, đó là thành Phật. Vì sao? Quý vị chẳng có phân biệt liền bình đẳng, có phân biệt bèn chẳng bình đẳng. Có chấp trước bèn không thanh tịnh. Không chấp trước, tâm bèn thanh tịnh. Chẳng phân biệt, tâm đạt đến bình đẳng. Bình đẳng là Bồ Tát tâm, thanh tịnh là Nhị Thừa tâm. A La Hán và Bích Chi Phật tâm địa thanh tịnh, nhưng còn có phân biệt, nên bất bình đẳng. Tâm Bồ Tát bình đẳng, giác là Phật tâm, giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Câu này cũng là như trong kinh có nói: *“Phổ cập nhất thiết bình đẳng trụ”* (trụ trong sự bình đẳng phổ cập hết thảy), tâm quý vị trụ trong hết thảy các pháp bình đẳng. Vì sao hết thảy các pháp bình đẳng? Pháp Thân Bồ Tát biết, Phật trong mười pháp giới chưa biết, nhưng Phật trong mười pháp giới đúng là học sinh tốt của Phật, rất nghe lời, thật sự thật thà, thật sự hành. Tuy tám thức còn chưa chuyển, nhưng các Ngài khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chẳng khác gì Phật. Ngài rất biết học, học giống Phật như đúc; chỗ thua kém là tâm chẳng giống, tâm chẳng như tâm Phật. Có nghĩa là tâm Phật (Cứu Cánh Phật) là Định, chẳng khởi tâm, không động niệm, còn Phật trong mười pháp giới (Tương Tự Tức Phật) vẫn khởi tâm động niệm. Tuy chẳng có phân biệt, chấp trước, nhưng vẫn còn khởi tâm động niệm, khác [Cứu Cánh] Phật ở chỗ này. Hễ buông khởi tâm động niệm xuống, vị ấy bèn thành [Cứu Cánh] Phật, thật đấy, chẳng giả đâu! Phổ đẳng quan trọng lắm!

Phương pháp tu phổ đẳng của chúng ta cao minh hơn các pháp môn khác, nên pháp môn Tịnh Tông tuyệt diệu, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta mới có đôi chút chấp trước thì đã mê mất rồi, phiền não đã dấy lên hiện hành. Cổ đại đức nói: *“Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”.* Vì sao? Chúng ta là phàm phu, lăn lộn trong sanh tử luân hồi vô lượng kiếp, làm sao có thể chẳng khởi phiền não? Đương nhiên là kẻ ấy khởi phiền não; do đó, khởi phiền não là một hiện tượng bình thường, nói *“không sợ niệm khởi”* vì đó là hiện tượng bình thường. Sợ điều gì? Quý vị giác quá chậm, phải giác mau! Giác là gì? A Di Đà Phật là giác, niệm vừa mới dấy, liền lập tức giác ngộ “A Di Đà Phật”, dùng một câu A Di Đà Phật để hóa giải, thảy đều trụ trong Phổ Đẳng tam-muội của A Di Đà Phật. Thuận cảnh, thiện duyên, A Di Đà Phật! Nghịch cảnh, ác duyên, vẫn là A Di Đà Phật, chẳng phải là xóa bằng rồi ư? Điều này khiến cho tất cả các pháp môn đều chẳng thể sánh bằng niệm Phật! Niệm Phật giác mau chóng, niệm trước vừa mê, tâm vừa động, chúng ta thường nói là “phiền não dấy lên, tập khí hiện tiền” bèn A Di Đà Phật, trở về nẻo chánh. A Di Đà Phật là đức hiệu của tự tánh; niệm một câu A Di Đà Phật là trở về tự tánh, tự tánh là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Huệ Năng đại sư đã miêu tả tự tánh: Đầu tiên là thanh tịnh, *“nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”*. Thứ hai là *“bất sanh, bất diệt”.* Thứ ba là *“trọn đủ vô lượng vô biên trí huệ và đức năng, vốn tự đầy đủ”*. Thứ tư là *“vốn chẳng có dao động”.* Thứ năm là chúng sanh có cảm, các Ngài có thể ứng. Khi các Ngài ứng, *“có thể sanh ra vạn pháp”.* Điều thứ năm là lợi tha. Trong năm câu, bốn câu đầu là tự lợi, câu cuối cùng là lợi tha, chúng sanh có cảm, các Ngài bèn có ứng. Tuy ứng, các Ngài vẫn như như bất động, đó gọi là *“trong Định thấy Phật”.*

*“Chư thâm tổng trì”*, trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh hoàn toàn hiện tiền. Trí huệ hiện tiền, trí huệ sống động là phương tiện thiện xảo, vô lượng, vô biên phương tiện thiện xảo, vẫn trụ trong Tam-ma-địa. Ở đây, hãy chú trọng chữ Trụ. Có nghĩa là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, ứng hóa trong lục đạo, chưa hề khởi tâm động niệm, nên gọi là *“trụ tam-ma-địa”*. Chúng ta hãy nên học điều này, đấy mới thật sự là học đến mức, học viên mãn, vì sao? Trong động mà chẳng động, có ý nghĩa này. Do đó, trong Phật pháp, khi đức Phật tại thế đã dùng hình tròn gọi là *“pháp luân”*, pháp luân có hình tròn, dùng tiêu chí (logo) này, vì chỉ có hình tròn biểu thị “trong động có bất động”. Luân cũng là hình tròn, chu vi hình tròn ấy là động, tâm hình tròn không động. Động là gì? Động là ứng hóa, chúng sanh có cảm, Phật có ứng. Phật, Bồ Tát có ứng thì *“nên dùng thân gì đắc độ, liền hiện thân ấy”.* Phật chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng nói “quý vị yêu cầu ta giúp quý vị, ta phải nên giúp quý vị”, chẳng khởi ý niệm ấy. Nếu động ý niệm ấy, tức là phàm phu, chẳng phải là Phật, Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Thậm chí như chúng ta đã đọc trong phần trước, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trên thế gian, tám tướng thành đạo, trụ thế tám mươi năm, Ngài chẳng hề khởi tâm, động niệm, vì sao? Ngài trụ trong tam-ma-địa.

Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, mà biểu diễn cho chúng ta suốt tám mươi năm, biểu diễn như thế nào? Thí nghiệm với nước của ông Giang Bổn Thắng đã biểu diễn, chứng tỏ đạo lý này. Nước có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng có. Vì sao chúng ta đối với nó bằng một thiện niệm, nó hiển thị cấu trúc kết tinh đẹp đẽ như vậy? Chúng ta khởi ác niệm đối với nó, nó hiển thị cấu trúc kết tinh xấu xí ngần ấy, thiên biến vạn hóa! Một người làm thí nghiệm, hằng ngày làm thí nghiệm, thí nghiệm suốt mười năm, chẳng tìm được hai cấu trúc kết tinh giống nhau, đạo lý là như thế đó. Vì thế, thoạt đầu tôi tiếp xúc đoạn kinh văn này, nghĩ chẳng ra, sau này bỗng nghĩ đến thuở nhỏ chơi kính vạn hoa, [thuở ấy, kính vạn hoa] chẳng được đẹp đẽ như thế, hiện thời làm kính vạn hoa rất xinh đẹp. Quý vị thấy [bên trong] kính vạn hoa là mấy mảnh vụn, màu sắc khác nhau. Quý vị xoay chuyển, chuyển suốt một tuần, suốt một tháng, chẳng có hai mẫu hoa giống nhau, mỗi mẫu hoa đều hết sức đẹp đẽ, đạo lý là như thế đó. Ngay cả kính vạn hoa cũng hiển thị đạo lý sau đây: *“Tự tánh vốn đầy đủ”*. Thật vậy, chẳng giả!

Học Phật nhằm mục tiêu gì? Trở về tự tánh. Chúng ta từ tự tánh lưu lộ, cuối cùng lại trở về tự tánh là đúng. Hoàn Nguyên Quán đã giảng Lý và Sự này rất rõ ràng, rất rành rọt. Đó là vấn đề cao tột nhất trong giới học thuật khoa học và triết học hiện đại. Vũ trụ do đâu mà có? Sanh mạng do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Mãi cho đến hiện thời chẳng thể kết luận chắc chắn được, những đường lối lý luận do các vị đại triết học gia hoặc đại khoa học gia nói ra chẳng thể khiến cho người nghe tâm phục khẩu phục, do nguyên nhân gì? Nguyên nhân là họ chẳng thấy tự tánh! Nói chung, họ dựa vào trí tưởng tượng, cậy vào suy lường, [những điều họ đưa ra] cách biệt sự thật rất xa, chẳng thể thuyết phục kẻ khác được! Đức Phật đã trông thấy, vì sao đức Phật thấy? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đã buông xuống, bèn thấy! Vì sao các nhà khoa học và triết học chẳng thể nói hoàn toàn? Họ chẳng buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, họ giống hệt như chúng ta, cậy vào các dụng cụ tinh vi để quan sát. Trong kinh điển, đức Phật đã nói rất hay, chúng ta dùng phân biệt, chấp trước, dùng cái tâm ấy, tức là dùng A Lại Da, dùng phân biệt, chấp trước. Đặc biệt là cái tâm phân biệt, tức thức thứ sáu (ý thức) có công năng hết sức to. Trong Bách Pháp, nó (ý thức) tương ứng với năm mươi mốt Tâm Sở, chẳng có gì không tương ứng. Đức Phật nói, đối ngoại, nó có thể duyên đến vũ trụ, nó có năng lực ấy. Đối nội, nó có thể duyên đến A Lại Da. Hai câu này của đức Phật nay đã được khoa học hiện đại chứng minh. Đức Phật nói nó chẳng thể duyên tự tánh, câu này cũng được chứng tỏ, đúng là nó không thể duyên đến tự tánh. Vì sao? Đối với tự tánh, ắt phải buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, sẽ liền thấy tánh. Vì sao mê? Do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên quý vị mê. Nay quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, liền giác ngộ, liền kiến tánh. Do các khoa học gia, triết học gia chẳng buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, nên họ vĩnh viễn chẳng thấy chân thật, trong Phật pháp gọi [sự chân thật ấy] là *“Thật Tướng của các pháp”*, tức là họ chẳng thấy chân tướng của hết thảy các pháp. Vì lẽ đó, Phật pháp trở thành triết học tột đỉnh, khoa học tột đỉnh, đạo lý ở chỗ này! Chúng ta cũng nên đem tin tức này truyền đạt cho những nhà khoa học trên khắp thế giới biết tới: “Hy vọng quý vị giải quyết mục tiêu chung cực. Vạn pháp trong vũ trụ rốt cuộc là chuyện như thế nào [đã được giảng rõ] trong kinh Phật”, hy vọng họ sẽ quay lại tìm kiếm trong kinh Phật, họ sẽ tìm được.

Các tổng trì sâu vốn sẵn có trong tự tánh, chính là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. Trụ tam-ma-địa là tánh định trong tự tánh. Đối với chuyện thành Phật thì thành Phật chính là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ. Quý vị thấy trong Định, thường cúng vô lượng vô biên hết thảy chư Phật, đó là [tình hình] trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đức Phật dạy: Người trong thế giới Cực Lạc hằng ngày đến các thế giới phương khác cúng Phật, nghe pháp. Kinh Di Đà cho biết mỗi ngày họ đến cúng dường bao nhiêu đức Phật? Mười vạn ức! Trong chú giải, cổ đại đức cho biết: *“Mười vạn ức”* là biểu thị pháp. Vì sao nói là *“mười vạn ức”*? Trong kinh, đức Phật nói Tây Phương Cực Lạc thế giới cách thế giới Sa Bà chúng ta mười vạn ức cõi Phật, nơi ấy là thế giới Cực Lạc. Sở dĩ đức Phật nói như vậy, vì biết chúng ta rất lưu luyến thế giới Sa Bà, ở nơi này, người nhà, quyến thuộc, bạn bè rất đông, do ta một đi không trở lại, nên rất lưu luyến họ! Tình cảm con người đặt ở nơi đây, Thích Ca Mâu Ni Phật do biết rõ, nên nói gì? Khoảng cách là *“mười vạn ức cõi Phật”.* Nếu quý vị đến thế giới Cực Lạc, mỗi ngày đều có thể đến xem người nhà, quyến thuộc của quý vị, có ý nghĩa như vậy đó. Trên thực tế, không phải chỉ như vậy. Mười vạn ức quá ít, quý vị thấy ở đây nói là *“vô lượng, vô biên”*, há chỉ mười vạn ức! Do đó, trong kinh văn, chúng ta nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng rất lọt tai, Ngài luôn dẫn dụ chúng ta đến thế giới Cực Lạc, tốt lắm, hằng ngày đều có thể quay về xem, muốn lúc nào trở về xem bèn đến ngay lúc ấy, rất thuận tiện, có ý nghĩa như vậy đó. Nói “mười vạn ức”, trên thực tế là vô lượng vô biên hết thảy chư Phật. Quý vị thấy hoạt động to lớn ngần ấy, đến mười phương thế giới, hóa thân đến! Họ có thể hóa vô lượng vô biên thân, vô lượng vô biên chư Phật giảng kinh, thuyết pháp bên kia, họ đều tới đó, đích thân nghe, có bản lãnh ấy, phân thân mà! Cúng Phật là tu phước, nghe kinh là tu huệ, phước huệ song tu, nên đến thế giới Cực Lạc thành tựu rất mau, đạo lý ở chỗ này. Ở nơi đây, chúng ta tu phước và tu huệ đều hết sức khó khăn, chỉ có tạo nghiệp rất dễ dàng. Tu phước và tu huệ đều chẳng dễ dàng. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể tạo nghiệp nữa, chuyện quý vị làm mỗi ngày đều là tu phước, tu huệ. Phước huệ thảy đều tương ứng với tự tánh, chẳng lìa tự tánh. Quý vị thấy *“bất thất định ý”* (chẳng mất định ý), tuy hoạt động như vậy, họ vẫn chẳng khởi tâm động niệm y như cũ. *“Bất thất định ý”* chính là không khởi tâm, không động niệm, tuyệt lắm thay! Vì thế, chúng ta đọc những câu kinh văn này, biết chư Phật Như Lai chẳng nói dối. Câu nào cũng đều là chân thật, Như Lai là thật ngữ, chân ngữ, như ngữ, chúng ta chân thành ngưỡng vọng, tin tưởng, ngưỡng mộ, tin sâu chẳng ngờ, há lẽ nào chẳng vãng sanh? Cơ hội này trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, nay đã gặp. Cư sĩ Bành Tế Thanh nói nhân duyên rất khó gặp gỡ, ông ta nói *“một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay”.* Ngày nay chúng ta đã gặp, nếu đời này chẳng vãng sanh Tịnh Độ, quý vị thật sự sai lầm mất rồi!

*“Chân Giải viết”* (sách Chân Giải chép), đây là pháp sư Đạo Ẩn của Nhật Bản nói, *“Phổ đẳng tam-muội, viết thâm định môn. Thử tam-muội Di Đà trí nguyện chỉ sở thành”* (Phổ đẳng tam-muội gọi là “định môn sâu xa”. Môn tam-muội này do trí nguyện của Phật Di Đà thành tựu). Do trí huệ và bổn nguyện của A Di Đà Phật thành tựu. *“Thậm thâm vô nhai để, cố vân thâm Thiền Định”* (rất sâu không ngằn đáy, nên gọi là “Thiền Định sâu”). Nó khởi tác dụng, *“tất đổ châu biến, thị kỳ nghiệp dụng”* (ắt thấy trọn khắp, đó là nghiệp dụng của nó). Tiếp đó, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có giải thích, chúng ta hãy đọc tiếp: *“Do nguyện văn khả kiến, hội trung chư Bồ Tát giai mông Di Đà trí nguyện chi lực, nhân đắc văn Di Đà danh hiệu, giai đắc phổ đẳng tam-muội đẳng thậm thâm Thiền Định, cố mông nguyện lực gia trì, Định trung cúng vô lượng chư Phật. Ký vãng cúng Phật, tất định kiến Phật, cố vân tất đổ vô lượng chư Phật dã”* (Từ nguyện văn, có thể thấy các vị Bồ Tát trong hội đều nương nhờ sức trí nguyện của Phật Di Đà. Do được nghe danh hiệu của Phật Di Đà, nên đều đắc Thiền Định rất sâu như phổ đẳng tam-muội v.v… Vì thế, được nguyện lực gia trì, trong Định cúng dường vô lượng chư Phật. Do đã đến cúng Phật, nhất định là thấy Phật, vì thế nói là “ắt thấy vô lượng chư Phật”). Quý vị cúng dường Phật, đương nhiên thấy Phật. Lại còn chẳng phải là thấy một hai vị Phật! Trong thế gian này, chúng ta đáng thương quá, thấy một vị thiện tri thức còn chẳng dễ gặp. Vị thiện tri thức ấy là thật hay giả chẳng biết, muốn thấy một vị mà trọn chẳng thấy. Đến thế giới Cực Lạc, mỗi ngày thấy vô lượng vô biên chư Phật, phước báo ấy to cỡ nào! Tu phước báo làm đế vương trong nhân gian, làm thiên vương trên cõi trời, hoặc làm bậc đại phú trưởng giả trong cõi trời người, có của cải ngàn ức vạn ức, phước báo to lớn ngần ấy do tu từ đâu? Toàn là tu trong Phật môn, lìa khỏi Phật môn, làm sao quý vị có thể tu phước báo to lớn ngần ấy! Vì thế, ngạn ngữ mới nói: *“Người học Phật có phước báo”*. Ý nghĩa trong câu nói ấy rất sâu, rất dài, thật sự có phước báo. Trong thế gian này, nhân gian, cõi trời, đúng là chẳng phải bất cứ ai cũng có thể làm đế vương! Chẳng có đại phước báo, làm sao kẻ ấy có địa vị đó? Trong xã hội, địa vị của quý vị vượt trỗi phước báo, quý vị sẽ chẳng ngồi yên nơi địa vị ấy được! Trước khi tôi học Phật, từng phục vụ trong quân đội, tôi thấy một vị tướng quân, từ Thiếu Tướng được thăng lên Trung Tướng. Văn kiện đã phê chuẩn rồi, còn chưa công bố, nhưng tin tức từ những người thân cận của cấp trên đã lộ ra, chúc mừng người ấy: “Ông đã lên Trung Tướng”. Ông ta nghe tin, hết sức sung sướng, mời mọc thân thích, bạn bè đến dùng cơm. Bữa cơm ấy còn chưa ăn xong, ông ta chết gục trên bàn, chết ngay trên bàn ăn. Vì thế, người ta có thể đoán biết ông ta chẳng có vận mạng ấy. Quý vị thấy đó, một hai ngôi sao liền đè chết tươi. Thật đấy, chẳng giả đâu! Trong mạng chẳng có tài sản to lớn như vậy, đột nhiên phát tài, sẽ chuốc lấy tai họa. Chẳng mắc bệnh nặng thì cũng là chết bất ngờ, chết vì tai nạn, do quý vị chẳng có số hưởng!

Vì thế, người thật sự hiểu được đạo lý này, tâm bình lặng, điềm tĩnh, thật sự có thể *“chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời”*, vui sướng lắm, hạnh phúc lắm! Vì thế, tuyệt đối chẳng phải là cạnh tranh bèn có thể tranh được. Nếu thật sự có thể tranh được, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng cạnh tranh, Khổng lão phu tử cũng cạnh tranh, các Ngài đã từng nói, chẳng tranh được! Đã tranh không được thì ta cần gì phải bận lòng? Chẳng thà không tranh! Vì thế, xã hội hiện thời đề xướng cạnh tranh, hai chữ ấy hại chết người, hai chữ ấy khiến xã hội loạn lạc! Kẻ tranh được đều là vì trong mạng sẵn có. Trong mạng chẳng có, nghĩ bất cứ phương pháp gì để tranh, đều chẳng tranh được! Điều này chẳng sai tí nào! Quan sát cẩn thận hết thảy mọi người, mọi sự, mọi vật chung quanh ta, quý vị đều có thể thấy đạo lý này, chẳng giả tí nào! Do đó, một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định sẵn! Trong mạng đã định bèn có, trong mạng chẳng có, sẽ chẳng thể cầu được! Nhưng trong Phật môn đã nói: *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*. Cái *“có cầu ắt ứng”* là thứ mà trong mạng quý vị chẳng có. Thứ trong mạng quý vị chẳng có bèn có thể cầu từ trong Phật môn. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát ban cho quý vị! Quý vị phải hiểu: Phật, Bồ Tát dạy quý vị tu nhân, quý vị có thể tu nhân, quả báo liền hiện tiền. Phật, Bồ Tát dạy quý vị như vậy, chẳng phải là giả, chẳng phải là mê tín. Người phát tài thì tài do đâu mà có? Tài do bố thí mà có, càng thí càng nhiều. Kẻ chẳng chịu tu tài bố thí, tiền tài trong mạng hữu hạn. Bố thí vô hạn lượng sẽ đạt được chẳng hạn lượng, cũng chẳng giả tí nào. Pháp bố thí được thông minh trí huệ, vô úy bố thí được khỏe mạnh, sống lâu. Trong kinh giáo đã nói những điều này rất rõ ràng, rất minh bạch. Quý vị có thể tu ba thứ bố thí ấy, ba thứ quả báo quý vị đều đạt được. Ông tu, ông đắc, bà tu, bà đắc, không tu, không đắc, quý vị phải thật sự hành.

Vì thế, đối với các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị hãy quan sát cẩn thận: Thế giới ấy rất đặc thù, thế giới ấy chẳng phải là một quốc gia. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có quốc vương, chẳng có tổng thống, cũng chẳng nói chỗ nào có thị trưởng đô thành chi cả, đều chẳng có! Thế giới ấy rất ư là lớn, to hơn địa cầu của chúng ta rất nhiều. Trên tinh cầu ấy, chỉ có hai hạng người: Một là thầy, hai là trò. A Di Đà Phật là thầy, nhũng người khác đều là trò. Nói rõ điều gì? Phật giáo là giáo học. Quả thật, có thể nói Tây Phương Cực Lạc thế giới là một đại học Phật giáo do hết thảy chư Phật chung sức tạo lập, A Di Đà Phật là hiệu trưởng, mười phương chư Phật Như Lai đều là giáo sư trong thế giới Cực Lạc. Học sinh thường được bổn nguyện và oai thần của Phật Di Đà gia trì, ai nấy đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là từ Thất Địa trở lên. Quý vị thấy trong thế giới Cực Lạc lên lớp dễ dàng. Chư Phật đến đó, hoặc quý vị muốn đến theo học với các Ngài trong các thế giới chư Phật ở phương khác, rất đơn giản, mỗi ngày đều có thể đi, chẳng cần đến phương tiện giao thông, chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có máy bay, có xe hơi, chẳng nghe thấy, họ đi bằng cách nào? Ý niệm vừa nghĩ thì đã đến nơi rồi. Vì sao? Thế giới Cực Lạc chẳng có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có không gian là chẳng có khoảng cách, dẫu quốc độ xa xôi cách mấy, vừa động niệm bèn ở ngay trước mặt, đã đến nơi rồi! Do chẳng có thời gian, nên họ có thể trở lại quá khứ, mà cũng có thể tiến nhập vị lai, mấy ngàn năm hay mấy vạn năm trong vị lai đều có thể tiến nhập. Quá khứ mấy ngàn năm, mấy vạn năm đều có thể quay trở lại, trở lại được, đều có thể đến hiện trường, thù thắng dường ấy! Hãy nhớ, có đôi chút tham luyến thế giới này, quý vị sẽ chẳng đi được! Thế gian này rất đáng sợ, thứ gì cũng đều giống như đất sét, dính một chút chẳng bỏ đi được, đời đời kiếp kiếp phải luân hồi, đáng thương thay! [Chúng sanh trong thế gian này] là những kẻ đáng thương xót! Phải đoạn sạch tham, sân, si, mạn, nghi, những thứ ấy là chướng ngại, là giả, chẳng thật, đều do hiểu lầm tạo thành, chẳng thật. Thấy Phật là đại phước báo, phước huệ đầy đủ.

*“Hựu Bát Châu kinh vân: Thị Bồ Tát bất trì Thiên Nhãn triệt thị, bất trì Thiên Nhĩ triệt thính, bất trì Thần Túc đáo kỳ Phật sát, bất ư thử gian chung, sanh bỉ gian, tiện ư thử tọa kiến chi”* (Lại nữa, kinh Bát Châu nói: “Các vị Bồ Tát ấy không dùng Thiên Nhãn mà thấy thấu suốt, chẳng dùng Thiên Nhĩ mà nghe thấu triệt, chẳng dùng Thần Túc mà đến cõi Phật ấy, chẳng chết nơi cõi này, sanh sang cõi kia, mà là ngồi ở nơi đây trông thấy”). Chúng ta xem trước mấy câu do đức Thế Tôn đã nói trong kinh Ban Châu. *“Thị Bồ Tát”* là các vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc, các Ngài chẳng cần dùng Thiên Nhãn mà thấy thấu suốt.*“Triệt thị”* (徹視): *“Triệt”* là triệt để, chẳng có gì không nhìn thấy, mười phương sát độ vi trần thế giới các Ngài đều thấy, chẳng cần dùng Thiên Nhãn. Thật ra là dùng gì? Các Ngài dùng Phật Nhãn để thấy, các Ngài đều đã thành Phật, A Duy Việt Trí Bồ Tát là Phật. Kinh Đại Thừa nói *“ngũ nhãn viên minh”*, có thể thấy thấu triệt, nghe thấu suốt. Dao động tột bậc vi tế, các Ngài đều cảm nhận rất rõ ràng. Những dao động vi tế ấy là nguyên khởi của vũ trụ. Di Lặc đã nói *“trong một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm”*, một cái khảy ngón tay đấy nhé! Khoa học hiện thời dùng giây làm đơn vị, trong một giây có bao nhiêu niệm? Một ngàn sáu trăm triệu, quý vị nói xem có vi tế lắm hay không? Các Ngài có thể thấy, có thể nghe! Chẳng cần dùng Thần Túc Thông, A La Hán đều dùng Thần Túc Thông, [các vị Bồ Tát trong cõi Cực Lạc] không cần. Vì sao không cần? Tôi vừa mới nói đấy thôi, thời gian và không gian chẳng có! Thời gian và không gian chẳng có, nên trong Tam Thời Hệ Niệm, thiền sư Trung Phong đã nói: *“Phương này chính là Tịnh Độ”*. Tịnh Độ là thế giới Cực Lạc, cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật, ở chỗ nào? Ở ngay nơi đây! “Không gian chẳng có” tức là chẳng có xa, gần, mười phương cõi nước của chư Phật ở chỗ nào? Ở ngay trong hiện tại. Người nào có thể thấy? Người minh tâm kiến tánh trông thấy, người niệm Phật đến Lý nhất tâm bất loạn trông thấy. Lý nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh, cũng là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” như trong tựa đề kinh đã nói thì mới có thể thấy, chứ “thanh tịnh, bình đẳng” chưa thấy! Phía sau [thanh tịnh và bình đẳng] phải có Giác, giác ấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Người ấy đã thấy, toàn bộ các chiều không gian [sai khác] chẳng còn nữa! Chẳng có một pháp nào không do tự tánh biến. Chỉ cần quý vị kiến tánh, quý vị tìm được căn nguyên của hết thảy các pháp, sẽ đắc đại tự tại trong hết thảy các pháp, chẳng có chút chướng ngại nào. Vì thế, chẳng chết nơi đây, sanh nơi kia, A La Hán là như vậy. Diệt độ ở nơi này, sanh ở nơi kia, [đó là] linh hồn đầu thai! Chết ở nơi này, lại đầu thai để sanh nơi kia, chỗ này chết, chỗ kia sanh. Bồ Tát trong cõi Cực Lạc chẳng cần, chẳng có lắm nỗi phiền phức như vậy, ngồi ở nơi đây, mà thứ gì cũng đều hiểu rõ ràng, chẳng có gì không hiểu rõ. Đó là hoàn cảnh trong thế giới Cực Lạc.

Chúng ta lại xem tiếp phần sau: *“Phật ngôn: Bồ Tát ư thử gian quốc độ”* (Phật dạy: “Bồ Tát trong cõi nước nơi đây”). Thích Ca Mâu Ni Phật bảo chúng ta: Những vị Bồ Tát ấy là ai? Chính là nói đến chúng ta, nay chúng ta vừa mới phát Bồ Đề tâm, phát Bồ Đề tâm là Bồ Tát; nhưng chính mình phải khiêm hư một chút, chớ nên rất ngạo mạn. Quý vị vừa là Sơ Phát Tâm Bồ Tát, hễ ngạo mạn bèn chẳng còn là Bồ Tát nữa, lại biến thành phàm phu. Quý vị thấy *“phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm”*,quý vị ở trong cõi nước nơi đây *“niệm A Di Đà Phật, chuyên niệm cố đắc kiến chi”* (niệm A Di Đà Phật, do chuyên niệm nên trông thấy). Nói thật ra, A Di Đà Phật thấy chúng ta, chúng ta chẳng thấy Ngài. Vì sao Ngài thấy chúng ta? Vì tâm Ngài thanh tịnh, tâm Ngài là thanh tịnh, bình đẳng, giác, nên thấy chúng ta rành rẽ, rõ rệt. Chúng ta niệm Ngài, vì sao chẳng thấy Ngài? Trong tâm chúng ta vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên tuy chúng ta niệm Ngài, vẫn chẳng có cách nào thấy Ngài. Đến lúc nào mới có thể thấy Ngài? Chúng ta có thể buông phân biệt, chấp trước xuống liền trông thấy. Chẳng cần vọng tưởng. Nếu buông vọng tưởng xuống, sẽ dung hợp thành một Thể với Phật. Chỉ cần buông phân biệt, chấp trước xuống, quý vị liền thấy A Di Đà Phật. Vì thế, chỉ cần chúng ta chuyên niệm. Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói rất rõ ràng: *“Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”. “Hiện tiền”* là hiện tại, trong đời này thấy A Di Đà Phật, trong tương lai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp mặt hằng ngày, vĩnh viễn sống cùng nhau, trong tâm quyết định chẳng dấy lên phiền não, đó là thế giới thanh tịnh, đó là thế giới Cực Lạc.

Tiếp theo đó: *“Tức vấn”* (liền hỏi), chẳng phải là quý vị đã thấy rồi hay sao? Quý vị hỏi A Di Đà Phật, *“trì hà pháp đắc sanh thử quốc?”* (trì pháp gì bèn được sanh về cõi này), tu pháp môn gì mới có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới? *“A Di Đà Phật báo ngôn: Dục lai sanh giả, đương niệm ngã danh”* (A Di Đà Phật bảo: “Kẻ muốn sanh về đó, hãy nên niệm danh hiệu ta”). Chẳng phải là quý vị muốn đến đó ư? Niệm danh hiệu A Di Đà Phật có thể đến đó, dạy chúng ta trì danh niệm Phật. Nếu quý vị thật sự muốn vãng sanh, hãy dẹp trừ tạp niệm trong tâm quý vị. Nếu nay trong tâm trừ ý niệm A Di Đà Phật ra, niệm gì cũng đều chẳng có, khi nào quý vị có thể vãng sanh? Một ngày bèn có thể vãng sanh. Kinh Di Đà nói *“hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày”* cho đến *“hoặc bảy ngày”*. Cũng có thể nói là khi nào quý vị niệm đến mức trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, ý niệm gì cũng đều chẳng có, khi ấy là lúc quý vị sanh về thế giới Cực Lạc. Chẳng khó! Ta bèn nghĩ, Căn Bản Giới ta còn chưa tu, làm sao có thể vãng sanh cho được? Có thể! Vì sao có thể? Đạo Cộng Giới! Trong một câu A Di Đà Phật, Giới, Định, Huệ thảy đều đầy đủ. Quý vị nghĩ xem, trong tâm quý vị toàn là A Di Đà Phật, có còn tạo giết, trộm, dâm nữa chăng? Chẳng thể nào! Gọi là Đạo Cộng Giới, một câu A Di Đà Phật, pháp gì cũng đều viên mãn. Đạo lý là như vậy đó.

Nay lại khuyên quý vị phải đặt vững ba căn là vì lẽ nào? Hiện thời, quý vị chưa đạt được công phu ấy, chưa buông xuống được! Quý vị không buông xuống được thì phải giữ quy củ. Ba căn cội ấy là quy củ căn bản, nhất định phải giữ cho tốt. Nếu trong tâm quý vị nhất tâm niệm Phật, chỉ có một câu Phật hiệu, vậy thì thứ gì quý vị cũng chẳng cần! Bởi lẽ đó, công phu tốt đẹp, một ngày bèn thành công. Nghiệp chướng sâu nặng, khẳng định bảy ngày bèn thành công. Từ vô thỉ kiếp đến nay, nghiệp chướng gì đi nữa, một câu A Di Đà Phật hoàn toàn tiêu sạch. Vấn đề là quý vị có thật sự hành hay không? Thật sự hành sẽ thật sự hữu hiệu, quyết định chẳng giả. Do đó, tai nạn xảy đến, có thể vãng sanh hay không? Có thể! Một tí hoài nghi cũng chẳng có! Quý vị hãy ngẫm xem, do công phu một ngày bèn có thể vãng sanh, quý vị có chịu làm hay không? Vì sao muốn làm, nhưng lại chẳng làm được? Chẳng làm được là gì? Quý vị chẳng đúng pháp. Nếu niệm Phật mà chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, quý vị có thể đạt được chẳng gián đoạn. Quý vị có hoài nghi, còn có xen tạp, công phu của quý vị chẳng thuần, không phải là Phật hiệu chẳng linh, mà vấn đề xuất hiện từ chính quý vị, chẳng do phương pháp. Đạo lý và phương pháp vĩnh hằng bất biến, quý vị phải hiểu rõ ràng, minh bạch, chuyện này quá quan trọng, là mấu chốt thành bại trong một đời này!

*“Thị dĩ Niệm Phật tam-muội, xưng vi Bảo Vương tam-muội”* (Do vậy, Niệm Phật tam-muội được gọi là Bảo Vương tam-muội), trong kinh nói *“Niệm Phật tam-muội, tam-muội trung vương”* (Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội). Đó là Bảo Vương tam-muội. Pháp môn Niệm Phật thù thắng, chẳng có pháp môn nào có thể sánh bằng, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn và độn căn. Thiền tiếp dẫn bậc thượng thượng căn, Tịnh Độ tiếp dẫn, thâu nhiếp từ thượng thượng căn đến hạ hạ căn, chẳng như Thiền. Thiền chỉ thâu nhiếp thượng thượng căn, chứ thượng, trung, hạ căn đều chẳng có phần. Tịnh Tông chẳng như vậy. Chỉ cần quý vị chịu niệm, giống như trong kinh này đã dạy, quý vị thấy ba bậc vãng sanh đều là cùng một câu nói: *“Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm”.* Chẳng tu pháp môn Tịnh Độ, mà tu các pháp môn khác, nhưng khi lâm chung, chính mình đem công đức đã tu hành hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, cũng có thể vãng sanh, pháp môn này to tát quá! Chẳng có phân biệt! Từ câu kinh văn này, chúng ta có thể thấu hiểu, tu các tôn giáo khác có vãng sanh được không? Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo có thể vãng sanh hay không? Có thể! Cùng một đạo lý! Quý vị đem công đức đã tu hành hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, bèn có thể vãng sanh. Nho gia thì sao? Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức đều tu rất khá, ta đem công đức ấy hồi hướng niệm Phật cầu vãng sanh có được không? Được chứ! Pháp môn này quá lớn! Chẳng có bất cứ điều kiện gì, chỉ cần là hết thảy thiện pháp, chẳng có một ai không vãng sanh! Thậm chí làm ác pháp như thế nào đi nữa, chỉ cần quý vị buông hết ác niệm xuống, thật sự sám hối, sửa đổi tu thiện, một niệm hay mười niệm vẫn vãng sanh. *“Buông dao đồ tể xuống, ngay lập tức thành Phật”*, người ấy là đại thiện nhân, là thượng thiện, triệt để sám hối. Con người tánh vốn lành, buông xuống tập tánh, bổn thiện hiện tiền. Bổn tánh hiện tiền, lẽ nào người ấy chẳng vãng sanh? Người ấy vốn là Phật, lẽ nào không vãng sanh?

Vì thế, chúng ta hiểu rõ ràng, rành rẽ đạo lý này thì mới có thể đoạn hết hoài nghi, mối nghi trong tham, sân, si, mạn, nghi liền đoạn hết, tín tâm vẹn mười! Nếu quý vị chẳng hiểu rõ ràng, rành rẽ đạo lý, quả thật, nỗi nghi sẽ sanh ra chướng ngại rất lớn. Do đó, đức Phật xếp chữ Nghi này vào loại Căn Bản phiền não; quý vị thấy sau tham, sân, si, mạn là nghi. Phiền não là gì? Chướng ngại! Chướng ngại quý vị kiến tánh, chướng ngại quý vị thành Phật, chướng ngại quý vị khai ngộ, chướng ngại quý vị niệm Phật vãng sanh, quý vị nói xem có phiền toái lắm hay chăng? Vì thế, chúng ta học Phật phải dụng công trong lúc bình thường, tức là *“phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm”*. Bồ Đề tâm là tâm gì? Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, khởi tâm động niệm quyết định tương ứng với những điều ấy, quý vị sẽ là *“trụ Bồ Đề tâm”*. Trái nghịch những thứ ấy, Bồ Đề tâm của quý vị chẳng phát ra được! Chẳng phát Bồ Đề tâm, niệm Phật sẽ chẳng thể vãng sanh, niệm Phật chỉ là gieo căn lành! Thật sự niệm Phật vãng sanh, Bồ Đề tâm nhất định trọn đủ, chớ nên không hiểu đạo lý này. Biết pháp môn này thù thắng ở chỗ nào? Thật sự đảm bảo chúng ta thành tựu viên mãn trong một đời này! Vì thế, dũng mãnh tinh tấn chẳng có gì khác! Dũng mãnh tinh tấn là triệt để buông xuống, khởi tâm động niệm chẳng vì chính mình nữa! Vì chính mình là gì? Vì chính mình tức là quý vị tham luyến luân hồi, vẫn chẳng nỡ rời khỏi lục đạo luân hồi, quý vị vì bản thân!

Chúng ta muốn sanh về Tây Phương Tịnh Độ, đầu tiên là phải buông chính mình xuống, chẳng cần cái thân này, chẳng còn chấp trước cái thân này là ta nữa, phải buông những thứ ấy xuống. Chẳng buông những thứ ấy xuống, đời đời kiếp kiếp niệm Phật vẫn chẳng vãng sanh, vì nguyên nhân nào? Chính vì đạo lý này: Đời đời kiếp kiếp chẳng chịu bỏ Ngã! Chỉ cần có Ngã, cả một đống lớn phiền toái ùa tới, người nhà, quyến thuộc, đất đai, nhà cửa, tài sản của ta, phiền toái lắm! Toàn là của quý vị, nên thứ gì cũng đều chẳng bỏ được, những thứ ấy có mang theo được hay không? Quý vị hãy ngẫm xem, ngay cả cái thân còn chẳng mang theo được, huống hồ vật ngoài thân? Do đó, người niệm Phật thường phải có tâm thái: Ta đến thế gian này là lữ du, nơi ta trụ trong thế gian này là quán trọ, sau hai ngày bèn rời đi, thứ gì cũng chẳng phải là của ta, ta chẳng mảy may lưu luyến nó. Ta trụ một ngày, bèn dùng một ngày, dùng rất tự tại, dùng rất thoải mái, hôm sau ra đi, chẳng có ý niệm gì cả! Thật vậy, đến trụ trong khách sạn, lữ du, đến nơi đây vãn cảnh, khảo sát, xem xét thế giới này, tăng trưởng trí huệ, tăng trưởng tam-muội. Thấy thế giới này tình trạng ra sao, quý vị bèn hiểu, đó là tăng trưởng trí huệ. Sau khi đã thấy, như như bất động, đó là công phu định lực. Chẳng có thứ gì muốn chiếm hữu, chẳng có thứ gì suy lường, cũng chẳng có thứ gì mong khống chế, ý niệm gì cũng đều chẳng có, người ấy vãng sanh rất dễ dàng, trong Phật môn, người ấy được gọi là *“người có đại thiện căn”.* Cái này cũng muốn, cái kia cũng muốn, người ấy chẳng có thiện căn, chẳng có phước đức. Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật đã khai thị như vậy, đâu đâu cũng đều có thể thấy.

Vì thế, ở đây, cụ Niệm Tổ nói Niệm Phật tam-muội là Bảo Vương tam-muội, *“thậm thâm Thiền Định, tất đổ chư Phật, đô tiêu quy Niệm Phật tam-muội dã”* (Thiền Định rất sâu, ắt thấy chư Phật, đều quy về, hòa lẫn trong Niệm Phật tam-muội). Dẫu nói nhiều đến mấy đi nữa, vẫn chẳng lìa khỏi Niệm Phật, vì sao? Niệm Phật là căn bản của căn bản. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng. Tâm hiện, thức biến”.* Đức Phật đã dạy chúng ta tổng cương lãnh, tổng nguyên tắc, nên niệm Phật bèn thành Phật, sanh từ tâm tưởng mà! Ta niệm Phật chẳng thành Phật, [là vì] ta niệm Phật đã xen tạp những thứ bẩn thỉu trong ấy. Xen tạp tự tư tự lợi, xen tạp danh văn, lợi dưỡng, xen tạp tham, sân, si, mạn, nên quý vị công phu chẳng đắc lực. Nếu trong câu Phật hiệu của quý vị chẳng có hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, lẽ đâu chẳng thành công? Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta *“nhiếp trọn sáu căn”*, nhiếp trọn sáu căn là chẳng xen tạp, không hoài nghi. Không hoài nghi là nhiếp ý căn, không xen tạp là nhiếp năm căn trước, tức mắt, tai, mũi, lưỡi và thân. Công phu tinh thuần, hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn! Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Niệm Phật là niệm như thế đó! Nhà Phật trọng thực chất, chẳng đặt nặng hình thức, hình thức chẳng quan trọng! Thực chất là gì? Tương ứng là thực chất, tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác, tương ứng với nhiếp trọn sáu căn, tương ứng với tịnh niệm tiếp nối, người ấy được gọi là biết niệm, thật sự niệm Phật, biết niệm Phật.

Do đó, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sau khi quý vị thật sự hiểu rõ, liền biết thật sự dễ dàng, chẳng khó tí nào, mấu chốt là buông xuống! Vì sao nó trở nên khó khăn, chẳng nắm chắc như thế? Biến thành khó khăn dường ấy, có kẻ niệm suốt đời, nhưng chẳng nắm chắc vãng sanh? Chẳng nắm chắc là nói thật, chẳng giả. Vì sao chẳng nắm chắc? [Do] trong câu Phật hiệu có xen tạp, có hoài nghi. Có nỗi hoài nghi “ta có thể vãng sanh hay không?” Có nỗi hoài nghi ấy! Làm thế nào để trừ mối nghi ấy? Làm thế nào để trừ xen tạp? Biện pháp duy nhất là nghe giáo, nghe kinh. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, nhằm dạy chúng ta đoạn nghi hoặc, đoạn xen tạp. Kinh giáo giảng điều gì? Giảng rõ ràng, minh bạch chân tướng sự thật. Quý vị cũng thật sự hiểu rất rõ ràng, minh bạch, bèn triệt để buông xuống. Vì sao? Biết những thứ ta ưa thích là rỗng tuếch, đúng như kinh Đại Bát Nhã đã nói: *“Hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được”*, ngay cả thân thể cũng trọn chẳng thể được! Thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, cũng chẳng còn dấy vọng niệm, công phu của quý vị liền thuần, niệm Phật đắc lực, chẳng cần lâu lắc, quý vị niệm Phật bảy ngày liền cảm thấy khác hẳn. Lại hỏi quý vị có nắm chắc vãng sanh hay không? Quý vị có thể dám nói “ta nắm chắc vãng sanh”.

*“Thị cố trì danh công đức bất khả tư nghị, Nhất Thừa nguyện hải bất khả tư nghị”* (Vì vậy, công đức trì danh chẳng thể nghĩ bàn, Nhất Thừa nguyện hải chẳng thể nghĩ bàn). Công đức trì danh là tu nhân, Nhất Thừa nguyện hải là quả báo, nhân và quả đều chẳng thể nghĩ bàn! Hiện thời, thế giới có nhiều tai nạn ngần ấy, người học Phật nghe những tin tức ấy, có bị ảnh hưởng hay không? Người thật sự niệm Phật chẳng bị ảnh hưởng mảy may! Nghe tin tức ấy, người đó lập tức buông xuống, nghiêm túc niệm Phật, biết chúng ta nay đang ở cùng một chỗ, [ắt phải chia sẻ] cộng nghiệp! Nếu ta có phần trong cộng nghiệp, ta cũng có thể vãng sanh trong cộng nghiệp. Đó là chuyện tốt, ra đi sớm mà! Cộng nghiệp là mọi người gặp nạn, nhưng mỗi người đi đến mỗi nơi khác nhau. Người nhất tâm niệm Phật đến Tịnh Độ, đến thế giới Cực Lạc, người tâm địa thiện lương sanh lên trời, đến thiên đạo, kẻ tạo tác bất thiện vào trong ba ác đạo. Mỗi người đến một nơi khác nhau, rất công bình, chẳng có mảy may oan uổng. Người học Phật hiểu rõ ràng, minh bạch *“nhân như thế nào, quả như thế ấy”*, đều bày ra trước mặt, chính mình hiểu rõ ràng, rành rẽ, như như bất động. Hiểu rõ ràng, rành rẽ là trí huệ, như như bất động là tam-muội, quý vị nói có tự tại lắm hay không, có hạnh phúc lắm hay không, viên mãn dường ấy! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học đến đây!

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 63**

# Tập 127

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi sáu, xem từ hàng thứ tư.

*“Ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ”* (Trong khoảng một niệm, dạo khắp hết thảy các cõi Phật), câu này là kinh văn. Kế đó là lời giải thích: *“Nhất niệm, chỉ cực đoản xúc chi thời khắc, đản kỳ thời hạn, chư thuyết bất nhất”* (Chữ “một niệm” chỉ thời khắc hết sức ngắn ngủi, nhưng thời hạn ấy có nhiều thuyết [giải thích] khác nhau). Chữ *“nhất niệm”* được kinh nói đến rất nhiều, nhưng giải thích khác nhau. Chúng ta biết thuở đức Phật tại thế, Ngài giảng kinh, thuyết pháp có nguyên tắc. Nguyên tắc chung là “chẳng rời khỏi Nhị Đế”, Nhị Đế là Chân Đế và Tục Đế. Cái gọi là Chân Đế chính là nương theo cảnh giới do Phật đã chứng để nói, đó là Chân Đế. Loại thứ hai (Tục Đế) là tùy thuận bọn chúng sanh chúng ta, thuận theo cõi tục, nên gọi là Tục Đế, nghĩa là thuận theo kiến thức thông thường của chúng ta để nói, rất dễ hiểu, chúng ta vừa nghe bèn hiểu ngay. *“Nhất niệm khoảnh”* (trong khoảng một niệm) thì quả thật cũng có Chân Đế và Tục Đế, nên sẽ có các cách nói khác nhau. Tục Đế là lục đạo, mười pháp giới. Nói cách khác, nếu chúng ta giảng [Tục Đế] theo mỗi pháp giới thì tối thiểu có mười cách giảng. Đối với mười cách giảng ấy, chẳng thể nói cách nào sai, mà cũng chẳng thể nói cách nào hoàn toàn đúng; chúng ta phải hiểu đạo lý này! Một niệm, nếu dựa theo cuộc đối thoại giữa Di Lặc Bồ Tát cùng Thích Ca Mâu Ni Phật, hãy nên biết [những điều được nói trong cuộc đối thoại ấy] là Chân Đế, thời gian một niệm dài bao lâu? Là một phần trong một ngàn sáu trăm triệu phần của một giây, cũng tức là một phần ngàn sáu trăm triệu giây. Đúng là thời khắc vô cùng ngắn ngủi, kinh Phật dạy như vậy. Những cách giải thích khác cũng đều xuất phát từ kinh Phật. *“Như Nhân Vương Bát Nhã”*, [nghĩa là] theo như kinh Nhân Vương Bát Nhã giảng, *“dĩ cửu thập sát-na vi nhất niệm”* (coi chín mươi sát-na là một niệm), tức là một niệm có chín mươi sát-na. *“Nhất niệm trung chi sát-na, kinh cửu bách sanh diệt”* (trong một sát-na của một niệm, trải qua chín trăm lần sanh diệt), kinh Nhân Vương nói như vậy. Kinh Nhân Vương chẳng phải chỉ có một bản dịch [[6]](#footnote-7)[1]. Theo bản chúng ta thường đọc là Nhân Vương Bát Nhã Ba La Mật Kinh có cách nói như thế này: Trong một cái khảy ngón tay có chín mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Theo cách nói này, chín mươi sát-na là một niệm, trong một niệm có chín trăm lần sanh diệt, tức là một niệm có chín mươi sát-na. Cách này không nói theo [thời gian] khảy ngón tay, [trong các] kinh [khác] cũng nói theo cách khảy ngón tay. Lại nữa, trong quyển thượng của bộ Vãng Sanh Luận Chú, *“dĩ bách nhất sanh diệt vi nhất sát-na”* (coi một trăm lần sanh diệt là một sát-na), trong một sát-na có một trăm lần sanh diệt. *“Lục thập sát-na danh vi nhất niệm”* (Sáu mươi sát-na được gọi là một niệm), [khoảng thời gian] ấy được gọi là *“niệm khoảnh”*. *“Lưỡng giả quân dĩ nhất niệm trung cụ đa sát-na dã, đản Trí Độ Luận dĩ nhất đàn chỉ khoảnh hữu lục thập niệm, Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký thập bát”* (hai thuyết này đều coi một niệm gồm nhiều sát-na, nhưng Trí Độ Luận nói trong khoảng thời gian khảy ngón tay có sáu mươi niệm. Quyển thứ mười tám sách Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký), tức là quyển thứ mười tám, *“vị sát-na tư vân niệm khoảnh, nhất đàn chỉ khoảnh hữu lục thập sát-na”* (nói một sát-na được gọi là “niệm khoảnh”, trong khoảng một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na). Hai bộ luận này đều coi một niệm là một sát-na. Do đó, đối với chuyện này, kinh luận có nhiều cách giảng, đó là giảng giải thuận theo thế tục.

Nói theo Chân Đế, chúng tôi nghĩ điều được nói trong kinh Bồ Tát Xử Thai [[7]](#footnote-8)[2] phải là thật, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng học điều này. Đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, *“tâm hữu sở niệm”,* tức là nói đến một niệm, phàm phu, tức phàm phu trong lục đạo, hễ trong tâm dấy lên một niệm, trong một niệm ấy, đức Phật hỏi *“hữu kỷ niệm, kỷ tướng, kỷ thức?”* Hỏi rất cặn kẽ, trong một niệm ấy có mấy tướng, mấy thức? Di Lặc Bồ Tát trả lời: *“Nhất đàn chỉ hữu tam thập nhị ức bách thiên niệm”* (trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm), nay chúng ta nói ba mươi hai ức trăm ngàn là ba trăm hai mươi triệu, trong một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu tế niệm. *“Niệm niệm thành hình”*, *“hình”* (形) là tướng. Đức Phật hỏi *“mấy thức”*, ngài Di Lặc đáp là *“hình”*, hình là tướng, là hiện tượng vật chất. Ngài nói mỗi niệm có hình, niệm niệm đều có hình. *“Hình giai hữu thức”* (hình đều có thức), Thức là gì? Thức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Kinh Phật nói tới Ngũ Uẩn thì *“hình”* là Sắc Uẩn, trong Sắc có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nói cách khác, Ngũ Uẩn vĩnh viễn chẳng tách rời nhau, chẳng thể nào tồn tại độc lập, mà luôn hòa hợp thành một Thể, thời gian [chúng tồn tại] lại còn vô cùng nhanh chóng. Quý vị thấy một cái khảy ngón tay là ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, cách nói này rất gần gũi với cách nói của Lượng Tử Lực Học trong hiện thời. Tôi nghĩ trong một giây có người khảy nhanh hơn tôi, nếu một giây có thể khảy năm lần, [tức là] khảy ngón tay năm lần trong một giây, sẽ là như tôi đã nói trước đó: Một ngàn sáu trăm triệu, trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm. Hãy nhớ, mỗi niệm đều có hiện tượng vật chất, đều có hiện tượng tinh thần. Vậy thì vật chất rốt cuộc là như thế nào? Các nhà Lượng Tử Lực Học hiện đại đã nói: Trên thực tế, về căn bản là không có những thứ vật chất! Hiện tượng vật chất là gì? Hiện tượng vật chất là ý niệm, trong khoảng một niệm, ở đây gọi là một *“niệm khoảnh”*, tích lũy lại! Quý vị thấy trong một giây có bao nhiêu niệm? Một ngàn sáu trăm triệu, tích lũy nhiều ngần ấy trong đấy, quý vị thấy dường như có hiện tượng vật chất tồn tại, nhưng trên thực tế, nó là một hiện tượng dao động vô cùng nhanh chóng. Hiện tượng vật chất rất phức tạp, các nhà khoa học đã chia chúng thành ba loại lớn, vật chất có thể đặc, thể lỏng [và thể hơi]. Lấy nước làm tỷ dụ, nước là chất lỏng. Dưới không độ, nó có thể đóng băng, biến thành chất rắn. Ở nhiệt độ cao, nó có thể biến thành hơi nước, biến thành thể hơi. Khoa học cho biết: Do tần số dao động chậm, nên biến thành chất rắn, nhanh hơn một chút biến thành chất lỏng, nhanh hơn nữa biến thành chất hơi; càng nhanh hơn nữa, liền biến thành sóng điện từ. Vô lượng vô biên các hiện tượng trong vũ trụ, các hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần toàn là do tần số dao động khác nhau mà hiển hiện những thứ ấy. Cách giảng về *“Thật Tướng của các pháp”* trong khoa học hết sức gần với kinh Phật. Kinh Phật nói: *“Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, chẳng thật, không có thứ gì là thật! Hiện tượng vật chất chẳng thật, hiện tượng tinh thần cũng chẳng thật, đều sanh từ tâm tưởng. Khoa học hiện tại nói đến “tâm thái”, các hiện tượng sanh từ tâm thái là như thế đó. Vì vậy, “niệm” là cội nguồn của tất cả hết thảy các pháp, chúng đều sanh từ niệm. Ý niệm thiện thì chẳng có pháp nào không tốt đẹp. Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật được nói trong kinh Hoa Nghiêm đều do thiện niệm thanh tịnh hiển hiện.

Đối với địa cầu chúng ta đang sống trong hiện tại, tuy chúng ta chẳng thấy thời đại thượng cổ, nhưng thật ra, chúng ta đã từng trải qua. Khổng phu tử thường tán thán, hoài niệm thời bình trị của cổ thánh tiên vương thuở thượng cổ, tức là thời bình trị đại đồng! Đại đồng chẳng phải là chuyện lý tưởng, thời Nghiêu - Thuấn đã làm được, sử sách Trung Quốc đã chép như vậy. Khổng Tử sống vào đời Châu, từ giữa đời Châu trở đi, nhà Châu suy vi, từ đại đồng đã biến thành “tiểu khang” [[8]](#footnote-9)[3]. Khổng Tử sống trong thời đại tiểu khang, Ngài thường thường hoài niệm thời đại thịnh trị “đại đồng” thời Nghiêu - Thuấn. Người trong thuở đại đồng thịnh trị chỉ có tâm yêu thương, chẳng có tâm riêng tư. Người thuộc các tầng lớp, các ngành nghề biết giúp đỡ người khác, đều biết phục vụ người khác, đó là thời “đại đồng thịnh trị”! Thời đại tiểu khang bèn vì chính mình, nhưng vì chính mình mà cũng vì người khác, xã hội thời đó tốt đẹp! Cho tới hiện tại đã hơn hai ngàn năm trăm năm, lấy Khổng Tử để nói thì hai ngàn năm trăm năm trước, thời Khổng Tử là thời tiểu khang. Đại khái là tại Trung Quốc, mấy ngàn năm qua, đều duy trì cục diện tiểu khang như vậy. Vào những năm cuối đời Mãn Thanh, chẳng còn thấy [tình trạng] tiểu khang nữa, đời loạn xuất hiện, xã hội hỗn loạn. Cho đến hiện tại, cục diện hiện thời đã loạn lạc đến tột bậc. Có thể hóa giải những tai ương, loạn lạc hay không? Các tai biến trên địa cầu, xã hội hỗn loạn, có thể hóa giải hay không? Có thể khôi phục thuở tiểu khang hoặc thời “đại đồng thịnh trị” trước kia hay chăng? Câu trả lời là khẳng định, có thể! Đều do con người! *“Nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú”*, nghĩa là con người khác cầm thú ở chỗ con người có thể tiếp nhận giáo dục, chứ cầm thú khó lắm! Con người có thể giác ngộ!

Báo độ của chư Phật Như Lai đều là đại đồng thịnh trị. Người niệm Phật chúng ta tâm luôn hướng tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là thế giới của A Di Đà Phật, thế giới ấy là thế giới đại đồng, xã hội ấy là đời thịnh trị đại đồng, còn thù thắng hơn những điều được nói trong thiên sách Lễ Vận Đại Đồng [[9]](#footnote-10)[4], cõi nước của chư Phật là như vậy đó! Làm thế nào mới có thể đến được? Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, kinh Di Đà nói rõ ràng, đây là một bộ kinh được lưu thông vô cùng rộng rãi, phổ biến nhất. Kinh dạy người trong thế giới ấy là thiện nhân, *“giai thị thượng thiện chi nhân câu hội nhất xứ”* (các vị thượng thiện nhân đều cùng nhóm họp một chỗ). Điều này nói rõ: Muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta phải tu thượng thiện, “thiện” ấy là Thập Thiện Nghiệp Đạo, phải thực hiện Thượng Phẩm Thập Thiện. Thượng Phẩm Thập Thiện là tâm thiện, niệm thiện, ý niệm thiện, ngôn hạnh thiện, [tức là] ngôn ngữ và hành vi đều thiện. Tâm niệm và ngôn hành là thượng thiện. Thượng Thiện mà nếu chẳng học Phật, không cầu vãng sanh, thì Thượng Thiện sẽ đến nơi đâu? Thượng Thiện bèn sanh lên trời, làm chư thiên. Trung Phẩm Thập Thiện là nhân đạo, Hạ Phẩm Thập Thiện là A Tu La và La Sát. Ba phẩm Thượng, Trung, Hạ được phân định ra sao? Thượng Phẩm là thuần tịnh, tâm địa thuần tịnh; Trung Phẩm là tâm địa thuần thiện; Hạ Phẩm xen tạp phiền não, xen tạp tập khí. Tuy tâm địa rất thanh tịnh và cũng rất tốt lành, nhưng kẻ ấy có ngạo mạn, có hiếu thắng, có ganh tỵ, liền biến thành Hạ Phẩm, do người ấy đã xen tạp những tạp niệm, nên biến thành Hạ Phẩm. Nói với chúng ta điều kiện này rất rõ ràng, đó là điều kiện tiên quyết.

Muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn phải có thêm [điều kiện] nữa, thêm gì vậy? Đức Phật dạy: *“Không thể do chút thiện căn, phước đức nhân duyên mà được sanh về cõi ấy”*. Quý vị có thiện căn và phước đức, thiện căn là gì? Đối với pháp môn Tịnh Độ này, đối với những kinh luận Tịnh Độ, quý vị có thể tin tưởng, có thể lý giải, đó là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là thật sự làm, tức là như kinh dạy chúng ta *“phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm”*, quý vị bèn thật sự hành, thật sự phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm đã phát khởi, rất tuyệt diệu! Bồ Đề tâm đã phát, người ấy là Bồ Tát. Bồ Đề tâm là gì? Là tâm chân thành, [tức là] trong tâm chẳng có hư ngụy, không có tạp niệm. Trong bút ký đọc sách của Tăng Quốc Phiên, ông ta đã định nghĩa chữ Thành, Thành là gì? *“Một niệm chẳng sanh là Thành”*. Tiêu chuẩn này và tiêu chuẩn trong kinh giáo Đại Thừa giống nhau. Chúng ta biết tiên sinh Tăng Quốc Phiên từng đọc kinh Phật, ông thông hiểu, chẳng phải là không hiểu. Nói theo kinh Phật, quý vị có phân biệt, có chấp trước, tâm sẽ chẳng Thành, chẳng có Bồ Đề tâm! Cơ sở của Bồ Đề là buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đó mới là Bồ Đề tâm. A La Hán và Bích Chi Phật chỉ buông xuống chấp trước, còn vọng tưởng và phân biệt vẫn chưa buông xuống, nên A La Hán chẳng phát Bồ Đề tâm, được gọi là Tiểu Thừa. Phát Bồ Đề tâm là Đại Thừa.

Hiện tại, rất nhiều đồng học học Phật nẩy sanh hiểu lầm, cứ tưởng “ta đã thọ Bồ Tát giới, ta là Bồ Tát”. Sai rồi! Quý vị là Bồ Tát gì vậy? Bồ Tát bằng đất sét, gặp nước là thôi rồi, đúng như vậy đó! Bồ Tát há dễ dàng ư? Bồ Tát thì điều thứ nhất là chân thành, quý vị còn dối gạt chính mình, gạt gẫm người khác, làm sao có thể gọi là Bồ Tát cho được? Là một thiện nhân trong lũ phàm phu mà quý vị còn chưa đủ tư cách, làm sao có thể xưng là Bồ Tát cho được? Nếu quý vị xưng là Bồ Tát, đó là đại vọng ngữ. Chư vị phải hiểu: Theo kinh Phật, quả báo của đại vọng ngữ là A Tỳ địa ngục. Quý vị dám mạo nhận là Phật, Bồ Tát hay không? Giả mạo đều nhằm mục đích danh lợi. Nếu quý vị thật sự hiểu nhân quả, sẽ chẳng dám làm theo cách như vậy. Từ tâm chân thành mới có thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là Tự Thọ Dụng, tức là Tự Thọ Dụng của tâm chân thành. Đại từ đại bi là Tha Thọ Dụng của tâm chân thành, tức là đối với người ngoài, đãi người tiếp vật bằng đại từ đại bi. Tâm ấy phát khởi bèn là Bồ Đề tâm. Dùng cái tâm ấy để một mực chuyên niệm, một phương hướng là Tây Phương Cực Lạc thế giới, một câu Nam-mô A Di Đà Phật niệm đến cùng, suốt đời chẳng biến đổi, đó là *“một mực chuyên niệm”*, người ấy quyết định được sanh về thế giới Cực Lạc. Niệm Phật có thể vãng sanh hay không, mấu chốt ở chỗ này!

Quý vị chớ nên nói kinh Phật chẳng linh, chính quý vị có lỗi, đức Phật chẳng nói sai, kinh điển chẳng nói sai. Quý vị phải thấy rõ ràng, thấy rành rẽ, tâm của chính quý vị có tương ứng với kinh hay không? Tâm hạnh tương ứng, quý vị là chánh tu, chân tu. Nếu tâm hạnh chẳng tương ứng, chẳng có thành ý, trong tâm có nhiễm ô, sẽ chẳng thanh tịnh. Nhiễm ô là gì? Phiền não là nhiễm ô, tự tư tự lợi là nhiễm ô, tiếng tăm, lợi dưỡng là nhiễm ô, tham, sân, si, mạn là nhiễm ô. Hễ nhiễm ô, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Hễ phân biệt, tâm quý vị bất bình đẳng. Hễ tranh cường, hiếu thắng, tâm bèn bất bình đẳng. Trong kinh, đức Phật đã dạy rất nhiều. Tâm hiếu thắng, tâm khoe khoang tài năng, tâm cạnh tranh, đều thuộc về A Tu La hoặc La Sát! A Tu La có tâm thái như vậy. Bồ Tát tâm bình khí hòa, sạch làu như nước, chẳng nổi sóng gió, nước tĩnh lặng như gương, giống như một tấm gương soi cảnh giới bên ngoài rõ rệt, rành mạch, vằng vặc, phân minh, đó là trí huệ hiện tiền, [điều này] được gọi là Chiếu Kiến, chẳng phải là cái thấy do phân biệt, mà là Chiếu Kiến. Chiếu Kiến có nghĩa là chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Chẳng có phân biệt là Bình. Nước là bình đẳng, chẳng có chấp trước, nó sạch làu, thanh tịnh. Điều này trọng yếu lắm, thật sự tu, thật sự hành! Trong cuộc sống hằng ngày, gìn giữ sự thanh tịnh và bình đẳng chính là thật sự học Phật. Trong công việc gìn giữ sự thanh tịnh, bình đẳng, trong đãi người tiếp vật đều phải gìn giữ thanh tịnh, bình đẳng.

Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, Ngài làm chuyện này cho chúng ta thấy. Năm mươi ba lần tham học là phương tiện thiện xảo của Phật, chia hoàn cảnh nhân sự thành năm mươi ba loại, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp. Thiện Tài đồng tử đều đến tiếp xúc, kết giao với họ, nhưng vẫn giữ được thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, thành tựu chân thành và từ bi, đãi người tiếp vật từ bi chân thành. Đó là học Phật, thành Phật, chúng ta học Phật chớ nên không biết. Nếu sơ sót cương lãnh trọng yếu này, trong cuộc sống hằng ngày chẳng tương ứng, chúng ta chẳng phải là đang học Phật, mà là đang tạo nghiệp. Tạo nghiệp bèn là lục đạo phàm phu. Quý vị tạo thiện nghiệp, tương lai đến thọ báo trong ba thiện đạo, thiện nghiệp ấy cũng phải tiêu trừ. Bởi lẽ, trong tự tánh, thiện và bất thiện đều không có. Tạo tác bất thiện nghiệp, tiêu nghiệp trong ba ác đạo, đều là tiêu nghiệp! Sau khi tiêu hết nghiệp, lại trở vào nhân gian. Trở vào nhân gian, nói thật ra, đúng như đức Phật đã nói *“gặp duyên khác nhau”*, nhân duyên mà! Người Hoa nói về sự dạy học: *“Tánh tương cận, tập tương viễn”* (xét về bổn tánh thì gần như nhau, xét về tập tánh thì khác nhau). Đó là *“ngộ duyên”* (gặp duyên). Nếu quý vị gặp thánh hiền, gặp Phật, Bồ Tát, chúc mừng quý vị, quý vị sẽ thành thánh, thành hiền, thành Phật, thành Bồ Tát. Nếu gặp ác duyên, tạo tác tham, sân, si, mạn, nhậu nhẹt, chơi bời, cờ bạc, quý vị sẽ đến chốn ngạ quỷ, địa ngục. Đó là *“gặp duyên khác nhau”.* Cổ nhân nói hai câu rất hay: *“Gần son thì đỏ, gần mực thì đen”*. Đó là ngộ duyên.

Nay chúng ta gặp duyên khá lắm, được làm thân người, nghe Phật pháp, đó là duyên tốt đẹp. Trong Phật pháp, lại được nghe Đại Thừa, lại nghe Tịnh Độ, có thể nói là duyên ấy thù thắng khôn sánh! Gặp gỡ, có thể tin tưởng hay không? Có thể lý giải hay không? Đó là thiện căn của quý vị. Quý vị đầy đủ thiện căn, có thể tin, có thể hiểu; nhưng quý vị tin chẳng sâu, còn có hoài nghi; giải chẳng thấu triệt, [tức là] thiện căn chẳng đủ. Chân tín, chân giải, nhưng chẳng làm được, đó là thiếu phước; quý vị có thiện căn, nhưng không có phước báo. Phước là gì? Thật sự hành là phước đức! Vì thế, đức Phật nói: *“Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy”*. Quý vị hội đủ cả ba điều kiện ấy, quý vị thấy thiện căn đầy đủ, phước đức đầy đủ, nhân duyên đầy đủ, há lẽ nào chẳng vãng sanh? Chúc mừng quý vị, khẳng định quý vị thành Phật trong đời này. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là thành Phật. Chuyện này chẳng phải là chuyện tầm thường! Chúng ta đã gặp, tuy gặp, nhưng thiện căn và phước đức không đủ thì làm thế nào? Phải nghiêm túc cổ vũ, khích lệ chính mình, nhất định phải bổ túc, dũng mãnh tinh tấn, phải bổ túc thiện căn và phước đức. Bổ túc từ chỗ nào? Bổ túc từ kinh giáo. Đối với kinh giáo, ta chẳng gặp thầy giỏi, bản thân ta học tập gặp khó khăn, làm cách nào? Cổ nhân có chú giải để giúp đỡ quý vị, người hiện thời càng có phước báo hơn cổ nhân. Vì sao? Hiện thời có đĩa CD, có Internet, có [truyền hình] vệ tinh, quý vị có thể học tập tại nhà, lên lớp mỗi ngày, phước báo này quá to tát! Quý vị phải học mỗi ngày thì mới được. Nếu quý vị không lên lớp mỗi ngày, phước báo vẫn bị luống uổng!

Tôi gặp hai người mà tôi rất bội phục. Hai người ấy đúng là nắm được cách bổ sung thiện căn và phước đức, tức là mỗi ngày nghe kinh mười giờ. Một năm ba trăm sáu mươi ngày, mỗi ngày chẳng bỏ suốt một buổi học nào. Thật ra, nếu có chuyện gì, không có cách nào khác, họ không ngủ cũng nghe đủ bốn giờ. Nghe bốn giờ là trong tình huống bất đắc dĩ, bình thường là mười giờ. Họ thật sự có trí huệ, thật sự nghe lời. Tổ sư đại đức dạy chúng ta *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*, họ đã nắm được, nên nghe kinh bèn nghe một bộ kinh. Nghe một bộ kinh thì họ cũng chẳng nghe rất nhiều! Nghe rất nhiều thì sao? Chẳng nhớ được! Mỗi ngày nghe mười giờ, có thể ghi nhớ hay không? Không có trí nhớ và sức lý giải mạnh như vậy, họ còn gặp khó khăn. Do đó, họ dùng phương pháp rất xảo diệu, mỗi ngày họ chỉ nghe đĩa ghi âm lời giảng trong một tiếng đồng hồ. Mỗi đĩa CD là một giờ, nghe [đĩa thâu âm] một giờ giảng ấy mười lượt, họ nghe giảng mười tiếng đồng hồ là nghe theo kiểu ấy. Một giờ giảng được nghe lặp đi lặp lại mười lần, họ nhớ được, nghe hiểu. Mỗi ngày nghe một đĩa, cứ mỗi đĩa là một giờ, làm theo cách ấy, ngày hôm sau mới nghe đĩa thứ hai. Nghe xong một bộ kinh, bèn nghe lại từ đầu. Nghe bao lâu? Nghe suốt mười năm. Thưa cùng quý vị, do mười năm ấy, họ đắc Niệm Phật tam-muội. Đắc Niệm Phật tam-muội là đắc Định, khai trí huệ. Trí huệ đã khai thì kinh chưa từng học, người ấy chẳng cần phải học, giống như Lục Tổ Huệ Năng đại sư, quý vị đọc cho người ấy nghe, người ấy bèn hiểu, và cũng có thể giảng cho quý vị nghe. Đó là gì? Một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông. Con người chớ nên làm quá nhiều, làm nhiều thì đúng là *“tham nhiều, nhai không nát”*, sai mất rồi! Con người chớ nên học làm bậc đại thông gia, “ta thứ gì cũng đều hiểu”, sai mất rồi! [Thật ra] quý vị chẳng hiểu thứ gì! Quý vị thật sự có thể chuyên ròng, thông suốt một bộ kinh, sẽ bất tri bất giác trở thành bậc đại thông gia, thứ gì cũng đều hiểu! Do vậy, một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông, mười năm! Ai nấy đều có thể làm được, vấn đề là quý vị có chịu làm hay không! Đặc biệt là người xuất gia, vì sao? Người xuất gia không cần phải đi làm, có đồng tu cúng dường quý vị, thời gian mỗi ngày là của chính mình. Mỗi ngày nghe kinh mười tiếng, niệm Phật tám tiếng, quý vị có thể làm được thì mười năm bèn thành tựu, quý vị đi giáo hóa chúng sanh, là bậc đại sĩ, chẳng phải là người tầm thường!

Vì thế, bao nhiêu người tập khí phiền não rất nặng, chẳng đầy đủ thiện căn và phước đức, chẳng tin tưởng, phí uổng thời gian, quá đáng tiếc! Nay đã giác ngộ thì hiện thời vẫn còn kịp! Tôi thấy có người sáu mươi tuổi mới bắt đầu, thật sự hành, bảy mươi tuổi thành tựu. Bảy mươi tuổi bắt đầu làm, tám mươi tuổi thành tựu, hạng người ấy đáng để kẻ khác bội phục. Tôi nghe nói có đồng học đã ngoài sáu mươi tuổi mới bắt đầu hành, nay đã bảy mươi mấy tuổi, mười năm bèn thành tựu. Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Người như thế, tại gia bèn là cư sĩ Duy Ma, là Phật tại gia; xuất gia bèn là tổ sư đại đức, chẳng giả! Ai nấy đều làm được, chỉ cần quý vị thật sự nắm lấy cơ hội. Nếu hiện thời quý vị vẫn chưa đầy năm mươi tuổi, bắt đầu làm, mười năm sau quý vị thành tựu. Thứ nhất là chính mình thành tựu, nắm chắc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị tu thành công. Quý vị phải chịu phát nguyện, ta trụ trong thế gian này thêm mấy năm nữa, hòng giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, giúp cho chánh pháp trụ thế lâu dài, giúp họ phá mê khai ngộ. Quý vị có thể làm chủ thọ mạng, muốn trụ thế bao nhiêu năm liền trụ bấy nhiêu năm, sanh tử tự tại. Do đó, phải thật sự làm, chớ nên làm giả; hễ làm giả thì trật mất rồi!

Tiếp đó, Hoàng lão cư sĩ nói: *“Tư vi giản đơn, dị ký, cố tùng hậu giả, dĩ nhất niệm khoảnh tức nhất sát-na”* (Nay nhằm đơn giản, dễ nhớ, nên từ nay trở đi, coi “trong khoảng một niệm” là một sát-na), cách nói này khá đơn giản. *“Chí ư sát-na nhất niệm chi gian, tức năng biến du chư Phật quốc độ giả”* (còn như trong khoảng một niệm, liền có thể dạo khắp các cõi Phật), đây là một câu trong kinh, chính là nguyện thứ mười một của A Di Đà Phật. Lời nguyện trong nguyện thứ mười một là: *“Ư nhất niệm khoảnh, bất năng siêu quá ức na-do-tha bách thiên Phật sát, châu biến tuần lịch cúng dường chư Phật giả, bất thủ Chánh Giác”* (trong khoảng một niệm, chẳng thể vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, lần lượt cúng dường trọn khắp chư Phật, chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Quý vị thấy A Di Đà Phật phát nguyện, Ngài nói người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong khoảng một niệm, tức là một sát-na, trong thời gian ngắn ngủi dường ấy, trong khoảng thời gian một niệm, có năng lực dạo khắp các cõi Phật, vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, năng lực ấy do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Trong lời nguyện ấy, chẳng hề nói người vãng sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư là ngoại lệ, Ngài chẳng hề nói lời ấy. Ngài chẳng hề nói lời ấy, tức là cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng có phần, tuyệt diệu thay! Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư có ba bậc, chín phẩm, đức Phật chẳng nói hạ hạ phẩm vãng sanh thuộc vào ngoại lệ, chẳng hề nói như vậy. Nói cách khác, người hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, sanh vào thế giới Cực Lạc, nếu *“chẳng thể vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, lần lượt cúng dường trọn khắp chư Phật”*, A Di Đà Phật sẽ chẳng thể thành Phật. Nay A Di Đà Phật đã thành Phật, thành Phật trong thế giới Tây Phương, đến nay đã là mười kiếp, nguyện gì của Ngài cũng đều được thực hiện, lời này chẳng giả tí nào!

Nếu chúng ta tu hành trong thế gian này, đạt đến cảnh giới như vậy, đó là thần thông, tức Thần Túc Thông, có thể trong một niệm dạo khắp các cõi Phật, đi bằng cách nào? Chư vị ngẫm xem, trừ phân thân ra, chẳng thể nào *“dạo khắp các cõi Phật”*! Do điều này có thể biết, họ có thể trong một sát-na, phân thành ức na-do-tha trăm ngàn thân, mỗi thân đến cõi nước của một vị Phật. Vì lẽ đó, trước vô lượng vô biên cõi Phật đều có người ấy, người ấy đều ở nơi đó, [hiểu như vậy] là có lý, đó phân thân. Đến các cõi Phật để làm gì? Lễ Phật! Chư vị phải nhớ: Phật là vô thượng phước điền trong thế gian và xuất thế gian, tu phước thì phải đến lễ Phật, cúng Phật, đó là tu phước. Cúng Phật, chắc chắn Phật sẽ thuyết pháp cho quý vị. Quý vị cúng dường Phật là Tài Bố Thí, Tài Bố Thí được của cải. Đây là đại đạo lý thiên kinh địa nghĩa. Phật đáp lễ bằng Pháp Bố Thí, nên Phật thuyết pháp cho quý vị. Thuyết pháp cho quý vị, quý vị liền khai trí huệ. Do đó, cúng dường Phật là phước huệ song tu. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới phước huệ tăng trưởng mỗi ngày, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng mức độ tăng trưởng ấy, tăng trưởng quá nhanh chóng! Vì sao? Họ có thể sử dụng vô lượng vô biên thân đến cúng vô lượng vô biên Phật, họ có năng lực ấy, bọn chúng sanh luân hồi trong lục đạo như chúng ta chẳng thể làm được điều này!

Chúng ta biết Tam Quả, tức Tam Quả A Na Hàm của Tiểu Thừa có thể phân thân, Ngài có thể đồng thời phân thành năm trăm thân. Từ truyện ký, chúng ta thấy vào thời đại Tùy - Đường, quả thật có những vị xuất gia như vậy. Trong Thần Tăng Truyện có chép câu chuyện ấy, chắc chắn chẳng phải là giả. Cao Tăng Truyện cũng có, nhưng tôi không nhớ tên vị pháp sư ấy, chỉ nhớ câu chuyện này. Ngài là pháp sư Ấn Độ, đến Trung Quốc truyền giáo, ở đó mười mấy năm, quay về nước. Pháp duyên của pháp sư vô cùng thù thắng. Tín đồ tại Trung Hoa đều rất yêu mến Ngài. Pháp sư phải quay về, mọi người đều muốn thỉnh Ngài dùng cơm để cúng dường. Pháp sư từ bi, đều nhận lời. Người nào mời, Ngài cũng đều nhận lời. Đến bữa ăn ngày hôm sau, Ngài đến nhận cúng dường trọn khắp. Ngày thứ ba, Ngài ra đi, tiễn đến chỗ cái đình mười dặm, [đại chúng] hết sức hoan hỷ, [khoe]: “Pháp sư rất coi trọng tôi, ngày hôm qua đến ứng cúng tại nhà tôi”. Người khác nói: “Sai rồi! Ngày hôm qua rõ ràng là thầy ở nhà tôi”. Nói một hồi như vậy mới biết Ngài đã phân thành năm trăm thân, cùng một lúc đến dùng cơm với năm trăm gia đình. Ngày hôm sau, những người ấy đều tiễn đưa, mới liên kết lại, hiểu rõ ràng chuyện này: Pháp sư có bản lãnh phân thân, phân thành năm trăm thân. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh có thể phân vô lượng vô biên thân, có thể cúng mười phương thế giới hết thảy chư Phật. Chuyện này do chính A Di Đà Phật nói ra, Thích Ca Mâu Ni Phật kể lại cho chúng ta, chúng ta có tin hay không? Nếu tin tưởng, có muốn về nơi ấy hay không? Đi ngay lập tức, chẳng thể đợi thêm nữa. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu là chân thật, chẳng giả!

Vì thế, cúng Phật rất trọng yếu. Cúng Phật là cầu học, cầu phước, cầu huệ. Thành Phật là phước huệ viên mãn, phước huệ viên mãn thì quý vị mới có thể phổ độ chúng sanh. Có huệ, chẳng có phước, chẳng thể độ chúng sanh. Có phước, chẳng có huệ, cũng không thể độ chúng sanh, nhất định phải là phước huệ viên mãn. Chúng ta ở trong thế gian này, hiểu chuyện này rất rõ. Học Phật nhằm thành tựu chính mình, thật sự nắm lấy thời gian, chẳng bỏ uổng ngày nào, mười năm thành công, đúng như cổ nhân Trung Quốc đã nói: *“Mười năm quạnh quẽ, thi đỗ thành danh”.* Người đọc sách trong thế gian tốn mười năm để thành tựu, tu hành trong Phật pháp cũng là mười năm. Mười năm ấy căn sâu, cội chắc, thành tựu Giới, Định, Huệ của chính mình. Thưa cùng chư vị, Giới là đức hạnh, Định là tam-muội, Huệ là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Dẫu chưa thể đại triệt đại ngộ, mười năm cũng chắc chắn là đại ngộ, chẳng triệt ngộ thì cũng là đại ngộ. Vì thế, đối với những thứ chưa từng học, nhưng hễ tiếp xúc bèn thông suốt. Thật sự vâng theo phương pháp này để tu hành, mười năm chẳng thể nào không thành tựu. Nếu chẳng có thành tựu, chính quý vị hãy suy xét kỹ, quý vị đã dùng sai cái tâm! Trong mười năm. tuy là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, nhưng công phu của quý vị nhất định có xen tạp, tâm quý vị chẳng thanh tịnh, tâm quý vị bất bình đẳng, nên sự thành tựu của quý vị chẳng thù thắng. Nếu tâm địa thật sự giữ được thanh tịnh, bình đẳng, thành tựu ấy là chân thật, thành tựu ấy đáng để người khác tán thán. Hy vọng các đồng học thật sự có chí làm thánh, làm hiền, làm Bồ Tát, làm Phật, hãy ghi nhớ: Khéo học trong mười năm sẽ thành công! Hiện thời có đĩa CD giúp đỡ quý vị, có chú giải giúp đỡ quý vị, chớ nên hành quá nhiều, chỉ có thể hành một môn, phải tin tưởng *“một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông”.* Nếu muốn thứ gì cũng đều hiểu, hãy bắt đầu từ một môn, đặt nền tảng vững vàng nơi một môn, chớ nên học quá nhiều. Học quá nhiều sẽ thành học tạp, tư tưởng rối bời, quý vị chẳng thể đắc tam-muội, không thể khai trí huệ. Tuân thủ giáo huấn của cổ nhân, quý vị sẽ thành công. Nếu quý vị cậy mình thông minh, mười năm sẽ uổng phí, thứ gì cũng đều chẳng đạt được!

*“Thượng văn dĩ viết”*, [nghĩa là] trong phần trên đã nói: *“Thị chư đại sĩ, tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội”* (các vị đại sĩ ấy tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội). Câu*“thị chư đại sĩ”* là nói trong phần trước, kinh văn đã liệt kê một vạn hai ngàn người tham gia pháp hội giảng kinh Vô Lượng của Thích Ca Mâu Ni Phật lần này, thính chúng đông ngần ấy! Những người ấy được gọi là Đại Sĩ, đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, chúng ta thường gọi họ là Ma Ha Tát, tức là Đại Bồ Tát. Họ tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, Hoa Nghiêm tam-muội đã được giới thiệu trong phần trước, cũng là *“một ngộ, hết thảy đều ngộ”.* Tiếp theo đó là lời giải thích đơn giản: *“Thử tam-muội cứ quả nhi ngôn, diệc danh Hải Ấn tam-muội”* (nếu xét theo quả để nói, tam-muội này còn gọi là Hải Ấn tam-muội). Chúng ta đọc Hoàn Nguyên Quán, thấy: Hải Ấn là tỷ dụ. Quý vị thấy [cụ Hoàng viết] *“danh vi Ấn giả”* (gọi là Ấn), lấy con dấu trong thế gian làm tỷ dụ. *“Ấn thượng văn tự năng đồng thời đốn hiện, nhi vô tiền hậu chi sai”* (Những chữ và nét khắc trên quả ấn có thể cùng một lúc nhanh chóng hiện ra, chẳng có sai biệt trước hay sau). Trên một quả ấn có khắc rất nhiều văn tự, trong Phật môn chúng ta thường thấy kinh văn được khắc thành con dấu. Bốn câu kệ rất nổi tiếng trong kinh Kim Cang: *“Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng; như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế”.* Khắc bốn câu kệ gồm hai mươi chữ này thành con dấu, đóng dấu một cái, hai mươi chữ ấy đồng thời xuất hiện, chẳng phải là từng chữ một, đó là Ấn. Ấn có ý nghĩa là “đồng thời”, tức là “cùng hiện một lúc, chẳng có trước sau”. *“Cử Thể tề chương, diệc vô hoặc ẩn chi xứ”* (toàn bộ Thể đều cùng phô bày, cũng chẳng có chỗ nào ẩn tàng), *“chương”* (彰) có nghĩa là phô bày rõ ràng, rành rành, chẳng sót một chữ nào, toàn bộ đều in ra, đồng thời in ra.

Phật dùng chữ này nhằm bảo chúng ta: Toàn thể vũ trụ xuất hiện cũng giống như vậy. Trong quá khứ, các nhà khoa học đã nói tới thuyết Tiến Hóa Luận trong sự xuất hiện của vũ trụ, nhưng nói theo Phật giáo thì Tiến Hóa Luận chẳng thông! Phật pháp bảo vũ trụ chẳng phải là tiến hóa, mà là xuất hiện cùng một lúc. Thông thường, khi nói về chuyện này, chúng tôi dùng phim ảnh làm tỷ dụ, vì những kiến thức thông thường về phim ảnh chẳng khó hiểu, chỉ là các tấm phim được chiếu lên màn bạc. Chúng ta bỏ phim vào máy chiếu phim, nhấn nút một cái, tấm phim ấy bèn chiếu ngay lên màn bạc, [các hình ảnh] đồng thời xuất hiện, trọn chẳng phải là từng bộ phận một, chẳng có thứ tự trước, sau, mà là đồng thời xuất hiện. Điện ảnh sử dụng nguyên tắc chiếu phim, tức là dùng tốc độ rất nhanh để chụp thành phim, sau đó, dùng cùng một tốc độ để chiếu, nên chúng ta thấy giống hệt như người thật, động tác giống y hệt, đạo lý là như vậy đó. Toàn thể vũ trụ xuất hiện cũng giống như thế, lại còn là y báo và chánh báo đồng thời xuất hiện. Chuyện này rất sâu, đạo lý rất sâu, quý vị phải tham cứu dần dần mới có thể chứng đắc. Đức Phật đã chứng đắc, nói rõ chân tướng sự thật này với chúng ta. Tuy Ngài đã nói minh bạch, chúng ta cũng hiểu rõ ràng, nhưng chuyện ấy vẫn là chuyện của Ngài, chẳng phải là chuyện của chúng ta! Đức Phật yêu cầu chúng ta cũng phải chứng đắc thì [cảnh giới ấy] mới là của chúng ta. Vì thế, đức Phật thường nói “*chỉ có chứng mới biết”*, đó là quý vị đã thật sự biết. Quý vị chưa chứng đắc, do thấy nghe mà biết, do đọc sách, hoặc do nghe giảng mà biết, đó chẳng phải là thật, vì là sự chứng đắc của người khác, chẳng do chính mình chứng đắc; đức Phật yêu cầu: Phải do chính mình đích thân chứng đắc. Vì vậy, Phật pháp là khoa học, chẳng phải là huyền học, mà là khoa học, đòi hỏi học trò phải đích thân chứng đắc. Quý vị chưa vãng sanh thế giới Cực Lạc, làm sao biết thế giới Cực Lạc? Trong bộ kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu thế giới Cực Lạc, đó là Ngài đã đích thân chứng đắc. Chúng ta nghe xong, có thể tin, có thể hiểu, thật sự hành, sẽ có thể đến đó, cuối cùng chúng ta cũng chứng đắc. Lời Thích Ca Mâu Ni Phật nói chẳng giả, những gì đã nói trong kinh, quý vị đến thế giới Cực Lạc xem, sẽ thấy toàn bộ. Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện nào cũng đều được thực hiện, thật sự gia trì, khiến cho quý vị thật sự được thọ dụng. Đây là chỗ khiến cho Phật pháp thù thắng khôn sánh hơn bất cứ học thuật nào trong thế gian này!

Tiếp đó, [cụ Hoàng] giải thích Hải, Hải là gì? Biển cả, *“do như đại hải, đồng thời ảnh hiện chủng chủng sai biệt chi tướng. Hình tượng thiên sai, thủy thể vô biệt”* (giống như biển cả, cùng lúc hiện bóng các tướng sai biệt. Hình tượng muôn ngàn sai khác, nhưng thể chất của nước chẳng khác), dùng biển cả làm tỷ dụ. Dù sao thì tỷ dụ vẫn là tỷ dụ, chẳng có cách nào tỷ dụ khít khao, chúng ta phải thấu hiểu [điều này]. Bởi lẽ, nước phẳng lặng như gương, nên nó mới có thể chiếu thấy. Thông thường, chúng ta dùng hồ [làm tỷ dụ]. Hồ nhỏ, chẳng lớn, khi chẳng có gió, hồ chẳng có sóng, không nổi sóng, nước cũng rất sạch, chẳng bị ô nhiễm, đúng là giống như một tấm gương, phong cảnh bên bờ đều phản chiếu trong đó. Trong biển có sóng, sóng rất lớn, có thể in bóng rõ ràng như vậy hay không? Cũng có, nhưng chẳng in bóng rõ ràng như vậy. Khi chúng ta sắp đến bờ biển, cũng có thể thấy [bóng phản chiếu của] núi và các kiến trúc bên bờ, đó là kinh nghiệm đích thân từng trải của chúng ta. Tuy có, nhưng chẳng rõ ràng như cảnh được hiện trong hồ, [rõ rệt] giống như soi vào gương. Phật dùng biển cả làm tỷ dụ. Nếu biển cả gió êm, sóng lặng, chẳng cuộn sóng, khi đó sẽ là *“ảnh hiện chủng chủng sai biệt chi tướng, hình tượng thiên sai, thủy thể vô biệt”* (hiện bóng các tướng sai biệt, hình tượng ngàn muôn sai khác, nhưng thể chất của nước chẳng khác), nước có thể chiếu là một. *“Vạn tướng phồn hưng, nhi thủy trạm nhiên”* (muôn tướng khởi lên đầy dẫy, nhưng nước vẫn trong lặng). *“Vạn tướng”* là những hình ảnh thiên sai vạn biệt trong ấy, nhưng nước chẳng động. Giống như chúng ta xem TV, [hình ảnh] biểu diễn trong TV, màn ảnh chẳng động, màn ảnh bình thản, tĩnh lặng, lại còn chắc chắn chẳng nhiễm trước. *“Uyển nhiên vạn tướng, uyển nhiên vô tướng”* (rành rành vạn tướng, rành rành vô tướng). Vạn tướng hiển hiện nơi màn bạc [của rạp chiếu phim], vạn tướng hiển hiện trên màn hình TV, *“uyển nhiên vô tướng”* là bản thân màn hình, màn hình thật sự vô tướng, chẳng có tơ hào nhiễm trước nào! Vạn tướng là những cái được sanh, được hiện, được biến bởi tự tánh của chúng ta, còn vô tướng là tự tánh có thể hiện, có thể biến. Tự tánh giống như nước, trong ấy chẳng có thứ gì, vạn tướng là huyễn tướng.

Vì lẽ đó, tướng chẳng thật, đó mới là chân tướng sự thật. Tướng là Giả Hữu, tánh là Chân Không. Chân Không và Giả Hữu là một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Giống như chúng ta xem TV, màn hình là Chân Không, khi hình tướng xuất hiện trên băng tần, đó là Giả Hữu, Huyễn Hữu. Huyễn Hữu chẳng trở ngại Chân Không, Chân Không chẳng trở ngại Huyễn Hữu, chúng có thể đồng thời tồn tại, đó là nói về chân tướng của hoàn cảnh hiện thực. Tuy đồng thời tồn tại, chúng ta phải hiểu thật rõ ràng, thật rành rẽ chân và vọng. Chớ nên chấp trước vọng, chớ nên phân biệt, nắm vững chân là đúng. Khi huyễn tướng dấy lên tơi bời, tâm vẫn định, chẳng động, đó là đúng. Nếu tâm chúng ta động theo cảnh giới bên ngoài, sai mất rồi, sẽ sanh phiền não. Trong tâm quý vị có tham ái, còn có sân khuể, sai mất rồi! Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế, đã vì chúng ta thị hiện tám tướng thành đạo, trụ thế tám mươi năm, chúng ta chẳng thấy, nhưng người minh tâm kiến tánh trông thấy, thấy gì vậy? Thấy đức Phật suốt tám mươi năm chẳng khởi tâm động niệm, nên gọi là Phật. Chẳng khởi tâm, không động niệm, chư vị nghĩ xem: Ngài còn có phân biệt, chấp trước hay chăng? Phân biệt do khởi tâm động niệm mà có, chấp trước do phân biệt mà có. Người có chấp trước, chắc chắn khởi tâm động niệm; phân biệt, chấp trước, chính là phàm phu, lục đạo phàm phu mê chứ không giác. A La Hán giác ngộ, chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, nhưng còn có phân biệt, còn có khởi tâm động niệm. Tuy các Ngài chưa phải là rốt ráo, nhưng đã vượt thoát lục đạo, lục đạo chẳng còn nữa. Do điều này, có thể biết lục đạo do chấp trước biến hiện!

Chúng ta ở trong lục đạo là do nghiệp lực biến hiện. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong lục đạo, nhưng chẳng do nghiệp lực biến hiện, mà là gì? Do chúng sanh có cảm, Phật bèn ứng hiện; bởi lẽ, Ngài chẳng có khởi tâm động niệm. Phật biết chân và vọng chẳng trở ngại, cảnh giới hư huyễn chẳng trở ngại chân tâm, chân tâm chẳng trở ngại cảnh giới hư huyễn xuất hiện, chẳng chướng ngại, không sao cả! Vì tâm của Phật vĩnh viễn thanh tịnh, chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, đó là công phu. Tâm chúng ta chuyển theo cảnh, rất đáng thương, vì sao? Cảnh giới là giả, chẳng thật. quý vị bị ngoại cảnh xoay chuyển, bị hư vọng lay chuyển, rất khổ! Cái bị chuyển là vọng tâm, lại chẳng phải là chân tâm, quý vị thấy có oan uổng hay không? Chân tâm xác thực là như như bất động. Phàm phu và Phật sai biệt [ở chỗ] Phật dùng chân tâm, phàm phu dùng vọng tâm, sai biệt ở chỗ này! Vọng tâm là tâm sanh diệt, còn chân tâm thì bất sanh, bất diệt. Vọng tâm là ý niệm. Quý vị thấy ý niệm của chúng ta, niệm trước diệt, niệm sau liền sanh, từng niệm nối tiếp nhau. Chân tâm chẳng có hiện tượng này, chân tâm chẳng có sanh diệt. Huệ Năng đại sư kiến tánh là thấy chân tâm, Ngài bảo chúng ta: Chân tâm là thanh tịnh; chân tâm bất sanh, bất diệt. Chẳng có hiện tượng sanh diệt, cũng là trong khoảng một niệm chẳng có hiện tượng sanh diệt. Trong khoảng một niệm, động tâm tức là khởi tâm động niệm. Tuy không có hiện tượng trong khoảng một niệm, nhưng chẳng trở ngại, chẳng liên can gì đến khoảnh khắc một niệm ấy. Giống như nước, nước thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm, nhưng có thể do gió mà dậy sóng. Gió nhỏ, sóng nhỏ; gió lớn, sóng to, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên.

*“Thời vô tiên hậu, cố diên xúc đồng thời”* (chẳng có thời gian trước sau, nên rút ngắn hay kéo dài đồng thời), chẳng có thời gian, mà cũng chẳng có không gian. Vì thế, quý vị nói thời gian rất dài hay thời gian rất ngắn, đối với Ngài là như nhau, bình đẳng. Do đó, trong kinh Phật, đối với thời gian, chỉ nói hai chữ *“nhất thời”.* Nhất Thời có ý nghĩa là thời gian chẳng có trước hay sau. Chư vị phải hiểu, “thời gian không có trước hay sau” đã cho chúng ta biết chuyện gì? Cho chúng ta biết con người chẳng có sanh tử. Sanh tử chẳng phải là trước hay sau ư? Có trước sau bèn có sanh tử, không có trước sau, lấy đâu ra sanh tử? Chẳng có quá khứ, chẳng có hiện tại, chẳng có vị lai. Kinh Kim Cang nói *“tam tâm bất khả đắc”* (ba tâm chẳng thể được). Đó là cảnh giới gì? Đó là vô lượng thọ trong thế giới Cực Lạc, vô lượng thọ là chẳng có sanh tử. Do kéo dài và rút ngắn đồng thời, quý vị có thể trở lại quá khứ, mà cũng có thể tiến nhập vị lai, thấy một ngàn năm sau thế giới có tình trạng như thế nào, quý vị đều trông thấy. Hai ngàn năm sau, tình hình thế giới sẽ như thế nào? Một ngàn năm, hai ngàn năm trong quá khứ, quý vị thấy toàn bộ, người và sự vật vẫn còn tồn tại, siêu việt thời gian! Không gian cũng chẳng tồn tại, thời gian và không gian đều chẳng có, nên kinh Phật thường nói *“tức tại đương hạ”* (ngay trong lúc này), nói lời thật với quý vị. Chúng ta chẳng hiểu *“đương hạ”*, dường như hiểu, nhưng trên thực tế chẳng hiểu! *“Đương hạ”* (當下) là gì? Ở đây, *“đương hạ”* là nói tới *“nhất niệm khoảnh”* (一念頃: trong khoảng một niệm), tức là một phần của một ngàn sáu trăm triệu phần trong một giây, bèn gọi là *“đương hạ”. “Tam thế cổ kim, bất ly ư đương niệm”* (ba đời xưa nay chẳng rời một niệm ngay trong hiện tại), câu này chỉ ra, *“đương niệm”* tức là *“đương hạ nhất niệm”* (một niệm ngay trong hiện tại). *“Tam thế”* là nói đến thời gian, *“cổ kim”* là nói đến không gian. *“Tề hiện thủy trung, cố quảng hiệp tự tại”* (đều cùng hiện trong nước, nên rộng hẹp tự tại), đấy là tỷ dụ Hải Ấn. *“Thập phương thế giới bất ly ư đương xứ”* (mười phương thế giới chẳng lìa khỏi chỗ này), ba đời xưa nay, mười phương thế giới ở ngay tại nơi đây, ở ngay trong một niệm này, đó là chân tướng sự thật. Các vị Bồ Tát dự hội chứng đắc chuyện này, mà cũng có nghĩa là những người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh cũng đã chứng đắc [chuyện này]. Đạt được công phu như vậy, xác thực là chẳng dễ dàng!

Trong quá khứ, pháp sư Đàm Hư đã ở Hương Cảng rất nhiều năm, tuổi già, Ngài vãng sanh tại Hương Cảng. Tôi chưa từng gặp lão nhân gia, năm 1977, tôi đến Hương Cảng lần đầu tiên, lúc ấy, Ngài đã vãng sanh mấy năm rồi. Tôi nghe Ngài giảng kinh, thuở ấy là [nghe qua] băng thâu âm, nghe băng thâu âm lời Ngài khai thị. Lão nhân gia đã nói: Trong thời ấy, đã chẳng có người tham Thiền đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài chưa từng thấy qua, mà cũng chưa hề nghe qua. Ngài đã thấy người đắc Định, tuy đắc Định, chẳng khai ngộ! Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ở Bắc Kinh bảo tôi: “Trong thời đại hiện tiền, ngay cả tham Thiền đắc Định cũng chưa nghe nói tới!” Do đó, bản thân cụ vãng sanh, niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Cụ Hoàng đã từng học Thiền, học Mật, vào lúc trọng yếu nhất, cụ đổi lại, đổi thành niệm Phật. Cụ bảo tôi, mỗi ngày cụ niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu, trong giai đoạn ngã bệnh, mỗi ngày là mười bốn vạn câu Phật hiệu, cụ niệm Phật vãng sanh. Khi viết bộ chú giải này, cụ đã bị bệnh, thân thể đã chẳng khỏe lắm! Sau khi cụ viết xong bản chú giải này, tôi mới quen biết cụ. Khi đó, đã viết xong, còn chưa lưu thông, cụ tặng tôi một quyển in bằng ronéo, trước kia in ronéo bằng stencil. Chúng tôi biết, trước kia chúng tôi đã dùng stencil, in bằng stencil, đại khái in được hơn một trăm bản, từ một trăm hai mươi cho đến một trăm ba mươi bản. Sau khi in tới bản một trăm năm mươi, sẽ chẳng thấy rõ ràng lắm, [chữ in] bị mờ nhòe. Có thể thấy rõ là khoảng chừng một trăm hai mươi, một trăm ba mươi bản! Vì thế, số lượng bản in bằng ronéo không nhiều lắm, cụ tặng cho tôi một quyển. Khi ấy, tôi trông thấy rất hoan hỷ, thỉnh giáo lão nhân gia: “Cụ có giữ bản quyền hay không?” Cụ bảo: “Không có”. Tốt quá! Không có bản quyền thì tôi in lại, lưu thông bản ấy. Cụ hết sức hoan hỷ. Tôi nói: “Nếu có bản quyền, tôi chẳng dám động đến tác phẩm của cụ”. Do cụ nói “không giữ bản quyền”, tôi liền đem bản chú giải của cụ, khi ấy tôi đang ở Mỹ, giao cho các đồng học tại Đài Loan in thành một vạn cuốn, tức là một vạn cuốn đóng bìa cứng, cụ thấy vậy rất hoan hỷ.

Thân thể cụ đã chẳng khỏe lắm! Do đó, trong thời gian ấy, hằng năm tôi tới Bắc Kinh tối thiểu hai lần, có lúc sang đó đôi ba lượt, đến làm gì? Đến gặp lão nhân gia. Cụ ra [ngoại quốc] chẳng dễ dàng, còn tôi đến thăm cụ dễ dàng, thật sự là chí đồng đạo hợp! Tại hải ngoại, chỉ có một mình tôi học và giảng bộ kinh này, trong nước cũng chỉ có mình cụ Hoàng, chẳng có ai khác! Bộ kinh này do lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam giới thiệu cho tôi, chính cụ đã từng giảng một lần, có viết lời *“mi chú”* (眉註), tức là viết chú giải ngay trên bản kinh, viết bằng bút lông. Hình như lúc đó lão cư sĩ sáu mươi bảy, sáu mươi tám tuổi, cụ đã giảng một lần! Hết sức khó có. Tôi đã giảng bộ kinh này, thuở ấy còn chưa gặp bản chú giải này của cụ Hoàng, tôi hoàn toàn dùng chú giải của thầy Lý, dựa theo lời mi chú. Trông thấy bản chú giải này, tôi hết sức hoan hỷ, cụ thật sự dụng tâm, không cô phụ lời thầy giáo huấn. Thầy của cụ là lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Cụ Hạ hội tập đại kinh, tự mình đã giảng bộ kinh này, cụ Hoàng Niệm Tổ luôn hết sức dụng tâm nghe giảng. Vì vậy, bộ chú giải này là một sự thành tựu hết sức gian nan, vất vả! Lần này chúng tôi đặc biệt chọn giảng, nhằm học tập những điều tâm đắc được chia sẻ trong bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ, mà cũng nhằm kỷ niệm một phen quen biết giữa lão cư sĩ và chúng tôi lúc tuổi già!

Kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Nhất thiết tự tại nan tư nghị, Hoa Nghiêm tam-muội thế lực cố”* (hết thảy tự tại khó nghĩ bàn, là do thế lực của Hoa Nghiêm tam-muội), điều quan trọng ở đây là “hết thảy tự tại”. Tự tại là không có chướng ngại; *“nan tư nghị”* là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có cách nào tưởng tượng. Quý vị thấy trong phần trước đã nói: Một thân có thể phân thành vô lượng thân, mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật, ở trước mặt mỗi vị Phật đều có thân của chính mình tham gia pháp hội, đó là đắc đại tự tại! Nếu quý vị hỏi, nói theo lý thì chuyện này có thể nói xuôi rót hay không? Nói xuôi rót! Đạo lý gì vậy? [Đạo lý ấy] đã có trong kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm quá to, thiên luận văn Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư không dài, nhưng đã giảng đạo lý này rất rõ ràng, rất minh bạch. Chẳng phải là giả, mà là có căn cứ lý luận. Lý là tự tánh chẳng thể nghĩ bàn, khoa học hiện thời cũng đề xướng “năng lực của ý niệm cũng to lớn chẳng thể nghĩ bàn”. Tức là nói ý niệm của chúng ta to đến mức độ nào? Kinh Phật thường nói, nhưng chúng ta xem, đọc, đều là sơ ý, vô tâm, chẳng nghiêm túc, xem lướt qua. Thuở đức Phật tại thế giảng kinh, thuyết pháp, cũng thường nói Bồ Tát có năng lực như thế này: Cầm quả cầu lửa mặt trời trên tay, có thể ném nó tới một góc trời rất xa, rồi lại nhặt về. Đó là gì? Niệm lực. Các tinh hệ vận hành trong vũ trụ, ta khiến chúng thay đổi quỹ đạo, chúng nó rất nghe lời. Kinh Phật thường nói chuyện này: Bồ Tát thần thông du hý, oai đức chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật nói lời thật, chẳng giả, chúng ta có lý do để tin tưởng. Vì sao? Khắp pháp giới hư không giới do đâu mà có? Do niệm lực biến hiện. Nếu niệm lực đã có thể biến hiện, vì sao nó chẳng thể thay đổi niệm lực?

Nếu chúng ta thật sự hiểu rõ ràng, thông hiểu đạo lý này, trên địa cầu hiện thời có lắm tai nạn dường ấy, có thể hóa giải hay không? Hóa giải dễ dàng! Hễ ý niệm chánh đáng, tai nạn chẳng còn. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã dạy, vì sao có thủy tai? Tham lam. Chúng ta sống ở nơi đây, dứt trừ tâm tham, sẽ chẳng còn thủy tai nữa. Hỏa tai do đâu mà có? Vì sao nhiệt độ địa cầu tăng cao? Sân hận! Nếu cư dân trên địa cầu buông sân hận xuống, nhiệt độ địa cầu sẽ khôi phục bình thường. Cảnh chuyển theo tâm mà! Ngu si cảm ứng phong tai, ngạo mạn cảm ứng động đất; trong kinh, đức Phật đã nói trọn hết. Cái gọi là *“thiên tai”* chẳng phải là tự nhiên, mà là phản ứng [của thiên nhiên] đối với tâm tình và ý niệm của con người chúng ta, đạo lý là như thế đó! Xã hội hỗn loạn, nhưng lòng người chánh đáng, thì toàn bộ đều chánh đáng, vạn vật đều chánh đáng. Do vậy, khi học tập kinh giáo trong những năm qua, tôi cũng thường nói: Địa cầu này và Tây Phương Cực Lạc thế giới có khác biệt hay không? Chẳng hề khác biệt mảy may, hoàn toàn bình đẳng. Vì sao thế giới của người ta tốt đẹp như vậy? Cư dân của người ta tâm tánh thiện lương, đều là thượng thiện, nên hoàn cảnh cư trụ chẳng phát sanh khuyết điểm! Hiện thời, cư dân trong thế giới chúng ta hoàn toàn điên đảo, chúng ta là thượng ác, tức là ác đến tột bậc, nên hoàn cảnh trên địa cầu này cũng băng hoại. Ý niệm trọng yếu lắm, trong kinh đức Phật đã nói điều này quá nhiều! Vô cùng khó có là hiện thời Lượng Tử Lực Học cũng nói như thế, nói giống như đức Phật, cũng có nghĩa là những đạo lý và chân tướng sự thật đã giảng trong kinh Phật có thể dùng khoa học hiện thời để chứng minh.

Xã hội thời cổ tốt đẹp hơn hiện thời, lòng người thuần hậu, đạo lý ở ngay chỗ này. Tư tưởng, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, và tạo tác của con người đều tuân theo khuôn mẫu luân lý và đạo đức. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, thật sự làm được bốn điều mục ấy, sẽ là thời thịnh trị thế giới đại đồng, thế giới này sẽ là thế giới Cực Lạc. Hiện thời đã hoàn toàn vi phạm, chẳng có Ngũ Luân; Ngũ Thường cũng không có, Tứ Duy và Bát Đức hoàn toàn không có, nên xuất hiện vấn đề, xã hội là một khối động loạn, khắp nơi trên địa cầu đều gặp tai nạn là do nguyên nhân này. Trong Phật pháp có nói biệt nghiệp và cộng nghiệp, tuy chúng ta sống trên địa cầu này là cộng nghiệp, nhưng trong cộng nghiệp còn có bất cộng nghiệp. Chúng ta có thể tuân thủ luân lý đạo đức, Tứ Duy và Bát Đức, tuy có tai nạn, chúng ta vẫn có thể tránh khỏi. Khi tai nạn xảy đến, thí dụ như đại địa chìm xuống, chúng ta có thể chẳng chết hay không? Chúng ta cũng chết. Vậy thì có khác gì đâu? Khác chứ! Sau khi chết, chúng ta về thế giới Cực Lạc, làm sao có thể giống nhau cho được? Sẽ đến chỗ khác nhau. Khi tai nạn xảy đến, chúng ta chẳng kinh hoảng chút nào, tâm định, vì sao? Liễu giải chân tướng sự thật, chúng ta ra đi tự tại, ra đi an tường, chẳng có một tí kinh hoảng nào! Những kẻ bình phàm do bị kinh hãi, đã bị kinh hãi nên chết trong kinh hoảng, sẽ đến chỗ chẳng tốt đẹp, chẳng tốt lành, chẳng thoát khỏi lục đạo, vẫn tiếp tục tạo quả báo trong tam đồ. Vì thế, làm sao mà có thể giống nhau cho được?

Tiếp theo đó, *“hựu Chân Giải viết: Nhất niệm chi khoảnh, châu biến vô lượng Phật độ giả, sở đáo Nhất Thừa thanh tịnh vô lượng thọ thế giới cố, kết quy Niệm Phật tam-muội dã”* (Sách Chân Giải lại nói: “Trong khoảng một niệm trọn khắp vô lượng cõi Phật, do đã đạt đến thế giới Nhất Thừa thanh tịnh vô lượng thọ, bèn kết quy Niệm Phật tam-muội”), câu này nói rất hay. Sau đó, cụ Hoàng cũng có giải thích: *“Thử thuyết thậm diệu, dĩ niệm Phật cố, đắc sanh Cực Lạc, tức khả thừa A Di Đà Như Lai Nhất Thừa nguyện hải trung đệ thập nhất nguyện”* (thuyết này rất sâu sắc, do niệm Phật, được sanh về cõi Cực Lạc, bèn có thể nương vào nguyện thứ mười một trong biển nguyện Nhất Thừa của A Di Đà Như Lai). Nguyện thứ mười một là nguyện *“cúng khắp chư Phật”*, do được nguyện lực ấy gia trì, nên xuất hiện thần thông diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn như thế, *“ư nhất niệm khoảnh, biến du Phật độ, phi Nhị Thừa sở năng trắc”* (trong khoảng một niệm, đi trọn khắp các cõi Phật, hàng Nhị Thừa chẳng thể suy lường được). Chúng ta phải cùng nhau khéo học tập điều này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta lại học tiếp đoạn ngắn này.

# Tập 128

 Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi bảy, hàng thứ hai, xem từ câu thứ hai:

*“Hựu Chân Giải viết: Nhất niệm chi khoảnh, châu biến vô lượng Phật độ giả, sở đáo Nhất Thừa thanh tịnh vô lượng thọ thế giới cố, kết quy Niệm Phật tam-muội dã”* (Sách Chân Giải lại nói: “Trong khoảng một niệm trọn khắp vô lượng cõi Phật, do đã đạt đến thế giới Nhất Thừa thanh tịnh vô lượng thọ, bèn kết quy Niệm Phật tam-muội”). Đây là một đoạn trong sách Vô Lượng Thọ Kinh Chân Giải nhằm giải thích câu *“ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ”* (trong khoảng một niệm, dạo khắp hết thảy các cõi Phật). Nói *“trong khoảng một niệm”* thì thời gian này rất ngắn ngủi, tạm bợ, trong phần trước chúng ta đã học, [các vị Bồ Tát tham dự pháp hội Vô Lượng Thọ] có thần thông năng lực như thế này, *“dạo khắp vô lượng cõi Phật”*. Kinh nói *“hết thảy các cõi Phật”* tức là vô lượng vô biên các cõi Phật. *“Sở đáo Nhất Thừa thanh tịnh vô lượng thọ thế giới”* (đạt đến thế giới Nhất Thừa thanh tịnh, vô lượng thọ). Nói theo thực tế, y báo và chánh báo của hết thảy các cõi Phật đều bình đẳng, chẳng khác gì Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chỗ thù thắng của thế giới Tây Phương so với những cõi Phật khác là do nguyện lực của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn. Nguyện lực ấy đã phát ra khi Ngài tu nhân, trong phần sau chúng ta sẽ đọc đến. Khi chư Phật hành Bồ Tát đạo, đã phát nguyện khác với một đại nguyện chung [[10]](#footnote-11)[5], [đại nguyện chung ấy] tức là Tứ Hoằng Thệ Nguyện thường được nhắc đến trong kinh giáo. Tứ Hoằng Thệ Nguyện là tổng cương lãnh, mỗi vị Phật đều có, nhưng tế hạnh sẽ khác nhau. Chúng ta có thể nói là A Di Đà Phật đã phát ra các nguyện đạt tới viên mãn rốt ráo, vô cùng vi tế, chẳng tìm thấy khiếm khuyết nào! Nguyện to tát, bi tâm khẩn thiết, nguyện dùng phương pháp bình đẳng phổ độ hết thảy chúng sanh, đối với các thứ căn tánh bất đồng đều có thể dùng một phương pháp xảo diệu để độ, phương pháp ấy là danh hiệu sáu chữ *“Nam-mô A Di Đà Phật”*,thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Đó là chỗ đặc biệt thù thắng của Di Đà Tịnh Độ. Nếu không có nguyện lực của A Di Đà Phật gia trì, thần thông của các Bồ Tát tuy cũng to lớn, nhưng chẳng viên mãn, chắc chắn chẳng viên mãn. *“Châu biến”* cũng là vô lượng. [Nếu như] trong vô lượng mà cũng có số lượng [thì đó là vô lượng hữu hạn], trong vô lượng chẳng có số lượng thì mới là vô lượng thật sự. Trong kinh Đại Thừa, chúng ta thường thấy khu vực giáo hóa của một đức Phật [tối thiểu] là một tam thiên đại thiên thế giới, đó là một đại thiên thế giới. [Có vị Phật, khu vực giáo hóa là] hai, ba đại thiên thế giới, có vị là mười mấy đại thiên thế giới. Quý vị thấy các Ngài làm Phật, duyên giáo hóa chúng sanh khác nhau, đúng là *“do gặp duyên khác biệt”*. Chỉ riêng A Di Đà Phật kết thiện duyên với tất cả chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, thật sự làm được. Vì lẽ đó, quốc độ của Phật Di Đà vô lượng vô biên, chẳng có cùng tận, chỗ nào cũng đều là [quốc độ của Ngài]. Cõi nước Cực Lạc ở đâu? Ở ngay nơi đây cũng là [Cực Lạc], chẳng có ngoại lệ! Vấn đề là chúng ta chẳng thấy! Chẳng thấy là do bản thân chúng ta có nghiệp chướng [ngăn trở]. Nếu chúng ta diệt trừ nghiệp chướng, [nơi đây] sẽ lập tức là [Cực Lạc]. Lại còn *“một chính là hết thảy, hết thảy chính là một”*, đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, nói đạt đến Nhất Thừa, Nhất Thừa là nhất Phật Thừa, chẳng phải là Bồ Tát Thừa. *“Thanh tịnh vô lượng thọ thế giới”* là nói đến quả, chứng đắc bằng cách nào? Niệm Phật tam-muội.

Lão cư sĩ nói *“thử thuyết thậm diệu”*, [nghĩa là] thuyết này rất hay, *“dĩ niệm Phật cố, đắc sanh Cực Lạc, tức khả thừa A Di Đà Như Lai Nhất Thừa nguyện hải trung đệ thập nhất nguyện chi gia bị lực”* (do niệm Phật mà được sanh về Cực Lạc, liền có thể nương vào sức gia bị của nguyện thứ mười một trong biển nguyện Nhất Thừa của A Di Đà Như Lai). Nguyện thứ mười một là *“cúng khắp chư Phật”*, do nguyện này, *“nhi xuất hiện như thị bất khả tư nghị thần thông diệu dụng, ư nhất niệm khoảnh, biến du Phật độ”* (bèn xuất hiện thần thông diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn như thế, trong khoảng một niệm, dạo khắp các cõi Phật). Trong phần trước, chúng tôi đã chỉ ra, một người sống trong thế gian chẳng thể thiếu phước báo. Trong kinh, chúng ta thấy chư Phật Như Lai, có những vị Phật giáo hóa quốc độ rất to lớn, phước báo to lớn. Cũng có vị quốc độ giáo hóa rất nhỏ, [chỉ là] một đại thiên thế giới, phước mỏng! Vì sao phước có dầy, mỏng? Do lúc tu nhân tích lũy công đức khác nhau! Giống như nay chúng ta sanh vào nhân gian, sống cùng một thời gian, được làm thân người trong khu vực này, sống chung với nhau, *“dẫn nghiệp”* như nhau, đó là do cái nhân lành trong đời quá khứ đã tu Ngũ Giới, Thập Thiện; nhưng *“mãn nghiệp”* khác nhau! Mãn nghiệp là gì? Trong đời quá khứ, mỗi người tu phước huệ khác nhau, có người phú quý, có kẻ nghèo hèn, khác nhau, chẳng phải là ông trời thiếu công bằng, mà do chúng ta mỗi người tu khác nhau. Do vậy, nói chung, trong khắp pháp giới hư không giới, y báo và chánh báo của tất cả hết thảy chúng sanh, không có gì chẳng phải là tự làm, tự chịu! Thật sự lãnh hội sẽ hiểu rõ ràng, chẳng còn oán trời hờn người! Đời quá khứ [chính mình] đã thiếu sót, chẳng nghiêm túc tu tập, nay đã hiểu rõ, nay nghiêm túc tu thì có còn kịp hay không? Vẫn kịp, vĩnh viễn còn kịp! Nay chúng ta mong mỏi của cải, hãy tu, tu nơi cái nhân. Tu Tài Bố Thí, chắc chắn có của cải. Chúng ta mong thông minh và trí huệ, phải tu Pháp Bố Thí. Mong khỏe mạnh, trường thọ, phải tu Vô Úy Bố Thí, chẳng có gì không đạt được! Sẽ đạt được rất nhanh, chỉ cần quý vị thật sự làm. Mọi người đều tu, nhưng đạt được kết quả khác nhau, là do nguyên nhân nào? Tín tâm khác nhau, nguyện lực khác nhau. Có người tu mà bán tín bán nghi: “Có đúng hay không? Thử xem!”, nên sẽ đạt được đôi chút. Có người chẳng hoài nghi tí nào, vừa tu bèn được đại phú, đại quý. Dụng tâm khác nhau! Tâm ấy là niệm, ý niệm khác nhau trong mỗi niệm!

Do đó, quý vị thấy tiến sĩ Giang Bổn Thắng làm thí nghiệm với nước, ông ta nói với tôi: Trong mười năm làm thí nghiệm trăm vạn lần, chẳng thấy có hai kiểu mẫu nước kết tinh hoàn toàn giống nhau! Nói lên điều gì? Cho thấy ý niệm của chúng ta trong mỗi niệm chẳng giống nhau! Đây là nói tới *“niệm khoảnh”.* Mỗi *“niệm khoảnh”* đều khác nhau, nên quả báo khác nhau. Nói tóm lại, chẳng thể thiếu phước, chẳng thể thiếu huệ. Vì vậy, bất luận trong Đại Thừa, hay Tiểu Thừa, Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, hay Mật Giáo, đức Phật đều dạy chúng ta phải phước huệ song tu. Đức Phật hết sức thương yêu mỗi người chúng ta, nhưng chẳng có cách nào ban phước huệ cho chúng ta, Ngài chẳng có khả năng ấy! [Những gì] Ngài đã tu vĩnh viễn thuộc về Ngài, dẫu Ngài có tốt với chúng ta đến mấy đi nữa, vẫn chẳng có cách nào ban cho, phải hiểu đạo lý này. Đức Phật dạy cho chúng ta phương pháp và lý luận tu hành nơi nhân địa, quý vị tu hành đúng lý, đúng pháp, tự nhiên đạt được quả báo. Thế giới này là y báo, thân thể chúng ta là chánh báo, cũng biến hóa trong từng sát-na, kinh gọi sát-na là một *“niệm khoảnh”.* Chánh báo là trạng huống thân thể, bất luận là nhục thể hay tinh thần, mỗi ngày đều khác nhau. Y báo là hoàn cảnh, hoàn cảnh hiện thời chẳng tốt đẹp, rất tệ, do nguyên nhân gì? Nhất định phải hiểu điều này, hoàn cảnh do nghiệp lực cảm vời, cảnh chuyển theo tâm. Đa số loài người chúng ta tâm chẳng tốt lành, tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm đều vì tiếng tăm, lợi dưỡng, đều là ngũ dục, lục trần, ý niệm chẳng tốt lành. Toàn là ý niệm tự tư tự lợi, tổn người, lợi mình, các ý niệm ấy tạo thành sự hỗn loạn trong xã hội, tai biến nơi y báo, tạo thành tình hình này. Con người trước kia, chẳng cần nói xa xôi, [chỉ nói tới] người Trung Quốc sáu mươi năm trước; hoàn cảnh cư trụ của chúng ta trong sáu mươi năm trước tốt hơn hiện thời, nhân dân thuần phác, tâm tự tư tự lợi chẳng nghiêm trọng như hiện tại, phổ biến là [ai nấy] còn có tâm yêu thương, thấy người khốn khổ đều có thể chìa tay giúp đỡ bất cứ lúc nào, thật sự giúp đỡ, con người vẫn còn có chút tình nghĩa. Hiện thời chẳng còn nữa, đó là gì? Chẳng tu phước. Con người hiện thời có phước hay không? Thật sự có phước, họ đang hưởng phước mỗi ngày, nhưng phá hỏng phước báo, hưởng thụ quá lố! Người xưa kia khác hẳn, họ tu phước, cổ nhân tu phước, nên thời gian hưởng phước lâu dài trải nhiều thế hệ. Con người hiện thời hưởng phước, chẳng tu phước, hưởng hết sạch phước thì sẽ như thế nào? Hiện thời là lúc phước báo sắp hưởng hết, hưởng hết thì tai họa bèn hiện tiền. Chẳng có phước nữa, vì đã hưởng hết phước rồi!

Tu phước thì tu nơi đâu? Trong kinh giáo đã nói: Chư Phật Như Lai là phước điền bậc nhất. Chúng ta phải gieo phước, đến đâu để gieo phước? Cúng dường Phật, cúng dường Phật phước báo to lớn. Dùng gì để cúng dường? Dùng tài cúng dường ư? Chẳng phải vậy, Phật chẳng cần tài vật! Chúng ta nghĩ xem, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài sống rất đơn giản, giữa trưa ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây, tất cả tài sản là ba y một bát, nên chẳng cần tài cúng dường! Vậy thì dùng gì để cúng dường? Dùng pháp cúng dường. Pháp cúng dường là như thế nào? Vâng theo lời dạy để tu hành là cúng dường. Nếu quý vị vâng theo giáo huấn của đức Phật, nghiêm túc tu tập, phước báo của quý vị khá lớn, Phật chẳng gạt người! Phước báo ấy có phải do Phật ban cho quý vị hay không? Chẳng phải! Phật chẳng ban cho chúng ta gì cả! Chúng ta đạt được phước báo do đâu? Trong tự tánh vốn có đầy đủ! Huệ Năng đại sư kiến tánh bèn nói một câu: *“Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”*,câu ấy đã chứng minh lời đức Phật dạy trong kinh: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Do Pháp Bố Thí, quý vị đạt được trí huệ từ trong tự tánh, nó vốn sẵn có, nhưng chưa khai phát. Bố Thí là công cụ, là phương pháp để khai phát; quý vị dùng công cụ ấy, phương pháp ấy để khai phát trí huệ và đức năng trong tự tánh. Đức năng là năng lực, nay chúng ta gọi nó là tài nghệ; phước báo khai phát. Trong phần sau có nói đến tướng hảo, tướng hảo là phước báo, nay chúng ta nói đến phú quý, toàn là vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh. Chúng ta mê mất tự tánh, khởi tâm động niệm, hết thảy tạo tác đều tùy thuận tập khí phiền não, hỏng mất rồi! Tập khí phiền não trái nghịch Tánh Đức. Tánh Đức là thiện, tánh con người vốn thiện, tập khí phiền não bất thiện! Bởi lẽ đó, giáo dục trở nên hết sức quan trọng, cổ thánh tiên hiền hết sức coi trọng [giáo dục], Phật, Bồ Tát càng coi trọng hơn.

Trong tâm mục của Phật, Bồ Tát, chỉ có một ý tưởng, một nguyện vọng: Hy vọng hết thảy chúng sanh đều có thể lìa khổ được vui. Phật, Bồ Tát là như vậy, chẳng tự tư tự lợi. Các Ngài đã đắc đại tự tại, đã lìa khổ, được vui viên mãn, nên các Ngài đến giúp đỡ chúng ta; nhưng khổ hay lạc rốt cuộc là tự làm, tự chịu, quý vị tạo nhân lành sẽ được vui sướng. Đó là chánh xác, Phật, Bồ Tát cổ vũ khích lệ quý vị. Quý vị tạo tác hết thảy những sự bất thiện, sẽ gặp phải tai nạn, bị Khổ Thọ. Phật, Bồ Tát thương xót quý vị, giúp cho quý vị thoát khổ, được vui như thế nào? Chư Phật Như Lai từ bi đến cùng cực, yêu thương hết thảy chúng sanh còn hơn cha mẹ, thật đó! Chúng ta phải có tâm cảm ơn, phải nghiêm túc nỗ lực học tập. Hiện thời tai nạn hiện tiền, làm thế nào để có thể hóa giải các tai nạn ấy? Người thế gian nói đến chuyện làm thế nào trốn tránh tai nạn? Phật pháp không nói đến chuyện trốn tránh, mà nói đến chuyện hóa giải. Người thật sự có Định Huệ, có sức hóa giải to tát. Người chẳng đủ Định, Huệ, sẽ được Phật, Bồ Tát gia trì, như trong kinh đã nói, chắc chắn là Phật, Bồ Tát gia trì. Nhưng đối với sự gia trì của Phật, Bồ Tát, chúng ta phải hiểu, trong quá trình học tập nhiều năm như vậy, chúng tôi biết chư Phật, Bồ Tát gia trì chúng ta, bất luận là trí huệ hay đức tướng, các Ngài có thể gia trì toàn là tương đối. Cũng có nghĩa là chúng ta có một phần tu trì, được Ngài gia trì thêm một phần, cảm ứng là như vậy đó! Chúng ta có mười phần tu trì, sẽ được chư Phật Như Lai gia trì mười phần. Chẳng phải là Phật có ý đối xử tốt với kẻ này, đối xử kém hơn đối với kẻ kia, chẳng phải vậy! Quý vị hành nhiều, Phật gia trì nhiều; hành ít, Ngài gia trì ít. Đối ứng theo tỷ lệ thuận, chuyện là như thế đó! Hành nhiều, chẳng thể gia trì ít; hành ít, cũng chẳng thể gia trì nhiều. Chúng ta liễu giải chân tướng sự thật, sẽ nghiêm túc nỗ lực tu tập. Tu là làm, tu là sửa đổi, sửa đổi những sai lầm, đó là Tu! Do đó, nhất định phải hiểu rất rõ ràng, hiểu rất rành rẽ hai chữ “tu hành”, nó chẳng phải là mê tín. Tư tưởng của chúng ta sai lầm, bèn tu chỉnh tư tưởng. Ngôn ngữ và tạo tác của chúng ta sai lầm, hãy nương theo tiêu chuẩn do đức Phật đã nói để tu chỉnh, đó mới là tu hành. Tu hành chẳng phải là niệm kinh, chẳng phải là bái sám, mà là thật sự thực hiện, tu ở chỗ nào? Tu nơi khởi tâm động niệm, đó là gì? Đó là tu từ căn bản, hiệu quả vô cùng to lớn.

Vì lẽ đó, tu hành phải tìm được cội rễ. Không tu từ cội rễ, hiệu quả chẳng lớn, dùng bất cứ đường lối nào cũng đều chẳng [có hiệu quả] to lớn. Cội rễ là gì? [Cội rễ của] pháp thế gian và xuất thế gian đều là hiếu đạo, hiếu thuận cha mẹ; vì thế, chúng ta là người tu hành chân chánh thì phải khởi sự từ chỗ này! Người nếu chẳng hiếu thảo với cha mẹ, cũng giống như là đức hạnh của quý vị thiếu căn bản. Trong hai câu đầu của Tịnh Nghiệp Tam Phước, đức Phật dạy chúng ta: *“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”*, vì sao? Chúng ta có được thân mạng từ cha mẹ, do cha mẹ ban cho chúng ta. Huệ mạng của chúng ta do thầy mà có, thầy giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Quý vị thấy một đằng là hiếu, hiếu thảo với cha mẹ; một đằng là kính, kính trọng thầy, tôn sư trọng đạo. Người Hoa rất coi trọng thầy, coi thầy chẳng khác gì cha mẹ của chính mình. Quý vị có thể đọc điều này từ sách Nghi Lễ [[11]](#footnote-12)[6] và Lễ Ký. Trong xã hội, nếu ai nấy đều là hiếu tử, mỗi người đều là học trò ngoan, xã hội sẽ an tường, hòa bình, nơi ấy chẳng có tai nạn. Đúng là mưa hòa, gió thuận, trúng mùa, nhân dân an lạc, nhà nhà hạnh phúc mỹ mãn, thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Chỉ cần tu tốt đẹp hai cội rễ ấy! Phật, Bồ Tát, thánh hiền đã nêu ra giềng mối ấy, thực hiện lòng hiếu thảo đối với cha mẹ như thế nào? Chúng ta có thể thực hiện tốt đẹp Đệ Tử Quy thì không chỉ là có thể hiếu thân, mà còn là tôn sư tốt đẹp. Nếu lại có thể thực hiện Cảm Ứng Thiên, cội rễ càng sâu hơn! Cảm Ứng Thiên giúp cho cội rễ của quý vị sâu hơn. Thập Thiện Nghiệp có thể giúp cho cội rễ ấy trở thành căn bản để thành Phật, căn cội càng sâu hơn. Chúng ta suy nghĩ sẽ thấy [các cội rễ đó] trọng yếu dường ấy! Trung Quốc từ xưa tới nay đã mấy ngàn năm đều vun bồi ba cội rễ ấy........ Nho, Thích, Đạo là tinh thần lập quốc của Trung Hoa. Nếu chúng ta bỏ mất, tai nạn sẽ lập tức hiện tiền. Nếu nói theo chánh báo, tức là thân thể của chúng ta, thì [tai nạn là] bị bệnh tật. Tai nạn của cá nhân chúng ta là đau khổ, tai nạn nơi xã hội là bất an, tai nạn nơi núi, sông, đại địa là tai biến. Hôm nay, tôi nghe nói núi lửa ở Tô Môn Đáp Lạp (Sumatra) của Ấn Nê (Indonesia) bùng nổ, cũng khá nghiêm trọng. Động đất, sóng thần, hạn hán, lụt lội, ôn dịch toàn bộ đều xuất hiện, chúng ta đã vi phạm giáo huấn của thánh hiền! Giáo huấn thánh hiền toàn là Tánh Đức trong tự tánh. Vi phạm Tánh Đức, thì tai nạn gì cũng đều xuất hiện.

Do đó, chẳng thể không tu phước, chẳng thể không tu huệ. Ba nhà Nho, Thích, Đạo đều dạy chúng ta cầu phước, cầu huệ. Cuối cùng, phải cầu sanh Tịnh Độ thì phước huệ của quý vị mới có thể viên mãn. Chẳng cầu sanh Tịnh Độ, phước huệ chẳng viên mãn. Được oai thần của Phật gia trì, nên mới xuất hiện thần thông diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn như thế, đúng là chẳng thể nghĩ bàn, thần thông diệu dụng chân thật. *“Ư nhất niệm khoảnh, biến du Phật độ”* (trong khoảng một niệm, dạo khắp các cõi Phật), dạo khắp các cõi Phật là tu huệ và tu phước chân thật. Vì quý vị đến gặp Phật, cúng dường Phật, dùng gì để cúng dường? Tâm cung kính, tâm chân thành, dùng những tâm ấy để cúng dường. Quý vị được Phật lực gia trì, bèn có phước báo; cung kính nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp, y giáo phụng hành, trí huệ mở mang, đó là cầu huệ. Vì thế, vô lượng phước huệ, phước huệ lớn nhất tu nơi đâu? Tu trong Phật môn. Rời khỏi Phật môn, làm sao quý vị có thể tu phước báo như thế? Làm sao có thể thành tựu trí huệ to lớn như thế?

Phật giáo ở Ấn Độ, thuở ấy, tổ tiên, tức đế vương của quốc gia là Hán Minh Đế, theo lịch sử ghi chép, đã phái đặc sứ sang Tây Vực tìm kiếm, nghe ngóng khắp nơi, nơi nào có cao tăng, có đại đức, bèn lễ thỉnh họ đến Trung Quốc. Đã tới Trung Quốc, đế vương bèn bái họ làm thầy, đế vương làm đệ tử, nên [tăng sĩ] đến Trung Quốc với thân phận quốc sư, giúp đỡ đế vương giáo hóa chúng sanh, nên người Hoa mới có phước báo to như thế, chớ nên không biết đều này. Đến thế giới Cực Lạc, phước báo ấy viên mãn, vì sao? Người ấy có thể dạo khắp các cõi Phật. Trong thế gian này, gặp một vị Phật rất vất vả; đến thế giới Cực Lạc, mỗi ngày quý vị đều có thể dạo khắp vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật; quý vị nói xem mỗi ngày tu phước báo to cỡ nào! Trong thế gian này, chúng ta tu ngàn vạn năm, đều chẳng bằng tu một ngày trong thế giới Cực Lạc. Nếu chúng ta mong tu đại phước, đại huệ chân chánh, chớ nên coi thường, bỏ qua thế giới Cực Lạc. Trước kia không biết thì còn có thể dung thứ, nay đã biết, đây là thật, chẳng giả! Câu cuối cùng là *“phi Nhị Thừa sở năng trắc”* (chẳng phải là Nhị Thừa có thể suy lường được), Nhị Thừa là A La Hán và Bích Chi Phật, là Tiểu Thừa. Đối với các vị Bồ Tát, tức là các vị đại Bồ Tát dự hội, hàng Nhị Thừa chẳng có cách nào suy lường trí huệ và phước đức của các Ngài, rốt cuộc to cỡ nào họ chẳng biết. Kinh văn đến chỗ này là nói về đức tự lợi của các vị đại sĩ, chúng ta học tới đây.

Phần kinh văn tiếp theo là lợi tha. Quý vị thấy đã tự lợi rồi mới có thể lợi tha, chính mình chưa đạt được thì làm sao có thể giúp đỡ người khác? Đối với đoạn kinh văn này, đây là một đoạn lớn, trong một đoạn lớn này có rất nhiều đoạn ngắn, khi chúng tôi đọc đều đọc ra hết. Đây là phần lợi tha, trong các đức lợi tha có tất cả sáu đoạn, đoạn thứ nhất là *“diệu hạnh hiển Thật”.* Kinh văn như sau:

***Đắc Phật biện tài, trụ Phổ Hiền hạnh, thiện năng phân biệt chúng sanh ngữ ngôn, khai hóa hiển thị chân thật chi tế, siêu quá thế gian chư sở hữu pháp.***

**得 佛 辯 才。住 普 賢 行。善 能 分 別 眾 生 語 言。開 化 顯 示 真 實 之 際。超 過 世 間 諸 所 有 法。**

*(Đắc biện tài của Phật, trụ trong hạnh Phổ Hiền, khéo có thể phân biệt ngôn ngữ của chúng sanh, khai hóa phô bày lẽ chân thật, vượt trội tất cả các pháp thế gian).*

Đến đây là một đoạn, đoạn này là Diệu Hạnh Hiển Thật. Dưới đây là đoạn thứ hai:

***Tâm thường đế trụ độ thế chi đạo, ư nhất thiết vạn vật tùy ý tự tại, vị chư thứ loại tác bất thỉnh chi hữu.***

**心 常 諦 住 度 世 之 道。於 一 切 萬 物 隨 意 自 在。為 諸 庶 類 作 不 請 之 友。**

*(Tâm thường trụ chắc nơi đạo trụ thế, đối với hết thảy vạn vật tùy ý tự tại. Vì các loài làm bạn chẳng thỉnh).*

Đây là đoạn thứ hai “làm bạn chẳng thỉnh”, đoạn thứ ba tiếp theo là “hộ trì chủng tánh của Phật”.

***Thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng, hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt.***

**受 持 如 來 甚 深 法 藏。護 佛 種 性 常 使 不 絕。**

*(Thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai, hộ trì chủng tánh của Phật khiến cho thường tồn tại, chẳng dứt).*

Dưới đây là đoạn thứ tư “bi diễn tế độ”.

***Hưng đại bi, mẫn hữu tình, diễn từ biện, thọ pháp nhãn. Đỗ ác thú, khai thiện môn. Ư chư chúng sanh, thị nhược tự kỷ, chửng tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn.***

**興 大 悲。愍 有 情。演 慈 辯。授 法 眼。杜 惡 趣。開 善 門。於 諸 眾 生。視 若 自 己。拯 濟 負 荷。皆 度 彼 岸。**

*(Dấy lòng đại bi, thương xót hữu tình, diễn Từ Biện Tài, trao pháp nhãn, lấp đường ác, mở đường lành, coi các chúng sanh giống như chính mình, cứu vớt, gánh vác [khiến các chúng sanh] đều lên bờ kia).*

Câu dưới đây là *“đức huệ tề Phật”* (đức và huệ bằng Phật). Quý vị thấy đức là phước đức, trí huệ gần như bằng với Phật. Tề (齊) có nghĩa là bằng nhau.

***Tất hoạch chư Phật vô lượng công đức. Trí huệ thánh minh, bất khả tư nghị.***

**悉 獲 諸 佛 無 量 功 德。智 慧 聖 明。不 可 思 議。**

*(Ắt đạt được vô lượng công đức của chư Phật, trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn).*

Câu sau đây là tổng kết.

***Như thị đẳng chư đại Bồ Tát, vô lượng vô biên, nhất thời lai tập.***

**如 是 等 諸 大 菩 薩。無 量 無 邊。一 時 來 集。**

*(Các vị đại Bồ Tát như thế, vô lượng vô biên, cùng lúc nhóm đến).*

Ở đây đã nói lời chân thật. Các vị Bồ Tát đến tham gia pháp hội không chỉ là một vạn hai ngàn! Một vạn hai ngàn là [những vị] nhân gian chúng ta trông thấy. Mắt thịt của chúng ta chẳng thấy các vị đại Bồ Tát nhiều vô lượng vô biên, từ mười phương thế giới đến, đều tham dự sự kiện này. Sự kiện lớn lần này chính là Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta diễn nói kinh Vô Lượng Thọ, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Tiếp theo đây là lời chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Câu đầu tiên trong kinh văn là *“đắc Phật biện tài, trụ Phổ Hiền hạnh”*: *“Biện tài giả, thiện xảo tuyên thuyết pháp nghĩa chi tài năng”* (Biện tài là tài năng khéo léo tuyên nói pháp nghĩa), giải thích Biện Tài là gì. Nay chúng ta nói Thiện là hết sức tốt đẹp, rất xảo diệu, có thể nói nghĩa lý Phật pháp rất rõ ràng, nói rất minh bạch, khiến cho mọi người đều có thể nghe hiểu, đều có thể sanh khởi tín tâm, đó là Biện Tài, chẳng phải là biện tài tầm thường, mà là biện tài của Phật!

Chúng ta xem lão cư sĩ trích dẫn kinh luận, *“thử tắc Tịnh Ảnh Sớ sở vị: Ngôn năng biện liễu, ngữ năng tài xảo”* (đây chính là như Tịnh Ảnh Sớ đã nói: “Ngôn thì biện luận rành rẽ, ngữ thì khéo léo”). *“Ngôn năng biện”* tức là biện định, *“liễu”* (了) là hiểu rõ. [Xét theo] ngôn ngữ thì lời lẽ có năng lực phô bày sự tài hoa, hay khéo của người ấy. Đây là tán thán sự giảng kinh, giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tuy chúng ta chẳng đích thân tham gia pháp hội này, nhưng đọc những kinh điển đã được phiên dịch, có thể hiểu đại lược các ý nghĩa ấy. Thuở ấy, đức Thế Tôn thuyết pháp, giảng kinh, dạy học suốt bốn mươi chín năm, chư vị nhất định phải biết Ngài chẳng có sách giáo khoa, chẳng có kinh bổn, thứ gì cũng chẳng có. Hằng ngày đối diện đại chúng, lão nhân gia liền giảng, giảng suốt bốn mươi chín năm chẳng trùng lặp. Ngài giảng gì? Chúng ta dùng một câu để nói rõ, Ngài giảng chân tướng của vũ trụ và nhân sinh! Vì sao Ngài giảng hay như vậy, giảng có thứ lớp như vậy, ghi chép lại thành văn chương hay khéo như vậy? Đó là gì? Những điều Ngài đã chứng đắc. Ngài giới thiệu thế giới Cực Lạc với chúng ta. Chẳng biết Ngài đã đến thế giới Cực Lạc bao nhiêu lần, rất quen thuộc, Ngài giảng giải có cần dùng bài giảng soạn sẵn hay không? Chẳng cần! Trong pháp hội này liền đặc biệt giới thiệu thế giới Cực Lạc.

Nguồn gốc của kinh điển là sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, tức là sau khi lão nhân gia đã khuất bóng, các học trò đã dựa theo ký ức viết ra, truyền lại cho hậu thế, trở thành kinh điển. Những thứ đã giảng trong bốn mươi chín năm rất nhiều, trong các phần trước, tôi đã từng giới thiệu, ngài A Nan là nhân vật chủ yếu kết tập kinh điển, vì Ngài đảm nhiệm việc trùng tuyên, có trí nhớ tốt, những gì Ngài đã nghe đều có thể ghi nhớ, chẳng quên mất. Nói theo cách bây giờ, Ngài cũng là một bậc thiên tài, chẳng phải là người bình phàm. Phụ trách chủ trì chuyện này là tôn giả Đại Ca Diếp, là vị chịu trách nhiệm chánh yếu của hoạt động này. A Nan là chủ giảng, năm trăm vị A La Hán đều là đồng học, đều là học trò đức Phật, các Ngài đến chứng minh, đến nghe mỗi ngày. Nghe lời A Nan nói, nếu không có ai phản đối, bèn ghi lại. Nếu có một vị phản đối, liền gạt bỏ câu ấy, nhằm giữ chữ tín với đời sau: Lời A Nan đã nói là thật, chẳng giả. *“Như thị ngã văn”* (ta nghe như thế này), những điều tôi nói đều do tôi đích thân nghe Thích Ca Mâu Ni Phật nói, chẳng dám thêm hay bớt chút nào lời Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng có! Hoàn toàn nói đúng như thế. Đức Phật nói như thế nào, Ngài liền nói như thế ấy, ghi chép lại, trở thành kinh điển, chúng ta phải hiểu rõ chuyện này. Vì thế, [kinh điển của] đức Phật là giáo dục, chẳng giống các tôn giáo khác, kinh văn từ trên trời giáng xuống, người hiện thời chẳng tin điều ấy, vì sao? Hiện nay trên trời chẳng rớt kinh văn xuống, rất khó tin tưởng! Phật pháp chẳng hề nói như vậy, lời thầy nói được kết tập thành kinh tạng. Người học đời sau, từ đời thứ ba trở đi, thứ ba sau này đều là chiếu theo kinh điển để học tập, nghe người thuộc thế hệ trước chỉ dạy, đời đời lưu truyền, chánh pháp tồn tại lâu dài trong thế gian. Phật pháp hưng vượng dựa vào điều này; chẳng cậy vào tạc tượng Phật, xây chùa miếu, chẳng phải vậy, chẳng dính dáng đến những điều ấy. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, một đạo tràng cũng không có, ngay cả một túp lều tranh cũng không nghe nói tới, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này thì học Phật mới có thể học được này nọ.

*“Hựu Gia Tường Pháp Hoa sớ viết”* (lại nữa, bộ Pháp Hoa Sớ của ngài Gia Tường có nói), tức là trong chú giải kinh Pháp Hoa của Gia Tường đại sư, Ngài đã giải thích Biện Tài như sau: *“Tốc tật ứng cơ danh Biện, ngôn hàm văn thái viết Tài. Thử tắc dĩ năng tấn tốc ứng cơ, phương danh Biện Tài dã”* (“Ðáp ứng nhanh chóng từng căn cơ là Biện, lời lẽ bóng bảy là Tài”. Như vậy thì có thể nhanh chóng thích ứng với từng căn cơ thì mới được gọi là Biện Tài). Nói theo cách này, nay chúng ta gọi điều này là “năng lực ứng biến”, người khác nêu ra câu hỏi, bèn chẳng cần suy tư, lập tức giải đáp. Nói rõ người ấy có trí huệ, có học thức phong phú, cho nên mới có năng lực như vậy, biện tài mẫn tiệp. *“Hội Sớ viết”* (sách Hội Sớ nói), sách Chú Giải trích dẫn Hội Sớ rất nhiều, *“ngôn âm khai Hoặc vi Biện, tùy cơ xảo diệu vi Tài, vô bất giai xuất ư thánh trí”* (ngôn âm dứt Hoặc (phiền não, mê hoặc) là Biện, tùy cơ hay khéo là Tài, không điều gì chẳng phát xuất từ thánh trí), cách giải thích này rất hay. *“Tam sớ chi trung, thử thuyết vi thượng”* (Trong [các thuyết của] ba bộ sớ, thuyết này hay nhất). Mỗi câu, mỗi chữ do đức Phật nói ra đều nhằm giúp chúng ta khai trí huệ. *“Khai Hoặc”*: Hoặc (惑) là mê hoặc; *“khai Hoặc”* là phá mê hoặc, điều này được gọi là Biện (辯), khéo léo tùy thuận căn cơ là Tài (才). Căn tánh của chúng sanh khác nhau, trong kinh Phật thường dùng từ ngữ *“thượng, trung, hạ tam căn”.* Thượng căn là lợi căn, người này rất thông minh, vừa chỉ điểm liền ngộ, hiểu rõ. Trung hạ căn kém hơn một chút. Vì thế, đức Phật dạy học cũng dùng ba loại phương pháp: Chỉ dạy kẻ thượng căn, họ hiểu ngay; đối với kẻ trung căn, quý vị chỉ dạy họ chẳng hiểu, ắt phải giảng giải rõ ràng, rành mạch, họ mới hiểu. Người hạ căn dẫu giảng nhiều đến mấy, họ chẳng tin tưởng, hạng hạ căn là như vậy. Làm thế nào? Đưa ra chứng cứ. Đó gọi là *“tam chuyển pháp luân”*, tức thị chuyển, khuyến chuyển, tác chứng chuyển, [khiến cho] họ tin tưởng. Nếu đã nêu chứng cứ mà họ vẫn không tin, chẳng có cách nào hết, như vậy là kẻ ấy chẳng có duyên với Phật, Phật chẳng có cách nào độ kẻ ấy. Vì vậy, đức Phật dùng ba thứ phương pháp ấy để tiếp dẫn ba thứ căn cơ bất đồng, đó là biện tài của Như Lai. Bất luận là thị chuyển, khuyến chuyển, hay tác chứng chuyển đều nương cậy trí huệ; không có trí huệ sẽ chẳng thể làm được! Từ kinh điển, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật cùng đại chúng đối đáp. Quý vị thấy người ta nêu lên câu hỏi, đức Phật giải đáp như thế. Đặc biệt là trong hội Lăng Nghiêm, gần như từ đầu đến cuối đều là biện luận, người nêu câu hỏi rất hay, đức Phật trả lời càng khéo léo hơn nữa. Do đó, cổ nhân gọi kinh Lăng Nghiêm là *“khai trí huệ Lăng Nghiêm”* rất có lý. Quý vị nghe các Ngài biện luận bèn khai trí huệ.

Cụ Hoàng Niệm Tổ nói đối với ba thứ trên đây, tức là đối với ba cách nói trong ba bộ chú giải, cách nói của Hội Sớ hay nhất. Nói cách khác, trọng yếu nhất trong Phật pháp, chúng ta phải ghi nhớ, là phá mê khai ngộ. Hội Sớ nói đến chỗ này, phá mê khai ngộ! Không thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ, sẽ chẳng phải là biện tài giỏi, nhất định phải giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Mỗi ngày đều có một chút tiểu ngộ, ngày hôm ấy chẳng luống uổng. Cổ nhân nói *“tích tiểu ngộ thành đại ngộ”*, lại tích lũy đại ngộ thành đại triệt đại ngộ. Giáo Hạ gọi [đại triệt đại ngộ] là đại khai viên giải. Đại khai viên giải và “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” của Thiền Tông có cùng một cấp bậc. Một đằng là từ tham Thiền mà kiến tánh, một đằng là do nghe Giáo mà kiến tánh. Minh tâm kiến tánh do nghe Giáo được gọi là “đại khai viên giải”. Niệm Phật hoặc niệm chú cũng có thể đạt đến đại triệt đại ngộ, nên trong Tịnh Độ Tông gọi chuyện này là Lý nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn là đại triệt đại ngộ. Do đó, quý vị thấy Tông, Giáo, Tịnh Độ danh xưng khác nhau, nhưng cảnh giới là cùng một chuyện, đều là minh tâm kiến tánh. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật; trước hết, phải suy xét căn tánh của chính mình là gì. Tham Thiền đòi hỏi căn tánh thượng thượng thừa, căn tánh thượng thượng thừa là gì? Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thấy rất đạm bạc, cũng có nghĩa là người ấy chẳng có phân biệt, chấp trước gì, người như vậy mới có thể tham Thiền. Người phân biệt, chấp trước, so đo rất nhiều, chắc chắn là tham Thiền chẳng thể khế nhập. Học Giáo là phổ biến nhất, tuyệt đại đa số mọi người, đó là hạng căn tánh bậc trung; do đó, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, giáo học bốn mươi chín năm. Phương pháp giáo học của nhà Thiền chỉ truyền cho ngài Đại Ca Diếp, rất ít người đạt được. Đại đa số là học Giáo, căn tánh của chúng ta trong xã hội hiện tại cũng là như thế. Còn có những người đối với họ, Giáo quá rắc rối, quá nhiều, nên cổ nhân có tỷ dụ *“vào biển đếm cát”*, quá phiền phức, có thể đơn giản hơn hay không? Đơn giản hơn một chút là Tịnh Độ, Mật và Tịnh Độ tương đối đơn giản đôi chút. Mật và Tịnh Độ đều tu nhất tâm bất loạn. Chúng ta nói tới Giác, Chánh, Tịnh, thì chỉ có Thiền Tông là giảng về Giác, tức giác ngộ, Giáo Hạ giảng về Chánh, tức chánh tri chánh kiến, Tịnh Độ và Mật giảng Tịnh, tu tâm thanh tịnh.

Nhưng Tịnh Độ Tông còn thù thắng, còn thuận tiện hơn Mật Tông. Nghi quỹ của Mật Tông quá nhiều, học cũng rất phiền phức. Chẳng giống như Tịnh Độ Tông là một câu Nam-mô A Di Đà Phật, quý vị thấy thuận tiện lắm, lúc nào cũng đều có thể niệm, niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm trong tâm đều được, đó là một phương pháp thuận tiện nhất, học dễ dàng nhất, thành tựu cao nhất. Niệm thì chư vị phải ghi nhớ, phải dùng một câu A Di Đà Phật này để thay thế tất cả hết thảy vọng niệm của chúng ta. Mục tiêu thật sự của niệm Phật ở chỗ này. Không niệm Phật liền suy nghĩ loạn xạ. Ta thay thế những ý niệm tạp loạn bằng một câu Phật hiệu, đó là niệm Phật. Niệm niệm đều là A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra, chẳng có vọng niệm khác. Vọng niệm khác mới dấy lên, bất luận là thiện niệm hay ác niệm, chẳng sao cả, đều chẳng cần quan tâm đến nó, ngay lập tức đổi thành A Di Đà Phật, khéo là khéo ở chỗ này! Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật như thế nào? Niệm Phật thành Phật, chính Ngài nói như thế, hoàn toàn tương ứng với đạo lý như trong Giáo Hạ đã nói. *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Tâm ta muốn thấy Phật, bèn thành Phật. Trong tâm muốn thành Bồ Tát bèn thành Bồ Tát. Trong tâm mỗi ngày mong phát tài, không tốt! Vì sao? Quả báo của [tâm niệm mong] phát tài là ngạ quỷ đạo. Tham tài là tâm tham, tâm tham đọa ngạ quỷ, sân khuể đọa địa ngục, ngu si đọa súc sanh. Quý vị thấy đó là chánh báo của chúng ta, đó là Tam Độc phiền não. Nếu chúng ta niệm niệm ứng với Tam Độc, tương ứng với tham, sân, si, tiền đồ của quý vị là một bầu hắc ám, đi vào trong tam ác đạo. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta phương pháp này mầu nhiệm lắm, bất luận là tham niệm, sân niệm, hay si niệm, hễ niệm vừa dấy lên bèn A Di Đà Phật. Niệm đến mức chẳng dấy niệm vẫn là A Di Đà Phật. Trong tâm trừ A Di Đà Phật ra, điều gì cũng đều chẳng có, quý vị bèn thành công, đắc Niệm Phật tam-muội. Đắc Niệm Phật tam-muội, há lẽ đâu chẳng vãng sanh!

Người bình thường chẳng niệm Phật, hoặc công phu niệm Phật rất kém, kém là sao? Xen tạp quá nhiều! Trong Phật hiệu, xen tạp rất nhiều vọng tưởng tạp niệm, cuối cùng gặp thiện duyên thù thắng, vẫn có thể vãng sanh. Có những người thấy vậy, [cảm thấy] dường như rất thiếu công bằng! Tôi dụng công hơn kẻ ấy, niệm Phật hằng ngày, suốt đời chẳng thiếu công khóa sáng tối, vì sao tôi chẳng vãng sanh? Vì sao kẻ ấy có thể vãng sanh? Phải hiểu đạo lý này. Phàm phu chúng ta chỉ biết một đời này, chẳng biết đời quá khứ; người vãng sanh ấy có thể là đời này chẳng siêng năng như vậy, nhưng đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tích lũy thiện căn sâu dầy, nên lúc lâm chung mới gặp thiện duyên, một niệm cuối cùng thanh tịnh. Thật sự có thể vãng sanh hay không là do một niệm cuối cùng. Trong khoảng một niệm, niệm cuối cùng khi quý vị tắt hơi là A Di Đà Phật, chắc chắn vãng sanh! Kinh đã giảng chuyện này rõ ràng, nguyện thứ mười tám, *“lúc lâm chung, một niệm hay mười niệm quyết định được vãng sanh”*, đó là bổn nguyện của A Di Đà Phật. Vì thế, ai may mắn dường ấy? Lúc lâm chung, gặp gỡ thiện duyên ấy? Rất khó! Quá khó khăn, còn khó hơn mua vé số trúng giải đặc biệt! Do vậy, trong lúc thường ngày, chúng ta vẫn phải cố gắng, chăm chút vun bồi, để đến lúc lâm chung, thật sự nắm chắc. Mấu chốt đều là lúc thường ngày có thể buông xuống, điều này rất quan trọng! Nếu bình thường chẳng thể buông xuống được, đó là chướng ngại lớn nhất của chúng ta. Bình thường điều gì cũng đều phải xem nhẹ, thật sự có thể làm giống như cổ nhân đã nói: *“Chẳng tranh với người, không cầu nơi đời”*, đó là tốt đẹp. Suốt đời tùy duyên sống qua ngày, chẳng có gì không tốt đẹp, dưỡng thành [thái độ] không có gì chẳng hoan hỷ, chúng ta mới nắm chắc vãng sanh! Đối với hết thảy người, sự, vật trong thế gian này, chúng ta tôn trọng, lễ kính, quyết định chẳng tham luyến, quyết định chẳng oán hận. Tu gì? Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, chứ giác rất khó! Chỉ cần tu hai thứ này, quyết định được vãng sanh! Vĩnh viễn giữ gìn sự thanh tịnh và bình đẳng của chính mình, đó là gì? Đó là công đức. Phật môn thường nói *“trì giới có công”*, trì giới tốt đẹp, *“tam-muội là đức”*,quý vị đắc tam-muội, tam-muội là Định. Vì vậy, do Giới đắc Định. Giới đã có công, Định phải đạt được. Tu Định rất khá, tu Định là công, trí huệ đã khai, khai huệ là đức, đó là công đức. Công đức khác phước đức; phước đức chẳng thể liễu sanh tử, không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, nhưng công đức có thể. Vì thế, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đòi hỏi công đức, kinh đã giảng rất rõ ràng, chẳng phải là phước đức! Kinh Di Đà đã dạy: *“Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy”*, thiện căn cộng với phước đức liền biến thành công đức chân thật. Nếu chỉ có phước đức, chẳng có thiện căn, sẽ chẳng thể vãng sanh, chẳng thoát ly lục đạo, chúng ta chớ nên không hiểu rõ điều này!

Chúng ta xem câu tiếp theo: *“Hựu Tịnh Ảnh Sớ vị Như Lai đắc Tứ Vô Ngại Trí”* (Tịnh Ảnh Sớ lại nói Như Lai đắc bốn món vô ngại trí). Bốn món vô ngại trí ấy còn gọi là Tứ Vô Ngại Biện Tài. *“Như Lai do vô ngại chi trí, hưng vô ngại chi tứ biện”* (Như Lai do trí vô ngại mà hưng khởi bốn món Vô Ngại Biện Tài). Phật mới có bốn thứ biện tài vô chướng ngại, nên bốn thứ biện tài đều xuất phát từ trí. Nếu chúng ta muốn đắc bốn thứ Vô Ngại Biện Tài, phải học từ đâu? Từ trí. Trí do đâu mà có? Trí từ Định [mà có]. Định do đâu mà có? Định từ Giới. Quý vị liền biết trì giới là căn bản. Do Phật giáo hiện thời suy vi, đúng là suy đến tận đáy; nếu chúng ta thật sự phát tâm mong làm đệ tử Phật, chúng ta có nghĩa vụ, có sứ mạng, có trách nhiệm hưng khởi Phật giáo. Như thế nào thì mới có thể hưng vượng? Nhất định phải y giáo phụng hành, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta thật thà làm theo, thật thà nghe lời, đúng là thật thà, nghe lời, thật sự làm theo thì được, sẽ có thể hưng khởi Phật giáo! Khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, tôn giả A Nan hỏi bốn chuyện, trong ấy có một chuyện là: *“Thuở Phật tại thế, mọi người chúng con đều nương vào Phật làm thầy, nay Phật đã khuất bóng, chúng con nên nương vào ai làm thầy?”* Điều này có quan hệ rất lớn với chúng ta. Đức Phật chẳng chỉ định người nào, chỉ nói hai câu: *“Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”.* Có thể trì giới, có thể chịu khổ, liền giống như ở bên cạnh Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng khác gì! Trước kia theo Phật, đúng là phải chẳng sợ khổ, phải trì giới. Vì thế, từ kinh điển, chúng ta thấy Tăng đoàn của đức Phật gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, là một đoàn thể khá lớn, có thể sống hòa thuận, đối đãi bình đẳng, chiếu cố lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, cậy vào gì? Giới luật! Mỗi cá nhân đều nghiêm túc tuân thủ lời răn dạy của đức Phật, chẳng vi phạm, đoàn thể ấy là đoàn thể Lục Hòa Kính. *“Kiến hòa đồng giải”* là mỗi ngày nghe kinh, kiến lập trên điều này, *“giới hòa đồng tu”*. Hai điều này là cơ sở của Lục Hòa Kính; chẳng có hai điều này, sẽ chẳng có cách nào đối xử hòa thuận. Mỗi ngày nghe kinh có thể nghe đến tám tiếng đồng hồ hoặc mười tiếng đồng hồ, chúng ta có lý do để tin tưởng Tăng đoàn thuở ấy mỗi ngày nghe kinh mười tiếng đồng hồ. Đức Thế Tôn suốt bốn mươi chín năm đều như một ngày, chẳng bỏ sót ngày nào! Chính Thích Ca Mâu Ni Phật dẫn đầu “giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây một đêm”, học trò đều giống như thầy, đúng là buông xuống vạn duyên, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, giác. Chúng ta hãy nên thường nghĩ đến, mỗi ngày chúng ta cúng dường Phật, nhìn thấy tượng Phật, nghĩ tới hành trạng thuở Ngài tại thế đã nêu gương cho chúng ta nhìn vào.

Nay chúng ta đang nhằm thời kỳ Mạt Pháp, chẳng có giới luật; người hiện thời chẳng thể chịu khổ, có điều gì chẳng nhấn mạnh hưởng thụ? Hơi có một chút chẳng vừa ý, trong tâm liền bực bội, quý vị thấy tham, sân, si, mạn đều dấy lên. Có thể thấy là một chút công phu học Phật cũng chẳng có, cũng có nghĩa là chẳng có công đức, chẳng có một mảy công đức! Những gì đã tu là tu một chút phước đức, hiện thời đức còn chẳng có, tu một chút phước báo. Trong nhà Phật có một danh từ là *“si phước”*, do ngu si [nên là] si phước. Đức là trong phước còn có một chút trí huệ. Trong phước báo hiện thời chẳng có trí huệ, toàn là tham, sân, si, mạn, nghi, nên nói là *“si phước”.* Chúng ta muốn thật sự làm, chỉ có cách học từ Đệ Tử Quy, chẳng thể không học, không học không được! [Bắt đầu] từ Đệ Tử Quy, trong Đệ Tử Quy có một trăm mười ba chuyện. [Sách] nêu ra một trăm mười ba chuyện ấy, nhưng người học phải có năng lực *“nêu một góc, suy ra ba góc kia”*, cổ nhân gọi năng lực ấy là *“nghe một, biết mười”*, cũng là như người hiện thời nói là “học sống động, vận dụng sống động”. Quý vị thực hiện những điều đã học trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong đãi người, tiếp vật, thật sự đạt được thọ dụng, đó là gì? Đó là cơ sở của giới luật. Lại học Cảm Ứng Thiên, vun bồi căn cội vững vàng, ổn thỏa. Cảm Ứng Thiên là nhân quả giáo dục, sách này cũng chẳng dài, trong đó nói *“thiện nhân, thiện quả; ác nhân, ác báo”*,nêu tổng cộng một trăm chín mươi lăm trường hợp. Chúng ta cũng phải giống như Đệ Tử Quy, vận dụng [Cảm Ứng Thiên] trong cuộc sống hằng ngày, học sống động, vận dụng sống động. Lại học Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật môn sẽ chẳng khó khăn. Vun bồi vững vàng ba căn cội, giới sẽ có cội rễ. Đức Phật dạy chúng ta lấy giới làm thầy, chúng ta có thể làm được, Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Giới, tại gia Bồ Tát Giới, xuất gia Tỳ-kheo Giới đều có thể làm được, chẳng phải là giả dối. Do Giới đắc định, trì giới thì học kinh sẽ khai trí huệ. Nay chúng ta nghiên cứu kinh giáo, vì sao chẳng khai trí huệ? Không có giới làm cơ sở! Có nền tảng là giới, tâm sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, điều này quan trọng lắm! Trí huệ đã khai sẽ hữu dụng, chúng ta liền lìa khổ được vui. Khổ do đâu mà có? Khổ do mê hoặc, điên đảo mà có. Lạc do đâu mà có? Lạc do giác ngộ mà có, nên trí huệ vừa khai, liền lìa khổ được vui. Đó gọi là tâm khai ý giải, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, tánh, tướng, Lý, Sự, nhân, quả, quý vị đều thông đạt, hiểu rõ, lẽ đâu quý vị chẳng vui sướng? Y báo và chánh báo trang nghiêm biến hóa vô cùng, quý vị biết vì sao chúng có thể biến, chúng biến hóa theo cách nào, quý vị đều biết toàn bộ. Quý vị biết, hiểu rõ, nên mới có thể nắm giữ, có thể giúp đỡ người khác. Họ mê, giúp đỡ họ khai ngộ, giúp họ quay lại. Đầu tiên là dùng thân giáo, nêu gương cho họ thấy, khiến cho họ đưa ra câu hỏi, quý vị bèn giải đáp, hiệu quả liền hiện tiền. Do Phật có trí huệ, chúng ta biết trí huệ do đâu mà có, căn cội của trí huệ chúng ta đều vốn có, nó ở trong tự tánh, vốn sẵn trọn đủ. Đức Phật dạy chúng ta khai phát trí huệ trong tự tánh như thế nào, những phương pháp ấy chính là Giới, Định, Huệ.

Từ trí huệ liền hưng khởi bốn thứ Vô Ngại Biện Tài, thứ nhất là *“Nghĩa Vô Ngại Biện, vị liễu tri nhất thiết chư pháp nghĩa lý, thông đạt vô trệ cố”* (Nghĩa Vô Ngại Biện là biết rõ nghĩa lý của hết thảy các pháp, thông đạt chẳng úng trệ). *“Liễu”* là hiểu rõ, *“Tri”* là giác ngộ. Lý của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian được gọi là nghĩa lý, nay người thế gian thường gọi lý này là chân lý. Nghĩa lý như cổ nhân đã nói đều là chân lý như trong hiện tại thường nói, chân thật, chẳng dối! Hết thảy các pháp do đâu mà có? Hết thảy các pháp do tự tánh mà có. Từ chỗ nào của tự tánh mà phát sanh? Từ một niệm bất giác mà phát sanh. Một niệm bất giác là một niệm mê, bất tri bất giác nổi lên một niệm. Niệm ấy tuy mê, nhưng nó vẫn chưa có phân biệt, chấp trước, dấy động một niệm ấy mà thôi. Giáo pháp Đại Thừa gọi niệm ấy là Vô Thỉ Vô Minh, tức là căn bản phiền não, tất cả vô lượng vô biên phiền não đều sanh từ nó, tức là sanh từ một niệm bất giác. Nếu quý vị một niệm giác, Vô Thỉ Vô Minh Căn Bản Phiền Não đoạn trừ, hết thảy đều giác ngộ, chuyện là như thế đó. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cho chúng ta thấy, quý vị thấy chẳng phải là Ngài thông đạt hết thảy các pháp ư? Hết thảy các pháp Ngài chưa từng học, không ai dạy Ngài. Ngài tu học mười hai năm, lúc mười chín tuổi ra ngoài tham học đến ba mươi tuổi, sở học trong mười hai năm đó chẳng phải là những gì Ngài sẽ giảng sau khi thành Phật. Nếu nói theo thuật ngữ hiện thời, sở học trong mười hai năm của Ngài là tri thức. Lão nhân gia giảng kinh, thuyết pháp là trí huệ, chẳng phải là tri thức, tri thức vô dụng! Làm thế nào để có thể có Vô Ngại Biện Tài? Nó vốn sẵn có trong tự tánh. Một niệm giác, trí huệ vốn có trong tự tánh đều lưu lộ toàn bộ. Một niệm mê, trí huệ vẫn tồn tại, nhưng nó chẳng khởi tác dụng; hoặc có thể nói nó khởi tác dụng, nhưng là khởi tác dụng phản diện, tác dụng phản diện là gì? Là vô lượng vô biên phiền não, là tập khí phiền não. Vì thế, nói đến chuyện *“chuyển phiền não thành Bồ Đề”*, không thể chuyển từ phiền não, mà phải chuyển từ đâu? Chuyển từ ý niệm. Một niệm giác liền chuyển, một niệm bất giác thì làm thế nào cũng chẳng thể chuyển được! Mấu chốt là một niệm giác, chớ nên không biết điều này. Làm thế nào để trở lại một niệm giác? Đây là một vấn đề lớn!

Để dạy chúng ta, đức Phật mở ra nhiều pháp môn như thế, bốn mươi chín năm nhọc nhằn khổ sở nói kinh giáo nhiều như thế, chỉ có một mục đích: Không gì chẳng nhằm dạy chúng ta tìm ra một phương pháp khiến cho quý vị mau chóng trở lại một niệm giác. Chúng sanh căn tánh khác nhau, yêu thích, ham muốn khác nhau, nên đức Phật mở ra rất nhiều pháp môn. Quý vị thích pháp môn nào cũng đều được, môn nào cũng đều thành Vô Thượng Đạo. Vì lẽ đó, đức Phật đã nói rất tuyệt diệu: *“Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp”*, do chính quý vị chọn lựa. Chọn lựa như thế nào sẽ thành công? Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, bèn thành công. Nếu quý vị đồng thời học rất nhiều pháp môn, hỏng rồi, xen tạp, rối beng! Chuyện tối kỵ, đáng sợ nhất trong tu hành là tạp loạn, hễ tạp loạn thì toàn bộ đều coi như hỏng hết rồi! Dẫu tâm tốt đẹp cách mấy, dẫu nỗ lực đến thế nào đi nữa, vẫn là tu một chút phước báo nhân thiên, chẳng có mảy may tác dụng nào đối với liễu sanh tử, đoạn phiền não! Quý vị thấy đó, đáng tiếc quá! Nay trong hết thảy kinh giáo do đức Thế Tôn đã nói trong suốt bốn mươi chín năm, chúng ta rốt cuộc tìm được một pháp môn, nay đã hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ, pháp môn ấy là gì? Nam-mô A Di Đà Phật. Đối với những kẻ trẻ tuổi, những ai là kẻ trẻ tuổi? Những người trẻ tuổi là từ năm mươi tuổi trở xuống, hãy chăm học Giới, Định, Huệ, thật thà niệm Phật. Người ngoài năm mươi ở Trung Quốc gọi là “lão nhân”, chẳng còn kịp, hãy chuyên niệm A Di Đà Phật. Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên đều chẳng cần niệm, có được hay không? Được chứ! Có thể dùng một câu A Di Đà Phật, để thay thế tất cả vọng tưởng, tập khí, quý vị sẽ thành công, đó là gì? Đó là Đạo Cộng Giới. Trong một câu Phật hiệu, đầy đủ Tam Học Giới, Định, Huệ. Quý vị chẳng cần tìm phiền phức, cứ một câu Phật hiệu sẽ thành tựu viên mãn Giới, Định, Huệ của quý vị, tuyệt diệu tột bậc! Phật pháp là gì? Nam-mô A Di Đà Phật là Phật pháp. Thật sự có thể niệm mười năm, mười năm bèn khai ngộ. Từ năm mươi tuổi đến sáu mươi tuổi bèn khai ngộ. Đã khai ngộ, hễ quý vị hãy còn thọ mạng bèn giáo hóa chúng sanh, lại phát tâm giảng kinh, thuyết pháp chẳng khó, kinh gì quý vị cũng giảng được. Đến khi ấy, trí huệ của quý vị đã mở mang, quý vị bèn đại từ đại bi giảng cho hết thảy chúng sanh kinh gì? Khẳng định là quý vị giảng kinh Vô Lượng Thọ. Vì sao? Thời kỳ Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật là chín ngàn năm, chỉ có bộ kinh này có thể độ chúng sanh. Các kinh khác đều là dễ nghe, nhưng chẳng làm được. Bộ kinh này có thể làm được. Trong chín ngàn năm thời Mạt Pháp, kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất, kinh A Di Đà là kinh bậc nhất!

Đối với người đã ngoài năm mươi tuổi, tôi khuyên mọi người học kinh hãy nên học một bộ kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác này. Quý vị học bộ kinh này, một bộ kinh, một câu Phật hiệu, khiến cho tâm định, quyết định chẳng dao động, quyết định chẳng biến đổi, khi nào có thể thành công? Mười năm. Thật sự định thì thứ gì cũng đều chẳng nghĩ tới, thật sự có thể làm như vậy, chúng ta đối chiếu với các hiệu quả thông thường, nhìn vào hiệu quả tu học thì phải biết là bốn hay năm năm quý vị sẽ đắc tam-muội. Tam-muội là như thế nào? Tâm thanh tịnh. Quý vị đạt được sự thanh tịnh như kinh Vô Lượng Thọ thường nói, chẳng còn Kiến Tư phiền não. Lại chừng hai ba năm, quý vị đắc định, nhất định khai trí huệ. Trí huệ ấy chẳng phải là đại triệt đại ngộ, nhưng là đại ngộ, chẳng phải là tiểu ngộ. Là đại ngộ thì quý vị có thể thông hiểu một phần trong hết thảy các pháp, chẳng phải là thông suốt toàn bộ, quý vị có thể hiểu thấu suốt một phần. Chẳng hạn như nói đến Tịnh Độ Tông thì những kinh luận có liên quan đến Tịnh Độ Tông, quý vị đều thông suốt toàn bộ. Trong thế gian này, lại tiếp tục nỗ lực, sẽ triệt ngộ. Đại triệt đại ngộ thì sẽ thông suốt toàn bộ. Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, kinh nói thân phận và địa vị của quý vị là đại sĩ, Pháp Thân đại sĩ, có thể chứng đắc trong một đời hay không? Có thể chứ! Có gương nào hay không. Có một tấm gương như Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm là một thí dụ, hãy học theo, Ngài nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Thiện Tài rèn luyện chính mình như thế nào? Quý vị thấy Ngài ở nơi thầy, thầy Ngài là Văn Thù Bồ Tát, đã đại triệt đại ngộ trong hội của thầy, tức là đã tốt nghiệp, thầy chẳng giữ lại, bảo Ngài đi tham học. Trong hội của thầy, đại triệt đại ngộ là Căn Bản Trí, minh tâm kiến tánh, thầy bảo Ngài hãy tham học Hậu Đắc Trí. Năm mươi ba lần tham học, pháp môn khác biệt, hoàn cảnh khác biệt, văn hóa khác biệt, nhóm người khác biệt, nghề nghiệp khác biệt, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, Ngài đều đến xem xét, phỏng vấn, nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết, hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ.

Tuy tham học, nhưng trong suốt quá trình tham học, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, Ngài đều có thể không khởi tâm, không động niệm, luyện công phu ấy. Công phu ấy là gì? Công phu ấy là Định Huệ chân thật, như như bất động là Định, hiểu rành mạch, rõ ràng là Huệ, không gì chẳng biết. Định lẫn Huệ học cân bằng thì mới thật sự thành Phật, chẳng giả! Ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, sở học chẳng phải là vô dụng, thật sự hữu dụng! Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, đó là Phật pháp chân thật, vận dụng nơi thân của chính mình sẽ là thân tâm khỏe mạnh, vui sướng khôn sánh, trong Phật pháp nói là *“pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ”*, chính mình đạt được điều này. Giúp đỡ người khác, chúng ta nói là “ảnh hưởng”, ảnh hưởng là gì? Quý vị ở nơi đây bèn có thể chuyển cảnh giới nơi này. Người nơi này tạo tội nghiệp, cảnh giới chẳng tốt đẹp, giống như hiện thời trên địa cầu có nhiều tai nạn ngần ấy, quý vị ở nơi đây chẳng có tai nạn, [các tai nạn] đều bị hóa giải, đó là chúng sanh được phước. Vì sao hóa giải? Vì phước báo của quý vị. Quý vị còn dạy họ. Nếu quý vị chẳng dạy họ, trong tương lai, quý vị đến nơi khác, tai nạn sẽ hiện tiền, nên quý vị phải dạy họ kỹ càng. Giáo dục là căn bản, trị tận gốc, ta đã giác ngộ, mọi người thảy đều giác ngộ; ta đã hiểu, mọi người đều hiểu rõ, thế giới này liền biến thành thế giới Cực Lạc. Thật sự hữu dụng, chẳng mê tín tí nào. Do vậy, vô lượng vô biên trí huệ, vô lượng vô biên phước báo, học từ đâu? Học trong Phật môn, học trong Tịnh Tông. Những thứ tốt đẹp như vậy, chúng ta có thể chẳng cần đến ư? Hôm nay đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu học từ phần Tứ Vô Ngại Biện Tài.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 64 hết**

Tập 129Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm bốn mươi tám, dòng thứ tư, xem từ câu thứ ba:

*“Hựu Tịnh Ảnh Sớ vị Như Lai đắc Tứ Vô Ngại Trí. Như Lai do vô ngại chi trí, hưng vô ngại chi tứ biện”* (Lại nữa, Tịnh Ảnh Sớ nói Như Lai đắc Tứ Vô Ngại Trí. Do trí vô ngại, Như Lai hưng khởi bốn món vô ngại biện tài). Trong bản chú giải này, ngài Huệ Viễn đã nói rất hay, Ngài nói Như Lai đắc bốn thứ trí huệ vô ngại. Từ trí huệ vô ngại, sanh khởi bốn thứ vô ngại biện tài. Do điều này có thể biết: Phương tiện trọng yếu nhất trong hạnh lợi tha là vô ngại biện tài. Chúng ta cũng đều mong có thể tu thành năng lực như vậy, nhưng vô ngại biện tài là trí huệ khởi tác dụng, mỗi người đều vốn sẵn có, chẳng khác gì chư Phật Như Lai! Nay vì sao chúng ta khác biệt Phật to lớn dường ấy? Đức Phật dạy: Nguyên nhân là do chúng ta mê mất tự tánh, cũng là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc”*. Quý vị thấy một câu nói này của đức Phật đã nói toạc căn bệnh của chúng ta. Vì sao chúng ta đánh mất trí huệ và đức tướng? Do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nói cách khác, nếu chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, trí huệ và đức tướng vốn sẵn có trong tự tánh liền hiện tiền. Đó là lý luận, buông xuống là được rồi! Chúng sanh và Phật sai biệt ngay trong một niệm; thật sự buông xuống một niệm, trí huệ liền hiện tiền. Chúng ta phải ghi nhớ, đức Phật nói *“vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”*;tuy [trong câu kinh Hoa Nghiêm vừa dẫn trên đây] Ngài chỉ nói *“vọng tưởng, chấp trước”*, nhưng đó là do Ngài đã tỉnh lược “phân biệt”. Chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, vọng tưởng là Vô Minh phiền não. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta đã học những điều này rất nhiều và cũng đều rất quen thuộc. Buông Kiến Tư phiền não xuống, liền chứng quả A La Hán. Buông Trần Sa phiền não xuống là Bồ Tát. Phá Vô Minh phiền não bèn thành Phật, kinh nói [người như vậy] là Pháp Thân đại sĩ, đã thành Phật. Trong Kim Cang Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông đã giới thiệu [từ ngữ] *“chư Phật Như Lai”* [được dùng trong kinh Kim Cang] chính là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Do có bốn mươi mốt tầng cấp khác biệt, nên gọi là *“chư”*. Pháp Thân đại sĩ là Như Lai, là Phật.

Nói theo lý luận, phàm phu thành Phật trong một niệm, kinh nói là *“nhất niệm khoảnh”.* Chúng ta không buông xuống được; vì sao chẳng buông xuống được? Chẳng có trí huệ, nên quý vị chẳng thấy thấu suốt. Trong cuộc sống hằng ngày, dù học tập Phật pháp Đại Thừa, chúng ta luôn dùng vọng tâm, chẳng dùng chân tâm. Vọng tâm được Tướng Tông (Duy Thức học) gọi là *“tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở”*. Không riêng gì chúng ta dùng tâm này, mà hai mươi tám tầng trời, cho đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật (Phật trong mười pháp giới) cũng dùng cái tâm này. Nếu chúng ta có thể *“chuyển tám thức thành bốn trí”* như Tướng Tông đã nói, thì được! Chẳng dùng tám thức, mà dùng bốn trí. Bốn trí là gì? Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quan Sát Trí, Đại Viên Kính Trí, và Thành Sở Tác Trí; đó là bốn trí. Kinh này nói Như Lai do trí vô ngại, nên mới có thể phát khởi bốn thứ vô ngại biện tài. Vì vậy, cảnh giới được nói ở đây chẳng phải là cảnh giới của phàm nhân. Chuyển tám thức thành bốn trí thì mới có bốn thứ năng lực ấy, giáo hóa trọn khắp hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới.

Chúng ta học Phật thì học Phật chẳng phải là lôi kinh điển ra tụng niệm, làm như vậy chẳng có tác dụng to lớn gì, chỉ có thể nói là tốt hơn không niệm. Vì sao? Khi niệm, bèn gieo chủng tử vào trong A Lại Da, chủng tử ấy tốt đẹp. Muốn thành tựu, ắt cần phải trọn đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên thì mới có thể thành tựu trong một đời này. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên chẳng đủ, lại tu dần dần. Tu chẳng phải là thành tựu ngay trong một đời, vẫn phải là đời đời kiếp kiếp tích lũy thiện căn, phước đức, nhân duyên, chừng nào [những thứ ấy] chín muồi thì sẽ thành tựu. Vì lẽ đó, trí huệ là trọng yếu. Trí huệ do đâu mà có? Do Thiền Định mà có. Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy: Bồ Tát nhằm tự lợi, tu Thiền Định rất sâu, Định có thể sanh ra Huệ. Làm sao để có Định? Định do trì giới mà có, lại truy ngược lên trước. Do điều này có thể biết, Phật pháp chẳng có gì khác, Tam Học Giới, Định, Huệ mà thôi! Giới là phương tiện, là phương pháp, Định là mấu chốt, Trí Huệ là mục tiêu. Chúng ta dùng phương pháp trì giới để đạt tới tâm thanh tịnh, điều này trọng yếu. Có những kẻ trì giới dường như vô cùng nghiêm ngặt, cẩn thận, nhưng chẳng đắc Định. Vì sao? Giới hạnh của chính mình khá lắm, Ngũ Giới và Thập Thiện đều tu rất tốt đẹp, nhưng thấy người khác chẳng trì giới bèn sanh phiền não, khinh mạn người khác! Chư vị nghĩ xem, người thật sự biết tu Thiền Định sẽ đắc gì? Đắc tâm thanh tịnh, đắc Định; còn một vị tu giới luật, người trì giới, đắc gì? Người ấy đắc kiêu căng, ngạo mạn, coi thường kẻ khác, đạt được những điều ấy, đắc phiền não! Quý vị thấy đó, không trì giới thì chẳng có phiền não, trì giới bèn đắc phiền não, sai mất rồi! Chẳng trì giới thì còn cung kính người khác. Hễ trì giới bèn chẳng có chút xíu tâm cung kính nào đối với người khác, [luôn nghĩ] những kẻ đó chẳng bằng ta. Có phải là Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy sai hay không? Đức Phật dạy chẳng sai, mà là bản thân chúng ta dụng tâm sai quấy, chẳng biết dụng tâm!

Vì thế, thật sự trì giới, nhất định phải thực hiện từ Đệ Tử Quy, trước hết là tu lễ kính. Quý vị thấy mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, trong phần sau, kinh sẽ dạy chúng ta, tức là trong đoạn *“trụ Phổ Hiền hạnh”*,điều thứ nhất Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta là tu lễ kính, *“lễ kính chư Phật”.* Ai nấy đều là Phật, hết thảy vạn vật không gì chẳng là Phật thì mới có thể tu viên mãn sự lễ kính ấy. Phải học theo Thiện Tài đồng tử! Trong sự cảm nhận của Thiện Tài đồng tử, “tất cả hết thảy chúng sanh đều là chư Phật Như Lai, chỉ có mình ta là phàm phu”, nên Ngài tu thành công. Nay chúng ta tu chẳng thành công là vì lẽ nào? Ý niệm sai lầm! Ta tôn kính Phật; trừ Phật ra, tất cả đều là phàm phu, chẳng khác ta cho mấy, còn có rất nhiều kẻ chẳng bằng ta! Do tâm thái đó, tu hành suốt đời vẫn chẳng thành công, thua xa Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử dùng chân tâm, chẳng phân biệt, không chấp trước; nay chúng ta tu Giới, Định, Huệ, dùng vọng tâm, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên tu kiểu nào cũng đều tu chẳng thành công, đạo lý ở chỗ này. Vì sao? Chẳng cung kính kẻ khác, tức là thiếu lễ kính đối với chính mình! Vì sao? Tự và tha không hai. Coi người khác đều như Phật, Bồ Tát, tức là cung kính chính mình, trong đời này, bản thân chúng ta mới có thể đạt được thành tựu. Tiểu thành tựu là A La Hán, thành tựu bậc trung là Bồ Tát, thành tựu tối thượng thừa, quý vị bèn thành Phật. Ấn Quang đại sư nói rất hay: *“Một phần thành kính đạt được một phần thành tựu, mười phần thành kính được mười phần thành tựu”*. Tâm chúng ta chỉ có một phần thành kính, chỉ có thể chứng tiểu quả. Tiểu quả khá lắm, rất khó có. Tiểu quả là gì? Tu Đà Hoàn, tức Sơ Quả, hoặc địa vị Sơ Tín trong các địa vị thuộc hàng Thập Tín Bồ Tát. Nếu kiêu căng, ngạo mạn, xem thường người khác, ngay cả địa vị này cũng chẳng đạt được!

Trong hai mươi, ba mươi năm gần đây nhất, khi sống ở Mỹ, tôi thường cùng các đồng học cùng nhau học tập một chỗ, tôi thường nói *“hãy buông xuống mười sáu chữ”.* Mười sáu chữ ấy chính là *“tự tư tự lợi, tiếng* *tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn”*, tôi nói mười sáu chữ ấy. Tôi lại còn nói rất rõ ràng: Thật sự làm được mười sáu chữ ấy, quý vị thật sự buông xuống, tôi nói quý vị đạt đến địa vị gì, đạt đến nơi nào? Quý vị đến cửa ngõ của Phật, chưa tiến vào. Tiến vào thì sao? Để tiến vào, phải dùng tiêu chuẩn của Phật, chứ tiêu chuẩn của tôi chưa được. Tiêu chuẩn của tôi chỉ có thể dẫn quý vị đến cửa ngõ chánh yếu. Tiêu chuẩn của Phật là phải thật sự buông chấp trước, phân biệt, vọng tưởng xuống. Buông chấp trước xuống, quý vị chứng A La Hán là địa vị cao nhất trong Tiểu Thừa, vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng đắc Thanh Văn, Duyên Giác. Lại tiến cao hơn, sẽ buông xuống phân biệt, trở thành Bồ Tát, quý vị thành Phật, tức là địa vị Phật trong mười pháp giới. Cuối cùng, có thể buông vô minh phiền não, kinh Hoa Nghiêm gọi [vô minh phiền não] là vọng tưởng, chẳng khởi tâm, không động niệm, quý vị bèn thành Phật. Khi ấy, mười pháp giới chẳng còn nữa. Vượt thoát mười pháp giới, quý vị ở nơi nào? Quý vị trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Đều phải dùng chân tâm, không thể dùng vọng tâm. Hãy ghi nhớ, trong chân tâm chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, phải luyện tập trong cuộc sống thường ngày. Phật, Bồ Tát trong kinh giáo, tổ sư đại đức trong học tập và chia sẻ, các tác phẩm chú giải của các Ngài đều là học tập, chia sẻ, đều chân thành bảo ban chúng ta như thế này: Tùy duyên, đừng phan duyên, *“hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”*. Chúng ta phải học kỹ càng, nghiêm túc học tập hai câu ấy, có thể tùy thuận chúng sanh. Thứ gì cũng đều tốt đẹp, chớ nên so đo, chỉ cần họ chẳng có tà tri tà kiến thì tốt lắm rồi. Mỗi người có hạnh nghiệp khác nhau, nghiệp nhân, quả báo đời đời kiếp kiếp khác nhau, đức Phật biết chuyện này, nên Ngài mở ra tám vạn bốn ngàn pháp môn, mở ra vô lượng pháp môn, đó là gì? Hằng thuận chúng sanh. Nếu chẳng hằng thuận chúng sanh, một pháp môn là được rồi, đức Phật mở ra nhiều như vậy để làm gì? Đức Phật mở ra nhiều pháp môn ngần ấy, chẳng có gì khác, chính là vì hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, ý nghĩa ở chỗ này. Chúng ta phải hiểu dụng ý của lão nhân gia thì mới có thể học những thứ này nọ. Do đó, thật sự tu hành là tu trong cuộc sống hằng ngày, trong sinh hoạt, trong công việc, trong đãi người, tiếp vật, hãy sửa đổi những ý tưởng sai lầm, sửa đổi cách nhìn sai lầm, ngôn luận sai lầm, sửa đổi hành vi sai lầm; đó là tu hành. Tu hành bậc cao là Bồ Tát. Bồ Tát chẳng tu hạnh Phổ Hiền, sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Vì thế, quý vị hiểu mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát chính là cương lãnh tu hành của các Pháp Thân Bồ Tát, chúng ta phải hiểu chỗ này!

Pháp môn Tịnh Tông có duyên với Phổ Hiền Bồ Tát quá sâu, vì sao? Tịnh Tông là pháp môn Phổ Hiền. Quý vụ thấy kinh này, vẫn còn đang trong Tự Phần, phần Chứng Tín Tự là Đức Tuân Phổ Hiền. Quý vị thấy đề mục của phẩm này là Đức Tuân Phổ Hiền. Do đó, Tịnh Độ chẳng thể rời khỏi Phổ Hiền Bồ Tát. Vào đời nhà Thanh trước kia, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, là một vị đại thiện tri thức trong Phật môn, đã đặc biệt lấy ra quyển cuối cùng của Tứ Thập Hoa Nghiêm, tức là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm của kinh Hoa Nghiêm, ghép vào sau Tịnh Độ Tam Kinh, đặt tên là Tịnh Độ Tứ Kinh, có lý lắm! Nói rõ chuyện gì? Nói rõ Tịnh Độ là tu Phổ Hiền hạnh, chẳng khác gì Hoa Nghiêm. Thuở trước, vào thời Càn Long, cư sĩ Bành Nhị Lâm là người đầu tiên đã nói kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bổn Hoa Nghiêm, ông Bành Nhị Lâm nói như thế. Ngụy Mặc Thâm đã có hành động như thế này: Đem phẩm Hạnh Nguyện “mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”, tức là đem một đoạn kinh văn lớn ấy ghép vào sao Tịnh Độ Tam Kinh. Chúng ta tu Phổ Hiền hạnh. Tịnh Tông Học Hội thành lập, chúng tôi đề ra các công khóa mà các đồng học Tịnh Tông bắt buộc phải tu gồm năm môn, không nhiều lắm. Nhiều quá, sẽ thành quá rắc rối, phiền phức, hạnh môn càng đơn giản càng hay! Trong năm khoa ấy, thứ nhất là Tịnh Nghiệp Tam Phước xuất phát từ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh (Thập Lục Quán Kinh). Đoạn kinh văn này là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong Tịnh Tông, quý vị chớ nên không biết! Phương hướng và mục tiêu của Tịnh Tông ở ngay trong một đoạn kinh văn ấy. Trong ba điều của Tam Phước, điều đầu tiên là *“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”.* Chúng ta có làm được hay không? Vãng sanh Tịnh Độ mà nếu chẳng làm được điều này, sẽ chẳng thể vãng sanh; chẳng có tâm hiếu thuận đối với cha mẹ là không được rồi!

Kẻ suốt đời làm ác, lúc lâm chung gặp thiện tri thức khuyên dạy kẻ ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, kẻ ấy thật sự nghe lời. Thật sự nghe lời là sám hối chân thật trọng yếu nhất. Nghiệp chướng từ vô thỉ và trong đời này, do sự sám hối ấy liền tiêu trừ. Tâm hiếu thuận thật sự dấy lên. Tuy kẻ ấy đã mạng chung, ngay lập tức vãng sanh, là do cái tâm hiếu thuận cha mẹ, tâm tôn sư trọng đạo thật sự dấy lên. Nếu cái tâm ấy chẳng dấy lên, kẻ đó sẽ chẳng thể vãng sanh, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Do đó, lâm chung gặp gỡ bạn lành, [nói] kẻ ấy có thiện căn hay không, chính là nói kẻ ấy có thật sự sám hối hay không. Thật sự sám hối, A Di Đà Phật tiếp nhận, sẽ tiếp dẫn kẻ ấy vãng sanh. Do sự sám hối ấy, sẽ đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, có thể thành tựu hết thảy điều thiện trong một niệm. Chẳng phải là chuyện may mắn! Trong khi ấy mà có thể thật sự sám hối, chắc chắn là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ người ấy đã tu hành khá lắm, nhưng đời này mê hoặc, chẳng gặp bạn lành, nên học theo những điều xấu! Khi lâm chung, có người cảnh tỉnh, thiện căn túc thế bèn phát hiện, sức mạnh sám hối ấy rất lớn, [kẻ ấy] thật sự quay đầu. Cổ nhân nói *“lãng tử hồi đầu, kim bất hoán”* (lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi). Kẻ ấy thật sự quay đầu, thật sự là người tốt; do điều kiện này, nên mới có thể vãng sanh. Vì lẽ đó, kinh Di Đà dạy: *“Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc”* (Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy), đó là thiện căn. Suốt đời làm ác, thiện căn có thể hiện tiền, liền gặp được thiện hữu. Duyên này rất quan trọng, gặp được thiện hữu chỉ dạy, người ấy hoát nhiên minh bạch. Trong Phật pháp, chắc chắn chẳng có chuyện may mắn; toàn bộ đều là công đức chân thật, vì chúng ta thấy loại người như vậy vãng sanh rất nhiều. Khi xưa, chúng tôi không hiểu rõ giáo lý cho lắm, nên có nghi hoặc. Do được huân tu nhiều năm ngần ấy, cuối cùng chúng tôi vỡ lẽ: Khi ấy là do thiện căn chẳng thể nghĩ bàn trong đời trước phát hiện.

Đối với phước thứ nhất trong ba phước, nay chúng tôi đề xướng học tập Đệ Tử Quy. Vì sao học Đệ Tử Quy? Đệ Tử Quy là *“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”* được nói cặn kẽ. Chúng ta hiếu dưỡng phụ mẫu và phụng sự sư trưởng như thế nào? Làm được một ngàn lẻ tám mươi chữ của Đệ Tử Quy, quý vị liền làm được *“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”.* Do điều này có thể biết, Đệ Tử Quy là thực hiện *“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”*, quý vị có thể chẳng làm ư? Nếu quý vị chẳng thể làm được, tức là chỉ niệm suông hai câu ấy! *“Từ tâm chẳng giết”*, chúng ta thực hiện câu này bằng Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Cảm Ứng Thiên giảng về thiện ác nhân quả tổng cộng một trăm chín mươi lăm điều. Chớ nên không hiểu giáo dục nhân quả! Chớ nói [chỉ có] ngôn ngữ, tạo tác thì mới có quả báo, [phải biết, ngay cả] khởi tâm động niệm cũng có quả báo, nói rất vi tế. Câu cuối cùng là *“tu Thập Thiện Nghiệp”*; đó là cội rễ trong Phật môn. Do đó, tôi nói: Câu này đã giảng về ba cội rễ. Cội rễ của Nho là Đệ Tử Quy, cội rễ của Đạo là Cảm Ứng Thiên, cội rễ của Phật là Thập Thiện Nghiệp. Vừa mở đầu, phải đặt vững ba cội rễ này thì quý vị sẽ có phước thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước.

Con người hiện tại thiếu phước, tuy thiếu phước nhưng thoạt nhìn lại dường như là hưởng thụ khá lắm? Đúng vậy, họ hưởng phước, phước của họ do đâu mà có? Đã tu trong đời quá khứ, đời này được làm thân người, hưởng phước báo. Họ hưởng phước báo, do chẳng có ai dạy, nên họ chẳng biết tu phước. Chẳng giống như trong quá khứ! Trong xã hội cũ thời quá khứ, quả thật là bất luận quý vị có phước hay vô phước, người già đều biết tu phước; cũng có thể nói là những người bình phàm trong xã hội đều biết phải học tập ba căn bản ấy. Trung Quốc cổ đại gọi ba căn bản ấy là vun bồi cội rễ giáo dục, học vào lúc nào? Trẻ thơ từ lúc vừa sanh ra cho đến ba tuổi là một ngàn ngày. Cách học như thế nào? Cha mẹ nêu gương cho con thấy. Quý vị thấy trẻ thơ chưa biết nói, nhưng nó biết nhìn, biết nghe, đã biết bắt chước. Do đó, một ngàn ngày ấy là thâm căn, cố đế; ở trong nhà, cha mẹ phải thực hiện cho con thấy ba căn bản ấy. Gia đình thời cổ là đại gia đình, người hiện thời không có cách nào tưởng tượng loại gia đình kiểu ấy. Trong thời quá khứ là năm đời cùng sống trong một nhà; nhìn lên, quý vị có cha, có ông, có cụ cố, cụ sơ, năm đời. Nhìn xuống, bèn có con, cháu, chắt, chút, nên nói là “chín đời”. Thời cổ, quý vị nói đến gia đình là nói đến chín đời, chín đời cùng sống trong một nhà, gia đình to như thế đó! Thông thường, một nhà có bao nhiêu người? Nói chung, thường có khoảng ba trăm người. Chín đời sống cùng một nhà, nếu trong nhà chẳng có quy củ thì chẳng phải là rối loạn tít mù ư? Đáng sợ lắm! Do đó, hễ tề gia bèn có thể trị quốc, trị gia và trị quốc chẳng khác gì nhau! Có khả năng và trí huệ để trị gia, sẽ có thể trị quốc. Đó là xã hội trước kia, quý vị thấy: Rất coi trọng giáo dục, coi trọng vun bồi cội rễ.

Vun bồi cội rễ là trì giới. Phật môn nói đến chuyện trì giới, có cơ sở như vậy thì mới có thể nhập Phật môn. Do đó, phước thứ nhất trong ba phước là phước thế gian, chẳng phải là xuất thế gian. [Thực hiện trọn vẹn phước thứ nhất] thì đối với *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”* như trong kinh Phật đã nói, quý vị mới đạt tư cách ấy, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Thiện nam tử, thiện nữ nhân mới có thể nhập Phật môn, tôn Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy, theo Phật học kinh giáo, nâng cao đức hạnh và định huệ của chính mình. Vì lẽ đó, đối với điều thứ hai trong ba phước, quý vị thấy *“thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”*, đó là pháp xuất thế. Thọ trì Tam Quy, thật sự bái sư, bái Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy, tiếp nhận giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy những gì? Dạy Tam Quy, Phật dạy quý vị điều này, Tam Quy là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong việc học Phật. Quý vị làm thế nào mới có thể thành Phật? Phương pháp thành Phật vô lượng, vô biên, nên [đức Phật nói] vô lượng pháp môn. Vô lượng pháp môn xét đến cuối cùng, đến khi thật sự thành Phật, quy nạp lại thì chỉ có ba môn, bất luận theo một môn nào trong ba môn này, quý vị chỉ cần đạt được một môn sẽ thành Phật. Vô lượng pháp môn ví như vô lượng đường lối, bất luận quý vị từ đâu đến, hễ đến đại điện của Phật, đại điện ấy chỉ có ba cửa, theo bất cứ cửa nào để bước vào! Hễ vào được một môn, môn nào quý vị cũng đạt đến, các pháp môn bình đẳng! Các pháp môn chính là ba môn Giác, Chánh, Tịnh được dạy bởi Tam Quy. Quy y Phật, Phật đại diện cho Giác môn, có thể thành Phật, giác chứ không mê. Môn thứ hai là Pháp, Pháp là Chánh môn, chánh tri, chánh kiến. Môn thứ ba là Tịnh môn, tâm địa thanh tịnh, tịnh mà bất nhiễm. Ba môn ấy là *“thành Phật chi môn”.*

Theo môn nào để vào? Căn tánh của mỗi người khác nhau. Nói thông thường, Giác môn khó nhất. Người thượng thượng căn và Thiền Tông đi theo môn này, Tánh Tông đi theo môn này, thượng trung hạ tam căn đều chẳng có phần! Vậy thì làm sao? Ba căn thượng, trung, hạ thường theo Chánh môn, tức là quy y Pháp, Pháp là chánh chứ không tà. Môn này giống như cách tổ chức trong nhà trường, có Tiểu Học, có Trung Học, có Đại Học, có nghiên cứu sinh. Quý vị có thể tiến dần dần, học tập dần dần. Giác môn chẳng có [chuyện này]; Giác môn là một bước lên trời, chẳng có tầng cấp, có thể tiến lên bèn thành Phật. Chẳng thể đi lên thì bất cứ điều gì cũng đều chẳng thể thành. Giống như lên cầu thang, thuở chúng tôi còn trẻ, học Phật, thầy bảo chúng tôi, Giác môn là gì? Giác môn giống như đi thang máy, sau khi bước vào, thang máy chạy đến tận tầng cao nhất mới mở cửa cho quý vị bước ra. Nếu quý vị chẳng có năng lực ấy, chẳng có năng lực ấy tức là ba căn thượng, trung, hạ, sẽ như thế nào? Trèo cầu thang! Pháp môn theo Chánh môn là trèo cầu thang; quý vị có thể trèo lên từng tầng một, cũng có thể tiến đến đỉnh. Pháp môn thứ ba tương đối đặc thù, tức là Tịnh môn chuyên tu tâm thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh cũng có thể lên tới đỉnh. Hai tông phái thuộc Tịnh môn: Tịnh Độ Tông đi theo hạnh môn này, Mật Tông cũng theo hạnh môn này, Mật Tông là tu tâm thanh tịnh. Đều là tu tâm thanh tịnh, nhưng phương pháp tu hành khác nhau. Tịnh Tông như thế nào? Xa lìa nhiễm ô, nên tu Tịnh Độ tương đối dễ dàng. Mật chẳng lìa nhiễm ô, nên Mật đạt được thanh tịnh chắc chắn là phải cao hơn Tịnh, vì sao? Tu thanh tịnh trong nhiễm ô, đó là chân thanh tịnh. Chuyện này kẻ bình phàm cũng chẳng thể làm được, nên hiện thời, người tu Mật pháp thành tựu ít ỏi. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cho tôi biết cụ học Mật, thầy Lý cũng học Mật, họ đều bảo tôi “quá ư là khó!”

Tôi học Phật, thân cận [vị thiện tri thức] đầu tiên là Chương Gia đại sư, Ngài là bậc đại đức trong Mật Tông. Vị này là người tốt, là thiện tri thức thật sự, vì sao? Ngài chẳng dạy tôi học Mật, mà dạy tôi học Hiển Giáo, học Giáo. Vì sao không cho tôi học Mật? Ngài nói rất rõ ràng. Ngài nói đối với Mật, lấy trường học để tỷ dụ thì Mật thuộc giai đoạn nào? Là lớp tiến sĩ, là lớp tiến sĩ thuộc viện nghiên cứu. Giáo là gì? Giáo là Đại Học, Trung Học, và Tiểu Học. Quý vị phải học bắt đầu từ Tiểu Học, tiến lên dần dần. Học xong Tiểu Học bèn học Trung Học. Học xong Trung Học bèn học Đại Học, học Đại Học xong bèn học nghiên cứu sinh, học xong nghiên cứu sinh rồi cuối cùng mới học lớp Tiến Sĩ. Do đó, lão nhân gia bảo tôi: “Người thật sự học Mật là ai? Từ Sơ Địa trở lên. Chưa chứng đắc Sơ Địa, quý vị chẳng đủ tư cách để học Mật!” Giống như các lớp nghiên cứu sinh và tiến sĩ, phải thỏa điều kiện gì thì mới có thể theo học lớp Tiến Sĩ. Tôi mới hiểu rõ, Tịnh [trong Mật Tông] là thanh tịnh thật sự, chẳng giống như trong Tịnh Độ Tông. Tịnh Độ Tông là xa lìa nhiễm ô, xa lìa tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, để đạt được thanh tịnh. Mật chẳng giống như vậy, chẳng cần xa lìa!

Hiểu những đạo lý này, chúng ta là căn tánh gì, phải nên đi theo con đường nào, bản thân chúng ta chẳng nhận biết. Thầy là bậc cao nhân, nếu chúng ta chẳng nghe lời thầy, chẳng tôn trọng thầy, chẳng y giáo phụng hành, vậy thì quý vị phải tự gánh lấy trách nhiệm, tự gánh lấy nhân quả trong sự tu học. Chúng ta y giáo phụng hành, hoàn toàn vâng theo thầy, trong tương lai ta học chẳng thành tựu, trách nhiệm ấy thầy phải gánh chịu. Thầy bảo ta làm như thế nào, ta liền làm như thế ấy, ta noi theo đường lối của thầy, chẳng sai! Vì thế, nếu chính mình có ý kiến, chẳng nghe lời thầy, thì cổ ngạn ngữ có câu: *“Chẳng nghe lời người già, chịu thua thiệt trước mắt”*, thật sự thua thiệt, thua thiệt to lớn! Khi nào mới biết? Khi bị thua thiệt, bị lừa gạt rồi mới biết, hối chẳng kịp! Tôi nghe lời thầy, thưa cùng chư vị, tôi luôn hết sức tiếc nuối, tôi nghe lời thầy mấy phần? Khoảng chừng bảy phần, còn ba phần là gì? Hoài nghi, nên đời này tôi thành tựu rất hữu hạn. Nếu tôi nghe lời thầy một trăm phần trăm, sẽ chẳng phải là tình trạng như hiện thời, tối thiểu là có thể sánh bằng tổ sư, đại đức, có thể đạt đến [cảnh giới] giống như Ấn Quang đại sư, Liên Trì đại sư, có thể đạt đến cảnh giới của các Ngài. Tôi học Phật sáu mươi năm, rất đáng tiếc, tôi chẳng hoàn toàn nghe lời, chỉ nghe bảy phần. Tôi dạy người khác, [họ] có thể hoàn toàn nghe theo, bèn vượt trỗi tôi, tôi hoan hỷ, chẳng ganh tỵ, đúng là phải nên như thế! Cổ nhân nói: *“Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam”* (màu xanh phát xuất từ màu chàm, nhưng trỗi vượt màu chàm). Đó là sự thành tựu trong giáo học. Hy vọng duy nhất trong giáo học là hy vọng học trò vượt trỗi chính mình, thế giới này mới được cứu. Từ nay trở đi, mỗi thế hệ sau mạnh mẽ hơn thế hệ trước. Nếu thế hệ sau chẳng bằng thế hệ trước, đáng thương quá! Chúng sanh phải chịu tội, phải gặp nạn! Mỗi thế hệ sau phải vượt trỗi thế hệ trước, đó là chánh xác. Trong quá khứ, chúng ta học tập đã phạm phải những lỗi lầm nào, mong thế hệ kế tiếp chẳng phạm cùng một lầm lỗi, họ phải vượt trỗi chúng ta.

Nguyên tắc chỉ đạo rành rẽ, minh bạch là trước hết, phải vun bồi giới luật vững vàng, đó là đức hạnh. Khổng Tử giáo học, điều thứ nhất là dạy đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba mới là chánh sự [[12]](#footnote-13)[1] và văn học. Chẳng có đức hạnh thì làm sao được? Mà cốt lõi, cội nguồn của đức hạnh là *“hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy”*. Xã hội hiện tại khuyết thiếu điều này, bất hiếu với cha mẹ, chẳng có ý niệm tôn sư trọng đạo, làm sao có thể học thành công cho được? Học trò chẳng biết tôn sư trọng đạo, chẳng biết hiếu thuận với cha mẹ, Phật, Bồ Tát đến dạy kẻ ấy cũng vô dụng, chẳng dạy được! Kẻ ấy chẳng thể tiếp nhận. Căn bản ấy nhất định phải được vun bồi từ bé. Từ nhỏ, chúng ta đã sơ sót, chẳng vun bồi căn bản này; nay đã hiểu rõ, sau khi đã hiểu rõ bèn phát phẫn, nỗ lực, học tập bổ sung khóa trình trọng yếu này thì được! Chẳng phải là không được, hãy bổ sung thật nhiều, bổ sung bằng Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Nhất định phải biết: Chẳng có những căn bản ấy, dẫu quý vị tiếp tục nỗ lực cho đến ba trăm năm, coi như quý vị sống trường thọ, có thể sống tới năm trăm năm, thì năm trăm năm cũng chẳng thể thành tựu! Vì sao? Thiếu căn bản! Thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng ta thấy những người có thành tựu, có thành tựu khác thường, những người ấy là ai? Là người thật sự hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, chẳng có chút phân biệt nào, chẳng có chút hoài nghi nào! Một trăm phần trăm dễ bảo, người ấy thành tựu rất nhanh chóng. Người ấy trì giới tốt đẹp, do giới mà đắc Định, đắc tam-muội, nói thông thường là bao nhiêu năm? Ba năm! Sẽ chẳng nhiều hơn năm năm, người ấy đã đắc Định. Sau khi đắc Định hai, ba năm, trí huệ liền mở mang. Khi trí huệ đã mở mang, người ấy học tập tất cả hết thảy các pháp môn dễ dàng, đó là *“một môn thông, hết thảy các môn đều thông”.*

Nhưng trong quá trình học tập, chỉ có thể học một môn, không thể học hai môn. Thầy cũng dạy chúng tôi như vậy, nhưng như thế nào? Chúng tôi chẳng tuân phục ý thầy, nên thầy mới bất đắc dĩ nói một câu như thế này: *“Học kỹ càng một môn rồi mới học môn thứ hai”.* Thầy bất đắc dĩ nói như thế, chúng tôi ngỡ là thật. Học kỹ càng một môn xong bèn học môn thứ hai. Tôi tin tưởng thầy bảy phần, tôi học gì cũng đều là học một môn, môn ấy chẳng phải là học một lần, mà là học mười lần rồi tôi mới học môn thứ hai. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta *“suốt đời học một môn”*, chúng ta chẳng cam tâm, chẳng muốn vậy, luôn mong học nhiều một chút, sai bét rồi! Phải biết là cả đời học một môn thì từ môn ấy có thể đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Suốt một đời quý vị chẳng thay đổi, chắc chắn sẽ minh tâm kiến tánh, trong Giáo Hạ gọi đó là *“đại khai viên giải”*. Đại khai viên giải là kinh điển chưa từng học, nhưng quý vị vừa giở ra, chẳng có câu nào không hiểu rõ, thông suốt toàn bộ, đã khai huệ mà! Chúng tôi dùng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền để khuyên người khác, có người thật sự làm, thật sự thâm nhập một môn, suốt đời chẳng thay đổi, người ấy có thành tựu cao hơn tôi. Người ấy rất khiêm hư, đó là đạo lý nhất định. Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Khi học vấn sâu xa, ý khí bình lặng”.* Đức hạnh và học vấn càng cao, càng khiêm hư, càng cung kính, chẳng có chút tập khí ngạo mạn nào, học vấn chân thật mà! Chúng ta trông thấy bèn hoan hỷ, có người duy trì chánh pháp, chánh pháp sẽ tồn tại dài lâu trong cõi đời. Chỉ cần sau này có người, đó là một đại sự khiến cho chúng ta vô cùng an ủi, vô cùng hoan hỷ. Ai có thể thành công? Ai nấy đều có thể thành công, vấn đề là quý vị có chịu làm hay không? Quả nhiên thật thà nghe lời, thật sự làm, chẳng có ai không thành tựu. Ai nấy đều có thể thành tựu, ai nấy đều là người kế thừa Thích Ca Mâu Ni Phật, nối tiếp huệ mạng của Phật, phổ độ chúng sanh, đều là [những người như vậy], chúng ta có chịu làm hay không? Vì thế, đầu tiên là quyết định chớ nên coi thường giới luật, nó là căn bản của mọi căn bản.

Đối với vấn đề này, lúc tôi còn trẻ, vì tôi do học Triết Học mà tiến nhập Phật học, nên chẳng tin tưởng giới luật. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, lão nhân gia đúng là phương tiện thiện xảo, nay tôi mới biết lão nhân gia từ bi, chỉ dạy tôi, dụng tâm nhọc nhằn. Ngài biết chúng tôi là kẻ trẻ tuổi trong thời hiện đại, chẳng tin tưởng giới luật, lầm tưởng giới luật là khuôn phép sinh hoạt của người Ấn Độ trong ba ngàn năm trước, chúng ta có nên học theo hay không? Chúng ta học Phật có phải là trở lại ba ngàn năm trước hay không? Thời đại vĩnh viễn tiến lên phía trước, sao chúng ta lại thụt lùi? Cớ sao thụt lùi về ba ngàn năm trước? Chúng ta là người Hoa, vì sao phải học theo người Ấn Độ? Tuy chúng tôi không nói ra quan niệm sai lầm ấy, nhưng thầy có trí huệ, thấy rất rõ ràng. Thầy chẳng quở trách tôi, mà cũng chẳng phê bình. Vì sao? Nếu thầy quở trách, phê bình, tôi sẽ không theo thầy học nữa, sẽ rời xa thầy! Thầy vô cùng thương yêu và quan tâm tôi. Tôi chỉ có một hai lần chẳng đến gặp thầy, thầy liền gọi điện thoại, hoặc sai người hầu gọi điện thoại cho tôi, hỏi tôi sức khỏe ra sao, vì sao không đến? Đúng là yêu thương giống như cha mẹ đối với con cái, tôi bị thầy làm cho cảm động. Đối với chuyện giới luật, thầy rất xảo diệu. Mỗi tuần chúng tôi gặp mặt một buổi, thưa trình cùng thầy những điều đã học trong một tuần, lại còn đem các vấn đề thỉnh giáo thầy. Mỗi lần học xong, khi tôi rời đi, thầy đều tiễn đến tận cửa, nhẹ nhàng bảo một câu: *“Giới luật rất trọng yếu”*. Nói một câu như vậy, tôi nghe ước chừng mấy chục lượt, mỗi lần thầy đều nhắc tôi câu ấy!

Tôi theo thầy ba năm, lão nhân gia viên tịch. Ở chỗ hỏa táng, có đặc biệt tạo dựng một cái tháp nhỏ, dành riêng cho thầy. Lúc đó, có Cam Châu Hoạt Phật và mấy người nữa dựng lều bên cạnh, canh giữ tòa tiểu tháp hỏa táng. Họ ở đó ước chừng từ một tuần cho đến mười ngày, tôi ở trong lều ấy ba ngày. Trong ba ngày, tôi hết sức nghiêm túc phản tỉnh: Tôi theo lão nhân gia ba năm, thầy dạy tôi những gì? Tôi học được những gì? Tôi nghiêm túc phản tỉnh. Vừa phản tỉnh, [bèn nhận thấy], điều đầu tiên là giới luật rất trọng yếu. Vì sao thầy bảo tôi câu ấy nhiều lượt như vậy, nhưng chẳng nói tỉ mỉ, mà cứ dùng một câu như vậy? Tôi liền nghiêm túc suy nghĩ vấn đề ấy. Suy nghĩ suốt hai tuần bèn vỡ lẽ, tôi đã sai mất rồi! Vì chúng ta học Phật, đã học Phật thì phải dùng tiêu chuẩn của Phật, chẳng thể dùng tiêu chuẩn của con người. Trước kia, trong quá khứ, chúng tôi có học Lễ, tức là Lễ nói theo văn hóa truyền thống của Nho gia Trung Quốc. Lễ của Tam Đại (Hạ, Thương, Châu) khác nhau. Ba triều đại Hạ, Thương, Châu có lúc hưng thịnh, có lúc suy vi; vì thế, Lễ có chỗ phải tu chỉnh, có chỗ phải thay đổi, giống như hiến pháp và pháp luật của quốc gia, cứ trải qua một khoảng thời gian lại cần phải tu chỉnh. Nay chúng ta học Phật, học Phật mong thành Phật, nhưng hiến chương và pháp luật thành Phật chẳng thể sửa đổi. Hễ sửa đổi, sẽ chẳng thể thành Phật. Tôi đã nghĩ thông đạo lý như vậy, mới biết Tam Quy, Ngũ Giới và những thứ trong Luật Tạng là đạo thành Phật, chẳng phải là pháp luật thế gian, nên chẳng thể sửa đổi. Tôi nghĩ thông suốt đạo lý ấy, quan niệm sai lầm về giới luật mới được sửa đổi đúng đắn.

Chương Gia đại sư dùng [thời gian] ba năm, lại còn thị hiện viên tịch, khiến cho tôi nghiêm túc phản tỉnh, hiểu rõ. Nếu thầy chẳng viên tịch, tôi sẽ chẳng thể phản tỉnh đạo lý ấy, vĩnh viễn giữ mãi quan niệm sai lầm về giới luật. Người hiện thời phạm lỗi lầm như tôi quá ư là nhiều, chẳng kiếm được người nào không phạm! Lại còn có kẻ có quan niệm sai lầm nghiêm trọng hơn tôi; tôi có thể phản tỉnh, họ chẳng thể phản tỉnh. Tôi phản tỉnh là do Chương Gia đại sư thị hiện. Thầy không thị hiện như vậy, tôi sẽ chẳng phản tỉnh, mới biết do Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Đầu tiên, quý vị chẳng coi trọng Giới, làm sao đắc Định cho được? Làm sao có thể khai trí huệ cho được? Quý vị học suốt đời, dẫu học tốt đẹp cách mấy, chỉ có thể làm một nhà Phật học, hiện thời có thể giành được mảnh bằng tiến sĩ Phật học, học được gì? Kiến thức về Phật pháp, chẳng phải là trí huệ. Vì Huệ do Giới và Định mà có. Quý vị chẳng có Giới và Định, sẽ chẳng có trí huệ. Những gì quý vị học là thường thức, tri thức. Tri thức có thể giải quyết vấn đề hay không? Không thể giải quyết vấn đề. Quý vị có tri thức ấy, xác thực là có thể giành được học vị Tiến Sĩ, có thể làm một vị giáo sư, phương Tây gọi quý vị là một nhà Hán học, hoặc nhà Phật học, quý vị có thể đạt được những điều ấy, nhưng chẳng có mảy may liên quan gì đến việc sanh tử, khai trí huệ và chứng quả của chính mình. Quý vị thấy những thứ ấy rất trọng yếu. Nói chung, chúng ta phải nhận thức rõ rệt giữa pháp thế gian và xuất thế gian. Do đó, nếu chúng ta học Phật, quý vị chẳng thể không coi trọng giới luật. Nếu quý vị coi trọng giới luật, chẳng thể không thực hiện từ ba căn bản là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Nếu quý vị chẳng thực hiện từ ba căn bản ấy, chẳng thể đạt thành tựu, thật đấy, chẳng giả đâu!

Tôi cả đời này chẳng có phước báo, do trong đời quá khứ chẳng tu phước, nên suốt cuộc đời lênh đênh, chẳng ở chỗ nào cố định, chẳng có một hoàn cảnh an định để học tập, từ đầu đến cuối chẳng có duyên phận ấy. Thường muốn ở cố định, nhưng quý vị thấy tôi đến nay đã tám mươi bốn tuổi, vẫn chưa ổn định được. Chuyện này khiến cho tôi thường cảm thấy tiếc nuối. Bôn ba khắp nơi, nói cho dễ nghe là *“rộng kết pháp duyên”*, nhưng đối với sự vun bồi cơ sở Định Huệ của chính mình, xác thực là có chướng ngại rất lớn. Vì lẽ, người hiện thời phải tu phước, loại phước báo nào lớn nhất? Giúp đỡ, tạo cho người học một hoàn cảnh an định, khiến cho người ấy thật sự học tập mười năm hoặc hai mươi năm trong hoàn cảnh ấy, người ấy sẽ thành tựu. Giúp một người thành Phật, phước báo to lắm! Còn to hơn cả trời nữa. Tôi tin tưởng người có khả năng ấy rất nhiều, cũng có người có cái tâm ấy! Nhưng họ hỏi tôi: “Pháp sư Tịnh Không! Thầy hãy thay tôi tìm một người”. Tôi bảo họ: “Tôi tìm chẳng ra, chưa từng thấy”. Người nào có thể hạ quyết tâm, trụ tại một nơi trong mười năm hoặc hai mươi năm chẳng ra khỏi cửa, hòng thành tựu Tam Học Giới, Định, Huệ của chính mình? Hiện thời, chẳng tìm thấy một người như vậy! Quý vị thấy đó, khó lắm! Người thật sự mong tu phước, tìm một người có phước như vậy chẳng ra! Muốn tìm một người thật sự tu hành, tìm hoàn cảnh tu hành ấy cũng chẳng ra, duyên khác nhau! Đó là gặp duyên khác nhau! Chúng tôi nói những lời này, đều nhằm nói: Biện tài do trí huệ mà có, trí huệ do Giới và Định mà có. Chẳng có Giới và Định, sẽ chẳng có trí huệ. Chẳng có trí huệ, bèn chẳng có biện tài. Chẳng có biện tài, sẽ chẳng thể giáo hóa chúng sanh. Chớ nên không biết điều này!

Nay chúng ta thấy trong kinh nói bốn thứ Vô Ngại Biện Tài. Loại thứ nhất là *“nghĩa vô ngại biện”*. *“Nghĩa”* là nghĩa lý, tức là đạo lý, nguyên lý, và nguyên tắc được nói trong ấy đều thuộc về loại Nghĩa Vô Ngại Biện. *“Vị liễu tri nhất thiết chư pháp nghĩa lý, thông đạt vô trệ cố”* (ý nói biết nghĩa lý của hết thảy các pháp, thông đạt chẳng trệ ngại). *“Liễu”* (了) là hiểu rõ, *“tri”* (知)là biết, quý vị thấy nghĩa lý của hết thảy các pháp. Vấn đề này đang được các triết gia trong thế gian nghiên cứu, các nhà khoa học cũng đang nghiên cứu vấn đề này, còn có các nhà tôn giáo [cũng thế]. Trọng yếu nhất, thâm áo nhất trong các nghĩa lý là gì? Vũ trụ do đâu mà có? Vạn sự, vạn vật do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Quý vị do đâu mà có? Người khác do đâu mà có? Vì sao có những chuyện ấy phát sanh? Sau khi phát sanh, những chuyện ấy diễn biến như thế nào, cuối cùng lại có kết quả như thế nào? Những điều ấy đều là các câu hỏi lớn, đều là nghĩa lý. Ai biết? Nay chúng ta có thể nói, đức Phật biết chuyện này! Người Hoa bình phàm thường nói “trời biết”. Câu nói “trời biết” hàm ý “chẳng ai biết”, có ý nghĩa ấy. Sau khi chúng ta học Phật, [liền hiểu] trời cũng không biết! Trời là phàm phu! Dục Giới Thiên không biết, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên cũng không biết. Không chỉ bọn họ không biết, ngoài hai mươi tám tầng trời ra, Thanh Văn, Duyên Giác, Tiểu Thừa cũng không biết. Lại lên cao hơn, Quyền Giáo Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, các Ngài có biết hay không? Không biết! Nếu các Ngài biết, sẽ chẳng mê! Nhưng trong Phật pháp, học điều gì? Chính là học ý nghĩa này, hiểu rõ ràng, rành mạch hết thảy vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ, kể cả bản thân chúng ta, tánh, tướng, Lý, Sự, nhân, quả. Đó là Phật.

Phật cũng có tầng cấp. Các Ngài tuy đều biết, nhưng trong ấy cũng có cạn, sâu sai khác, chẳng giống nhau. Kinh Hoa Nghiêm nói bốn mươi hai tầng cấp. Những người thuộc bốn mươi hai tầng cấp ấy, tức là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác có biết những điều ấy hay không? Đều biết cả! Tuy đều biết, nhưng có sâu hay cạn sai khác bất đồng. Thí dụ như Thập Trụ tuy biết, nhưng Thập Trụ phải kém hơn Thập Hạnh một bậc. Tuy đều biết, Thập Hạnh sẽ giảng giải rõ ràng hơn Thập Trụ. Thập Hồi Hướng lại hiểu rõ hơn Thập Hạnh, coi như đạt đến Thập Địa mới có thể nói là hiểu rõ rốt ráo. Vì sao? Các Ngài đích thân thấy, sáu căn trông thấy, thấy nguyên khởi của vũ trụ, hết thảy chúng sanh kể cả chính mình phát sanh như thế nào, các Ngài cũng trông thấy, nhưng chẳng thấy rõ ràng cho lắm! Nếu chẳng thể hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ những nghĩa lý ấy, làm sao các Ngài có thể nói được? Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy, nói rõ ràng, minh bạch chuyện này. Ngài nói chuyện này trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm nói gì? Những vấn đề đang được khoa học và triết học thảo luận trong hiện thời như vũ trụ vĩ mô, to vô hạn, thế giới vĩ mô, Lượng Tử Lực Học, “nhỏ nhưng chẳng ở trong”, vĩ mô là “lớn mà chẳng ra ngoài”. Quý vị thấy hai câu thành ngữ ấy, từ hai ngàn năm trăm năm trước, nhằm thời đại Khổng Tử, đã có câu nói: *“Lớn mà chẳng ra ngoài, nhỏ mà chẳng vào trong”.* [Câu nói ấy] chẳng do người hiện thời nói, mà do cổ nhân nói. Hai câu ấy nói đến chuyện gì? Nói thật ra, đó chính là kinh Hoa Nghiêm.

Lúc đó, Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, vì sao người Trung Quốc có thể nói được? Có thể nói cổ thánh tiên hiền chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai ư? Tôi không tin. Kinh đã dạy rất rõ ràng, nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy. Người Hoa tin tưởng thánh hiền, nên Phật, Bồ Tát đến Trung Quốc bèn thị hiện thân thánh hiền. Nên dùng thân thánh nhân để hóa độ, các Ngài bèn hiện làm thánh nhân. Nên dùng thân hiền nhân để hóa độ, các Ngài bèn hiện làm hiền nhân. Thuở trước, khi học kinh giáo với thầy Lý, tôi đã có cách nhìn này, tôi thỉnh giáo thầy Lý. Tôi nói: “Cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công, những vị như Khổng Tử, Mạnh Tử, những người như Lão, Trang, có phải là chư Phật Như Lai ứng hóa ở phương Đông, hiện ra các thân ấy hay không?” Thầy cười, bảo tôi: *“Nói theo Lý thì suông, nhưng xét theo Sự, chưa có chứng cứ”*. Về mặt Sự, các vị ấy chẳng nói họ là Bồ Tát nào tái lai. Họ chưa từng nói đến, chưa từng nêu ra, nên chẳng có chứng cứ; nhưng xét theo Lý, chắc chắn là thông suốt. Sau này, tôi qua lại cùng rất nhiều tôn giáo, tôi cũng thường đọc các kinh điển của những tôn giáo ấy, tôi cũng có một cách nghĩ như thế này: Những vị thần thánh, tiên tri, sứ giả trong tất cả các tôn giáo cũng đều là hóa thân của Phật, Bồ Tát, chẳng thể nào giả được! Nói đến mức tuyệt diệu nhất vẫn là tám chữ *“lớn mà chẳng ra ngoài, nhỏ nhưng chẳng vào trong”.* Hai câu này tuyệt diệu, bao gồm trọn hết tất cả khoa học và triết học hiện tại. Đức Phật nói hay quá! Theo báo cáo mới nhất của khoa học hiện tại, họ nói nhân loại hiện thời có thể quan sát, tức là dùng những dụng cụ tinh vi để quan sát vũ trụ, toàn thể không gian, chỉ có thể thấy được mười phần trăm, còn chín mươi phần trăm chẳng thấy! Họ thấy hiện tượng vũ trụ là hiện tượng bành trướng [[13]](#footnote-14)[2], chín mươi phần trăm chẳng thấy! Đối với lời ấy, chúng ta là người đã đọc kinh Hoa Nghiêm, thật sự khế nhập Hoa Nghiêm đôi chút, nghe câu ấy bèn hiểu rõ: Họ thật sự chẳng thấy! Đến đâu để thấy, họ chẳng biết, nhưng chúng ta biết, đến nơi đâu để thấy chín mươi phần trăm? Trở về tự tánh. Trở về tự tánh, quý vị chẳng tìm thấy. Trở về Thường Tịch Quang, quý vị đến nơi đâu để tìm? Đúng là như thế đó! Vì thế, các nhà khoa học có thể nói ra câu này chẳng đơn giản!

Trong Phật pháp, chúng ta tu hành, tiến cao hơn từng cấp một. Đoạn Kiến Tư phiền não, lục đạo chẳng còn, quý vị tiến cao hơn. Trong lục đạo chẳng thấy quý vị. Tiến cao hơn, ở nơi đâu? Trong bốn thánh pháp giới. Vô minh đã phá, bốn thánh pháp giới chẳng còn nữa, tìm chẳng thấy mười pháp giới, đến nơi đâu? Đến Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo của chư Phật. Đoạn sạch tập khí căn bản vô minh, cõi Thật Báo chẳng còn. Cõi Thật Báo cũng chẳng thật. Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng. Đức Phật chẳng nói cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai là ngoại lệ. Chẳng hề nói, vì thế, cõi Thật Báo vẫn là hư vọng. Đoạn sạch vô thỉ vô minh, bao lâu sẽ đoạn sạch? Trong kinh giáo, đức Phật bảo là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Chư vị phải biết: Ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng phải là nói về thời gian chúng ta tu hành. Thời gian chúng ta tu hành thành Phật là vô lượng kiếp. Tính từ ngày đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, quý vị phá vô minh, nhưng tập khí vô minh chưa đoạn. Tập khí vô minh rất khó đoạn. Chẳng cần quan tâm đến tập khí vô minh, dần dần tự nó sẽ chẳng còn, thời gian dài bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Đến khi đó, tập khí hoàn toàn chẳng có, cõi Thật Báo cũng chẳng có, đó chính là *“phần vũ trụ chẳng thấy được”* như các nhà khoa học đã nói, trở về Tịch Quang, trở về tự tánh. Trở về tự tánh, có khởi tác dụng hay không? Khởi tác dụng. Trong tự tánh, tuy thứ gì cũng đều chẳng có, hiện tượng tinh thần chẳng có, hiện tượng vật chất chẳng có, nhưng nó có thể hiện. Vì sao nó có thể hiện? Chúng sanh có cảm, nó bèn hiện, nó có thể cảm ứng đạo giao cùng tất cả hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới. Khoa học chẳng có cách nào lý giải sự cảm ứng đạo giao ấy, vì sao? Nó tương ứng với Thường Tịch Quang, tương ứng với tự tánh, chẳng tương ứng với mười pháp giới; nó cũng chẳng tương ứng với cõi Thật Báo. Vì lẽ đó, phát hiện của các nhà khoa học rất có lý, dùng Phật pháp để giải thích sẽ giải thích thông suốt. Điều họ còn đang nghi vấn, chúng ta đã hiểu rất rõ rệt.

Ở chỗ nào có thể nhìn ra chân tướng sự thật này? Tự tánh vốn định. Khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng dao động”,* câu này nói “tự tánh vốn định”. Tự tánh vốn định ắt phải là sáu căn ở trong cảnh giới sáu trần mà chẳng khởi tâm, không động niệm, tự tánh vốn định bèn lộ ra, quý vị mới có thể thấy chân tướng sự thật. Quý vị thấy thế giới vi mô càng thấu triệt hơn Lượng Tử Lực Học hiện thời. Phát hiện của Lượng Tử Lực Học còn kém những điều được nói trong kinh Phật rất lớn. Trong thế giới vĩ mô, họ nói chín mươi phần trăm chẳng thấy, thì như chúng tôi vừa mới báo cáo cùng chư vị, trở về tự tánh. Hết thảy các pháp lưu lộ từ tự tánh, cuối cùng vẫn trở về tự tánh. Các hiện tượng ấy là tự nhiên, trong kinh Phật có một thuật ngữ là *“pháp nhĩ như thị”*, [có thể hiểu là] quy luật tự nhiên vốn là như vậy. Đó là một sự đại tuần hoàn, trở về tự tánh mới thật sự là đại viên mãn. Do đó, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm chưa phải là thật sự viên mãn; trở về Thường Tịch Quang mới là thật sự viên mãn. Chúng ta thấy bốn loại vô ngại biện tài này, hàng Pháp Thân đại sĩ mới có, kẻ bình phàm há có năng lực ấy? Nay chúng ta liễu giải các hiện tượng này do dựa vào kinh Hoa Nghiêm. Đọc kinh Hoa Nghiêm mới biết, lý luận là như vậy đó!

Loại thứ hai, *“Pháp Vô Ngại Biện. Vị đạt nhất thiết chư pháp danh tự, phân biệt vô trệ cố”* (Pháp Vô Ngại Biện, nghĩa là thông đạt danh tự của hết thảy các pháp, phân biệt chẳng trệ ngại). Loại thứ hai và loại thứ ba nói đến phương pháp. Đầu tiên nói về pháp, *“pháp”* là hết thảy các pháp, [ở đây là] nói theo pháp tướng, phần trên là nói theo Lý, tức Lý của hết thảy các pháp. Ở đây là tướng của hết thảy các pháp, hiện tướng, quý vị có thể biết danh tự của hết thảy các pháp. Danh tự do đâu mà có? Danh tự do con người đặt ra. Bất luận là ai, bất luận là người nước nào, hiện nay nói là người thuộc bất luận tinh cầu nào, bất luận là chúng sanh thuộc không gian bất đồng nào, đều đặt tên cho các pháp. Quý vị đều biết, chẳng cần học mà biết toàn bộ. Có thật hay không? Thật đấy. Có chứng cớ! Quý vị thấy tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước. Nước có năng lực như thế đó, nó chưa hề học, nhưng chúng ta viết chữ Hán, nó nhận biết. Quý vị viết tiếng Anh, nó cũng nhận biết. Tiếng Tây Ban Nha nó cũng nhận biết. Có rất nhiều văn tự của thổ dân đối với nó đều chẳng có chướng ngại, chúng ta biết đó là năng lực sẵn có trong tự tánh. Trong các chiều không gian khác nhau ngoài không gian, họ đặt tên cho vạn sự vạn vật, người minh tâm kiến tánh đều biết toàn bộ, đều nhận biết. Vì vậy, nước có thể thấy, nghe những ngôn ngữ, âm thanh ấy chẳng chướng ngại; lại còn hiểu ý nghĩ của con người. Chẳng cần nói chuyện, quý vị khởi tâm động niệm, nó liền biết toàn bộ. Ý niệm của quý vị thiện, quý vị thấy nó sẽ đáp trả bằng kết tinh vô cùng đẹp đẽ, quý vị thấy ngay! Ý niệm của quý vị bất thiện, nó kết tinh rất xấu xí, rất khó coi. Tiến sĩ Giang Bổn Thắng thí nghiệm mười mấy năm, mỗi ngày đều làm thí nghiệm cả ngàn lần. Họ có một nhóm nhỏ, tôi đến thăm phòng thí nghiệm của ông ta hai lần, là thật, chẳng giả, khoa học gia thừa nhận. Do đó, Tánh Đức chẳng thể nghĩ bàn.

Thứ ba, *“Từ Vô Ngại Biện. Ư chư pháp danh tự nghĩa lý, tùy thuận nhất thiết chúng sanh thù phương dị ngữ, vị kỳ diễn thuyết, năng linh các các đắc giải cố”* (Từ Vô Ngại Biện: Đối với danh từ, nghĩa lý của các pháp, thuận theo ngôn ngữ khác biệt của hết thảy chúng sanh ở các nơi khác nhau mà vì họ diễn nói, khiến cho ai nấy đều được hiểu). Từ (辭) là ngôn ngữ. Quý vị có năng lực hằng thuận chúng sanh. Bất luận ngôn ngữ hoặc văn tự nào, quý vị chẳng cần học mà thông hiểu toàn bộ. Hễ tiếp xúc liền thông hiểu, vì sao? Hết thảy các pháp chẳng lìa tự tánh. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường dạy chúng ta: Những pháp ấy do đâu mà có? Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Tự tánh là chân tâm, ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Chỉ cần chân tâm trông thấy, chân tâm hiện ra vạn pháp. Toàn thể vũ trụ, Phật pháp nói là “khắp pháp giới hư không giới”, quý vị hiểu rõ toàn bộ, chướng ngại gì cũng đều chẳng có. Chẳng có gì không biết, chẳng có gì không nói được, vô ngại biện tài mà!

Thứ tư, *“Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện, vị tùy thuận nhất thiết chúng sanh căn tánh sở nhạo văn pháp nhi vị thuyết chi, viên dung vô trệ cố”* (Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện, nghĩa là thuận theo căn tánh và pháp muốn được nghe của hết thảy chúng sanh mà vì họ diễn thuyết viên dung chẳng trệ ngại). Loại thứ bốn này là đại đức trong tứ biện tài. Đức lớn ấy là hoan hỷ nói, chẳng cần quý vị phải thỉnh giáo, rất nhiệt tâm, hễ gặp quý vị liền bảo ban. Đức Phật có thể quán cơ, [tức là] xét căn tánh của hết thảy chúng sanh, nói pháp tương ứng với căn tánh của quý vị, nên quý vị có thể nghe, hiểu, có thể lý giải. Những thứ quý vị nghe chẳng hiểu, Ngài sẽ không nói. Những thứ quý vị chẳng cần biết, Ngài chẳng nói. Ứng cơ thuyết pháp, hoan hỷ thuyết pháp. Đó là *“nhạo thuyết”.* Nhạo (樂) là vui vẻ. Ở đây, chữ này không đọc là Lạc, Lạc là vui sướng, phải đọc là Nhạo. *“Nhạo”* là ưa thích, mến chuộng, yêu thích, mang ý nghĩa ấy, [nên nói là] *“nhạo thuyết”*. Vì thế, điều này là đức. Nếu người ấy chẳng ưa nói, tuy có những biện tài trước đó, chúng sanh chẳng đạt được lợi ích. Chúng sanh được lợi ích là do người ấy đại từ đại bi, ưa thích nói, chủ động nói với chúng ta. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật ưa thích nói, hễ gặp kẻ khác bèn nói. Có người, Phật nhất định chờ kẻ ấy lên tiếng hỏi, nêu lên câu hỏi rồi Phật mới nói. Có những người chẳng hỏi han gì, đức Phật vẫn nói với họ. Bộ kinh này do A Nan hỏi, đức Phật mới nói. Kinh Di Đà chẳng ai hỏi, do chính đức Phật tự nói. Ai có thể hỏi, ai chẳng thể hỏi, đức Phật đều biết, chẳng có gì không biết. Do đó, nên dùng thân gì để đắc độ, Ngài bèn hiện thân ấy. Phải nên thuyết pháp nào, lúc này, chỗ này, quý vị hiện đang thuộc vào giai đoạn nào, quý vị cần biết pháp gì, đức Phật đều có thể nói, đều có thể giúp đỡ, giải quyết hết thảy những nghi nan tạp chứng hiện tiền, lòng từ bi đấy!

Trong ấy, quan trọng nhất là giúp quý vị phá mê khai ngộ. Đấy mới là ý nghĩa chân thật trong vô lượng biện tài của đức Phật, dụng ý chân chánh là giúp quý vị phá mê khai ngộ. Rốt cuộc là mục tiêu như thế này: Giúp quý vị đại triệt đại ngộ, giúp quý vị minh tâm kiến tánh, giúp quý vị viên thành Phật đạo, đó là Phật giáo. Chỉ có người thật sự đạt được lợi ích chân thật do sự giáo hóa của đức Phật thì mới biết cảm ơn. Chưa đạt được lợi ích chân thật, tâm cảm ơn ấy đều chẳng phải là chân thật. Nói ân đức của Phật to như thế nào, kẻ ấy chẳng biết. Kẻ ấy mê hoặc, điên đảo, làm sao biết được? Ngày nào kẻ ấy giác ngộ thì mới hiểu, mới sám hối. Đức Phật đời đời kiếp kiếp quan tâm, nhưng [chúng sanh] chẳng biết cảm ơn. Tuy họ chẳng biết cảm ơn, đức Phật vẫn quan tâm, chăm sóc, trọn chẳng nói “các ngươi chẳng cảm ơn, ta sẽ không bận tâm đến các ngươi nữa”. Thậm chí quý vị khinh lờn, nhục mạ Phật, Bồ Tát, hủy diệt Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát vẫn quan tâm, chăm sóc. Quý vị thấy các Ngài từ bi đến mức ấy, chẳng phải là tri kiến phàm phu! Vì sao? Vì các Ngài biết hết thảy vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới và các Ngài là một Thể, do cùng một tự tánh hiện ra, do cùng một tự tánh sanh ra, là “cùng một tự tánh, cùng một Thể”. Sách Hoàn Nguyên Quán gọi cái Thể ấy là *“tự tánh thanh tịnh viên minh thể”.* Chư Phật Như Lai sanh từ tự tánh ấy, mà lũ chúng sanh đông đảo chúng ta cũng sanh từ đó. Súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa đều sanh từ nó, cùng một Thể. Quý vị làm chuyện sai trái, làm chuyện xấu xa, lầm lỗi gì, các Ngài chẳng bận lòng. Trong tâm quý vị có thứ này thứ nọ, chứ tâm các Ngài sạch làu, hoàn toàn chẳng có [vướng mắc gì]. Đó chính là chân tâm, tự tánh của quý vị, nhưng chính quý vị đã mê mất. Nay quý vị đang sử dụng vọng tâm, sử dụng vọng niệm. Vì lẽ đó, Phật có thể viên dung vô ngại, vì hết thảy chúng sanh thị hiện, thuyết pháp.

*“Thượng biểu chư Đại Sĩ khế ư thánh trí, đắc vô ngại chi biện tài, thiện ứng căn cơ, quảng tuyên diệu biện, cố viết: Đắc Phật biện tài”* (Các thuyết trên đây cho rằng các bậc Ðại Sĩ khế hợp thánh trí, đắc vô ngại biện tài, khéo thích ứng căn cơ, giảng giải rộng rãi, bàn luận khéo léo, nên bảo là “đắc Phật biện tài”). Do đó, chúng ta học Phật, hiểu đạo lý này, biết do công phu Giới, Định, Huệ cao hay thấp thì mới có thể khôi phục vô ngại biện tài nơi tự tánh của chính mình. Nếu không từ Giới, Định, Huệ, mà nương vào học rộng nghe nhiều kinh giáo, thì dường như cũng có biện tài vô ngại, nhưng đó có phải là biện tài như kinh đã nói hay không? Chẳng phải! Vì quý vị chẳng có trí huệ, quý vị vẫn bị tập khí phiền não nắm quyền làm chủ, lấy đâu ra biện tài? Biện tài kiểu đó gặp người ta đưa ra câu hỏi, quý vị vẫn chẳng có cách nào giải đáp. Sau khi trí huệ đã khai, chẳng thể nào có hiện tượng ấy, [bất cứ câu hỏi nào cũng] đều có thể giải đáp.

Đoạn cuối cùng: *“Chân Giải phục tấn nhất giải viết”* (Sách Chân Giải lại còn giải thích rộng thêm như sau). Vị đại đức Nhật Bản này rất giỏi, những câu nói ấy đều xuất phát từ kinh Phật. *“Nhược y Căn Bản Giáo, đản thuyết nhất tự, diệc vi đắc Phật biện tài, truyền Như Lai như thật ngôn cố. Bất đản thử Bồ Tát nhĩ, phàm phu thuyết diệc đồng chư Phật biện tài. Tán dương Phật huệ công đức, khai hóa thập phương hữu duyên nhi dĩ”* (Nếu nương theo Căn Bản Giáo, chỉ nói một chữ cũng là đắc Phật biện tài vì truyền lời chân thật của Như Lai vậy. Không chỉ những Bồ Tát này được như thế, mà lời của phàm phu nói cũng giống như biện tài của chư Phật. Tán dương công đức Phật huệ chỉ nhằm để khai hóa kẻ hữu duyên trong mười phương mà thôi). Lời này nói rất hay, sách Chân Giải đúng là nói rất hay, *“nương vào Căn Bản Giáo”.* Căn Bản Giáo là gì? Không khởi tâm, không động niệm là Căn Bản Giáo; khởi tâm động niệm chẳng phải là Căn Bản Giáo. Không khởi tâm, không động niệm, chỉ nói một chữ mà có thể hiển thị biện tài trong tự tánh, chữ nào vậy? Nói thông thường thì là chữ Phật. Chỉ nói một chữ Phật này là được rồi, toàn bộ đều được biểu thị. Nếu nói theo ý nghĩa càng sâu hơn, bất cứ chữ nào, không nhất định phải là chữ Phật, bất cứ chữ nào [cũng được], vì sao? Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một, nó lưu lộ từ tự tánh. Bất cứ chữ nào cũng đều từ tự tánh lưu lộ, đều trở về tự tánh. Ý nghĩa này quá sâu, quá mầu nhiệm! Quý vị hiểu đạo lý này, quý vị mới biết trong Thiền Tông có một loại ứng đối gọi là *“Thiền cơ”*. Họ nói chuyện, chúng ta ở bên cạnh, nghe không hiểu, chẳng biết nghĩa là gì. Những điều đó đều thuộc loại *“nương vào Căn Bản Giáo”*, nói một chữ, nói hai chữ, nói một câu, nói hai câu đều chẳng sao cả. Đó thật sự là biện tài của Phật. Thật sự hiểu, người ấy cũng nhập cảnh giới. Nếu người ấy chẳng nhập cảnh giới này, sẽ không hiểu. Cũng có nghĩa là nếu người ấy chưa đắc Căn Bản Trí, người ấy cũng không hiểu. Người đắc Căn Bản Trí thì đôi bên có thể thông hiểu lẫn nhau, có thể thấu hiểu. Chưa đắc Căn Bản Trí mà dùng phương pháp này thì sai mất rồi, vẫn phải là dùng phương pháp thế gian thì người thế gian mới hiểu. Đó là thuyết pháp thích ứng căn cơ, đối với loại người nào nên dùng phương pháp nào. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

# Tập 130

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi tám, dòng thứ sáu đếm từ dưới lên, xem từ câu thứ hai:

*“Chân Giải phục tấn nhất giải viết:* *Nhược y Căn Bản Giáo, đản thuyết nhất tự, diệc vi đắc Phật biện tài, truyền Như Lai như thật ngôn cố. Bất đản thử Bồ Tát nhĩ, phàm phu thuyết diệc đồng chư Phật biện tài. Tán dương Phật huệ công đức, khai hóa thập phương hữu duyên nhi dĩ”* (Sách Chân Giải lại còn giải thích rộng thêm như sau: “Nếu nương theo Căn Bản Giáo, chỉ nói một chữ cũng là đắc Phật biện tài vì truyền lời chân thật của Như Lai vậy. Không chỉ những Bồ Tát này được như thế, mà lời của phàm phu nói cũng giống như biện tài của chư Phật. Tán dương công đức Phật huệ chỉ nhằm để khai hóa kẻ hữu duyên trong mười phương mà thôi”). Ngày hôm qua chúng ta học đến câu này. Trong ấy có ý nghĩa rất sâu, rất đáng cho chúng ta học tập. Nương vào Căn Bản Giáo: Căn bản là tự tánh, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều lưu lộ từ tự tánh, cuối cùng vẫn là trở về tự tánh. Đó là pháp căn bản, giống như Hiền Thủ quốc sư đã nói trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. *“Đản thuyết nhất tự”* (chỉ nói một chữ): Chúng ta nêu ra một chữ, nêu ra một chữ Phật; trên thực tế, một chính là hết thảy, hết thảy chính là một. Bất cứ chữ nào cũng đều được, bất cứ pháp gì cũng đều được, vì sao? Nó chẳng lìa tự tánh. Chúng ta là phàm phu, chưa đạt đến tầng cấp này, chẳng đạt đến cảnh giới cao như thế. Dùng tỷ dụ để nói, chúng ta sẽ dễ tiếp nhận hơn. Phật có nghĩa là gì? Kinh điển đã dạy: [Phật có] ý nghĩa giác ngộ. Dựa vào đâu để giác ngộ? Trí huệ. Có ý nghĩa hoàn toàn giống như Giới, Định, Huệ đã nói trong các phần trước. Huệ sẵn có trong tự tánh, Định thì sao? Giới luật thì sao? Đều là sẵn có trong tự tánh. Lìa khỏi tự tánh thì tìm đâu ra Giới, Định, Huệ? Do đó, chúng ta phải biết: Giới, Định, Huệ là Tánh Đức, tự tánh vốn sẵn có trí huệ và đức tướng, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất nhiều.

Trong hết thảy các pháp chân, vọng, tà, chánh, Lý, Sự, nhân, quả, đều có thể giác liễu minh đạt, đều giác ngộ, đều hiểu rõ, đều thông đạt, chẳng bị chướng ngại. Do đó, trong Phật môn có một câu: *“Pháp nào chẳng phải là Phật pháp?”* Đức Phật dạy: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”*, ý nghĩa bao hàm trong từ ngữ *“hết thảy chúng sanh”* rất rộng. Người bình phàm chúng ta có thể biết đến toàn là người, [nên thường nghĩ] dường như hết thảy chúng sanh đều là người. Hết thảy mọi người vốn là Phật, súc sanh có phải là Phật hay không? Ngạ quỷ có phải là Phật hay không? Quỷ thần có phải là Phật hay không? Hoa, cỏ, cây cối có phải là Phật hay không? Núi, sông, đại địa có phải là Phật hay không? Gió, mây, mưa, tuyết, các hiện tượng tự nhiên có phải là Phật hay không? Tất cả đều là! Vì sao? Chúng do các duyên hòa hợp mà sanh ra, nên được gọi là *“chúng sanh”.* Vì thế, *“chúng sanh”* không chỉ là nói về nhân loại chúng ta. Nói theo khoa học hiện thời, theo cách phân loại của khoa học, hết thảy vạn sự vạn vật được chia thành ba loại lớn: động vật, thực vật, khoáng vật. Phật pháp phân chia càng tỉ mỉ hơn, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Chánh báo là chính mình, y báo là hoàn cảnh. Trong hoàn cảnh có hoàn cảnh nhân sự, có hoàn cảnh giữa chúng ta và hết thảy động vật, hoàn cảnh cùng hết thảy thực vật, hoàn cảnh cùng hết thảy khoáng vật, núi, sông, đại địa, cho đến với các hiện tượng tự nhiên. Tiến hơn bước nữa, các nhà khoa học cho biết, hết thảy sanh vật trong các chiều không gian khác biệt đều là hoàn cảnh của chúng ta. Đức Phật phân loại [cặn kẽ] hơn các nhà khoa học rất nhiều, phân loại khá tỉ mỉ.

Trong “hết thảy [các thứ ấy]”, hết thảy vốn là Phật, chẳng có gì không phải là Phật. Một đóa hoa, một chiếc lá vốn là Phật, một hạt bụi, một hạt cát vốn là Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Tình và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí”.* Quý vị thấy một chữ Phật biểu thị [toàn bộ những điều ấy]. Phải là người nào? Phải là người thông đạt; người chẳng thông đạt sẽ không được. Người thông đạt tùy tiện lấy bất cứ pháp nào đều đắc biện tài của Phật. Điều này là thật, chẳng giả tí nào! Nếu phàm phu chúng ta mê mất tự tánh, không chỉ chẳng biết chính mình vốn là Phật, mà còn quyết định chẳng thể nào nhận biết hết thảy vạn sự vạn vật vốn là Phật. Chắc chắn họ sẽ không thể tin tưởng, một đóa hoa, một chiếc lá, làm sao có thể là Phật cho được? Họ chẳng hiểu rõ. Trong mắt Phật, [vạn sự vạn vật] đều là Phật. Trong tầm mắt của phàm phu, nhà Phật lại có một câu: “Có pháp nào là Phật pháp?” Quý vị thấy đối với người giác ngộ, có pháp nào chẳng phải là Phật pháp? Nói theo bọn phàm phu chúng ta, có pháp nào là Phật pháp? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cũng không phải là Phật pháp; kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ chúng ta đang học ở đây cũng không phải là Phật pháp. Vì sao? Mê chứ chẳng giác! Phật có nghĩa là “giác”. Đã giác thì hết thảy đều là [Phật pháp], chẳng giác thì hết thảy đều chẳng phải [là Phật pháp]. Phật pháp nói rất tuyệt diệu! Chúng ta phải biết đạo lý và chân tướng sự thật này, cũng như *“đắc Phật biện tài”* đang được nói ở đây đều là thật, chẳng giả!

*“Truyền Như Lai như thật ngôn cố”* (vì truyền lời chân thật của Như Lai vậy). Kinh giáo là lời “như thật” (đúng với sự thật) của Như Lai. *“Thật”* (實) là chân thật. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, giáo hóa suốt bốn mươi chín năm, những lời Ngài nói đều là lời chân thật. Không chỉ hàng Bồ Tát là như thế, tức là một vạn hai ngàn vị Bồ Tát tham gia pháp hội này là như thế, mà những gì phàm phu nói cũng giống như biện tài của chư Phật. Đó là nói theo Lý, chẳng phải là nói theo Sự. Người chứng đắc nghĩa lý biết điều này. Người chưa chứng đắc, nhưng đọc kỹ kinh Đại Thừa cũng biết. Họ nghe Phật nói, nghe các vị Bồ Tát nói, nghe quá nhiều, đã quen tai, cũng có thể chấp nhận, nhưng chính người ấy chẳng phải là tự mình chứng đắc. Người ấy có thể khẳng định, có thể tiếp nhận, đó gọi là “giải ngộ”; còn chính mình thật sự chứng đắc thì là “chứng ngộ”, cảnh giới sai biệt rất lớn. Giải ngộ mà nếu không tu hành, sẽ chẳng thể thành tựu, chỉ có thể ở trong thế gian này, đúng như người hiện tại đã nói: Người nào đó là nhà Phật học, người ấy có thể được gọi là một nhà Phật học. Học rộng nghe nhiều kinh giáo, nhưng tập khí phiền não chưa đoạn, một phẩm Kiến Tư Hoặc vẫn chưa phá, tuy là một nhà Phật học, chẳng có mảy may liên quan đến liễu sanh tử xuất tam giới, phải biết điều này! Trong Phật học, người ấy chẳng có Giới, Định, Huệ; Phật học là pháp thế gian, không phải là pháp xuất thế gian. Thật sự có Giới, Định, Huệ, nhưng chẳng có Phật pháp, giống như kẻ không biết chữ, chưa từng học hành, cũng chưa hề nghe kinh ngày nào, người ấy như thế nào? Người ấy thật sự có Phật pháp, khác hẳn! Vì vậy, công phu chân thật chẳng lìa Giới, Định, Huệ. Có Giới, Định, Huệ là thật, chẳng có Giới, Định, Huệ là giả. Do đó, tôi khuyên các đồng học chớ nên coi nhẹ Giới, Định, Huệ. Niệm Phật vãng sanh mà chẳng có Giới, Định, Huệ thì cũng chẳng thể vãng sanh. Bất quá Tây Phương Cực Lạc thế giới rất đặc thù, hễ có chút phần Giới, Định, Huệ bèn có thể vãng sanh, chẳng giống các pháp môn khác. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, Giới, Định, Huệ nhất định phải vẹn toàn, thật sự đạt tiêu chuẩn thì mới có thể thành tựu. Có chút phần, sẽ thất bại, sẽ chẳng thể thành tựu.

Chúng ta biết, trong kinh giáo, đức Thế Tôn thường giới thiệu sáu tầng trời Dục Giới. Chỉ cậy vào tu phước, Thượng Phẩm Thập Thiện chỉ có thể sanh đến Đao Lợi Thiên. Phía trên Đao Lợi Thiên là Dạ Ma Thiên, chỉ cậy vào Thập Thiện sẽ chẳng đến được, còn phải tu gì? Còn phải tu Định, có một chút công phu định lực thì mới có thể sanh vào tầng trời thứ ba trong Dục Giới là Dạ Ma Thiên. Tầng trời thứ tư, Định sâu hơn chút nữa, tầng thứ năm, tầng thứ sáu, Định càng sâu hơn. Nhưng các thứ Định sâu hơn ấy đều chẳng gọi “chưa đắc Định”, chưa đạt mức! Ví như học hành trong nhà trường, sáu mươi điểm là đạt tiêu chuẩn. Trường học hiện thời [ấn định điểm số như thế nào] tôi không biết, hồi tôi đi học thì sáu mươi điểm là đạt tiêu chuẩn. Xét theo công phu định lực của họ, đối với công phu định lực của trời Dạ Ma, đại khái là hai mươi điểm có thể sanh vào Dạ Ma Thiên, ba mươi điểm liền sanh trong Đâu Suất Thiên, bốn mươi điểm bèn sanh trong Hóa Lạc Thiên, năm mươi điểm bèn sanh trong Tha Hóa Tự Tại Thiên. Sáu mươi điểm bèn đạt tiêu chuẩn, không ở trong Dục Giới, mà đạt đến Sơ Thiền. Trong Tứ Thiền Thiên, đạt đến Sơ Thiền, đạt tiêu chuẩn, mới gọi là “thật sự đắc Thiền Định”; còn mức Thiền Định trong bốn tầng trời ấy của Dục Giới được gọi là “Định chưa đến nơi đến chốn”. Nói theo cách hiện thời, sẽ là “chẳng đạt mức”, mọi người sẽ dễ hiểu, người ấy chưa đạt đến công phu đó. Vì thế, quý vị đắc Sơ Thiền, bèn sanh trong Sơ Thiền Thiên, thuộc vào Sắc Giới, chẳng phải là Dục Giới. Công phu Thiền Định sâu hay cạn khác nhau, chia thành bốn đẳng cấp: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền. Lại lên cao hơn nữa là đắc Tứ Không Định, càng cao hơn Tứ Thiền Định, cũng chia thành bốn đẳng cấp, nên gọi chung là Bát Định. Trong Phật học thường nói là Tứ Thiền Bát Định, nhưng trên thực tế là Bát Định, tức là Tứ Thiền Định cộng thêm Tứ Không Định, chẳng thuộc trong Dục Giới. Chẳng có công phu ấy sẽ không được, phải đạt công phu thật sự.

Định là gì? Trong cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, có thể giữ gìn tâm thanh tịnh bình đẳng của chính mình, chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu. Trong kinh, đức Phật thường nói *“tùy duyên bất biến”*,hằng thuận chúng sanh, tâm thanh tịnh bình đẳng chẳng bị quấy nhiễu. Bất luận thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, đều dùng tâm bình đẳng để đối đãi, đó là Định. Vì sao? Vì người ấy biết hết thảy chúng sanh, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới và chính mình có cùng một tự tánh, cùng một thanh tịnh viên minh thể, do là một Thể, tâm người ấy liền định. Không hiểu rõ đạo lý này, hoặc liễu giải đạo lý này chưa đủ sâu, liễu giải chẳng thấu triệt, hễ cảnh giới hiện tiền, tâm luôn bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. Nay chúng ta còn bị ảnh hưởng như vậy thì phải nâng cao tánh cảnh giác của chính mình. Vì sao? Công phu quá kém! Cảnh giới bên ngoài tốt hay xấu? Tốt! Luôn luôn là cảnh giới tốt. Giống như thầy đến khảo hạch, trò hỏng thi, còn có sai biệt khá lớn thì phải nỗ lực, phải tinh tấn. Phàm phu cũng có thể có biện tài giống như chư Phật; điều này thuộc về giải ngộ, chưa phải là chứng ngộ. Cũng như vậy, có thể tán dương công đức của Phật huệ, cũng có thể khai hóa chúng sanh hữu duyên trong mười phương. Trong các chúng sanh hữu duyên, có rất nhiều kẻ hồ đồ nhất thời, mê hoặc nhất thời, mê rất nghiêm trọng, nhưng phải hiểu, trong đời quá khứ, người ấy đã tu tập, tích lũy thiện căn rất sâu dầy, có khi được chúng ta dẫn phát, sẽ phát hiện điều gì? Phát hiện người ấy cao hơn ta rất nhiều, chúng ta hãy hoan hỷ, cung kính, chớ nên ghen tỵ, chướng ngại. Hễ chướng ngại, ghen tỵ, quý vị đã sai mất rồi! Phải hoan hỷ, cung kính.

Tới sau mà ở trước, cổ nhân nói: *“Màu xanh phát xuất từ màu chàm, nhưng vượt trỗi màu chàm”*. Học trò được thầy chỉ dạy; sau này, trò vượt trỗi thầy, tâm thầy hoan hỷ. Vì sao? Thế hệ sau khá hơn thế hệ trước, đó là cảnh giới tốt đẹp. Nếu thầy dạy học trò mà trong tương lai thành tựu của họ đều thua kém thầy, thầy đau buồn; nói theo phương diện dạy học, thầy chẳng có thành tựu. [Trò thành tựu] giống như thầy thì vẫn chưa kể là thành tựu, nhất định phải cao hơn quý vị. Dụng tâm của cổ nhân chẳng giống người hiện thời! Cổ nhân thật sự hy vọng thế hệ kế thừa tốt đẹp hơn thế hệ của chính mình. Người làm cha mẹ hy vọng con cái vượt trỗi chính mình. Bất luận đức hạnh, trí huệ, hay phước báo, đều mong cho con cái vượt trỗi chính mình, xứng đáng với tổ tông, xứng đáng với gia tộc, trong gia đình mới xuất hiện nhân tài. Tâm tình của thầy chẳng khác gì tâm tình của cha mẹ đối với con cái, thầy mong mỏi học trò vượt trỗi chính mình. Trong xã hội, bất luận cơ cấu của chánh phủ hoặc cơ cấu của tư nhân, người lãnh đạo hy vọng những kẻ được lãnh đạo sẽ vượt trỗi chính mình. Vì sao? Sự nghiệp ấy có người thừa kế, mỗi thế hệ sau giỏi hơn thế hệ trước. Nếu chẳng có người kế tục, quý vị mất đi, hết thảy đều tiêu tan. Trên phiếu thành tích, chỉ chấm điểm zero, quý vị chẳng có mảy may thành tựu gì! Nếu chư vị hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, quý vị có thể thấu hiểu cổ nhân yêu thương thế hệ kế tiếp như thế nào, thật sự dụng tâm bồi dưỡng thế hệ kế tiếp, đó là một đại sự bậc nhất trong sự nghiệp của cả đời họ. Vì thế, trong xã hội của người xưa, người tiến cử hiền tài được cấp trên ban thưởng. Quý vị có thể thay quốc gia tuyển lựa, đề bạt nhân tài, nhân tài ấy trong tương lai thật sự vượt trỗi chính mình, quốc gia bèn ban thưởng cao nhất. Do vậy, cổ nhân dụng tâm, niệm niệm thường nghĩ vì người khác, chẳng nghĩ đến chính mình.

*“Lợi ích tha đức”* (đức hạnh lợi ích người khác), câu đầu tiên là nói đến biện tài. Biện tài là trí huệ, là phương tiện thiện xảo, thuộc loại năng lực, sau đó phải có công phu tu hành chân thật. Chẳng có công phu tu hành chân thật, sẽ là giả. Thứ giả dối nhất định bị kẻ khác vạch trần. Khi bị vạch trần, sẽ chẳng đáng một đồng! Do đó, tiếp theo chữ Chân là gì? *“Trụ Phổ Hiền hạnh”.* Hãy chú trọng chữ Trụ. *“Trụ”* (住) là an trụ, vĩnh viễn chẳng rời khỏi. *“Thượng văn dĩ ngôn chư đại sĩ hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức, kim văn vân trụ Phổ Hiền hạnh, biểu chư đại sĩ hàm an trụ ư Phổ Hiền đại sĩ chi đại hạnh, các các dĩ thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc”* (trong phần trước, kinh nói các Ðại Sĩ *“*đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền Ðại Sĩ”*.* Ở đây, kinh chép “trụ Phổ Hiền Hạnh”, ý nói các Ðại Sĩ đều an trụ đại hạnh của Phổ Hiền Ðại Sĩ. Mỗi vị đều dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt quy về Cực Lạc). Đây là thật sự hành, *“trụ Phổ Hiền hạnh”* là thật sự hành. Phía trước chỉ nói mọi người đều tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ, còn trong câu này là thật sự hành. Bồ Tát không tu Phổ Hiền hạnh, sẽ chẳng thể thành Phật. Cùng một đạo lý giống như vậy, người học Tịnh Độ chúng ta không tu Phổ Hiền hạnh, sẽ chẳng thể vãng sanh. Tuy chưa tu Phổ Hiền hạnh, nhưng đã phát cái tâm ấy, tâm ấy là gì? Là tâm Bồ Đề. Thật sự phát Bồ Đề tâm, nhưng ta còn chưa thể làm được, vẫn có thể vãng sanh. Pháp môn Tây Phương Cực Lạc thế giới quá to, chỉ cần khi nào có được vài điểm [trong Phổ Hiền hạnh], đều có thể vãng sanh. [Tức là] nếu điểm số Phổ Hiền hạnh càng cao, quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ không ở trong cõi Đồng Cư. Thật sự đạt tiêu chuẩn, đạt tiêu chuẩn nơi Phổ Hiền hạnh, quý vị sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Công phu kém hơn một chút, chưa đạt tới mức độ ấy, sẽ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Đã phát tâm, phải nghiêm túc thực hiện, đương nhiên sẽ có phần sanh về cõi Đồng Cư.

Chúng ta phải đọc Phổ Hiền hạnh mỗi ngày, tổ sư đã xếp hạnh ấy vào khóa tụng sáng tối. Tịnh Tông Học Hội thành lập, chúng tôi đề ra năm khoa hạnh môn để tu hành. Năm khoa mục ấy, mỗi ngày chúng ta phải nghiêm túc thực hiện. Năm khoa mục không nhiều lắm, dễ nhớ! Quá nhiều, nhớ không nổi, quý vị tu bằng cách nào? Trong năm khoa mục ấy, khoa mục thứ nhất là Tịnh Nghiệp Tam Phước. Đây là tổng cương lãnh, tổng nguyên tắc chỉ đạo sự tu hành trong Phật pháp, bất luận tu tông phái nào, tu pháp môn nào đều phải tuân theo nguyên tắc chỉ đạo này. Đức Phật nói rất hay, Tịnh Nghiệp Tam Phước là *“chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật”*. “Tam thế Phật” là quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật, toàn bộ chánh nhân tịnh nghiệp là ba câu ấy. Quý vị nói xem có quan trọng lắm hay không? Câu đầu tiên gồm mười sáu chữ, *“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”*, chúng ta thực hiện nơi ba căn bản của Nho, Thích, Đạo. Nếu chẳng có ba căn bản ấy, hết thảy đều thất bại, thứ gì cũng đều chẳng có. Quý vị suốt đời nghiêm túc nỗ lực nghiên cứu kinh giáo, cũng chỉ trở thành một nhà Phật học, thành một vị học giả trong Phật môn. [Nói tới] nhân vật tiêu biểu, khi tôi mới học Phật, chưa xuất gia, theo thầy Lý học kinh giáo; khi đó, còn chưa xuất gia, thầy Lý nêu ra hai nhân vật tiêu biểu, cổ nhân là Tô Đông Pha, người thời nay là Lương Khải Siêu, họ đều là danh nhân, là nhà Phật học, đọc kinh điển rất nhiều, có tài hoa, có thể diễn thuyết, có thể viết lách, nhưng chẳng liên can gì đến chuyện sanh tử. Vì thế, thầy cảnh cáo tôi: *“Cổ nhân đừng học theo Tô Đông Pha, người thời nay chớ học Lương Khải Siêu”*. Thầy Lý cảnh cáo tôi đừng đi theo đường lối của họ, họ là Phật học, chẳng phải là học Phật!

Học Phật và Phật học hoàn toàn khác nhau. Học Phật có Giới, Định, Huệ; trong Phật học chẳng có Giới, Định, Huệ, phải biết điều này. Chẳng có Giới, Định, Huệ, là Phật học, quý vị ở trong thế gian này cũng có thể thành danh, [trở thành] bậc đại gia về Phật học, là Phật học đại sư, người ta sẽ gọi quý vị bằng danh hiệu ấy. Quý vị cũng có thể đạt được học vị Tiến Sĩ, giảng đến nỗi hoa trời rơi tán loạn, trước tác rộng khắp, nhưng vẫn phải luân hồi trong lục đạo y như cũ, theo nghiệp chịu báo, chớ nên không biết điều này. Do đó, ba căn bản của Nho, Thích, Đạo vô cùng trọng yếu. Khi quý vị vứt bỏ các căn bản ấy, quý vị sẽ suốt đời làm chuyện thuộc về Phật học, chớ nên không biết! Có ba căn bản ấy thì mới thật sự có thể học Phật, làm đệ tử tại gia của Phật, tức Ưu-bà-tắc hay Ưu-bà-di, mà cũng có thể xuất gia. Phước thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là cơ sở, đạt được điều kiện học Phật cơ bản, coi như quý vị nhập Phật môn.

Phước thứ hai là *“thọ trì Tam Quy, trọn đủ chúng giới, chẳng phạm oai nghi”.* Đó là điều thứ hai. Điều thứ hai là phước Tiểu Thừa, điều thứ nhất là phước báo nhân thiên. Do đó, gọi là Tam Phước.

Điều thứ ba, tức câu thứ ba là *“phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả”.* Khuyến tấn hành giả là lợi ích người khác, tức lợi tha. Những điều trước đó đều là tự lợi. Sau khi tự lợi mới có thể lợi tha, chúng ta nói là *“hoằng pháp, lợi sanh”,* điều này trọng yếu lắm!

Xuất gia nhất định phải học Sa Di Luật Nghi. Trong mười điều của Sa Di Giới, phần trước giảng về Ngũ Giới, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Trong *“không vọng ngữ”*,đặc biệt chú thích rõ ràng, [không vọng ngữ] bao gồm không nói đôi chiều, không nói thêu dệt, không ác khẩu. Năm điều ấy được gọi là Căn Bản Đại Giới. Có lúc kinh luận đặc biệt giảng Căn Bản Đại Giới chỉ có bốn điều, tức là không tính điều “chẳng uống rượu”. Bốn điều trước đó là “giết, trộm, dâm, dối” là Căn Bản Giới. Không chỉ là Căn Bản Giới trong Phật pháp, mà gần như đối với tất cả các tôn giáo đều là Căn Bản Giới. Chúng ta đọc kinh Cổ Lan (Koran) [của Hồi giáo], xem Tân Cựu Ước của Cơ Đốc Giáo; mấy năm nay, chúng tôi biên soạn một quyển sách nhỏ, trích lục kinh điển của mười tôn giáo tương đối lớn trên thế giới, có những giáo điều liên quan luân lý, đạo đức, nhân quả, giới luật, chúng tôi đều trích lục, thấy [tôn giáo nào] cũng đều có]: Mỗi tôn giáo đều giảng “giết, trộm, dâm, dối”, chẳng thể không vâng giữ!

Phần sau của Sa Di Luật Nghi còn có năm điều. Điều thứ nhất là không ngồi giường to cao rộng. Năm điều sau, nói thật ra, đều thuộc loại *“lấy khổ làm thầy”,* năm điều trước là Ngũ Giới, [tức là] *“lấy giới làm thầy”*. Lấy khổ làm thầy thì Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời đã nêu gương cho chúng ta. Do đó, giường ngủ của người xuất gia rất hẹp, rất thấp. Theo kinh điển, [giường của tăng sĩ] không vượt quá sáu tấc, giường ấy nhỏ lắm. Vì sao? Không thể ngủ rất thoải mái; hễ quá thoải mái, quý vị liền tham ngủ. Thời thời khắc khắc cảnh giác, giường rất hẹp, quý vị trở người liền ngã xuống đất. Khi ngủ, phải ngủ đúng quy củ. Năm xưa, tôi giảng kinh ở Ôn Ca Hoa (Vancouver), lúc ấy, mỗi năm đều sang Ôn Ca Hoa giảng kinh, giảng một tháng. Ở Ôn Ca Hoa, ngẫu nhiên thấy một cái giường nhỏ như thế, tôi liền mua ngay. Rất nhiều người hỏi tôi: “Cớ sao giường hẹp như thế?” Giường chỉ có hai thước rưỡi [[14]](#footnote-15)[3], thông thường, giường đơn lớn hơn ba thước rưỡi một chút. Cái giường ấy là hai thước rưỡi, đại khái to hơn cái bàn này đôi chút. [Giường rộng] hai thước rưỡi, cái bàn này khoảng chừng hai thước. Vì thế, đức Phật nói rất có ý nghĩa.

Điều thứ bảy là quyết định không được phép đeo vòng hoa, đồ trang sức, chẳng được phép dùng những thứ giống như đồ hương trong hiện tại. *“Đồ hương”* giống như nước hoa, kem bảo vệ da v.v... Không thể, chẳng thể dùng những thứ ấy. Đó là một điều.

Điều thứ tám là không được phép ca hát, khiêu vũ. Những nơi vui chơi cũng chẳng được phép đến, ngay cả xem, nghe cũng chẳng cho phép, kể cả TV trong hiện thời: Nếu TV chiếu [các tiết mục] ca múa, tuồng hát, đều chẳng thể nghe, chớ nên xem nghe.

Điều thứ chín là trên tay và thân chẳng được giữ tiền bạc, hoặc có tài vật. Điều này cũng vô cùng nghiêm ngặt, nhằm dưỡng thành [thói quen] không tham tài.

Điều cuối cùng, đức Thế Tôn thuở tại thế ngày ăn một bữa, Sa Di quyết định phải tuân thủ *“không ăn phi thời”.* Tức là trước Ngọ, có thể ăn này nọ, sau giữa trưa trở đi, chỉ có thể uống nước. Hễ trong nước có những thứ trầm lắng giống như sữa bò hoặc sữa đậu nành thì chẳng thể ăn vì chúng có chất trầm lắng. Có thể ăn mật ong, vì mật ong không trầm lắng. Đó là mười giới của Sa Di. Hai mươi bốn môn oai nghi, rất nhiều oai nghi đã có trong Đệ Tử Quy, nên Đệ Tử Quy là giới luật cơ bản. Khi chúng ta học Phật, thật sự muốn học Phật, thật sự muốn tu thành tựu, tốt nhất là ngay cả mười giới của Sa Di đều nên tuân thủ, phù hợp lời răn dạy cuối cùng của đức Thế Tôn. Đức Phật chẳng còn tại thế, chúng ta dựa vào ai để làm thầy? Đức Phật bảo: *“Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”.* Quý vị thấy mười giới Sa Di, năm điều trước là giới luật, Ngũ Giới, năm điều sau là khổ hạnh. Chúng ta có cơ sở ấy thì mới có thể học Phổ Hiền hạnh.

Điều thứ nhất trong Phổ Hiền hạnh là học giữ lòng cung kính đối với hết thảy chúng sanh. *“Lễ kính chư Phật”*, quyết định chẳng phân biệt. Cung kính thiện nhân, mà đối với ác nhân cũng cung kính. Ta cung kính ân nhân, mà đối với kẻ tổn hại ta, ta vẫn cung kính họ. Vì sao? Họ vốn là Phật, bản tánh vốn lành. Họ làm những chuyện không tốt là do mê mất tự tánh, suốt đời này chẳng gặp được bạn lành, học theo thói xấu. Đó là tập tánh, chẳng phải là bổn tánh, nhất định phải biết điều này. Đức Phật dạy chúng ta nhìn vào bổn tánh của hết thảy chúng sanh, đừng nhìn vào tập tánh, tâm cung kính của chúng ta có thể sanh khởi. Nhìn vào tập tánh của chúng sanh, tâm cung kính chẳng sanh khởi được! Mười nguyện trong hạnh Phổ Hạnh, nếu nguyện thứ nhất chẳng làm được, toàn bộ những nguyện sau đều chẳng có. Nó và Sáu Ba La Mật giống nhau ở chỗ mỗi điều sau đều sâu hơn điều trước. Giống như cao ốc mười tầng, lễ kính là tầng thứ nhất. Chẳng có tầng thứ nhất, há có tầng thứ hai? Phần trên bao gồm phần dưới, nhưng phần dưới chẳng bao gồm phần trên. Nhất định phải biết điều này. Do đó, lễ kính rất trọng yếu. Lễ kính là gì? Nhằm khai phát Tánh Đức của chúng ta. Điều thứ nhất là tâm yêu thương. Quý vị thấy trong Ngũ Luân, câu đầu tiên cổ nhân nói: *“Phụ tử hữu thân”*. Đó là sự thân ái trong tự tánh. Bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, đối với kẻ hủy báng, lăng nhục, làm thương tổn ta, vẫn có tâm yêu thương như nhau, tâm yêu thương chân thành. Đó là gì? Đó là Phật tâm, là chân tâm của quý vị. Nếu quý vị có phân biệt, có ý kiến đối với họ, sai mất rồi! Họ làm ác ngần ấy thì phải như thế nào? Phải dung thứ kẻ đó.

Quý vị thấy làm chuyện xấu, chúng ta hãy nghĩ khi Thích Ca Mâu Ni Phật tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, đó là khi Ngài tu Bồ Tát đạo trước khi thành Phật, bị vua Ca Lợi cắt chặt thân thể, tổn thương rất nghiêm trọng. Nhà vua lăng trì xử tử Nhẫn Nhục tiên nhân, [tiên nhân] gặp nạn to ngần ấy. Vua Ca Lợi cũng rất tức tối, rất cáu kỉnh! [Nhà vua hỏi tiên nhân]: “Ngươi tu gì?” “Tôi tu Nhẫn Nhục”. Được rồi, ta xem ngươi có thể nhẫn hay không, từng đao một cắt xẻo ngươi. Khi cắt đến gần chết, hỏi tiên nhân: “Ngươi có tâm sân khuể hay không?” “Không có!” Lại xẻo, xẻo đến cuối cùng, [tiên nhân] vẫn chẳng có [tâm sân khuể]. Tối hậu, khi lâm chung, [tiên nhân] bảo vua Ca Lợi: “Ta thành Phật, người được độ đầu tiên sẽ là ông”. Quý vị thấy Ngài tu Nhẫn Nhục Ba La Mật viên mãn. Vua Ca Lợi tạo tội nghiệp rất nặng; do thành tựu viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật cho Thích Ca Mâu Ni Phật, nên vua đã tạo công đức! Trong thế gian, chẳng có gì tuyệt đối đúng hay sai, tùy thuộc quý vị là người như thế nào. Quý vị thấy [vua Ca Lợi] đối đãi với một người tu hành bằng lòng sân hận như thế mà lại là chuyện tốt đẹp, [bởi lẽ, vua đã] khiến cho người tu hành viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật. Tuy bản thân nhà vua bị đọa địa ngục, vẫn hưởng phước trong địa ngục. Vì sao? Vua đã thành tựu một người làm Phật, nên vua hưởng phước trong địa ngục. Đức Phật nói: Sự hưởng thụ của người ấy trong địa ngục và sự hưởng thụ trong Đao Lợi Thiên chẳng khác nhau cho mấy. Điều này rất có lý. Vì quý vị làm chuyện ác, nên quý vị đọa địa ngục. Quý vị thành tựu một người, [tức là giúp] một vị Bồ Tát thành Phật; phước báo ấy to lớn tuyệt diệu, nên mới hưởng phước trong địa ngục.

Hưởng hết phước xong, tội báo trong địa ngục cũng mãn, thoát ra, lại sanh trong nhân gian, lại xuất gia. Xuất gia bèn gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự độ ông ta đầu tiên. Tiền thân của tôn giả Kiều Trần Như là vua Ca Lợi. Đức Phật nói sao bèn làm vậy, ngài Kiều Trần Như chứng quả A La Hán đầu tiên. Hai vị biểu diễn cho chúng ta xem, chỉ dạy chúng ta tu Nhẫn Nhục Ba La Mật phải biết tu như thế nào, thực hiện điều nguyện *“lễ kính chư Phật”* ra sao? Đối với hết thảy chúng sanh, chúng sanh làm tổn thương ta nghiêm trọng, tâm đều chẳng có oán hận mảy may. Phải học điều này. Vào lúc then chốt, bèn thấy Tánh Đức của quý vị có thể biểu lộ ra ngoài hay không? Quý vị lưu lộ phiền não, nghiệp chướng, hay lưu lộ trí huệ và đức tướng trong tự tánh, đều thuộc trong một niệm. Vì lẽ đó, một niệm giác, phàm phu thành Phật; một niệm mê, lại vào trong lục đạo. Vì thế, chúng ta chớ nên không biết chuyện này. Kẻ này tổn thương ta, ta cần gì phải cung kính hắn? [Nghĩ như vậy] là sai mất rồi. Dẫu kẻ ấy có lầm lỗi to tát cách mấy, chớ nên trách móc. Kẻ ấy rất đáng thương, vì sao? Nhân quả của mỗi người phải do chính kẻ ấy gánh chịu, chẳng có cách gì hết!

Con người bất luận làm chuyện sai quấy gì, điều đầu tiên là bất hiếu với cha mẹ. Quý vị thấy có cha mẹ nào hy vọng đứa con mình làm hại người khác, trái nghịch lương tâm, vi phạm đạo đức? Chẳng có cha mẹ nào đối với con cái lại [trông mong] như vậy! Bởi lẽ, hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy là đức hạnh căn bản, thầy chẳng mong mỏi học trò của chính mình phạm lỗi. Bất luận làm chuyện sai trái nào, đứng đầu là bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, khiến cho cha mẹ, sư trưởng hổ thẹn, cớ sao dạy ra một đứa học trò như vậy? Cớ sao nuôi thành một đứa con như vậy? Người trong xã hội chỉ trích cha mẹ của quý vị, khiển trách thầy của quý vị. Chỉ riêng tội này đã là tội địa ngục, tuy chưa phải là A Tỳ địa ngục. Địa ngục có rất nhiều chủng loại, kinh điển đã nói hơn bảy mươi loại. Làm chuyện tốt đẹp cỡ nào cũng đều chẳng có cách nào bù đắp [tội bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng]. Chúng ta chớ nên không biết điều này. Không chỉ là chuyện bất thiện chớ nên làm, mà ý niệm bất thiện cũng chớ nên dấy lên! Khởi ý niệm bất thiện là tâm tạo, thân chưa tạo, nhưng tâm đã tạo, vẫn kết tội, nhưng kết tội nhẹ hơn một chút. Nếu ba nghiệp thân, miệng, ý đều tạo, tội ấy sẽ nặng nề. Vì thế, lễ kính trọng yếu lắm! Pháp thế gian cũng chẳng phải là ngoại lệ. Tại Trung Quốc, câu đầu tiên trong sách Lễ Ký là *“Khúc Lễ viết: Vô bất kính”* (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”). *“Vô bất kính”* là gì? Chẳng có gì không lễ kính, vạn sự vạn vật đều phải dùng cái tâm cung kính để đối đãi, đó là lễ kính chư Phật trong Phổ Hiền hạnh. Tu tập, tích lũy công đức chân thật phải thực hiện từ chỗ này, phải học từ đây, học tôn trọng người khác.

Điều thứ hai, *“xưng tán Như Lai”*. Kẻ khác và ta chẳng thuận thảo, là oan gia đối đầu, nhưng kẻ ấy làm một chuyện tốt, có phải ca ngợi hay không? Phải! Chuyện ấy có lợi ích, có điều tốt đối với xã hội và đại chúng thì phải biết khen ngợi. Quyết định chớ nên xen tạp oán hận cá nhân. [Nếu xen tạp] là sai mất rồi! Khi đáng khen ngợi thì phải khen ngợi. Kẻ ấy làm chuyện vì tự tư tự lợi, chẳng có gì tốt đẹp cho xã hội và đại chúng, bèn không khen ngợi, không phê bình, trưởng dưỡng đức hạnh của chính mình. Vì thế, khen ngợi và lễ kính khác nhau. Lễ kính là bình đẳng, khen ngợi bèn có chừng mực. Vì sao? Nó có ảnh hưởng. Kẻ ấy chẳng phải là thiện nhân thật sự, là giả thiện nhân. Nếu quý vị khen ngợi hắn, sẽ có nhiều người bị lừa, chúng ta phải chịu trách nhiệm nhân quả. Người ấy là thiện nhân thật sự, ngay cả khi người ấy là oán gia đối đầu của ta, ta cũng phải ca ngợi người ấy. Vì sao? Có lợi ích cho xã hội và đại chúng. Chúng ta niệm niệm phải nghĩ tới quảng đại quần chúng, đặc biệt là trong hiện tại, phải nghĩ tới chúng sanh khổ nạn trên toàn thế giới, trọn chẳng thể đặt sự lợi hại của chính mình vào đó. [Nếu xen lẫn vào đó], sai mất rồi! Đối với người, đối với sự, phải đại công vô tư, đó là đúng. Vì thế, gọi là *“khen ngợi Như Lai”.*

*“Quảng tu cúng dường”* cũng là bình đẳng. Người ta cần giúp đỡ, chúng ta có một phần sức lực bèn tận hết một phần sức lực, tận tâm tận lực giúp đỡ người ấy, giúp người ấy giải trừ các khó khăn trong cuộc sống trước mắt, hoặc trong công việc, hoặc là những chuyện khác, chúng ta phải giúp đỡ người ấy. Người học Phật chớ nên quên, quan trọng nhất là giúp cho người ấy giác ngộ, giúp người ấy quay đầu là bờ, đó là điều quan trọng. Thích Ca Mâu Ni Phật, chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trên thế gian, chẳng có chuyện gì khác, mà vì chuyện này: Giúp mọi người chúng ta quay đầu là bờ, giúp chúng ta phá mê khai ngộ, tự nhiên tai tiêu, phước tới. Mê đã phá, tai ương liền tiêu. Thật sự giác ngộ, phước liền đưa đến. Phước báo thật sự do giác ngộ mà có, chớ nên không biết điều này. Sau đấy, quý vị mới biết vì sao nói phước báo trong Phật môn to lớn. Thế gian và xuất thế gian muốn vun bồi phước, gieo phước trong Phật môn sẽ là to lớn bậc nhất. Phật là vô thượng đại phước điền, cúng dường Tam Bảo; nhưng quý vị phải nhớ, cúng dường Tam Bảo chẳng phải bằng tài vật. Dùng tài vật để tu cúng dường, phước báo không lớn. Quý vị thấy kinh Đại Thừa hay nói: Quý vị dùng bảy báu trong đại thiên thế giới để cúng Phật, ai có thể làm được? Thiên vương trong một đại thiên thế giới là Ma Hê Thủ La (Maheśvara) thiên vương [[15]](#footnote-16)[4], đại khái chỉ có ông ta là có thể làm được, người khác há phước báo to ngần ấy! Đức Phật nói [phước báo ấy] vẫn thua phước báo nói cho chúng sanh bốn câu kệ. Đây chính là đức Phật nhấn mạnh tầm quan trọng của Pháp Bố Thí. Vì sao? Do vô lượng trân bảo, quý vị có thể làm cho họ giàu có, thoát khỏi nghèo khổ, trở thành phú quý, giàu lên, nhưng họ thiếu trí huệ. Giàu mà thiếu trí huệ chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Kẻ ấy mỗi ngày đều làm ác, đâm ra khiến cho kẻ ấy đọa địa ngục. Đấy chẳng phải là thật sự giúp đỡ kẻ ấy, mà là làm hại. Thật sự giúp đỡ là dạy kẻ ấy, giúp kẻ ấy giác ngộ, giúp kẻ ấy quay đầu, giúp kẻ ấy hiểu rõ lý, liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Đó là thật sự cúng dường. Vì vậy, trong kinh, đức Phật nhiều lượt dạy chúng ta: *“Trong hết thảy các loại bố thí, pháp bố thí là bậc nhất”.* Hàng đầu trong Pháp bố thí là tu hành, dùng tu hành để cúng dường. Cúng dường chân thật chẳng phải là dùng tiền tài, mà dùng tu hành, tu hành đúng như lời dạy, dùng điều này để cúng dường Tam Bảo, cúng dường Phật, Bồ Tát. Trong kinh điển, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta, chúng ta thật sự thi hành, biến đạo lý trong kinh điển thành tư tưởng của chúng ta, biến giáo huấn trong kinh điển thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta. Đó là cúng dường chân thật, chư Phật tán thán, vô lượng vô biên phước báo. Phật lực gia trì quý vị, khi quý vị thật sự tu hành, phước báo trong tự tánh bèn hiện tiền, phước báo nơi tự tánh và phước báo của chư Phật Như Lai chẳng hai, chẳng khác. Do đó, quý vị phải hiểu: Cúng dường phải bắt đầu bằng thay đổi tâm thái của chính mình.

Điều thứ tư là *“sám hối nghiệp chướng”*. Từ vô lượng kiếp đến nay phải luân hồi trong lục đạo, nghiệp chướng sâu nặng. Đây là lời thật, chẳng giả! Nghiệp chướng chẳng tiêu trừ, chẳng thoát lìa luân hồi! Nghiệp chướng chẳng tiêu trừ, không thể vãng sanh. Tịnh Độ tuy là đới nghiệp, nhưng cho phép quý vị mang theo nghiệp cũ, chẳng thể mang theo nghiệp mới. Nghiệp mới là gì? Nay chúng ta vẫn làm (tạo nghiệp), không được rồi, chẳng thể mang theo nghiệp ấy! Trong quá khứ, trước khi học Phật đã tạo nghiệp, hoặc là học Phật, trước khi khai ngộ, ta đã tạo nghiệp, [những nghiệp ấy] đều có thể mang theo. Sau khi giác ngộ, chẳng được phép tạo nghiệp; hễ còn tạo nghiệp, nghiệp ấy sẽ chướng ngại quý vị vãng sanh, thậm chí chướng ngại chúng ta khai ngộ. Chúng ta nghe kinh không hiểu, hoặc hiểu sai ý nghĩa trong kinh, do nguyên nhân nào? Nghiệp chướng! Quý vị biết chuyện này phiền lắm! Vì thế, đức Phật dạy chúng ta phải phát lộ sám hối, [tức là] tuyên bố trước đại chúng những nghiệp do chính mình đã tạo, chân thành sám hối, sau này chẳng còn tạo nữa. Nghiệp chướng ấy bèn tiêu trừ. [Hôm nay] đã sám hối, ngày mai vẫn làm y hệt, đó là lừa mình, dối người, lừa gạt Phật, Bồ Tát, nghiệp ấy càng nặng hơn. Thật sự sám hối là thật sự chẳng tạo nữa. Phải phát tâm giống như Phật, Bồ Tát, dùng thân thể của ta để biểu thị pháp, nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội xem, công đức ấy cũng rất to. Dùng thân làm gương, đệ tử Phật là như vậy, mọi người nhìn vào, dấy lòng tôn trọng quý vị, dấy tâm tôn trọng Phật giáo. Trong hành vi của chúng ta, trong cuộc sống hằng ngày, có thể khiến cho đại chúng tôn trọng Phật giáo, tôn trọng Phật, Bồ Tát, công đức ấy to lắm. Nếu chúng ta chẳng làm tốt, [khiến cho] người ta phê bình Phật giáo, nói quý vị làm chuyện mê tín, tức là chúng ta đã phá hoại hình tượng Phật giáo, tội này cũng rất nặng. Tiêu chuẩn là gì? Tiêu chuẩn là bốn căn bản như chúng tôi đã nói, Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, Sa Di Luật Nghi, bốn căn bản ấy. Đồng tu tại gia đều có thể học bốn căn bản ấy, hết sức tốt đẹp! Quý vị thật sự muốn học, càng học càng vui vẻ, quý vị mới có thể thật sự nếm pháp vị. Cổ nhân nói rất hay: *“Vị thế gian há nồng đậm như pháp vị”.* Quý vị chưa nếm pháp vị, tâm hoan hỷ chẳng sanh khởi. Khi thật sự nếm trải pháp vị, sanh khởi tâm hoan hỷ, không thời khắc nào chẳng hoan hỷ, xử sự, đãi người, tiếp vật là một bầu chân thành từ bi.

Thứ năm là *“tùy hỷ công đức”*; nhằm phá điều gì? Phá ganh tỵ, chướng ngại. Vì ganh tỵ, chướng ngại là bệnh chung của hết thảy phàm phu, ai nấy đều có, lại còn vô cùng nghiêm trọng! Nếu là kẻ ganh tỵ bậc hiền năng, sẽ chướng ngại, phá hoại người ta, tội ấy khá nặng! Người tốt ấy có thể làm rất nhiều chuyện tốt trong xã hội, lợi ích xã hội, lợi ích quần chúng, lợi ích quốc gia. Quý vị chướng ngại người ấy, đối với người ấy là chuyện nhỏ, người ấy chẳng oán hận quý vị, đối với người ấy chẳng có chuyện gì, nhưng tội kết ở chỗ nào? Khá nhiều người không thể được người ấy tạo lợi ích, xã hội không thể đạt được lợi ích, quốc gia không thể đạt được lợi ích, kết tội từ chỗ này! Chớ nên không hiểu đạo lý này, đạo lý này rất sâu. Tổn hại một người, phá hoại một người, chuyện này rất nhỏ, chẳng có gì ghê gớm, nhưng quý vị phải biết: Sức ảnh hưởng của người ấy to cỡ nào, tội lỗi của quý vị lớn cỡ đó! Sức ảnh hưởng của người ấy sâu cỡ nào, ảnh hưởng rộng ngần nào, đó là những điều kiện để kết tội quý vị. Thời gian ảnh hưởng lâu dài, trong tương lai, thời gian quý vị đọa trong địa ngục sẽ dài. Ảnh hưởng rất rộng, quý vị sẽ chịu tội trong địa ngục càng nhiều. Đạo lý là như vậy đó, chúng ta chớ nên không biết điều này. Vì vậy, đức Phật dạy chúng ta tùy hỷ công đức. Thấy người khác tốt đẹp, bèn toàn tâm toàn lực giúp đỡ, thành tựu người ấy, quyết định chẳng thể gây chướng ngại. Chẳng có sức để giúp đỡ, bèn khen ngợi, hy vọng người có sức nghe chúng ta khen ngợi bèn phát tâm giúp đỡ, thành tựu người ấy, đó là chúng ta tu tùy hỷ công đức. Tức là nói trong tương lai, người ấy có công đức lớn cỡ nào, người tùy hỷ có công đức to bằng cỡ đó. Người ấy có thể làm chuyện lợi ích quốc gia, dân tộc, chuyện lợi ích hết thảy chúng sanh, người ấy làm nhiều chuyện, có ảnh hưởng lớn cỡ nào, ảnh hưởng lâu cỡ nào, người tùy hỷ bèn được một phần công đức giống hệt như người ấy. Người ấy còn phải sốt sắng tu tập, người tùy hỷ chẳng cần tu, chỉ là phát tâm, quý vị liền thấy đã đạt được công đức. Trái lại, ganh tỵ, chướng ngại, quý vị liền tạo tội nghiệp to lớn. Quý vị tùy hỷ, khi có ý niệm tùy hỷ, toàn bộ công đức của người ấy biến thành của quý vị. Do đó, đức Phật đã xếp chuyện này, quý vị thấy điều này được xếp vào trong mười nguyện Phổ Hiền có ý nghĩa rất sâu, công đức ấy vô lượng vô biên.

Có thể tùy hỷ thì mới có thể *“thỉnh chuyển pháp luân”*. Thưa cùng quý vị, làm công đức thì công đức bậc nhất là gì? Thỉnh thiện tri thức giảng kinh. Giảng kinh thính chúng rất đông, trong số đó, có một, hai người giác ngộ, hiểu rõ, quay đầu, đoạn ác, tu thiện, công đức ấy thù thắng khôn sánh. Đại chúng bình phàm trong xã hội hiện thời thường nghĩ công đức làm pháp hội rất lớn, tức là pháp hội siêu độ, pháp hội Thủy Lục. Chúng ta vừa mới hoàn tất Tam Thời Hệ Niệm suốt bảy ngày; nhưng còn có chuyện có công đức to lớn hơn nữa là thỉnh pháp sư giảng kinh bảy ngày, càng lớn hơn, càng thù thắng hơn [công đức làm pháp hội], cõi âm lẫn dương gian đều lợi lạc. Người nghe kinh giác ngộ, chúng ta chẳng thấy chúng sanh vô hình nghe kinh cũng giác ngộ giống hệt. Vì thế, những pháp hội Phật sự thông thường thuộc loại cầu nguyện trong tôn giáo, chẳng phải là không có hiệu quả, nó có hiệu quả, hiệu quả hoàn toàn do tâm chân thành! Cổ nhân đã nói rất có lý: *“Hễ thành bèn linh”.* Nếu quý vị làm pháp sự, tâm chẳng chân thành, sẽ bị giảm bớt, hiệu quả bị giảm bớt. Phật, Bồ Tát vô cùng từ bi, trong đạo tràng, Phật, Bồ Tát giúp sức, đạo tràng gồm mấy trăm người tham gia, chúng ta là phàm phu mắt thịt, trong ấy có Phật, Bồ Tát hay không? Khẳng định là có, thường là có mấy vị. Mấy người ấy thành tâm thành ý, thậm chí vị hòa thượng chủ pháp chẳng có thành ý, nhưng bên cạnh có mấy người tham dự pháp hội thành tâm thành ý, pháp hội ấy bèn thành công. Đó là gì? Đó là Phật, Bồ Tát gia trì. Pháp hội giảng kinh cũng thế. Trong thính chúng, thật sự có mấy vị Phật, Bồ Tát làm Ảnh Hưởng Chúng, gia trì đạo tràng ấy, gia trì mọi người, thật sự có, chẳng giả! Từ chỗ này, chúng ta mới thật sự hiểu rõ chư Phật, Bồ Tát từ bi vô tận, chúng ta cảm ơn bất tận.

Nhưng hiện thời thỉnh pháp sư giảng kinh ngày càng khó khăn, vì sao? Người học tập kinh giáo ngày càng ít. Vì sao người học tập kinh sám Phật sự đông ngần ấy, người học tập kinh giáo không có ai thỉnh giảng kinh? Con đường [kinh giáo] suy vi. Chúng ta học Phật, là những người đã hiểu rõ, đã thông suốt, phải phát tâm thỉnh chuyển pháp luân. Có sức thì chuyện tốt lành bậc nhất là bồi dưỡng pháp sư. Thật sự gặp người trẻ tuổi phát tâm, đầu tiên là dành ra một năm để người ấy vun bồi vững vàng bốn căn bản, đó là căn bản. Có thể nói là thiếu bốn căn bản ấy thì chắc chắn chẳng thể học thành công! Vì sao? Chẳng có thành ý, chẳng có tâm thành kính! Tổ Ấn Quang dạy rất hay: *“Mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*, thành kính hoàn toàn do bốn căn bản. Nhìn vào bốn căn bản để biết quý vị có mấy phần thành kính, rồi mới biết quý vị sẽ có mấy phần thành tựu. Chẳng có thành kính, bèn chẳng có thành tựu. Người càng có thành tựu, tâm địa càng chân thành, thái độ càng khiêm hư, càng cung kính người khác. Cổ nhân nói: *“Khi học vấn đã sâu thì ý khí bình lặng”*,chắc chắn chẳng thô phù, bộp chộp. Thô phù, bộp chộp tức là chẳng có một chút công phu nào!

Do đó, tìm được một người thật sự phát tâm chẳng dễ dàng! Trong quá khứ, thầy Lý đã từng bảo tôi, thầy nói rất cảm thán: *“Có vị thầy nào chẳng mong có truyền nhân? Đến đâu để tìm? Học trò tìm được thầy đã khó, mà thầy tìm được trò càng khó hơn! Đến đâu để tìm? Chuyện này chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu!”* Nhưng thật sự phát tâm muốn học, chính mình có thể học ở nhà thành công, chẳng cần tìm ai. Người tại gia học theo Mạnh Tử, hàng xuất gia học theo Ngẫu Ích đại sư. Các Ngài suốt đời chẳng tìm được thiện tri thức chân chánh, bèn làm như thế nào? Lấy cổ nhân làm thiện tri thức. Mạnh Tử học theo Khổng Tử, Khổng Tử chẳng còn tại thế, Mạnh Tử bèn đọc sách của Khổng Tử, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Hễ gặp chỗ nghi nan, bèn tìm học trò của Khổng Tử, lúc đó còn có không ít học trò của Khổng Tử còn sống, Ngài thỉnh giáo họ. Ngài học được, học thành công, vượt trội tất cả các học trò thân cận Khổng Tử thuở ấy. Quý vị thấy hậu thế hễ nói tới Nho gia, bèn nói Khổng Mạnh, chẳng nhắc tới người khác. Điều này chứng tỏ Mạnh Tử học thành công. Người Trung Quốc gọi Khổng Tử là Chí Thánh, gọi Mạnh Tử là Á Thánh. Chí Thánh là bậc nhất, Á Thánh là bậc nhì. Trong Tịnh Độ Tông chúng ta, Ngẫu Ích đại sư là tổ sư đời thứ chín. Ngài vô cùng ngưỡng mộ vị tổ sư đời thứ tám là Liên Trì đại sư, Liên Trì đại sư đã vãng sanh, nhưng trước tác của Liên Trì đại sư vẫn còn, Ngài bèn chuyên học theo trước tác của Liên Trì đại sư, cũng học hết sức thành công, nên sau này Ngài là tổ sư đời thứ chín của Tịnh Tông. Những vị này đều là trước mắt không có ai chỉ dạy, bèn tìm cổ nhân. Nay quý vị nói chẳng có thầy giỏi, quý vị học kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh Vô Lượng Thọ, ai là thầy? A Di Đà Phật là thầy, Vô Lượng Thọ Phật, quý vị học theo Ngài, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, quý vị có thể dùng làm tài liệu tham khảo để học tập, cụ là trợ giáo của A Di Đà Phật. Quý vị đã có thầy, lại có trợ giáo, chỉ cần quý vị thật sự hành, không ai chẳng thành công. Thâm nhập một môn, mười năm huân tu, lẽ nào chẳng thành công!

Nay chúng tôi chính mắt trông thấy hai người, người thứ nhất có lẽ mọi người đều biết là cư sĩ Lưu Tố Vân ở miền Đông Bắc. Bà ta lúc năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu học, nay đã sáu mươi lăm tuổi, mười năm, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, ngoài những thứ ấy ra, thứ gì cũng chẳng có. Mười năm giống như một ngày. Mỗi ngày nghe kinh mười tiếng đồng hồ, nghe suốt mười năm, nghe một bộ kinh này! Thông thường, người bình phàm nếu dụng công như vậy, phải là bốn năm năm, nếu là người công phu tốt đẹp thì khoảng chừng ba năm liền đắc tam-muội, Niệm Phật tam-muội. Năm sáu năm chắc chắn khai ngộ; người căn tánh kém hơn một chút, tôi tin là năm năm có thể đắc tam-muội, bảy, tám năm có thể khai ngộ. Hễ ngộ bèn thông suốt toàn bộ, tất cả các kinh giáo chưa học qua, chỉ cần quý vị tiếp xúc liền thông suốt toàn bộ. Một kinh thông, hết thảy kinh đều thông. Cổ nhân nói chẳng sai tí nào! Chúng ta không tin cổ nhân mà tin vào chính mình thì thôi rồi, đó là *“không nghe lời người già, thua thiệt ở* *trước mắt”.* Người ta mười năm có thành tựu to lớn như thế. Gần đây, tôi nghe nói ở Tứ Xuyên có một vị lão cư sĩ, đã ngoài bảy mươi tuổi, đại khái cũng là bắt đầu học lúc năm, sáu mươi tuổi, cũng là mười năm, cũng là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật. Tôi hết sức mong mỏi cụ đến Hương Cảng cho chúng tôi gặp mặt. Cụ rất giỏi, đã nêu gương tốt nhất cho những người trẻ tuổi trong hiện thời, thật sự phát tâm tiếp nối huệ mạng của Phật, xa là tiếp nối Như Lai, gần là làm cho đại pháp rạng rỡ, nêu tấm gương tốt nhất. Chỉ cần quý vị thật sự phát tâm, chỉ cần quý vị vâng theo quy củ đã thành lập của tổ tông, quyết định chẳng thể thay đổi, quý vị hãy khéo học, chắc chắn sẽ thành tựu. Thời gian mười năm chẳng dài, giống như đối với lứa tuổi của tôi, đúng là chớp mắt đã qua mười năm. Phàm phu mười năm thành Phật, chẳng giả! Phải biết thỉnh chuyển pháp luân, thật ra là thỉnh không được, bèn tự mình phát tâm ra giảng kinh, dạy học, thỉnh chính mình, thỉnh người khác khó quá. Tự mình phát tâm thỉnh chính mình. Phương pháp này do Chương Gia đại sư dạy tôi vào thuở trước. Lão nhân gia dạy tôi học Thích Ca Mâu Ni Phật, tôi nghe lời. Bí quyết thành công chẳng có gì khác, là nghe lời, thật sự làm, sống một ngày bèn làm một ngày. Chẳng vì chính mình, mà vì chánh pháp tồn tại lâu dài, vì chúng sanh khổ nạn, biến hai câu ấy thành mục tiêu để ta sống suốt đời trên thế gian này! Mục tiêu cuối cùng là cầu sanh Tịnh Độ, chẳng có chuyện gì khác.

Tiếp theo là điều thứ bảy, *“thỉnh Phật trụ thế”.* Tôi nói câu này có nghĩa là bồi dưỡng thế hệ kế tục. Phải biết toàn tâm toàn lực bồi dưỡng thế hệ kế tiếp, khiến cho Phật pháp chẳng đến nỗi đoạn tuyệt, công đức ấy vô lượng vô biên. Có thể có mười người, hay tám người thật sự học Phật, chẳng có ai vì chính mình, chắc chắn Phật pháp có thể hưng vượng. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ở Lộc Dã Uyển, sáu người lập nghiệp, bản thân đức Phật là một, ngoài ra là năm vị tỳ-kheo, sáu người khởi sự. Nay có đến bảy, tám người, lẽ nào giáo pháp chẳng thể hưng khởi cho được? Đương nhiên chẳng có vấn đề gì! Vì thế, chuyện này (thỉnh Phật trụ thế) mới được gọi là “đại sự nghiệp, đại nhân duyên”. Suốt đời này, tôi cũng biểu diễn pháp với mọi người, nêu gương cho mọi người, suốt đời chẳng làm chuyện gì khác, tức là giảng kinh, giáo học, bắt đầu kể từ ngày xuất gia, suốt năm mươi hai năm chẳng nghỉ ngơi. Chẳng có đạo tràng, nhưng tôi cũng chẳng đói, cũng chẳng rét mướt, tuy chẳng có thứ gì, nhưng đắc đại tự tại như kinh Phật đã nói. Đại tự tại là thân lẫn tâm đều chẳng có chuyện gì! Con người hiện thời nói đến áp lực (stress) chi đó, tôi rất khó hiểu được, tôi chưa hề có áp lực gì, áp lực nơi thân và tâm đều chẳng có. Chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc, tùy duyên sống qua ngày. Trong tâm chỉ có kinh giáo. Tôi giảng một bộ kinh, trong tâm chỉ nghĩ đến bộ kinh ấy. Một bộ kinh đại khái phải giảng từ một năm đến hai năm, sống một ngày, giảng một ngày. Vui sướng lắm, tự tại lắm!

Câu thứ tám là *“thường tùy Phật học”*, câu này rất trọng yếu. Thuở trước, thầy Lý thường bảo tôi: Chỉ nghiên cứu kinh giáo suông thì vẫn chưa được, nhất định phải có gương mẫu. Chương Gia đại sư dạy tôi học Thích Ca Mâu Ni Phật, thầy Lý dạy tôi học theo pháp sư Ấn Quang. Đức Phật xuất hiện từ ba ngàn năm trước, pháp sư Ấn Quang khá gần chúng ta, ước chừng sáu, bảy mươi năm trước lão nhân gia tại thế. Tuy Tổ Ấn Quang đã vãng sanh, sách vở của Ngài hãy còn, tức là bộ Văn Sao của đại sư. Thuở ấy, thầy Lý tặng cho tôi một bộ Văn Sao, khuyên tôi học Ấn Quang đại sư, đó là vị chân thiện tri thức thời cận đại. Đọc Văn Sao bèn tiếp nhận giáo huấn của Ngài, hiểu rõ, thông hiểu đạo lý, biết phương pháp, y giáo phụng hành, là học trò thật sự của pháp sư Ấn Quang, là tư thực đệ tử của Ngài. Học Phật, đọc kinh chẳng hiểu rõ ý nghĩa trong kinh là không được, nhưng đã hiểu rõ nghĩa kinh mà chẳng thực hiện cũng không được, phải thật sự thực hiện thì quý vị mới có thể khế nhập cảnh giới. Khế nhập cảnh giới là Chứng, tức [Chứng trong] “tín, giải, hành, chứng”, thật sự được thọ dụng.

Câu thứ chín là *“hằng thuận chúng sanh”*, điều này rất trọng yếu. Điều này là công phu tu hành. Công phu nhìn từ đâu? Nhìn từ hằng thuận chúng sanh, thuận hay nghịch đều tùy thuận. Trong tùy thuận, quý vị phải có lòng kiên nhẫn, phải có trí huệ, phải khéo léo quan sát căn cơ, dẫn dắt họ “quay đầu là bờ”, hướng dẫn họ đoạn ác hướng thiện, hướng dẫn họ phá mê khai ngộ, đó là lợi tha, chẳng phải là tự lợi. Toàn bộ năm câu sau câu *“thỉnh chuyển pháp luân”* đều là lợi tha. Năm câu trước là tự lợi, từ *“lễ kính chư Phật”* đến *“tùy hỷ công đức”* đều là tự lợi, thành tựu chính mình. Bởi lẽ, thành tựu người khác mà chẳng thuận thảo với họ, làm sao có thể độ họ? Làm sao quý vị có thể giúp đỡ họ? Đó là thật sự tu hành, là công phu thật sự. Trong Tứ Nhiếp Pháp, điều này là điều cuối cùng trong Tứ Nhiếp, tức Đồng Sự Nhiếp, [khiến cho] người khác hoan hỷ. Đồng Sự: Quý vị thấy kẻ khác đang mê, quý vị chẳng mê, quý vị làm thế nào giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ quay đầu là bờ. Đúng là *“Phật độ kẻ hữu duyên”*. Trong xã hội hiện tại, trong các nghề đều có Bồ Tát, ngay cả trong sòng bạc cũng có Bồ Tát làm đổ vương (vua cờ bạc), vì sao? Đánh bạc đến cuối cùng, thua sạch, nhọc nhằn cả đời toàn bộ đều thua sạch, tự mình nêu gương cho mọi người, quyết định chớ nên cờ bạc, vạch trần chân tướng của sòng bạc. Chúng ta không chỉ gọi người ấy là Đổ Vương Bồ Tát, mà còn là bậc hiện thân thuyết pháp! Sau khi quý vị đã hoàn toàn hiểu rõ, cũng chẳng còn đến nơi đó nữa, nơi ấy là hố lửa, không phải là chỗ tốt lành. Quý vị thấy trong thế gian này, xưa, nay, trong ngoài nước, có ai dựa vào cờ bạc mà phát tài? Tìm chẳng thấy một gương như thế. Vì thế, có sự biểu thị pháp nơi nghề nghiệp, quý vị chỉ cần quan sát cẩn thận, sẽ đều có thể nhận biết.

Hằng thuận chúng sanh, phải tùy thuận trong cuộc sống hằng ngày, thế gian chẳng có gì quyết định là đúng hay sai, chẳng có gì tuyệt đối là tốt hay xấu. Nói thật ra, những thứ đối lập thảy đều chẳng tồn tại, hoàn toàn tùy thuộc ý niệm của quý vị. Ý niệm của quý vị là tốt lành, chẳng có gì là không tốt. Ý niệm bất thiện, chẳng có gì là thiện. Vì thế, đức Phật nói rất hay: *“Cảnh chuyển theo tâm”*, lời này nói rất tuyệt diệu! Chúng ta là Phật tâm thì quý vị thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới tất cả đều là Phật, Bồ Tát đang biểu diễn trong ấy, đang khuyến dụ, giáo hóa chúng sanh nơi ấy. Nếu khi chúng ta dùng tâm tự tư tự lợi để nhìn, dùng phân biệt, chấp trước để nhìn, ngay trong Phật pháp giới, quý vị cũng chẳng vừa lòng. Quý vị vẫn còn thấy có thứ gì đó chẳng thuận mắt. Ngay cả đem thế giới Cực Lạc nói với quý vị, quý vị vẫn bới ra cả đống khuyết điểm to đùng, chẳng phù hợp ý nghĩ của quý vị! Đúng vậy, hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, tâm hiện, thức biến, đức Phật giảng quá tuyệt! Người học Phật chẳng có gì khác, phải thật sự nhìn ra, phải thật sự hiểu tâm hiện như thế nào, thức biến như thế nào. Bất luận biến hóa như thế nào, tánh và tướng như một, pháp giới một Thể, vĩnh viễn ở trước mặt quý vị. Vì thế, vô lượng vô biên biến hóa, trong ấy có một thứ chẳng biến đổi, hễ quý vị tìm được nó, liền giác ngộ. Đã tìm được, quý vị liền viên mãn mười nguyện Phổ Hiền, liền thật sự giống những vị đại sĩ được nói trong kinh này, cùng trụ Phổ Hiền hạnh, xác thực là quý vị an trụ trong Phổ Hiền hạnh.

Cuối cùng, *“phổ giai hồi hướng”*, câu này càng tuyệt diệu, câu này là gì? Là như chúng ta thường nói: *“Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”*,chia sẻ trí huệ chân thật và vô lượng đức tướng (đức năng, tướng hảo) của chính mình với hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới cùng hưởng, đó là *“phổ giai hồi hướng”*, hoàn toàn phơi bày chúng sanh và chính mình là một Thể, là một, không hai.

Chúng ta lại xem đoạn văn này, *“trụ Phổ Hiền hạnh”* biểu thị các đại sĩ đều an trụ trong đại hạnh của Phổ Hiền đại sĩ, ai nấy đều dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, hãy chú trọng chữ *“ai nấy”*. Trong kinh Hoa Nghiêm chỉ có một Phổ Hiền, *“cẩn nhất Phổ Hiền, như tư xướng đạo”* (chỉ có mình ngài Phổ Hiền đề xướng, xướng suất như vậy), Ngài đề xướng, Ngài hướng dẫn. *“Kim kinh tắc vô lượng vô biên”* (nay kinh này có vô lượng vô biên), nay Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, trong pháp hội này có bao nhiêu Phổ Hiền Bồ Tát? Vô lượng vô biên. *“Đức như Phổ Hiền chi Pháp Thân đại sĩ, hàm lai tập hội, đồng hoằng Tịnh Tông”* (Pháp Thân đại sĩ có đức hạnh giống như ngài Phổ Hiền, đều đến nhóm họp, cùng hoằng dương Tịnh Tông). Quý vị thấy tình hình nhộn nhịp khôn ngằn! Vô lượng vô biên Phổ Hiền Bồ Tát, các vị Bồ Tát ấy đều tu mười đại nguyện vương. Chư vị nhất định phải biết, cội rễ của mười đại nguyện vương là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, Sa Di Luật Nghi, chớ nên không biết, mười đại nguyện vương là khai hoa kết quả, đắc đại viên mãn. Hãy ghi nhớ căn bản của nó. Nếu chẳng có căn bản ấy, mười đại nguyện vương thuộc về chư Phật, Bồ Tát, thuộc về các vị Pháp Thân đại sĩ, chẳng dính dáng gì đến chúng ta! Nếu chúng ta vun bồi ba căn cội ấy, nhất định sẽ đạt được mười đại nguyện vương của Phổ Hiền, điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác.

Câu cuối cùng *“hàm lai tập hội, đồng hoằng Tịnh Tông”* (cùng đến nhóm hội, cùng hoằng dương Tịnh Tông), quý vị có thể thấy trong hết thảy các pháp môn, pháp môn Tịnh Tông thù thắng khôn sánh, trang nghiêm khôn sánh. Chúng ta đời này được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, có thể cùng nhau tu học Tịnh Tông, học tập kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, phước báo to lắm! Dẫu cho chư Phật Như Lai cùng nhau khen ngợi, đều khen chẳng trọn! Nhất định phải nhận biết, duyên phận này rất khó đạt được, nhất định phải nắm chắc. Trong một đời này, thứ gì đáng nên buông xuống, hãy nên buông xuống, quyết định cầu sanh Tịnh Độ, quyết định nương theo một bộ kinh Vô Lượng Thọ này, một câu A Di Đà Phật, quyết định được sanh về Tịnh Độ, chúng ta bèn thành công. [Như vậy thì] đức Phật giảng kinh chẳng phí công, Hạ lão cư sĩ chẳng uổng công hội tập, cụ Hoàng Niệm Tổ dẫu bệnh tật vẫn viết Chú Giải chẳng phí công viết. Chúng ta vừa phát tâm, Phật hoan hỷ, các vị đại đức ấy không vị nào chẳng hoan hỷ, chẳng có vị nào không gia trì chúng ta, lẽ nào chẳng thành công? Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới chỗ này.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 65 hết**

1. [1] *“Lưu niên”* là một danh từ trong bói toán, chỉ vận mạng trong từng năm. *“Lưu niên bát tự”* là cách đoán vận mạng trong từng năm (thường là dùng Tử Vi hay Tử Bình) dựa theo tám chữ, tức can và chi của năm, tháng, ngày, giờ sanh. [↑](#footnote-ref-2)
2. [2] Sách này có tên gọi đầy đủ là Hoa Nghiêm Du Tâm Pháp Giới Ký do ngài Pháp Tạng soạn vào đời Đường. Nội dung trình bày những giáo nghĩa trọng yếu trong kinh Hoa Nghiêm, chia các giáo nghĩa thành các môn Pháp Thị Ngã Phi, Duyên Sanh Vô Tánh, Sự Lý Hỗn Dung, Ngôn Tận Lý Hiển, Thừa Giáo, Thỉ Giáo, Chung Giáo, Đốn Giáo, Viên Giáo, và giảng giải tướng trạng sâu cạn của các môn ấy. [↑](#footnote-ref-3)
3. [1] “Tám vạn bốn ngàn tế hạnh” chỉ là cách nói tượng trưng nhằm tiêu biểu vô lượng oai nghi, tế hạnh. Nếu hiểu theo Pháp Tướng (như cách giải thích trong bộ Tam Tạng Pháp Số) thì đối với 250 giới của hàng tỳ-kheo, mỗi giới đều bao gồm bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi nên 250x4=1.000. Phối hợp một ngàn tế hạnh ấy với Tam Tụ Tịnh Giới thành 1.000x3=3.000. Lại phối hợp ba ngàn hạnh ấy với bảy điều giết, trộm, dâm, dối, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngữ, ỷ ngữ thành 3.000x7=21.000, lại phối hợp với tham, sân, si, đẳng phần thành 21.000x4=84.000 tế hạnh. [↑](#footnote-ref-4)
4. [2] Bí Tạng Ký là tác phẩm giảng về giáo nghĩa Mật Giáo do sơ tổ Đông Mật Nhật Bản là Hoằng Pháp Không Hải đại sư biên soạn, ghi lại những lời dạy khẩu truyền của tổ Huệ Quả thuộc Đông Mật Trung Hoa giảng về các pháp tắc thực hiện nghi lễ Mật Tông cũng như những giáo nghĩa bao hàm trong ấy. Hiện thời, sách này có hai phiên bản, tức là Lược Bổn một quyển và Quảng Bổn gồm hai quyển. [↑](#footnote-ref-5)
5. [1] Thôn Trung Khang Long (1906-2008), đạo hiệu Tâm Dự, là cao tăng thuộc Tịnh Độ Tông Nhật Bản, là môn chủ đời thứ 86 của tổng đàn (tổng bổn sơn) Tri Ân Viện (Chion-in Sōhonzan), từng đảm nhiệm vai trò Đại Tăng Chánh, kiêm Hội Trưởng Hội Phật Giáo Nhật Bản. Tác phẩm quan trọng nhất của Ngài là Bàn Về Các Phương Diện Trong Phật Giáo Dân Gian (Bukkyō minzoku no ryōiki). [↑](#footnote-ref-6)
6. [1] Hiện thời, theo mục lục của Đại Tạng Kinh, kinh Nhân Vương Bát Nhã, danh xưng đầy đủ là Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Kinh, gồm có bốn bản dịch:

   - Nhân Vương Bát Nhã Kinh, một quyển, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào năm 267 (tức năm Thái Thỉ thứ ba đời Tấn Vũ Đế).

   - Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Kinh, hai quyển, do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm 401 (tức năm Hoằng Thỉ thứ ba nhà Hậu Tần).

   - Nhân Vương Bát Nhã Kinh, một quyển, do ngài Chân Đế dịch vào năm 554 (tức năm Thừa Thánh thứ ba đời Lương Nguyên Đế).

   - Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, hai quyển, do ngài Bất Không dịch vào năm 756 (tức năm Vĩnh Thái nguyên niên đời Đường Đại Tông).

   Hiện thời chỉ còn lại hai bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập và Bất Không. Phật môn Trung Hoa thường dùng ba kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh và Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn Nguyện Công Đức Kinh làm “tam kinh hộ quốc” mỗi khi cầu quốc thái dân an. [↑](#footnote-ref-7)
7. [2] Kinh này có tên gọi khác là Bồ Tát Tùng Đâu Thuật Thiên Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Quảng Phổ Kinh, hoặc chỉ gọi tắt là Xử Thai Kinh, gồm ba mươi tám phẩm, chia thành bảy quyển, do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào đời Hậu Tần. Trong kinh này, đức Phật vì ngài A Nan thuật lại quá trình Bồ Tát giáng thần từ thiên cung Đâu Suất vào thai mẹ, Bồ Tát ở trong thai mẹ như cung điện, mười phương Bồ Tát đều vân tập trong thai mẹ để nghe pháp không cảm thấy chật chội, mà mẹ cũng chẳng cảm thấy bị trở ngại gì. Điểm đặc biệt trong kinh này là cuối kinh (từ phẩm ba mươi lăm trở đi), đức Phật phó chúc Di Lặc Bồ Tát hộ trì kinh này, cũng như dự ngôn tám đại quốc vương sẽ phân chia xá-lợi, dựng tháp sau khi Phật nhập diệt, cũng như dự ngôn tôn giả Ca Diếp sẽ thống lãnh đại chúng kết tập Kinh Tạng. [↑](#footnote-ref-8)
8. [3] Tiểu Khang là quan niệm của Nho gia về một thời đại thịnh trị, nhân dân an lạc, giàu có, chánh trị ổn định. Tuy có những biến động hoặc loạn lạc nhỏ, nhưng nhìn chung cuộc sống ổn định, hòa bình, vua biết thương dân, sử dụng vương đạo để cai trị, quan lại đa số thanh liêm, phong tục thuần phác, lễ nghĩa, trừ một số ít, đại đa số dân chúng đều nhường nhịn, tuân thủ pháp luật. Nho gia thường đánh giá các đời vua Thành Thang, Châu Văn Vương, Châu Vũ Vương là Tiểu Khang. Ở đây, hòa thượng dùng chữ “tiểu khang” với ý nghĩa tương đối bình trị, nhân tâm thế đạo không đến nỗi quá mức tệ hại. [↑](#footnote-ref-9)
9. [4] Đây là một thiên sách (một tiểu đoạn) trong chương Lễ Vận của sách Lễ Ký. Lễ Ký gồm 49 chương, Lễ Vận là chương thứ chín. Phần đầu của chương Lễ Vận nói về thế giới Đại Đồng, nên gọi là Lễ Vận Đại Đồng Thiên. Không rõ ai là tác giả của bộ Lễ Ký. Theo truyền thống, sách này được coi là do các môn đệ ghi chép những lời dạy về Lễ của Khổng Tử. Sách bị hủy diệt dưới thời Tần Thủy Hoàng, đầu đời Hán, học giả Lưu Hướng thu thập những thiên sách cũ còn sót lại, hợp thành sách Lễ Ký gồm 130 chương. Sau đó, Đới Đức giản hóa thành 85 chương, bộ này được gọi là Đại Đới Lễ Ký. Về sau, cháu Đới Đức là Đới Thánh lại giản hóa bộ Đại Đới Lễ Ký lần nữa thành 46 chương, thêm các chương Nguyệt Lệnh, Minh Đường Vị và Nhạc Ký, thành 49 chương, gọi là Tiểu Đới Lễ Ký. Đây chính là bộ Lễ Ký lưu hành hiện thời. Sách Đại Học trong Tứ Thư là một chương trong Lễ Ký. [↑](#footnote-ref-10)
10. [5] Đây là nói tới bổn nguyện của mỗi vị Phật, chư Phật và chư Bồ Tát có đại nguyện chung, chính là Tứ Hoằng Thệ Nguyện (đó là tổng cương lãnh, tổng nguyên tắc). Nhằm thực hiện Tứ Hoằng Thệ Nguyện, các Ngài phát ra những nguyện riêng biệt, những nguyện ấy được gọi là Bổn Nguyện. [↑](#footnote-ref-11)
11. [6] Nghi Lễ là sách ghi chép các thứ nghi lễ tại Trung Hoa thời Tiên Tần (trước khi Tần Thủy Hoàng gồm thâu lục quốc, thống nhất Trung Hoa), chủ yếu chép về nghi lễ của hàng sĩ đại phu. Không rõ nguyên thủy sách gồm bao nhiêu chương. Bản lưu hành hiện thời do Cao Đường Sanh tìm được và biên tập vào đời Hán gồm mười bảy thiên, bao gồm phần Quan Hôn, Triều Sính (giạm hỏi), Tang Tế v.v… Tương truyền sách này do Tử Hạ (môn nhân của Khổng Tử) biên soạn. Vào thời Hán, kinh Lễ trong Ngũ Kinh chính là sách Nghi Lễ, nhưng từ đời Đường trở đi, hễ nói tới kinh Lễ thì phải hiểu là sách Lễ Ký do Tiểu Đới (Đới Thánh) biên tập. Sách Nghi Lễ cùng với Lễ Ký và Châu Lễ hợp thành Tam Lễ trong Thập Tam Kinh của Nho Gia. Sách này được các đời chú giải khá nhiều, nhưng chỉ có các bộ Nghi Lễ Chú Sớ (do Trịnh Huyền viết vào thời Đông Hán), Nghi Lễ Sớ (do Giả Công Ngạn viết vào đời Đường) và Nghi Lễ Chiết Nghi (do Phương Bao soạn vào đời Thanh) là được sử dụng rộng rãi. [↑](#footnote-ref-12)
12. [1] Hiểu theo nghĩa thông thường, “chánh sự” là những việc liên quan đến việc cai trị, nhưng chánh sự ở đây được dùng theo nghĩa là những kỹ năng và kiến thức cần thiết mà Nho sĩ phải học để có thể làm quan hoặc ứng phó trong cuộc sống. [↑](#footnote-ref-13)
13. [2] Đây là một hiện tượng thường được gọi là Cosmic Inflation, hoặc Cosmological Inflation. Theo đó, các nhà khoa học nói vũ trụ tiếp tục phình to sau vụ nổ nguyên thủy (Big Bang) hình thành vũ trụ. Cho đến giai đoạn này, vũ trụ giãn nở gấp 10 lũy thừa 78 lần khối lượng ban đầu. Khái niệm này do nhà khoa học Alan Harvey Guth đề xướng vào năm 1980. [↑](#footnote-ref-14)
14. [3] Thước ở đây là dịch chữ Xích (尺). Một Xích nhỏ hơn một thước Tây (một mét) rất nhiều. Một Xích tính theo đơn vị ở Trung Hoa là 0,33 mét. Ở Hương Cảng, sử dụng một đơn vị khác cũng gọi là Xích, nhưng viết là “呎” (tức là một foot), chỉ có 0,03048 mét. Như vậy, nếu tính theo Xích của Trung Hoa Đại Lục, cái giường hai thước rưỡi rộng khoảng 0,825 mét, rất hẹp! [↑](#footnote-ref-15)
15. [4] Vị thiên vương này đứng đầu cõi Sắc Giới, và có nhiều danh hiệu như Mạc Ha Ca La, Ma Hê Thấp Phạt Niết, Y Tà Na Thiên, Thương Yết La Thiên, Y Xá Na Thiên, Ấn Độ giáo thường gọi ông ta là Thấp Bà (Śiva, Shiva), Vị đại hộ pháp Đại Hắc Thiên (Mahākāla) rất được Mật giáo Tây Tạng tôn trọng chính là một hóa thân của Ma Hê Thủ La Thiên. Đại Thừa Phật giáo nói Ma Hê Thủ La Thiên thường là Thập Địa Bồ Tát hóa thân, Mật Tông lại nói vị thiên vương này là hóa thân của Đại Nhật Như Lai. [↑](#footnote-ref-16)